THÍCH THANH TỪ

KINH VIÊN GIÁC

Giảng Giải



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

MỤC LỤC:

Lời Đầu Sách 4

Lược Khảo Lịch Sử Phiên dịch Kinh 5

1. Phiên dịch Phạn - Hán 5

2. Chú giải 5

3. Dịch Hán - Việt 6

GIẢNG ĐỀ KINH 7

CHƯƠNG I 9

BỒ-TÁT VĂN-THÙ-SƯ-LỢI THƯA HỎI 9

CHƯƠNG II 30

BỒ-TÁT PHỔ HIỀN THƯA HỎI 30

CHƯƠNG III 41

BỒ-TÁT PHỔ NHÃN THƯA HỎI 41

CHƯƠNG IV 64

BỒ-TÁT KIM CANG TẠNG THƯA HỎI 64

CHƯƠNG V 82

BỒ-TÁT DI-LẶC THƯA HỎI 82

CHƯƠNG VI 101

BỒ-TÁT THANH TỊNH TUỆ THƯA HỎI 101

CHƯƠNG VII 121

BỒ-TÁT OAI ĐỨC TỰ TẠI THƯA HỎI 121

CHƯƠNG VIII 134

BỒ-TÁT BIỆN ÂM THƯA HỎI 134

CHƯƠNG IX 149

BỒ-TÁT TỊNH CHƯ NGHIỆP CHƯỚNG THƯA HỎI 149

CHƯƠNG X 176
BỒ-TÁT PHỔ GIÁC THƯA HỎI 176
CHƯƠNG XI 196
BỒ-TÁT VIÊN GIÁC THƯA HỎI 196
CHƯƠNG XII 208
BỒ-TÁT HIỀN THIỆN THỦ THƯA HỎI 208
TOÁT YẾU TOÀN BỘ KINH 219

Lời Đầu Sách

Quyển kinh Viên Giác tôi giảng khá lâu rồi, nay được tăng ni chép lại trình lên tôi duyệt qua. Đọc lại quyển kinh Viên Giác, tôi thấy đây là con mắt của người tu Thiền. Người tu Thiền không đọc kỹ kinh Viên Giác khó thấy được cội gốc mê lầm. Cội gốc mê lầm không biết thì làm sao ngộ được tánh viên giác.

Hơn nữa kinh Viên Giác chỉ rõ cho chúng ta thấy nguồn cội luân hồi từ ái ngã, ái mạng, ái dục mà ra. Không phá được ái ngã, ái mạng, ái dục thì làm sao thoát khỏi sanh tử.

Người tu Thiền sở dĩ lạc vào đường tà là vì còn mong cầu được chứng, được đắc. Đã có chứng đắc là còn bản ngã, còn bản ngã thì còn sanh tử, cao thì được sanh các cõi trên, thấp thì sanh các cõi dưới. Cho đến còn kiến còn giác vẫn chưa đạt tánh viên giác Như Lai.

Thế nên người tu Thiền cần phải nghiền ngẫm kỹ quyển kinh Viên Giác. Thấu suốt kinh Viên Giác, người tu Thiền khỏi sợ lạc lầm. Đồng thời chúng ta tu được kết quả tròn đầy tánh viên giác.

Thiền viện Trúc Lâm

Cuối thu năm 2000

Kính ghi

THÍCH THANH TỪ

Lược Khảo Lịch Sử Phiên dịch Kinh

Kinh Viên Giác nói đủ là Đại Phương Quảng Viên Giác Tu-Đa-La Liễu Nghĩa. Tên kinh rất dài, nhưng gần đây chúng ta thường đọc gọn là Viên Giác. Kinh này nguyên văn chữ Phạn, khi truyền sang Trung Hoa được dịch ra chữ Hán.

1. Phiên dịch Phạn - Hán

- Ngài La-hầu-mặc-kiện dịch tại đạo tràng Bảo Vân ở Đàm Châu, đời Đường niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi mốt (647), nhằm ngày 15 tháng 7 năm Đinh Mùi. Thuyết này căn cứ theo Viên Giác Đại Sớ của ngài Khuê Phong.

- Ngài Phật-đà-đa-la (Buddhatrata) Trung Hoa dịch là Giác Cứu, người Kế-tân (Kasmira - Yết-thấp-nhĩ-la) Bắc Ấn, dịch tại chùa Bạch Mã ở Đông Đô, đời Đường niên hiệu Trường Thọ thứ hai (693). Bấy giờ Võ Tắc Thiên đổi nhà Đường thành nhà Chu.

Trong hai bản dịch thì bản dịch của ngài Phật-đà-đa-la được phổ biến, còn bản dịch của ngài La-hầu-mặc-kiện chỉ thấy ngài Khuê Phong nêu lên trong Viên Giác Đại Sớ, ít phổ biến.

2. Chú giải

Theo đại sư Thái Hư thì kinh Viên Giác được chú giải rất nhiều. Các tông phái ở Trung Hoa thời bấy giờ đều có chú giải, phần lớn là Thiền tông và Hoa Nghiêm tông.

Đời Đường có các ngài Duy Phát, ngài Đạo Tuyên, ngài Khuê Phong. Ngài Khuê Phong chú giải thành hai bản, một bản đề Lược Sớ, một bản đề Đại Sớ...

Đến đời Nam Tống có ngài Nguyên Túy làm Tập chú. Trong bản này gom hết lời chú giải của những nhà chú giải trước thành một tập.

Gần đây, đại sư Thái Hư giảng giải đề tựa là Viên Giác Lược Thích.

3. Dịch Hán - Việt

- Ngài Huyền Cơ dịch Kinh Viên Giác, xuất bản năm 1951.

- Hòa thượng Thích Thiện Hoa dịch đề tựa là Kinh Viên Giác (phiên dịch và lược giải) được in trong bộ Phật Học Phổ Thông, quyển 8, Hương Đạo xuất bản năm 1958.

- Hòa thượng Thích Trí Hữu dịch Kinh Viên Giác, tôi không nhớ năm xuất bản.

- Hòa thượng Thích Trung Quán dịch Kinh Viên Giác làm hai quyển, tôi không nhớ năm xuất bản.

- Cư sĩ Đoàn Trung Còn dịch Kinh Viên Giác.

Kinh Viên Giác đã được dịch ra tiếng Việt, lý đáng chúng ta học bản tiếng Việt. Nhưng vì tôi nhắm vào tăng ni, nên tôi giảng thẳng bản chữ Hán để quý vị dò theo cho quen cách dịch nghĩa, sau này đọc kinh chữ Hán cho dễ.

GIẢNG ĐỀ KINH

Về đề kinh, ở chương XII, Bồ-tát Hiền Thiện Thủ hỏi Phật tên kinh này. Phật trả lời đến năm tên:

1. Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-la-ni.

2. Tu-đa-la Liễu Nghĩa.

3. Bí Mật Vương Tam-muội.

4. Như Lai Quyết Định Cảnh Giới.

5. Như Lai Tàng Tự Tánh Sai Biệt.

Năm tên này được rút gọn lại là Đại Phương Quảng Viên Giác Tu-đa-la Liễu Nghĩa.

Đại Phương Quảng Viên Giác

Theo ngài Khuê Phong Tông Mật thì mỗi chúng sanh có Thể chân thật rộng lớn trùm khắp pháp giới, nên gọi là Đại. Thể chân thật ấy hay gìn giữ tất cả quy tắc và hay sanh khởi ra muôn pháp, nên gọi là Phương. Thể chân thật ấy có đầy đủ diệu dụng không thể nghĩ lường, nên gọi là Quảng.

Theo ngài Thái Hư thì Đại là chỉ cho cái thể tuyệt đối, vượt ngoài các pháp đối đãi; đại không có nghĩa là lớn đối với tiểu là nhỏ. Phương chỉ cho phương sở, thể tuyệt đối ấy rộng lớn không ngằn mé, vượt khỏi không gian và thời gian. Quảng là rộng lớn không thể nghĩ lường.

Đại phương quảng chỉ cho nghĩa của Viên giác. Viên là tròn, Giác là giác ngộ, giác ngộ một cách viên mãn gọi là Viên giác. Viên giác chỉ cho cảnh giới Phật. Kinh Phật giản trạch: phàm phu thì bất giác, ngoại đạo thì tà giác, Nhị thừa thì chánh giác, Bồ-tát thì phần giác, Phật thì viên giác. Chỉ có Phật mới giác ngộ viên mãn. Phàm phu vì bất giác nên không thấy được tánh Phật. Ngoại đạo thì tà giác, tuy biết nhưng biết lệch lạc sai lầm. Hàng Nhị thừa tuy được chánh giác nhưng giác chưa rộng lớn. Bồ-tát tuy thấy tánh Phật nhưng thấy

từng phần nên gọi là phần giác. Hành giả dụng tâm tu hành, công phu viên mãn, tánh Phật hiển hiện tròn đầy gọi là viên giác. Như vậy Đại Phương Quảng Viên Giác là tánh viên giác tròn đầy rộng lớn không ngằn mé, trùm khắp pháp giới, vượt ngoài không gian và thời gian, là nguồn gốc sanh ra muôn pháp, diệu dụng không thể nghĩ lường.

Tu-đa-la Liễu Nghĩa

Tu-đa-la (Sutra) nguyên là chữ Phạn, Trung Hoa dịch là Kinh. Phàm những lời Phật dạy được kết tập lại có hệ thống gọi là Kinh. Kinh có kinh liễu nghĩa và kinh bất liễu nghĩa. Trong kinh Đại Bảo Tích có những đoạn Phật nói với ngài Xá-lợi-phất:

- Nói những việc thế gian là bất liễu nghĩa, nói về thắng nghĩa là liễu nghĩa.

- Nói mà tạo nghiệp phiền não là bất liễu nghĩa, nói để nghiệp phiền não sạch là liễu nghĩa.

- Nói mà chán lìa sanh tử tìm cầu Niết-bàn là bất liễu nghĩa, nói sanh tử Niết-bàn không hai là liễu nghĩa.

- Nói về các thứ văn cú sai biệt là bất liễu nghĩa, nói pháp sâu xa khó thấy khó giác là liễu nghĩa.

Qua bốn đoạn Phật giản trạch về liễu nghĩa và bất liễu nghĩa, thì kinh Viên Giác thuộc về kinh liễu nghĩa, vì kinh Viên Giác nói tột lý cứu cánh không qua một phương tiện nào.

Về hình thức, kinh Viên Giác có chỗ gom thành một quyển, có chỗ chia ra hai quyển, gồm mười hai chương mục, mỗi chương có một vị Bồ-tát đại diện đứng ra thưa hỏi và được Phật trả lời hướng dẫn tu rất rõ ràng.

CHƯƠNG I

BỒ-TÁT VĂN-THÙ-SƯ-LỢI THƯA HỎI

Âm:

Như thị ngã văn: Nhất thời Bà-già-bà nhập ư Thần thông đại quang minh tạng tam-muội chánh thọ, nhất thiết Như Lai quang nghiêm trụ trì, thị chư chúng sanh thanh tịnh giác địa, thân tâm tịch diệt, bình đẳng bản tế, viên mãn thập phương, bất nhị tùy thuận, ư bất nhị cảnh, hiện chư tịnh độ.

Dịch:

Tôi nghe như vầy: Một hôm Thế Tôn nhập chánh định Thần thông đại quang minh tạng, là nơi an trụ quang nghiêm của tất cả Như Lai, cũng là giác địa thanh tịnh của chúng sanh, thân tâm đều lặng lẽ, bản tế bình đẳng, tròn đầy cả mười phương, tùy thuận không hai, ở cảnh giới không hai này mà hiện các cõi tịnh độ.

Giảng:

Đây là một điều lạ. Chúng ta thường thấy các kinh khác mở đầu bằng câu: *Tôi nghe như vầy, một hôm đức Phật ở tại vườn ông Cấp Cô Độc*... hay *tại tinh xá Trúc Lâm* v.v... là lời ngài A-nan trùng tuyên lại tạng kinh, nên nói *Tôi nghe* là chỉ cho ngài A-nan nghe. *Như vầy* là chỉ pháp Phật nói. Kế đó là đức Phật ở tinh xá nào, vườn cây nào, quốc độ nào v.v..., nêu lên nơi chốn hẳn hoi. Còn kinh này thì nói: *Một hôm đức Phật nhập chánh định Thần thông đại quang minh tạng*... Định ấy không riêng gì một đức Phật Thích-ca, mà tất cả chư Phật đều an trụ trong đó, và *cũng là giác địa thanh tịnh của tất cả chúng sanh.* Như vậy đoạn này muốn nêu lên cho chúng ta biết cảnh giới Viên giác của chư Phật, cảnh giới đó không phải do chư Phật tu rồi mới được, mà chính là do lọc luyện những cáu bợn phiền não rồi được hiển lộ tròn đầy. Ngay nơi phàm phu chúng sanh

cũng sẵn có cảnh giới đó, nhưng vì không biết lọc luyện nên cáu bợn che phủ chúng ta không thấy. Cảnh giới đó theo kinh luận có những tên khác nhau, chỗ gọi là Viên giác, chỗ gọi Căn bản trí.

Kinh này không nêu rõ nơi chốn của đức Phật thuyết pháp, mà chỉ nói đức Phật thuyết pháp ngay trong bản thể lặng lẽ thanh tịnh của tánh viên giác. Tánh viên giác bao trùm tất cả chúng sanh và chư Phật, chư Phật và chúng sanh đều an trụ trong đó và chính đức Phật cũng an trụ trong đó mà nói pháp. *Bất nhị tùy thuận* là tùy thuận không hai. Bởi vì không còn mắc kẹt bên này bên kia, là có là không, là sanh là diệt... nên gọi là bất nhị. Chính trong cảnh không hai đó là tịnh độ của tất cả cõi Phật chứ không có gì khác. Tánh viên giác là cảnh giới không hai và chính từ cảnh giới không hai đó mới tùy duyên hiện ra các cõi tịnh độ, tịnh độ đó là tịnh độ của tự tâm. Như vậy là đức Phật nói pháp trong chánh định Viên giác và người nghe pháp cũng ở trong định Viên giác. Vậy ai là thính chúng trong pháp hội này?

Âm:

Dữ đại Bồ-tát Ma-ha-tát thập vạn nhân câu, kỳ danh viết Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát, Phổ Nhãn Bồ-tát, Kim Cang Tạng Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát, Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát, Oai Đức Tự Tại Bồ-tát, Biện Âm Bồ-tát, Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát, Phổ Giác Bồ-tát, Viên Giác Bồ-tát, Hiền Thiện Thủ Bồ-tát đẳng, nhi vi thượng thủ dữ chư quyến thuộc giai nhập tam-muội đồng trụ Như Lai bình đẳng pháp hội.

Dịch:

Cùng mười muôn vị Bồ-tát lớn câu hội, tên là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Phổ Nhãn, Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ, Bồ-tát Oai Đức Tự Tại, Bồ-tát Biện Âm, Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng, Bồ-tát Phổ Giác, Bồ-tát Viên Giác, Bồ-tát Hiền Thiện Thủ v.v...

làm thượng thủ, cùng với quyến thuộc đều nhập chánh định, đồng trụ trong pháp hội bình đẳng Như Lai.

Giảng:

Phật nói pháp ở trong chánh định Viên giác, chư Bồ-tát đến nghe pháp cũng ở trong chánh định Viên giác và cùng ở trong pháp hội bình đẳng của Như Lai. Đức Phật nhập chánh định làm sao nói pháp? Chư Bồ-tát nhập định làm sao nghe pháp? Thí dụ bây giờ tôi và quý vị ngồi định có nói pháp và nghe pháp được không? Mải lo thiền định, làm sao nói làm sao nghe? Vậy Phật nói pháp và Bồ-tát nghe pháp trong kinh này khác với chúng ta nói pháp và nghe pháp như thế nào? Chỗ này nếu không giản trạch thì quý vị sẽ nghi ngờ: Tại sao Phật và Bồ-tát ở trong định mà nói pháp và nghe pháp? Định này không giống như chúng ta ngồi thiền chăm chăm nhìn xuống, chú tâm vào một đề mục để cho tâm an trụ không tán loạn. Định này là định tự tại do nhập được thể tánh thanh tịnh của chính mình; mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, vẫn tiếp xúc với người với cảnh, mà tâm không chạy theo người và cảnh, được gọi là định của tự tánh, định ở trong động, chứ không phải định thân ngồi im lìm. Đối với Bồ-tát, nhất là với tinh thần thiền tông, Như Lai bất cứ đi đứng nằm ngồi nói nín, lúc nào cũng sống trong thanh tịnh pháp thân, tức là sống trong chánh định bất sanh bất diệt và tùy duyên ứng dụng. Chứ không phải đợi ngồi mới định mà đi không định, nếu đi mà không định thì không phải là Phật. Vì vậy mà nói đức Phật nhập định nói pháp, Bồ-tát nhập định nghe pháp hỏi đạo. Định này không khác định của Lục Tổ trong kinh Pháp Bảo Đàn: *Ngoài không dính mắc với cảnh gọi đó là thiền, trong không loạn gọi đó là định*. Định này cũng gọi là Tự tánh viên giác, an trụ trong đó thì gọi là thiền định, nên ở đây nói Phật nhập định nói pháp, chư Bồ-tát nhập định nghe pháp. Do an trụ trong tâm thể bình đẳng thanh tịnh bất động nên văn kinh nói *đồng trụ trong pháp hội bình đẳng Như Lai.*

Đoạn này là phần chúng thành tựu, cũng khác hơn kinh khác, Phật nói với những vị Bồ-tát không có lịch sử. Những vị Bồ-tát này

căn cơ thuần thục, chứng tỏ kinh này là Đại thừa đốn giáo chỉ thẳng tâm tánh của chúng sanh tức là Phật.

Đó là tổng quát phần tựa của quyển kinh.

Âm:

Ư thị Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, nguyện vị thử hội chư lai pháp chúng, thuyết ư Như Lai bản khởi thanh tịnh nhân địa pháp hạnh, cập thuyết Bồ-tát ư Đại thừa trung phát thanh tịnh tâm, viễn ly chư bệnh, năng sử vị lai mạt thế chúng sanh cầu Đại thừa giả, bất đọa tà kiến.

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Khi ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay mà bạch Phật rằng:

- Đấng Thế Tôn đại bi, xin vì chúng đến nghe pháp trong hội này, mà nói về nhân địa pháp hạnh bản khởi thanh tịnh của Như Lai và Bồ-tát đối với Đại thừa phát tâm thanh tịnh, làm sao xa lìa các bệnh, hay khiến cho chúng sanh đời sau, người cầu Đại thừa chẳng rơi vào tà kiến?

Thưa lời đây rồi, năm vóc gieo sát đất, thưa thỉnh như vậy lặp lại ba lần.

Giảng:

Chúng ta nên biết những vị Bồ-tát trong hội này hầu hết là những vị Bồ-tát không có lịch sử ở cõi này. Đầu tiên, Bồ-tát Văn-

thù-sư-lợi đứng ra thưa hỏi. Văn-thù-sư-lợi (Manjusri) là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Diệu Kiết Tường. Văn-thù tượng trưng cho căn bản trí. Kinh này nêu căn bản trí làm tiêu chuẩn. Ngài hỏi *nhân địa tu hành thanh tịnh của Như Lai*, nghĩa là hỏi chỗ phát ra nguyên nhân để tiến tu được thanh tịnh của Như Lai thế nào? Nói cho dễ hiểu, đức Phật do tu tập nhân gì mà thân tâm được thanh tịnh, trí tuệ viên mãn? Xin Phật dạy cho các ngài và cho các vị Bồ-tát ở trong Đại thừa khi *phát tâm thanh tịnh, làm sao xa lìa được các bệnh, giúp cho chúng sanh đời sau, người cầu Đại thừa không rơi vào tà kiến*?

Chúng ta thấy Bồ-tát Văn-thù nêu lên hai câu hỏi hết sức quan trọng cho sự tu hành của chúng ta. Câu đầu hỏi cách tu để thành Phật, câu kế hỏi cách trừ bệnh để khỏi bị chướng trên đường tu. Đó là hai điều căn bản chúng ta phải học. Nếu chúng ta tu mà không hiểu rõ hai điểm đó thì trên đường tu dễ bị thối thất. Một là chúng ta không biết đức Phật tu như thế nào mà ngài được thành Phật, thì chúng ta làm sao nương theo để tu? Hai là trong khi tu, nếu chúng ta gặp những chướng ngại, làm sao vượt qua để tiến? Hai điều đó, nếu chúng ta không thông thì trên đường tu sẽ bị chướng ngại vô cùng. Ngài Văn-thù muốn khai thác nguyên nhân đó để chúng ta nắm vững cốt yếu của sự tu hành, nên ngài đảnh lễ Phật thưa hỏi. Đó là vì lòng từ bi của Bồ-tát muốn cho chúng sanh sau này được lợi ích nên ngài tha thiết đảnh lễ Phật, thưa thỉnh trước sau ba lần, Phật mới hứa khả trả lời.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, như đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát ti tuần Như Lai nhân địa pháp hạnh, cập vị mạt thế nhất thiết chúng sanh cầu Đại thừa giả, đắc chánh trụ trì bất đọa tà kiến, như kim đế thính, đương vị như thuyết.

Thời Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

- Thiện nam tử, Vô thượng Pháp vương hữu đại đà-la-ni môn, danh vi Viên giác lưu xuất nhất thiết thanh tịnh chân như Bồ-đề Niết-bàn cập ba-la-mật giáo thọ Bồ-tát, nhất thiết Như Lai bản khởi nhân địa, giai y viên chiếu thanh tịnh giác tướng, vĩnh đoạn vô minh phương thành Phật đạo.

Dịch:

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, ông hay vì các vị Bồ-tát mà thưa hỏi nhân địa pháp hạnh của Như Lai, và vì tất cả chúng sanh đời sau, những người cầu Đại thừa an trụ trong chánh kiến, không rơi vào tà kiến. Ông nay lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vui vẻ vâng lời dạy và đại chúng yên lặng lắng nghe.

- Này thiện nam, Vô thượng Pháp vương có môn đại đà-la-ni tên là Viên giác, lưu xuất tất cả pháp thanh tịnh: chân như, Bồ-đề, Niết-bàn và ba-la-mật, (nay ta) dạy trao cho các Bồ-tát, nhân địa tu hành của tất cả chư Phật đều y nơi tướng giác thanh tịnh viên chiếu, hằng đoạn vô minh mới thành Phật đạo.

Giảng:

Bồ-tát Văn-thù nêu lên hai câu hỏi quan trọng trong việc tu hành để đưa đến quả Phật nên được Phật khen ngợi.

Vô thượng Pháp vương là chỉ cho Phật. Vì đối với bệnh khổ của chúng sanh, ngài dùng nhiều phương tiện nói pháp khiến cho chúng sanh hết bệnh mê lầm, dứt khổ, nên ví ngài là một vị vua pháp cao tột không ai bằng. Đà-la-ni (Dharani) là chữ Phạn, Trung Hoa dịch là tổng trì, tổng trì là gồm hết tất cả. Phật nói ở đây là pháp môn gồm hết tất cả pháp môn, tên là viên giác. Viên là tròn, giác là sáng,

là biết. Từ tánh viên giác đó lưu xuất ra tất cả pháp thanh tịnh chân như, Bồ-đề, Niết-bàn và ba-la-mật để giáo hóa Bồ-tát. Như vậy, những danh từ mà chúng ta thường được nghe như chân như, Bồ-đề, Niết-bàn v.v... đều từ tánh viên giác lưu xuất. Vì vậy, tánh viên giác là tổng trì, bởi nó bao gồm hết thảy, nên nói là bản khởi nhân địa của tất cả chư Phật. Tất cả chư Phật đều y theo tánh viên giác để đoạn trừ vô minh và thành Phật đạo.

Qua câu trả lời tổng quát của đức Phật, chúng ta tìm được ý gì trong lời đáp này? Đức Phật nói: Tất cả chư Phật đều y nơi tướng giác thanh tịnh hằng chiếu soi để phá trừ vô minh mà được thành Phật. Quý vị thấy nói có khác với Tổ không? Các tổ cũng nói: Chúng ta y nơi Phật tánh hay y nơi tánh thanh tịnh sẵn có của chính mình để khởi tu thì sẽ được thành Phật.

Như vậy, điểm y cứ ở đây đức Phật dạy là phải nhận ra được bản tánh viên giác của mình. Nhận ra rồi lấy đó làm trụ xứ căn cứ của mình, nương đó mà khởi dụng chiếu soi, dụng chiếu soi đó sẽ phá dẹp vô minh.

Đức Phật nói tánh viên giác, tại sao ngài không giảng tánh viên giác trước, lại giản trạch vô minh? Vì khi nói đến tánh viên giác mà không nói đến vô minh thì người đời không hiểu. Do vô minh làm mờ tánh giác, nếu muốn tánh giác hiển hiện viên mãn thì trước phải đoạn trừ vô minh. Vì vậy phải hiểu rõ thế nào là vô minh mới phá trừ được. Khi dẹp được vô minh rồi thì tánh giác hiện tiền.

Âm:

Vân hà vô minh? Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh tùng vô thủy lai, chủng chủng điên đảo, do như mê nhân, tứ phương dịch xứ, vọng nhận tứ đại vi tự thân tướng, lục trần duyên ảnh vi tự tâm tướng. Thí bỉ bệnh mục kiến không trung hoa, cập đệ nhị nguyệt.

Dịch:

Thế nào là vô minh? Này thiện nam! Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, bị các thứ điên đảo (làm mờ tánh viên giác) như người mê lầm lộn bốn phương, vọng nhận tướng tứ đại là thân mình, chấp cái duyên theo bóng dáng sáu trần là tâm mình. Ví như (người) nhặm mắt thấy hoa đốm trong hư không và mặt trăng thứ hai.

Giảng:

Phật nói, vô minh là tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay bị các thứ điên đảo làm mờ tánh viên giác. Điên đảo là sao? Điên đảo là cái thấy lộn ngược. Như thế gian, ai mà chuyện không nói có, chuyện có nói không là nói lộn ngược, nghĩa là cái thật thế này mà mình bảo là thế kia. Chúng ta bây giờ đang ở trong cái thấy điên đảo nên thấy giả cho là thật. Muốn rõ hơn, Phật đưa ra thí dụ như người mê lầm lộn bốn phương dời chỗ. Bốn phương dời chỗ là sao? Tôi xin đưa ra một thí dụ: Có một người đi vào rừng bị lạc lối, muốn về nhà nhưng quên hướng. Nhà ở phương nam mà đi lầm về phương bắc, vì tưởng phương bắc là phương nam. Khi ấy họ cứ nhắm phương bắc mà đi thì chừng bao lâu tới nhà? Chắc chắn là càng đi càng xa nhà. Nếu lầm phương bắc là phương nam thì phương đông phương tây họ cũng lầm luôn. Vì vậy nên đức Phật nói, lầm một cái là tất cả những cái khác đều lầm. Trong vũ trụ này muôn ngàn hiện tượng, chỉ lầm một vài hiện tượng thì muôn ngàn hiện tượng đều lầm. Chúng ta lầm cái gì đây? Phật dạy: Một là *nhận lầm tướng tứ đại làm thân mình*. Cái thân này do đất nước gió lửa hợp lại, chúng ta tự nhận tướng đó làm thân mình thật, đó là vô minh. Ở đây có ai thấy mình đã hết vô minh? Vì chúng ta thấy thân này thật nên chúng ta sống trong vô minh mà không biết. Hai là *nhận lầm cái duyên theo bóng dáng sau trần làm tâm mình.* Như vậy thân và tâm đã lầm thì tất cả đều lầm hết. Cũng như Phật nói một phương lầm thì các phương khác đều lầm luôn.

Quý vị xét kỹ xem mình có nhận cái duyên theo bóng dáng sáu trần là tâm mình không? Ai cũng nói tôi nghĩ thế này, tôi nghĩ thế nọ. Vậy cái gì là tâm của quý vị? Hầu hết đều trả lời cái hay suy nghĩ

là tâm tôi. Tất cả cái suy nghĩ phải quấy, dại khôn, hơn thua... là tâm tôi. Quý vị có biết tại sao mình có suy nghĩ không? Nếu từ trước quý vị chưa từng thấy con sư tử, quý vị có suy nghĩ được không? Không biết hình dáng nó như thế nào, làm sao mà suy nghĩ? Nhưng giả sử chúng ta thấy nó rồi thì chúng ta nghĩ về con sư tử được. Như vậy, sau khi thấy và nghe, chúng ta mới có cái suy nghĩ. Nghĩ về sắc là do mắt tiếp xúc với sắc trần, sau khi tiếp xúc, bóng dáng của sắc trần rơi vào tâm thức của chúng ta, một lúc nào đó nó dấy lên, ý thức chúng ta duyên theo bóng ấy mà suy nghĩ. Tai nghe âm thanh, bóng dáng êm dịu hay chát chúa của âm thanh rơi vào tâm thức của chúng ta, lúc nào đó nó dấy lên, ý thức duyên theo bóng ấy mà có suy nghĩ. Bóng dáng của hương, vị, xúc cũng như thế. Như vậy, tất cả suy nghĩ của chúng ta đều suy nghĩ theo bóng của sáu trần rơi vào tâm thức, và khi nó dấy lên chúng ta nương theo đó mà phân biệt cho là tâm mình. Cái duyên theo bóng dáng sáu trần mà cho là tâm mình, không phải điên đảo là gì? Bốn đại giả hợp mà cho là thân mình, cái duyên theo bóng dáng sáu trần mà cho là tâm mình! Không phải mình mà cho là mình, thật quá mê muội, thật đáng thương xót!

Tất cả chúng ta đang sống trong vô minh và đang bị vô minh che phủ, tu không thành Phật là tại chỗ đó. Chấp nhận vô minh là mình thì làm sao thành Phật được! Vì Phật là giác là sáng, cho nên muốn thành Phật thì điều kiện tiên quyết là phải dẹp sạch vô minh. Chúng ta biết được vô minh rồi thì mới có thể phá dẹp nó và mới mong tu thành Phật được.

Đức Phật đưa ra thêm một thí dụ nữa cho chúng ta rõ hơn: *Ví như người nhặm mắt thấy hoa đốm trong hư không và mặt trăng thứ hai.* Khi mắt chúng ta lành mạnh, nhìn hư không không thấy có hoa đốm; nhưng khi mắt nhặm, chúng ta nhìn bầu trời trưa nắng thấy hoa đốm lăng xăng đầy cả hư không, hoặc ban đêm chúng ta nhìn lên bầu trời thấy có hai mặt trăng. Như vậy, chúng ta thấy lầm có hoa đốm, có mặt trăng thứ hai là do mắt nhặm, chứ hư không đâu có hoa đốm và mặt trăng thứ hai! Cũng như thế, thân tứ đại này

không thật mà chúng ta nhận lầm là thật, cái duyên theo bóng dáng sáu trần không thật mà nhận lầm là tâm mình thật. Chúng ta lầm nhận thân tâm rồi thì tất cả những cái khác theo đó mà lầm. Sở dĩ chúng ta nhận lầm là do vô minh mà ra, nếu hết vô minh thì không còn nhận lầm nữa.

Âm:

Thiện nam tử, không thật vô hoa, bệnh giả vọng chấp, do vọng chấp cố, phi duy hoặc thử hư không tự tánh, diệc phục mê bỉ thật hoa sanh xứ, do thử vọng hữu luân chuyển sanh tử, cố danh vô minh.

Dịch:

Này thiện nam, hư không thật không có hoa đốm, vì người bệnh vọng chấp, do vọng chấp nên chẳng những lầm tự tánh của hư không mà cũng lầm luôn chỗ sanh ra hoa đốm là thật. Do vọng chấp này mà có luân chuyển sanh tử nên gọi là vô minh.

Giảng:

Đoạn trên đức Phật đưa ra thí dụ hoa đốm trong hư không và mặt trăng thứ hai để chỉ rõ vì vô minh mà chúng ta lầm chấp thân chấp tâm là ngã. Giờ đây ngài lại đưa ra một thí dụ nữa để chỉ cho chúng ta thấy, nếu lầm chấp thân tâm thì chúng ta cũng lầm chấp luôn tất cả. Thí dụ hoa đốm được nhắc tới nhắc lui để chúng ta thấy rõ hoa đốm không thật do mắt bệnh mà thấy. Như vậy khi thấy hoa đốm nên nghĩ thế nào? Muốn trừ hoa đốm phải làm sao? Muốn trừ hoa đốm không nên dẹp hư không, cũng không phải tìm bắt từng cái hoa đốm cho hết, mà chỉ lo trị con mắt cho lành. Con mắt bệnh thí dụ cho cái gì? Chỉ cho cái vọng chấp thân tâm là thật. Bởi vọng chấp thân tâm là thật cho nên thấy tất cả pháp thế gian là thật, mà tất cả pháp thế gian đều như hoa đốm ở trong hư không. Khi vọng nhận thân tâm là thật rồi thì đối với tánh chân như đã quên. Cho nên ở

đây nói chúng ta đã lầm tánh hư không, lại còn cho rằng hoa đốm có thật sanh có thật diệt, vì thật sanh thật diệt cho nên thật có chỗ sanh. Cái không có lại tưởng là có, còn cái có lại quên mất. Một khi lầm chấp thân tâm là thật thì tất cả pháp chúng ta đều thấy là thật. Đó là gốc của vô minh, gốc của luân hồi sanh tử. Khi thân tâm này không còn nhận lầm nữa thì tất cả pháp thế gian cũng không còn nhận lầm. Ngài nói: *Hư không thật không có hoa đốm, vì người bệnh vọng chấp, vọng chấp nên chẳng những lầm tự tánh của hư không mà cũng lầm luôn chỗ sanh ra hoa đốm là thật.* Vừa nhận lầm có hoa đốm trong hư không, cũng nhận lầm có chỗ sanh ra hoa đốm là thật. Hoa đốm là dụ cho thân, chỗ sanh ra hoa đốm là dụ cho cảnh. Nhận lầm thân thật rồi lại nhận lầm cảnh thật là do vô minh, vì vậy mà luân chuyển trong sanh tử. Do lầm chấp thân thật nên khi mất thân này vội tìm thân khác, nếu biết nó là giả thì khi mất đâu có nuối tiếc gì. Ngày xưa, các thiền sư thấy mệt mỏi liền từ giã mọi người, an nhiên ngồi kiết-già thị tịch, không chút nuối tiếc sợ hãi. Chúng ta bây giờ thấy thân thật, nên khi đau nuốt nước không trôi mà nghe nói chết là sợ hãi. Còn niệm tham sanh úy tử, làm sao mà không lưu chuyển trong luân hồi! Cho nên lối tu của nhà Phật là lối tu trở lại mình, xoay lại mình. Ngay nơi con người chúng ta mà tìm sự thật thì tất cả sự thật chung quanh đều hiện, nghĩa là trong bốn hướng không lầm một hướng thì các hướng khác cũng không lầm. Ngay nơi mình khám phá ra thân không thật, khám phá ra vọng tưởng không thật, chừng đó tất cả cái khác cũng đều thấy rõ nó không thật. Được vậy là dẹp được vô minh thì cái chân thật đầy khắp, đó là tánh viên giác tròn đầy. Vô minh và chỗ y cứ khởi tu đã biết rõ thì sự tu sẽ dễ dàng.

Âm:

Thiện nam tử, thử vô minh giả, phi thật hữu thể, như mộng trung nhân, mộng thời phi vô, cập chí ư tỉnh, liễu vô sở đắc. Như chúng không hoa diệc ư hư không, bất khả thuyết ngôn hữu định diệt xứ. Hà dĩ cố? Vô sanh xứ cố. Nhất thiết

chúng sanh ư vô sanh trung, vọng kiến sanh diệt thị cố thuyết danh luân chuyển sanh tử.

Dịch:

Này thiện nam, cái vô minh này không có thật thể. Như người trong mộng, khi mộng chẳng phải không có (cảnh vật), và đến khi thức dậy rõ ràng (cảnh vật) chẳng có. Như hoa đốm diệt trong hư không, không thể nói có chỗ diệt cố định. Vì cớ sao? Vì không có chỗ sanh. Tất cả chúng sanh ở trong vô sanh mà vọng thấy có sanh diệt, nên nói luân chuyển sanh tử.

Giảng:

Đoạn này đức Phật dạy thêm cho rõ, vì nghe nói vô minh chúng ta lại lầm chấp vô minh là thật, nên Phật liền chỉ vô minh không phải thật. Đức Phật nói vô minh không có cái thể cố định, nếu có thể cố định thì chúng ta dẹp nó không được. Ví như người ở trong mộng, khi mộng thì không phải không có cảnh vật, nhưng đến khi tỉnh thì cảnh vật rõ ràng không có; hoa đốm diệt trong hư không, không thể nói quyết định có chỗ diệt. Mắt bệnh nên thấy có hoa đốm. Khi mắt hết bệnh thì hoa đốm không có, nên nói hoa đốm đâu có thật sanh mà nói có chỗ thật diệt. Cũng như thế vô minh không có thật thể, nếu có thật thể thì không ai phá nổi. Vì nó không thật nên đức Phật ví như người ngủ mê mộng thấy cảnh thấy người đủ thứ... khi thức giấc thì cảnh người không còn nữa. Cũng vậy khi chúng ta mê thì thấy thân thật tâm thật, rồi lầm chấp tạo ra đủ thứ nghiệp, nhưng khi giác thì thấy thân giả tâm giả. Mê và giác cách nhau không xa. Vô minh là gốc của luân hồi mà gốc luân hồi lại không thật thì sự luân hồi đó có thật hay không? Nếu không thật tại sao chúng ta đang luân hồi? Đang luân hồi mà nói không có thật, làm sao tin được điều đó; ai biết cho, mình như mộng huyễn? Ở đây chúng ta xác nhận rõ ràng điểm này để tu. Đức Phật đã chỉ cho chúng ta biết, ai cũng có tánh viên giác. Nơi đức Phật đã đoạn hết vô minh nên tánh viên giác

toàn vẹn gọi là thành Phật, còn nơi chúng ta vì chưa đoạn vô minh nên là phàm phu. Phàm phu thì bị vô minh chủ động kéo vào vòng luân hồi. Làm sao biết được luân hồi là không thật? Chỉ cần biết mình đang sống đây là mộng thì luân hồi không thật. Khi mê thì vô minh là chủ, sanh tử là bạn. Vô minh là gốc, sanh tử là thân cây, vui buồn phiền não như cành lá. Gốc đã không thật thì thân không thật, cành lá cũng không thật. Như vậy buồn vui thương ghét không thật, nhưng có ai chịu nó không thật đâu. Cứ chìm trong vô minh không có ngày ra.

Hiểu cho thấu đáo mới thấy lời Phật đưa chúng ta tới chỗ giác ngộ hoàn toàn. Vì mình không giác ngộ được nên thấy lời Phật khó hiểu. Tu của đạo Phật là chuyển mê thành giác, mê và giác chỉ là thay đổi cái nhìn. Chỉ cần nhận định theo trí tuệ Bát-nhã thì tất cả hành động đều là tu, còn nhận định theo vọng tưởng mê lầm thì tất cả hành động đều mê lầm hết.

Đọc Viên Giác tôi thấy định nghĩa vô minh là rõ ràng nhất. Nơi thân tứ đại chấp đó là thân tướng của mình, nơi tâm duyên theo bóng dáng sáu trần chấp là tâm tướng của mình, đó là vô minh. Đơn giản vô cùng! Đức Phật đã chỉ tường tận rồi, nếu chúng ta nhận được thì không còn lầm nữa. Trong tánh viên giác mình không muốn trở về cũng là trở về, còn không rõ vô minh mà muốn trở về Viên giác thì cũng khó mà trở về.

Tất cả chúng sanh ở trong vô sanh mà vọng thấy có sanh diệt, nên luân chuyển sanh tử. Chúng sanh đang ở trong vô sanh, lại thấy có sanh tử là tại sao? Vì tánh giác không sanh không tử mà chúng sanh không nhận ra, lại nhận thân này tâm này là thật, bị nó dẫn đi trong sanh tử luân hồi, nên nói: nguyên là vô sanh, vì lầm nên bị lưu chuyển. Lưu chuyển hay không là do chúng sanh vì chúng sanh là chủ động.

Âm:

Thiện nam tử, Như Lai nhân địa tu Viên giác giả, tri thị không hoa, tức vô luân chuyển diệc vô thân tâm thọ bỉ sanh tử, phi tác cố vô, bản tánh vô cố.

Dịch:

Này thiện nam, người tu nhân địa Viên giác Như Lai, biết hoa đốm trong hư không (không thật) liền dứt luân hồi và cũng không có thân tâm chịu sanh tử. Chẳng phải làm cho nó thành không mà bản tánh nó vốn không.

Giảng:

Tiếp theo, đức Phật giải cho chúng ta thấy rõ khi tu về nhân địa Viên giác là biết các pháp đều hư huyễn, như hoa đốm trong hư không rõ ràng không thật, thì không còn sanh tử luân hồi. Quý vị hiểu rõ chỗ này rồi thì sẽ thấy cái thâm trầm của sự tu. Có nhiều người nói rằng: "Làm sao thấy thân này không cho được? Thân chúng ta đang đi, đứng, ăn, nói, hoạt động mà nói là không, thì làm sao tin và coi đó như là hoa đốm được?" Chúng ta hãy dùng trí tuệ chiếu soi cho thật kỹ thì sẽ thấy thân này không thật. Vì nó vay mượn tứ đại ngoài để bồi bổ cho tứ đại trong, trong ngoài phù trợ nhau mà tồn tại, nếu giờ phút nào đó tứ đại ngoài không bồi bổ cho tứ đại trong thì thân tan rã. Như vậy, thân do tứ đại bồi bổ mới tồn tại thì làm sao nói là thật được? Thí dụ một đại là nước, bây giờ chúng ta khát nước, ai cho một bát nước trà nóng vừa thổi vừa uống vô, một hồi lâu mồ hôi xuất ra, vậy mồ hôi đó từ đâu mà ra? Có phải từ bát nước trà vừa uống vô không? Tại sao khi nãy nó là nước trà, bây giờ lại nói nó là mồ hôi của tôi? Vậy tôi là nước trà phải không? Nếu tôi là nước trà, sao khi nãy nó ở ngoài, không gọi nó là tôi? Ba đại kia cũng vậy. Khi bốn đại ngoài phụ vào bốn đại trong thân, nếu quân bình thì nói tôi mạnh khỏe, khi mất quân bình thì nói tôi bệnh, bệnh đó chẳng qua là do tứ đại mất quân bình. Phân tích để chúng ta thấy rõ tứ đại không phải là tôi, mà chúng ta cứ lầm chấp nó rồi bám cứng vào đó,

ai chạm tới khối tứ đại này là chịu không nổi. Do chúng ta quá quan trọng nó, nên vì nó mà tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử.

Về tâm cũng vậy, tâm là cái duyên theo bóng dáng sáu trần mà cứ chấp cho là thật, nên tôi nghĩ tôi nói ra mà ai cãi lại là tôi nổi sân! Vì sao? Vì ý nghĩ của tôi là chân lý. Nhưng xét kỹ, cái suy nghĩ đó chẳng phải của tôi có từ lúc mới lọt lòng mẹ, mà chỉ do huân tập theo thói quen. Như vậy làm sao nói nó là thật được? Bởi chấp tâm là thật nên tất cả những cái tôi huân tập được tôi đều cho là đúng, còn thấy ai nói khác làm khác với sự huân tập của tôi thì cho là sai. Thí dụ như ăn chay, khi thấy người khác tu ăn mặn liền sanh tâm bực bội, trách tại sao tu mà ăn mặn? Lại cũng có người tu ăn mặn thấy người khác ăn chay liền thắc mắc tại sao tu phải ăn chay, ăn mặn có lỗi gì? Do sự huân tập của hai bên khác nhau và đều cho cái mình huân tập là đúng nên không ai chấp nhận ai, bởi không chấp nhận nhau cho nên gặp nhau không vui.

Tóm lại, chấp thân chấp tâm là thật ngã chính là căn bệnh trầm kha khiến cho người đau khổ, nếu chúng ta cứ ôm kiến chấp đó tu thì ngàn đời cũng không giải thoát được. Như vậy, bước đầu tiên của người tu hành là phá vô minh, có phá được vô minh mới mong giải thoát được sanh tử. Có người nói: "Tôi ăn hiền ở lành, làm tròn bổn phận trong xã hội cần gì phải tu!" Câu nói đó đúng chưa? Nói tu để đời sau được sanh làm thân người có nhiều phước báo thì câu nói đó đúng. Muốn tu để giải thoát sanh tử thì tu như vậy chưa đủ. Tôi xin lặp lại, muốn giải thoát sanh tử thì phải phá cho được gốc vô minh. Trong mười hai nhân duyên, vô minh đứng đầu. Nếu vô minh diệt thì hành diệt v.v...

Đức Phật lại nói: *Cũng không có thân tâm chịu sanh tử.* Vì thân tâm con người là giả dối không thật nên Phật nói không có thân tâm con người chịu sanh tử. Chẳng phải do chúng ta phá hoại làm cho nó thành không, mà biết rõ bản tánh nó vốn là không. Vì sao vậy? Vì ngay trong cái thân sanh tử chúng ta thấy nó là hư giả do duyên hợp huyễn có, tự tánh nó là không, sanh là huyễn sanh nên nói chưa từng

sanh, tử là huyễn tử nên nói chưa từng tử, thế nên đâu có thân tâm để chịu sanh tử.

Âm:

Bỉ tri giác giả, do như hư không, tri hư không giả, tức không hoa tướng, diệc bất khả thuyết vô tri giác tánh, hữu vô câu khiển, thị tắc danh vi tịnh giác tùy thuận. Hà dĩ cố? Hư không tánh cố, thường bất động cố, Như Lai tạng trung vô khởi diệt cố, vô tri kiến cố, như pháp giới tánh, cứu cánh viên mãn biến thập phương cố. Thị tắc danh vi nhân địa pháp hạnh, Bồ-tát nhân thử, ư Đại thừa trung, phát thanh tịnh tâm, mạt thế chúng sanh y thử tu hành bất đọa tà kiến.

Dịch:

Cái tri giác kia ví như hư không, biết hư không tức là (biết) tướng hoa đốm cũng không, và không thể nói không có tánh tri giác. Có, không đều dẹp gọi là tùy thuận tánh viên giác thanh tịnh. Vì cớ sao? Vì tánh hư không thường bất động, trong Như Lai tàng không khởi diệt vì không có tri kiến, như pháp giới tánh cứu cánh viên mãn khắp cả mười phương. Đây gọi là nhân địa tu hành (của Như Lai), Bồ-tát cũng nhân đây mà phát tâm thanh tịnh tu theo Đại thừa, chúng sanh đời sau y đây mà tu hành thì chẳng rơi vào tà kiến.

Giảng:

Đức Phật dụ *tri giác như hư không*, biết được hư không tức là biết tướng hoa đốm vốn không và cũng không thể nói không có tri giác. Nghĩa là tri giác hay tánh viên giác dụ cho hư không, còn hoa đốm dụ cho vô minh. Khi hoa đốm hết ở trong hư không mà hư không thì không diệt, nên nói tri giác như hư không. *Biết* được hoa đốm tướng nó vốn không, không thể nói là không có tri giác. Chúng ta biết tất cả hoa đốm sanh diệt lăng xăng trong hư không là không thật, còn hư không thì không diệt. Có hoa đốm là do mắt nhặm thấy

nên nó là hư giả. Khi hoa đốm hết, hư không vẫn nguyên vẹn. Cũng thế, dùng trí biết được thân tứ đại này và vọng tưởng này là hư giả, khi cái giả đó mất rồi thì cái *Biết* giả đó không mất, nên đây nói: Không thể nói tánh tri giác là không.

Nói có nói không là hai bên, *có không đều dẹp gọi là tùy thuận tánh viên giác*. Chúng ta thấy Phật và Tổ nói không khác. Tổ nói nhập được tự tánh thanh tịnh của mình thì không kẹt hai bên. Vì sao? Vì tánh giác là bất động. Hư không dụ cho tánh giác, hoa đốm dụ cho vô minh, hoa đốm hết, hư không vẫn còn. Cũng vậy, khi vô minh hết, tánh giác không mất nên nói tánh hư không thường không động, đâu từng sanh đâu từng diệt. Cũng thế, trong Như Lai tàng không khởi diệt, vì chúng ta mê nên thấy nó khởi diệt; Như Lai tàng đó như pháp giới tánh rốt ráo tròn đầy khắp cả mười phương.

Tóm lại, đức Phật muốn cho chúng ta thấy rõ, khi biết thân tứ đại là giả, biết tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là giả, không còn kẹt trong hai cái đó là tùy thuận tánh giác. Nghĩa là khi niệm chấp cái giả mất rồi thì tánh giác hiện tiền, giống như khi hoa đốm trong hư không mất rồi thì hư không vẫn bất động. Cũng vậy, tánh giác của chúng ta khi không còn bị vô minh che phủ thì hiển lộ và trùm khắp mười phương. Nhiều người lầm cho rằng Phật nói thân này là giả, vọng tưởng là giả, buông hết rồi thì còn cái gì? Chúng ta buông được hai cái giả đó thì cái chân thật hiển bày. Đó là nhân địa của Phật tu, chư Bồ-tát và chúng sanh đời sau cũng phải tu như vậy mới khỏi rơi vào các bệnh.

Đó là gốc của sự tu hành, nếu chúng ta không y gốc để tu và chặt đứt cội rễ vô minh đã ăn sâu từ nghìn muôn kiếp thì càng tu chúng ta càng bệnh. Thí dụ như chúng ta lập ra thời khóa ngày đêm phải tọa thiền bốn thời, nhưng với bối cảnh xã hội hiện tại phải làm ruộng rẫy mới có lương thực để ăn, chúng ta không thể hạn cuộc trong thời khóa đã ấn định mà phải giảm bớt một hoặc hai thời. Tu như vậy chúng ta cho là không đủ công phu, rồi sanh phiền não, phiền não là bệnh. Hoặc chúng ta tu ngày đêm sáu thời đầy đủ, nhưng thấy người

khác tu có hai thời, chúng ta nhìn họ với cặp mắt xem thường cho rằng mình tu hơn họ. Do chấp trên hình tướng nên thấy có hơn thua, nếu như chúng ta tu theo kinh Viên Giác thì đâu có cái gì hơn thua. Thân không thật, tâm không thật thì có ai hơn ai? Chúng ta hằng quán chiếu như vậy thì càng tu cái ngã càng mòn đâu có sanh bệnh. Giả sử tôi nói trì chú được công đức vô lượng. Quý vị nghe ham quá, về chuyên tâm trì chú, bỗng một hôm đang trì chú thấy hào quang rực rỡ cả bầu trời, quý vị hài lòng lắm, tự cho là mình tu có công phu nhiều. Khi ấy gặp bạn đồng tu, hỏi thăm họ: Lâu nay bạn tu có kết quả gì không? Bạn ấy trả lời, không thấy. Quý vị tự hào và cho rằng bạn mình không tu hành gì hết. Từ đó bản ngã ngầm trồi lên mà quý vị không hay. Vì thế càng tu càng sanh bệnh. Gần đây có nhiều vị tu hành tinh tấn lắm, ngồi thiền có hào quang sáng. Nhưng thình lình bị "Ma-đăng-già" lôi ra đời, làm nhiều điều tác tệ hơn những người Phật tử tại gia. Đó cũng vì chưa thấu triệt được cái lý rốt ráo của sự tu hành, chỉ chú trọng trên hình tướng nên tâm kiêu mạn dấy sanh, bệnh nặng mà không hay.

Chúng ta nên biết những phương pháp Phật dạy tu là những phương thuốc huyễn để trị lành bệnh vô minh huyễn của chúng ta. Vì vậy nên trên đường tu, người hướng dẫn rất là quan trọng. Khéo hướng dẫn thì càng tu càng tiến, còn không khéo thì càng tu càng bệnh. Tôi thường nói, người thế gian là kẻ chấp ngã đã đành nhưng người tu nếu không khéo sẽ rơi vào bệnh chấp ngã số một. Khi còn hành điệu thì cái ngã còn nhỏ, đến khi làm thầy thiên hạ thì cái ngã cũng tăng trưởng dần theo địa vị mà không hay. Hoặc không có địa vị, càng tu thâm niên cái ngã càng lớn. Giả sử như có người tu hai ba mươi năm mà giáo lý không thông, pháp tu nắm không vững, kẻ hậu học đến thưa hỏi thì ú ớ đáp không trôi, nhưng họ có lỡ lời chi thì chê trách: "Kẻ hậu sanh vô lễ, ta tu mấy chục năm không đáng làm Thầy tụi bây hay sao?" Đó là bệnh chấp ngã rất lớn. Phá được cái ngã thật là khó, vì chúng ta không chịu nhìn lại cái thân hư giả và cái tâm hư giả của mình, cho nên tu nhiều chừng nào thì cái ngã

lớn chừng nấy. Nếu y theo lời Phật dạy mà tu thì phá trừ vô minh mới mong tiến đạo.

Trong chương này ngài Văn-thù hỏi hai câu, đức Phật trả lời như trên là đủ để chúng ta tu cả đời. Đức Phật dạy hết sức rõ ràng, chính xác và thực tế.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Văn-thù nhữ đương tri!

Nhất thiết chư Như Lai

Tùng ư bản nhân địa

Giai dĩ trí tuệ giác

Liễu đạt ư vô minh.

Tri bỉ như không hoa

Tức năng miễn lưu chuyển,

Hựu như mộng trung nhân

Tỉnh thời bất khả đắc.

Giác giả như hư không

Bình đẳng bất động chuyển,

Giác biến thập phương giới

Tức đắc thành Phật đạo.

Chúng huyễn diệt vô xứ

Thành đạo diệc vô đắc,

Bản tánh viên mãn cố

Bồ-tát ư thử trung

Năng phát Bồ-đề tâm,

Mạt thế chư chúng sanh

Tu thử miễn tà kiến.

Dịch:

Khi ấy, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên nên nói kệ rằng:

Văn-thù ông nên biết:

Tất cả các Như Lai

Chỗ nhân địa tu hành

Đều dùng trí viên giác

Thấu suốt cả vô minh.

Biết kia như không hoa

Thì ắt khỏi lưu chuyển,

Lại như người trong mộng

Khi tỉnh chẳng có gì.

Tánh giác như hư không

Bình đẳng chẳng động chuyển,

Tánh giác khắp mười phương

Liền được thành Phật đạo.

Các huyễn diệt không chỗ

Thành đạo cũng không thành,

Bản tánh vốn viên mãn

Bồ-tát ở trong ấy

Hay phát tâm Bồ-đề,

Các chúng sanh đời sau

Tu đây khỏi tà kiến.

Giảng:

Chúng ta thấy trong bài trùng tụng Phật lặp lại thật là đầy đủ ý nghĩa trên. Trước hết là nói nhân địa của tất cả chư Phật tu hành đều từ nơi trí tuệ giác chiếu. Do dùng trí tuệ giác chiếu nên thấy rõ vô minh, biết nó như hoa đốm trong hư không nên ra khỏi luân hồi sanh tử. Cõi đời này giống như giấc mộng. Mộng dụ cho vô minh, khi vô minh thì thấy người thật cảnh thật, khi tỉnh thì thấy người không thật cảnh không thật, nên nói tỉnh rồi thì không có gì cả. Tánh giác thí dụ như hư không bình đẳng không động. Vì hư không bình đẳng nên bao dung tất cả mọi loài. Hư không không động, nếu có động là gió động bụi bay, chứ hư không lúc nào cũng bất động. Cũng vậy, vọng tưởng là động, còn tánh giác thì bình đẳng không động, bởi bình đẳng không động nên trùm khắp cả mười phương. Người hằng sống với tánh giác tạm nói là thành Phật. Các huyễn diệt rồi cũng không có chỗ diệt, thành đạo rồi cũng không có gì gọi là chứng. Bởi vì sao? Vì tánh giác vốn viên mãn nên khi vô minh hết thì tánh giác tròn sáng. Cũng như khi ngủ mộng thấy cảnh thấy người... nhưng khi thức thì cảnh người cũng không còn; khi thức thì biết thức thôi, chứ có nói là tôi được thức không? Đâu có cái gì mà được. Sự tu cũng vậy, tu để dẹp vô minh, khi vô minh hết thì tánh giác hiện tiền. Nếu còn thấy được là còn có cái bị được và người hay được, như vậy là còn năng còn sở thì không thể gọi là thành Phật. Các Bồ-tát ở trong đây tu hạnh Bồ-đề, các chúng sanh đời sau y đây mà tu thì không rơi vào tà kiến.

Trong chương này, ngài Văn-thù chỉ hỏi Phật có hai câu mà Phật dạy chúng ta tu suốt kiếp cũng không xong. Nếu ai y theo chương này tu cũng đủ để giải thoát sanh tử.

CHƯƠNG II

BỒ-TÁT PHỔ HIỀN THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Phổ Hiền Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, nguyện vị thử hội chư Bồ-tát chúng, cập vị mạt thế nhất thiết chúng sanh tu Đại thừa giả, văn thử Viên giác thanh tịnh cảnh giới vân hà tu hành? Thế Tôn, nhược bỉ chúng sanh tri như huyễn giả, thân tâm diệc huyễn, vân hà dĩ huyễn hoàn tu ư huyễn? Nhược chư huyễn tánh nhất thiết tận diệt, tắc vô hữu tâm, thùy vị tu hành, vân hà phục thuyết tu hành như huyễn? Nhược chư chúng sanh bản bất tu hành, ư sanh tử trung thường cư huyễn hóa, tằng bất liễu tri như huyễn cảnh giới, linh vọng tưởng tâm vân hà giải thoát? Nguyện vị mạt thế nhất thiết chúng sanh tác hà phương tiện tiệm thứ tu tập, linh chư chúng sanh vĩnh ly chư huyễn.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Lúc đó Bồ-tát Phổ Hiền ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay mà bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, cúi xin vì các Bồ-tát trong hội này và tất cả chúng sanh đời sau tu theo Đại thừa, nghe cảnh giới Viên giác thanh tịnh làm sao tu hành? Bạch Thế Tôn, nếu chúng sanh biết các pháp như huyễn, thân tâm cũng huyễn,

làm sao dùng huyễn để tu huyễn? Nếu tất cả tánh huyễn đều diệt hết thì không có (thân) tâm, vậy ai tu hành, sao lại nói tu hành như huyễn? Nếu các chúng sanh vốn chẳng tu hành, thường ở trong sanh tử huyễn hóa, chưa từng rõ biết cảnh giới như huyễn, làm sao dẹp tâm vọng tưởng để giải thoát? Cúi xin ngài vì chúng sanh đời sau dạy phương tiện thứ lớp tu tập như thế nào, để cho các chúng sanh hằng lìa các huyễn.

Thưa lời đây rồi, năm vóc gieo xuống đất, thưa hỏi như vậy lặp lại ba lần.

Giảng:

Chương trước Bồ-tát Văn-thù tượng trưng cho căn bản trí, ngài hỏi về nhân địa tu hành của chư Phật.

Chương này tới Bồ-tát Phổ Hiền thưa hỏi. Ngài Phổ Hiền thường gọi là Đại Hạnh Phổ Hiền, theo kinh Hoa Nghiêm thì Phổ Hiền tượng trưng cho sai biệt trí. Sai biệt trí là trí tùy duyên giáo hóa chúng sanh, tùy duyên dựng lập công hạnh.

Bồ-tát Phổ Hiền nêu lên bốn câu hỏi. Trước hết ngài hỏi đức Phật:

1. Các Bồ-tát trong hội và tất cả chúng sanh đời sau tu theo Đại thừa nghe đến cảnh giới Viên giác thanh tịnh làm sao tu hành?

2. Nếu chúng sanh biết các pháp như huyễn, thân tâm cũng huyễn, làm sao dùng huyễn tu huyễn?

3. Nếu tất cả tánh huyễn đều diệt hết, thì không có (thân) tâm. Vậy ai tu hành, sao lại nói tu hành như huyễn?

4. Nếu các chúng sanh vốn chẳng tu hành, thường ở trong sanh tử huyễn hóa, chưa từng rõ biết cảnh giới như huyễn, làm sao dẹp tâm vọng tưởng để giải thoát?

Bồ-tát Phổ Hiền nêu lên bốn câu hỏi ấy và xin đức Phật dạy phương tiện thứ lớp tu tập, để cho chúng sanh hằng lìa các huyễn. Bồ-tát Phổ Hiền hỏi về chi tiết tu hành, khi hiểu được chi tiết rồi thì

mới ứng dụng tu. Vì nghe Phật nói thân tâm đều huyễn hết nên sanh nghi "Phật nói thân huyễn tâm huyễn thì ai tu? Nếu không tu thì cam chịu ở mãi trong sanh tử sao?" Bởi vì có nhiều người nghĩ thân huyễn, tâm huyễn, cảnh huyễn thì cho nó huyễn luôn chứ tu làm chi. Tu là khi nào nó thật, thật phải thật quấy thật xấu thật tốt, thì mới bỏ cái quấy tu cái phải, bỏ cái xấu tu cái tốt... Đã không tu lại còn phóng túng bởi vì huyễn thì còn gì để sợ mà tránh tội lỗi. Như vậy sẽ có các thói hư do cái biết như huyễn phát sanh, nên ngài Phổ Hiền nêu lên câu hỏi để Phật giải thích.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Phổ Hiền Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh tu tập Bồ-tát như huyễn tam-muội, phương tiện tiệm thứ linh chư chúng sanh đắc ly chư huyễn. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Phổ Hiền Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

Dịch:

Khi ấy đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Hiền rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì các Bồ-tát và các chúng sanh đời sau tu tập tam-muội như huyễn của Bồ-tát, (thưa hỏi) phương tiện thứ lớp tu hành khiến cho các chúng sanh được lìa các huyễn. Ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông nói.

Khi ấy Bồ-tát Phổ Hiền hoan hỷ vâng lời dạy cùng chư đại chúng yên lặng lắng nghe.

Giảng:

Đức Phật dạy chúng ta nên tu tập chánh định như huyễn. Thế nào gọi là chánh định như huyễn? Giả sử khi chúng ta ngồi thiền

tâm duyên theo cảnh này cảnh nọ chúng ta biết cảnh đang duyên theo là huyễn hóa nên tâm không chạy theo cảnh, và tâm được an định, đó gọi là chánh định như huyễn.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh chủng chủng huyễn hóa, giai sanh Như Lai Viên giác Diệu tâm, do như không hoa, tùng không nhi hữu, huyễn hoa tuy diệt, không tánh bất hoại. Chúng sanh huyễn tâm hoàn y huyễn diệt, chư huyễn tận diệt giác tâm bất động, y huyễn thuyết giác, diệc danh vi huyễn, nhược thuyết hữu giác do vị ly huyễn thuyết vô giác giả, diệc phục như thị. Thị cố huyễn diệt, danh vi bất động.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả chúng sanh và mọi vật huyễn hóa đều sanh từ Viên giác Diệu tâm Như Lai. Ví như hoa đốm trong hư không, từ hư không mà có, hoa đốm tuy diệt mà tánh hư không không hoại. Tâm huyễn của chúng sanh lại y nơi pháp huyễn mà diệt. Pháp huyễn tâm huyễn diệt hết thì tánh giác bất động. Y pháp huyễn mà nói giác cũng gọi là huyễn nữa. Nếu nói "có giác" vẫn chưa lìa huyễn, còn nói "không giác" cũng lại như thế. Cho nên pháp huyễn (có và không) diệt hết gọi là bất động.

Giảng:

Phật lặp lại ý trước cho chúng ta khỏi phân vân. Ngài nói tất cả chúng sanh và cảnh vật huyễn hóa (tâm huyễn cảnh giới huyễn) đều sanh từ nơi diệu tâm viên giác Như Lai chứ không ở đâu. Ngài ví thân tâm cảnh giới như hoa đốm trong hư không, từ hư không mà có, tuy hoa đốm diệt mà hư không không hoại. Cũng thế thân tâm cảnh vật huyễn hóa tuy mất mà tánh giác diệu tâm không mất. Nghe qua chúng ta thấy hình như Viên giác lưu xuất ra các huyễn, vậy là nó lưu xuất ra vô minh phải không? Tức là có một cái giác để sanh

vô minh. Chỗ này nếu không rõ, dễ hiểu lầm. Cũng như có phải hư không sanh hoa đốm không? Vì mắt nhặm thấy hoa đốm, chứ không phải hư không sanh hoa đốm. Cũng như vậy tánh giác không sanh vô minh mà tại mê tánh giác nên vô minh dấy lên. Bởi tánh giác không sanh vô minh nên khi vô minh hết mà tánh giác vẫn còn. Như vậy tánh giác là nhân địa mà chúng ta tu hành.

Ngài xác định: *Tâm huyễn của chúng sanh lại y nơi pháp huyễn mà diệt. Pháp huyễn tâm huyễn diệt hết thì tánh viên giác bất động.* Tôi lấy thí dụ ngồi thiền để giảng đoạn này cho quý vị hiểu. Khi chúng ta ngồi thiền thấy vọng tưởng dấy lên là giả dối, khi lặng xuống thì tâm hằng giác tròn đầy lặng lẽ chứ đâu có mất. Nếu tâm hằng giác mà mất thì lúc đó chúng ta đâu có biết vọng tưởng lặng. Ngài chỉ cho chúng ta thấy rõ khi tâm huyễn diệt rồi thì tâm hằng giác bất động hiện tiền.

Nếu y huyễn mà nói giác cũng gọi là huyễn nữa. Thí dụ như vọng tưởng dấy lên chúng ta khởi *biết vọng tưởng*; vọng tưởng là huyễn, nhưng cái *biết vọng tưởng* cũng huyễn luôn. *Nếu nói "có giác" vẫn chưa lìa huyễn, còn nói "không giác" cũng lại như thế, cho nên pháp huyễn diệt gọi là bất động.* Tôi nhắc lại: Khi chúng ta ngồi thiền, vọng tưởng dấy lên chúng ta biết nó là huyễn, cái *biết huyễn* đó hơn *cái huyễn* một phần rồi, nhưng chúng ta chấp cái *biết huyễn* đó là thật thì chúng ta cũng còn kẹt trong huyễn nữa. Như vậy vọng tưởng lặng thì cái *biết vọng tưởng* cũng phải buông luôn, buông hết thì tâm như như bất động. Tâm bất động đó mới là thật, chứ còn dấy niệm quán cũng chưa được.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh ưng đương viễn ly nhất thiết huyễn hóa hư vọng cảnh giới. Do kiên chấp trì viễn ly tâm cố, tâm như huyễn giả diệc phục viễn ly, viễn ly vi huyễn diệc phục viễn ly, ly viễn ly huyễn diệc phục viễn ly, đắc vô sở ly, tức trừ chư huyễn. Thí như

toản hỏa, lưỡng mộc tương nhân, hỏa xuất mộc tận, khôi phi yên diệt. Dĩ huyễn tu huyễn diệc phục như thị. Chư huyễn tuy tận bất nhập đoạn diệt.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau phải xa lìa tất cả cảnh giới huyễn hóa hư vọng. Do chấp cứng cái tâm xa lìa, tâm ấy là huyễn cũng phải xa lìa, lìa cái lìa huyễn cũng lại xa lìa, được không chỗ lìa tức là trừ các huyễn. Ví như dùi lửa, hai thanh gỗ làm nhân cho nhau, lửa phát ra hai thanh gỗ cháy hết tro bay khói mất. Lấy huyễn tu huyễn cũng như vậy. Các huyễn tuy hết mà chẳng rơi vào đoạn diệt.

Giảng:

Đa số chúng ta có bệnh khi nghe nói cái đó là thật thì chấp đành rồi, nhưng nghe nói cái đó là giả cũng chấp luôn. Thí dụ nghe Phật nói phải xa lìa pháp huyễn hóa thì cương quyết bỏ pháp huyễn hóa, nhưng nếu còn cái cố chấp quyết bỏ pháp huyễn hóa cũng không được, vì còn có một cái để bám. Vì vậy đức Phật dạy niệm xa lìa cũng phải buông luôn. Nên nói *tâm ấy là huyễn cũng phải xa lìa*. Tôi xin phân tích làm ba giai đoạn cho dễ hiểu.

Giai đoạn một: Chúng ta biết tâm vọng tưởng là huyễn, khi vọng tưởng dấy lên, biết nó là vọng tưởng, vọng tưởng lặng xuống biết vọng tưởng hết, đó là giác vọng tưởng. Khi vọng tưởng lặng rồi, cái giác vọng tưởng đó cũng phải buông luôn. Nếu chấp cái giác vọng tưởng đó cho là thật thì cũng là vọng tưởng nữa.

Giai đoạn hai: Nếu còn có tâm niệm bỏ cái giác vọng tưởng cũng không được, phải buông luôn.

Giai đoạn ba: Cái tâm dấy khởi bỏ cái biết vọng tưởng đó cũng phải bỏ nữa. Bởi cho đến khi tâm không còn dấy khởi thì tánh giác hiện bày, đó mới thật là lìa huyễn. Còn một niệm xa lìa cũng là vọng tưởng, tới chỗ cứu cánh thì không còn niệm thủ xả. Còn dấy niệm

thủ xả là còn động, tánh viên giác thì bất động, sống được với cái bất động đó mới là lìa hết huyễn. Chỗ này phải tu mới thấy rõ, không tu chỉ nghe qua thì thấy lạ quá.

Đức Phật lại thí dụ, như chúng ta dùi lửa, hai thanh gỗ cọ nhau, *lửa phát ra hai thanh gỗ cháy, tro bay khói mất. Lấy huyễn tu huyễn cũng lại như vậy.*

Trước dùng trí tuệ chiếu soi thân tâm để thấy thân tâm không thật, tức là hai thanh gỗ bị cháy; khi thấy thân tâm không thật thì còn cái chấp thân tâm huyễn chúng ta bỏ luôn, tức là tro bay; khi bỏ trí biết huyễn nhưng y niệm muốn xa lìa cái huyễn còn thầm thầm bên trong, bỏ luôn ý niệm đó nữa là khói bay hết. Đến đây mới trở về như như. *Cái huyễn tuy hết mà chẳng rơi vào đoạn diệt.* Đây là chỗ đặc biệt. Có nhiều người không hiểu cho rằng khi tu Phật bảo buông hết niệm suy nghĩ thì không còn gì, sẽ trở thành ngu ngơ. Không, đức Phật xác định là khi huyễn hết rồi không rơi vào đoạn diệt, mà hằng ở trong tánh giác. Chỗ này Lục Tổ cũng có nói: *Không nghĩ thiện, không nghĩ ác chính khi ấy là bản lai diện mục của ngươi.*

Âm:

Thiện nam tử, tri huyễn tức ly, bất tác phương tiện, ly huyễn tức giác, diệc vô tiệm thứ. Nhất thiết Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, y thử tu hành, như thị nãi năng vĩnh ly chư huyễn.

Dịch:

Này thiện nam, biết pháp huyễn hóa tức lìa, chẳng khởi phương tiện, lìa pháp huyễn hóa liền giác, cũng không có thứ lớp. Tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau y đây tu hành, như thế mới hằng lìa các huyễn.

Giảng:

Ngài Phổ Hiền yêu cầu Phật dạy pháp tu thứ lớp, đức Phật trả lời không có thứ lớp, biết các pháp huyễn hóa tức là lìa pháp huyễn

hóa, lìa pháp huyễn hóa thì tánh giác hiện tiền. Đây là một lối đốn ngộ đốn tu, và ngài kết luận: Bồ-tát và chúng sanh đời sau y đây mà tu thì hằng lìa các pháp huyễn. Chúng ta thấy từ đức Phật đến Bồ-tát và chúng sanh đời sau nếu muốn tánh viên giác hiện tiền thì không có gì hơn là biết rõ cái hư giả mộng huyễn, khi biết rõ nó thì không bị nó chi phối.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Phổ Hiền nhữ đương tri!

Nhất thiết chư chúng sanh

Vô thủy huyễn vô minh,

Giai tùng chư Như Lai

Viên giác tâm kiến lập.

Du như hư không hoa

Y không nhi hữu tướng,

Không hoa nhược phục diệt

Hư không bản bất động.

Huyễn tùng chư giác sanh,

Huyễn diệt giác viên mãn,

Giác tâm bất động cố.

Nhược bỉ chư Bồ-tát

Cập mạt thế chúng sanh

Thường ưng viễn ly huyễn,

Chư huyễn tất giai ly.

Như mộc trung sanh hỏa,

Mộc tận hỏa hoàn diệt,

Giác tắc vô tiệm thứ,

Phương tiện diệc như thị.

Dịch:

Khi ấy đức Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Phổ Hiền ông nên biết:

Tất cả các chúng sanh

Vô thủy huyễn vô minh,

Đều từ các Như Lai

Tâm viên giác dựng lập.

Như hoa đốm trong không

Y hư không có tướng,

Hoa đốm nếu diệt rồi

Hư không vốn chẳng động.

Huyễn từ giác mà sanh,

Huyễn diệt giác viên mãn,

Vì tâm giác bất động.

Nếu các vị Bồ-tát

Và chúng sanh đời sau

Thường nên xa lìa huyễn,

Các huyễn thảy đều lìa.

Như lửa sanh trong cây,

Cây hết lửa cũng tắt,

Giác không có thứ lớp,

Phương tiện cũng như vậy.

Giảng:

Bài trùng tụng này Phật kết thúc chương Bồ-tát Phổ Hiền thưa hỏi. Trước hết đức Phật chỉ cho thấy tất cả chúng sanh và pháp vô minh huyễn hóa có từ vô thủy đều từ nơi tâm viên giác mà dựng lập. Chỗ này có nhiều người thắc mắc tại sao vô minh lại từ tánh giác mà lập? Bây giờ tôi nói mê từ tỉnh mà có, quý vị đồng ý không? Thí dụ như vào buổi khuya đánh kẻng thức chúng, quý vị thức dậy súc miệng rửa mặt, lúc ấy rất là tỉnh táo, nhưng khi ngồi trên bồ đoàn một hồi thì mơ mơ và gục một cái, vậy cái mơ mơ đó từ đâu mà ra? Có phải từ cái tỉnh mà ra không? Chúng ta cứ cho là đang tỉnh thì không có mê, mà tại sao đang tỉnh lại gục? Cho nên trong khi tỉnh mà không khéo giữ thì tỉnh hóa thành mê. Kinh Lăng-nghiêm nói: *Chân như bất thủ tự tánh, hốt nhiên nhất niệm vô minh khởi*, nghĩa là chân như không giữ tự tánh thì vô minh sanh. Trong khi chúng ta tỉnh thì phải sáng suốt mà giữ cái tỉnh đó, nếu quên đi thì mê trở lại. Đối với tánh giác cũng vậy, nếu không khéo tỉnh giác thường xuyên thì thỉnh thoảng mê dấy lên. Tại sao vậy? Bởi vì mê đã có trong tỉnh.

Như hiện giờ chúng ta tuy thức nhưng có cái ngủ nó ngầm ngầm trong ấy, nếu không giữ được tỉnh táo thì cái ngủ hiện ra, chứ không phải cái ngủ ở đâu đến.

Hỏi tại sao tôi đang tỉnh mà lại mê? Tại tỉnh mà không giữ được tự tánh tỉnh nên mê. Cũng vậy, pháp huyễn từ tâm viên giác Như Lai ra, Phật dụ như hoa đốm trong hư không, rồi cũng diệt trong hư không, nhưng hoa đốm sanh diệt mà hư không thì bất động. Vọng tưởng thì sanh diệt vọng động, tánh giác thì bất động. Cho nên mục đích chúng ta tu để tâm được định, không động mà sống với tánh giác bất động. Định là lặng mọi vọng tưởng, vọng tưởng lặng rồi thì tánh giác tròn sáng, đó là tuệ. Tánh giác bất động, dấy niệm là vọng động làm mờ tánh giác, vì vậy chúng ta phải định thì tánh giác mới hiển hiện. Chúng ta tu dùng trí tuệ biết huyễn, đó là dùng phương

tiện để trị vọng tưởng giả dối, khi vọng tưởng lặng thì cái biết huyễn cũng buông luôn. Đức Phật dạy chúng sanh nên y theo đó mà tu để hằng lìa pháp huyễn, khi pháp huyễn đã lìa rồi thì tánh giác hiển hiện chứ không có thứ lớp.

CHƯƠNG III

BỒ-TÁT PHỔ NHÃN THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Phổ Nhãn Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, nguyện vị thử hội chư Bồ-tát chúng cập vị mạt thế nhất thiết chúng sanh diễn thuyết Bồ-tát tu hành tiệm thứ, vân hà tư duy? Vân hà trụ trì? Chúng sanh vị ngộ tác hà phương tiện phổ linh khai ngộ? Thế Tôn, nhược bỉ chúng sanh vô chánh phương tiện cập chánh tư duy, văn Phật Như Lai thuyết thử tam-muội tâm sanh mê muộn, tức ư viên giác bất năng ngộ nhập. Nguyện hưng từ bi, vị ngã đẳng bối cập mạt thế chúng sanh giả thuyết phương tiện.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Lúc đó Bồ-tát Phổ Nhãn ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Thế Tôn đại bi, xin vì chúng Bồ-tát trong hội này và tất cả chúng sanh đời sau diễn nói thứ lớp tu của Bồ-tát, làm sao tư duy? Làm sao trụ trì? Chúng sanh chưa ngộ tạo phương tiện gì khiến cho họ được khai ngộ? Bạch Thế Tôn, nếu chúng sanh kia không có chánh phương tiện và chánh tư duy, nghe Như Lai nói tam-muội này tâm sanh mê muội, đối với tánh viên giác không thể ngộ nhập. Xin ngài từ bi, vì bọn chúng con và chúng sanh đời sau tạm nói phương tiện.

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như vậy, lặp lại ba lần.

Giảng:

Phổ là khắp, Nhãn là con mắt, tức là con mắt thấy khắp. Như ngài Huyền Sa Sư Bị thường nói "Tam thiên đại thiên thế giới là một con mắt của Sa-môn." Đọc qua chương trước chúng ta thấy đức Phật trả lời dường như đủ rồi. Nhưng các Bồ-tát thấy chưa đủ, chưa thể tu được, nên ở chương này Bồ-tát Phổ Nhãn đứng ra thưa hỏi thật kỹ. Đây là ba câu hỏi:

1. Chúng sanh phải thứ lớp tu như thế nào, suy nghĩ thế nào cho hợp đạo?

2. Phải gìn giữ cách nào cho đúng với chánh pháp?

3. Chúng sanh chưa ngộ, làm cách nào cho họ dần dần được khai ngộ?

Đoạn trên Phật nói tổng quát chắc họ không thực hành được, nên ngài yêu cầu Phật chỉ cho phương tiện để chúng sanh sau này tư duy chân chánh, và nghe đến tam-muội này tâm không sanh mê muội để thể nhập vào tánh viên giác. Từ đây về sau Phật mới nói qua phương tiện.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Phổ Nhãn Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh vấn ư Như Lai tu hành tiệm thứ, tư duy, trụ trì, nãi chí giả thuyết chủng chủng phương tiện. Nhữ kim đế thính đương vị nhữ thuyết.

Thời Phổ Nhãn Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

Dịch:

Khi ấy Phật bảo Bồ-tát Phổ Nhãn rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì các Bồ-tát và chúng sanh đời sau cầu thỉnh Như Lai thứ lớp tu hành, dạy cách tư duy, cách an trụ gìn giữ cho đến tạm lập các thứ phương tiện. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà nói.

Bấy giờ Bồ-tát Phổ Nhãn vui vẻ vâng lời dạy, cùng đại chúng lặng lẽ lắng nghe.

Giảng:

Phật khen Bồ-tát Phổ Nhãn vì đại chúng và chúng sanh đời sau cầu xin Phật tạm lập phương tiện tu hành để nhập tánh viên giác.

Âm:

Thiện nam tử, bỉ tân học Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh dục cầu Như Lai tịnh viên giác tâm, ưng đương chánh niệm viễn ly chư huyễn, tiên y Như Lai xa-ma-tha hạnh, kiên trì cấm giới, an xử đồ chúng, yến tọa tĩnh thất, hằng tác thị niệm: "Ngã kim thử thân tứ đại hòa hợp, sở vị phát mao, trảo, xỉ, bì nhục, cân cốt, tủy não... cấu sắc giai quy ư địa; thóa thế, nùng huyết, tân dịch, tiên mạt, đàm lệ, tinh khí, đại tiểu tiện lợi... giai quy ư thủy; noãn khí quy hỏa; động chuyển quy phong. Tứ đại các ly, kim giả vọng thân đương tại hà xứ?" Tức tri thử thân tất cánh vô thể, hòa hợp vi tướng, thật đồng huyễn hóa. Tứ duyên giả hợp, vọng hữu lục căn; lục căn tứ đại trung ngoại hợp thành, vọng hữu duyên khí, ư trung tích tụ tự hữu duyên tướng giả danh vi tâm. Thiện nam tử, thử hư vọng tâm nhược vô lục trần tắc bất năng hữu, tứ đại phân giải vô trần khả đắc, ư trung duyên trần các quy tán diệt, tất cánh vô hữu duyên tâm khả kiến.

Dịch:

Này thiện nam, những vị Bồ-tát mới học và chúng sanh đời sau, muốn cầu tâm viên giác thanh tịnh Như Lai, phải chánh niệm xa lìa các pháp huyễn, trước y theo hạnh xa-ma-tha Như Lai, kiên trì giới cấm, sắp xếp đồ chúng, ngồi yên trong thất vắng, thường khởi nghĩ: "Thân này của ta do tứ đại hòa hợp, những là tóc lông, móng răng, da thịt, gân xương, tủy não v.v... sắc chất dơ bẩn đều thuộc về đất; nước dãi nước mắt, máu mủ, nước tiểu nước bọt, đàm dãi v.v... thuộc về nước; hơi nóng thuộc về lửa; chuyển động thuộc về gió. Bốn đại mỗi cái rời xa, hỏi thân không thật này về chỗ nào?" Liền biết thân này rốt ráo không có tự thể (cố định), do hòa hợp mà có tướng, thật đồng với huyễn hóa. Bốn duyên (tứ đại) giả hợp tạm có sáu căn; sáu căn bốn đại trong ngoài hợp thành tạm có duyên khí tích tụ ở trong, in tuồng như có tướng năng duyên, giả gọi là tâm.

Này thiện nam! Tâm hư vọng này nếu không có (duyên) sáu trần ắt không có, bốn đại phân tán (thân hoại, căn mất) sáu trần cũng không còn, (ý) căn ở trong duyên theo sáu trần mỗi thứ phân tán, rốt cuộc không còn cái tâm duyên có thể thấy.

Giảng:

Đức Phật dạy chúng ta muốn tu theo thứ lớp thì trước tiên phải y theo pháp Chỉ, kế là gìn giữ giới cấm của Phật cho tinh nghiêm, đồng thời phải sắp xếp đồ chúng và ngồi yên trong thất vắng để tư duy hay chánh quán. Chúng ta muốn theo thứ lớp mà quán thì trước hết phải quán ngay nơi thân này do đất nước gió lửa hòa hợp: Tóc lông, móng răng, da thịt, gân xương v.v... tất cả chất cứng đó thuộc về đất. Nước miếng, mồ hôi, máu mủ, nước tiểu, đàm dãi v.v... thuộc về nước. Hơi ấm trong người thuộc về lửa. Sự động chuyển, hơi thở ra vào là gió. Bốn đại này chúng ta tách riêng mỗi thứ, tìm lại coi cái gì là thân mình? Tìm không ra. Cả bốn cái đó hợp lại thì tạm nói là

thân mình, nếu phân ly ra thì tìm lại cái thân huyễn này không có chỗ nơi, liền biết thân này rõ ràng không có thật thể, do tứ đại hòa hợp mà có tướng, có đó rồi mất nên nói là huyễn hóa. Bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp chúng ta đã lầm cho nó là thật, cho nên mất thân này tạo thân khác. Quán xét thật kỹ để biết nó hư giả, mầm sanh diệt lần lần sẽ hết; muốn thoát luân hồi phải có trí tuệ để phá mê lầm vô minh.

Xét về thân rồi, đức Phật dạy chúng ta xét về tâm. Khi đất nước gió lửa duyên hợp thì tạm có thân, khi đã có thân rồi thì có sáu căn: mắt tai mũi lưỡi thân ý, sáu căn có là do tứ đại bên trong và tứ đại bên ngoài hợp lại mà có, hơi tích tụ ở trong, hơi đó vận chuyển nên có ý nghĩ phân biệt sáu trần tạm gọi là tâm. Thí dụ chúng ta thấy một hình ảnh nào đó, khi ngồi yên chợt nhớ lại hình ảnh đó, tâm duyên theo hình bóng đó gọi là duyên khí. Tại sao gọi là duyên khí? Như mùi hôi hay thơm của một cái khăn là do xông ướp một cái khác mà có mùi, cũng vậy do căn trần tiếp xúc rồi bóng dáng đó xông ướp thành hơi, cái hơi đó là bóng dáng ở trong tâm mình. Nó xông ướp cái nào thì chứa nhóm thành chủng tử cái đó. Những chủng tử chứa nhóm nhiều in tuồng như cái tướng để nó duyên, rồi cái tướng nó duyên giả danh tên là tâm. Tất cả những cái nghĩ này nghĩ kia là đều nghĩ theo bóng dáng do huân tập của sáu trần với sáu căn mà có.

Khi chúng ta độc thoại, hoặc đang ngồi hoặc đang đi chợt nhớ việc này việc nọ, rồi phát thành ngôn ngữ, đó là do cuộn hơi từ rốn đưa lên, nếu mạnh thì phát ra lời nói diễn bày cho người khác nghe, yếu thì đủ mình nghe. Thành ra những ý niệm suy nghĩ chỉ là do hơi cuộn phát ra thôi. Một hôm ngồi chơi, tôi chợt thấu đáo được ý nghĩa của hai chữ tập khí. Thường khi chúng ta nghe giải nghĩa hai chữ tập khí là thói quen, nhưng bây giờ tôi mới phát minh nghĩa của nó là chỗ nhóm họp hơi. Những ý niệm suy nghĩ của chúng ta đều do một ít hơi từ rốn đưa lên cuộn lại rồi phát ra lời. Nghĩ về người thì nói về người, nghĩ về vật thì nói về vật, ở trong thì chúng ta cho đó

là tư tưởng, phát ra ngoài cho là ngôn ngữ. Thật ra tất cả tư tưởng đều là ngôn ngữ. Quý vị xét xem có phải vậy không? Điều này chúng ta phải ngồi lại nhìn kỹ mới thấy được. Khi chúng ta ngồi lặng yên, chợt có ý niệm dấy lên, thì một luồng hơi từ rốn đưa lên rồi phát ra lời, yếu thì đủ mình nghe gọi là tư tưởng, mạnh thì nói cho mọi người cùng nghe gọi là ngôn ngữ. Vì vậy nên đức Phật mới nói: khí tích tụ ở trong giống như tướng năng duyên và hình bóng mà mình thấy ở ngoài rơi vào tâm thức, hai cái đó duyên với nhau giả gọi là tâm. Chúng ta đã chấp cái giả làm thân làm tâm rồi, làm sao biết được cái thật là tánh viên giác! Cho nên suốt kiếp đi trong luân hồi.

Nếu thân tứ đại phân tán tức là thân tứ đại chết, sáu căn hoại và hình ảnh (sáu trần) bên ngoài không có, thì lúc đó chúng ta cũng không tìm ra cái tâm hay duyên. Như vậy cái tâm hay duyên là cái hư giả do sáu căn và sáu trần hợp lại mà có. Rõ ràng thân tâm (vọng tâm) đều không thật.

Phật bảo chúng ta phải chánh tư duy, quán sát kỹ điều này cho thấy rõ lẽ thật, đó là chỗ tu hành.

Âm:

Thiện nam tử, bỉ chi chúng sanh huyễn thân diệt cố huyễn tâm diệc diệt, huyễn tâm diệt cố huyễn trần diệc diệt, huyễn trần diệt cố huyễn diệt diệc diệt, huyễn diệt diệt cố phi huyễn bất diệt, thí như ma kính cấu tận minh hiện. Thiện nam tử, đương tri thân tâm giai vi huyễn cấu, cấu tướng vĩnh diệt thập phương thanh tịnh.

Dịch:

Này thiện nam, huyễn thân của các chúng sanh kia diệt nên huyễn tâm cũng diệt, vì huyễn tâm diệt nên huyễn trần cũng diệt, vì huyễn trần diệt nên cái huyễn diệt cũng diệt, cái huyễn diệt diệt nhưng cái phi huyễn (tánh viên giác) không diệt. Thí như lau gương, bụi nhơ hết thì ánh sáng hiện.

Này thiện nam, nên biết thân tâm đều là huyễn hóa nhơ bẩn, tướng nhơ bẩn đó hằng diệt thì (tánh viên giác) thanh tịnh khắp mười phương.

Giảng:

Đoạn này Phật chỉ thật là tường tận. Thân chúng ta do tứ đại giả hợp tạm có, biết nó như huyễn thì vọng tưởng duyên theo cái như huyễn đó cũng không thật. Như vậy huyễn thân và huyễn tâm đều diệt. Huyễn tâm diệt nên huyễn trần cũng theo đó mà diệt, trong kinh thường nói *Tâm sanh thì các pháp sanh, tâm diệt thì các pháp diệt.* Vì huyễn trần diệt nên cái huyễn diệt cũng diệt, cái nghĩ diệt thân tâm trần cảnh, cái nghĩ diệt đó cũng diệt. Những cái huyễn đã diệt hết rồi lúc đó mới là phi huyễn, lúc đó tâm bình đẳng như như gọi là bất sanh bất diệt. Cho nên nói phi huyễn chẳng diệt. Như vậy quý vị thấy rõ ý nghĩa tu hành của chúng ta, y cứ theo lời Phật dạy không chạy theo các huyễn là lìa huyễn, các huyễn đã lìa thì tâm lìa huyễn cũng phải bỏ luôn mới là thanh tịnh.

Đức Phật đưa ra thí dụ lau gương cho chúng ta dễ hiểu. Mặt gương dụ cho tánh giác, khăn lau dụ cho niệm diệt huyễn, bụi dụ cho vô minh chấp thân tâm thật. Khi mặt gương bị bụi đóng, chúng ta dùng khăn lau, lau sạch bụi, nhưng chúng ta lại để cái khăn lau trên mặt gương thì mặt gương không sáng trọn vẹn. Khi lau hết bụi, cái khăn lau cũng phải dẹp luôn, lúc đó không còn bụi không còn khăn lau thì mặt gương mới sáng hoàn toàn. Cũng thế, khi thân huyễn tâm huyễn diệt rồi, ý niệm diệt huyễn cũng diệt luôn thì cái phi huyễn (tánh giác) mới hiển hiện. Phật thí dụ thêm:

Âm:

Thiện nam tử, thí như thanh tịnh ma-ni bảo châu, ánh ư ngũ sắc tùy phương các hiện, chư ngu si giả kiến bỉ ma-ni thật hữu ngũ sắc. Thiện nam tử, viên giác tịnh tánh hiện ư thân tâm tùy loại các ứng, bỉ ngu si giả thuyết tịnh viên giác thật hữu như thị, thân tâm tự tướng diệc phục như thị. Do thử bất

năng viễn ư huyễn hóa. Thị cố ngã thuyết thân tâm huyễn cấu, đối ly huyễn cấu thuyết danh Bồ-tát. Cấu tận đối trừ, tức vô đối cấu cập thuyết danh giả.

Dịch:

Này thiện nam, ví như hạt châu ma-ni trong trẻo, tùy theo mỗi phương chiếu hiện ra năm màu. Những người ngu thấy hạt châu ma-ni có năm sắc thật. Này thiện nam, tánh viên giác thanh tịnh tùy theo thân tâm mỗi chủng loại mà ứng hiện. Kẻ ngu nói tánh viên giác thanh tịnh thật có như vậy, tự tướng thân tâm cũng lại như thế. Vì thế mà không xa lìa các thứ huyễn hóa, cho nên ta nói thân tâm là huyễn cấu (chúng sanh). Ngược lại lìa huyễn cấu gọi là Bồ-tát. Khi huyễn cấu hết thì pháp đối trị huyễn cấu cũng trừ, thì không còn pháp đối trị huyễn cấu và cái tên gọi huyễn cấu.

Giảng:

Thí dụ như có một hạt châu trong trẻo, ở ngoài có năm mặt, mỗi mặt chúng ta để một tấm giấy màu khác nhau. Tùy theo người đứng ở phía tấm giấy có màu gì thì thấy hạt châu màu đó. Như người đứng ở phía tấm giấy màu đỏ thì thấy hạt châu màu đỏ, rồi họ cho rằng hạt châu màu đỏ thật. Những người đứng ở các phía kia cũng vậy. Nhưng sự thật thì hạt châu không có màu gì hết, nó chỉ là trong trẻo, tùy ở bên ngoài có màu gì nó chiếu ra màu ấy thôi.

Hạt châu ma-ni dụ cho tánh viên giác. Thân tâm chúng ta dụ như cái bóng xanh, vàng, trắng, đỏ trong hạt châu đó thôi. Đó là chỗ lâu nay chúng ta kẹt. Nghe Phật nói thân huyễn tâm huyễn, chúng ta cũng nói theo thân huyễn tâm huyễn. Nhưng đối với cái gì mà nói nó là huyễn chứ? Phật nói huyễn là có lý do. Vì ngài thấy tánh viên giác chân thật, cho nên thân tâm là huyễn. Cũng như nhìn trên hạt châu, những cái bóng hiện xanh, vàng, đỏ v.v... thì bóng đó là huyễn, hạt châu không phải huyễn. Bây giờ chỉ có người không thấy hạt

châu mà chỉ thấy bóng thôi thì sao? Cái bóng đó là huyễn hay không huyễn? Bởi vậy chúng ta nói huyễn mà không huyễn gì hết, tại vì chỉ thấy bóng mà không thấy hạt châu. Các ngài vì thấy rõ nên nói không nghi ngờ còn chúng ta chỉ nói lý nên nghi ngờ.

Cũng vậy, tánh viên giác tùy theo nghiệp của chúng sanh mà hiện ở các cõi trời cõi người, rồi chúng ta tưởng tánh viên giác là trời là người, đó là mê. Thế nên, chúng sanh đi trong lục đạo mà tánh viên giác không thay đổi, như cái bóng ở ngoài hạt châu, bóng đó không thật mà người mê tưởng là thật. Cái thật là cái trong trẻo của hạt châu. Cũng vậy, vì chúng ta si mê nên cho tánh viên giác là thân tâm của các loài chúng sanh. Thân tâm của các loài chúng sanh là cái bóng của tánh giác, thế nên nói nghiệp là cái bóng không thật. Nghiệp hết, vô minh hết, nhưng tánh giác không mất. Phật nói người không thể xa lìa thân tâm nhơ huyễn chỉ một bề chấp chặt cho nó là ta thì tạm gọi kẻ đó là chúng sanh, còn người nào biết dẹp cái nhơ huyễn của thân tâm thì tạm gọi là Bồ-tát. Người biết dẹp nhơ tức là người biết lau bụi trên mặt gương, gọi đó là người sáng, biết làm cho gương sáng. Người biết thắp sáng trí tuệ nơi mình là người giác hay là Bồ-tát. Khi cái nhơ hết thì pháp đối trị nhơ cấu cũng trừ, bấy giờ không còn pháp đối trị nhơ cấu và cái tên gọi nhơ cấu nữa. Bụi hết thì cái đối trị bụi là khăn lau cũng phải dẹp, cuối cùng là không còn bụi không còn khăn lau, chỉ là mặt gương trong sáng. Khi chúng ta tu buông dần kiến chấp hư vọng về thân tâm thì gọi là tu hạnh Bồ-tát. Khi buông hết những kiến chấp hư vọng về thân tâm rồi, niệm buông cũng phải dẹp luôn, thì tánh giác chân thật hiển bày.

Âm:

Thiện nam tử, thử Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh chứng đắc chư huyễn, diệt ảnh tượng cố, nhĩ thời tiện đắc vô phương thanh tịnh vô biên hư không.

Dịch:

Này thiện nam, Bồ-tát này và chúng sanh đời sau chứng được các huyễn, diệt các ảnh tượng, khi ấy liền được thanh tịnh vô biên khắp hư không.

Giảng:

Đức Phật dạy cho chúng ta thấy rõ, sau khi buông được tất cả bóng dáng hư giả của thân tâm thì tánh viên giác thanh tịnh hiển hiện khắp cả mười phương, lúc bấy giờ tạm gọi là thành Phật.

Âm:

Giác sở hiển phát, giác viên minh cố hiển tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh cố kiến trần thanh tịnh, kiến thanh tịnh cố nhãn căn thanh tịnh, thức thanh tịnh cố văn trần thanh tịnh, văn thanh tịnh cố nhĩ căn thanh tịnh, căn thanh tịnh cố nhĩ thức thanh tịnh, thức thanh tịnh cố giác trần thanh tịnh. Như thị nãi chí tỹ thiệt thân ý diệc phục như thị.

Dịch:

Vì tánh viên giác sáng suốt đã hiện ra nên tâm thanh tịnh, do tâm thanh tịnh nên kiến trần thanh tịnh, do kiến thanh tịnh nên nhãn căn thanh tịnh, do căn thanh tịnh nên nhãn thức thanh tịnh, do thức thanh tịnh nên văn trần thanh tịnh, do văn thanh tịnh nên nhĩ căn thanh tịnh, do căn thanh tịnh nên nhĩ thức thanh tịnh, do thức thanh tịnh nên giác trần thanh tịnh. Như thế cho đến tỹ thiệt thân ý cũng lại như vậy.

Giảng:

Đức Phật tuần tự chỉ cho chúng ta thấy, khi tâm thể thanh tịnh thì sáu căn sáu trần sáu thức đều được thanh tịnh. Chúng ta nghiệm kỹ thì sẽ thấy được ý nghĩa của đoạn này. Nếu nơi tâm chúng ta không có một vọng niệm nào dấy khởi, chỉ một tâm bình đẳng như như thì nhìn cảnh nào chúng ta cũng thấy thanh tịnh. Còn nếu tâm chúng ta dẫy đầy tham sân si, khi nhìn cảnh thì chúng ta khởi niệm

tham sân si, do khởi niệm tham sân si cho nên cảnh đó trở thành cảnh Ta-bà khổ phiền não dẫy đầy. Bởi phiền não nên sáu căn cũng nhiễm ô, do sáu căn nhiễm ô nên sáu thức cũng trở thành ô nhiễm. Để thấy rõ, hễ căn thanh tịnh thì trần thức cũng thanh tịnh.

Âm:

Thiện nam tử, căn thanh tịnh cố sắc trần thanh tịnh, sắc trần thanh tịnh cố thanh trần thanh tịnh, hương vị xúc pháp diệc phục như thị. Thiện nam tử, lục trần thanh tịnh cố địa đại thanh tịnh, địa thanh tịnh cố thủy đại thanh tịnh, hỏa đại, phong đại diệc phục như thị. Thiện nam tử, tứ đại thanh tịnh cố thập nhị xứ, thập bát giới, nhị thập ngũ hữu thanh tịnh.

Dịch:

Này thiện nam, do căn thanh tịnh nên sắc trần thanh tịnh, vì sắc thanh tịnh nên thanh trần thanh tịnh, hương vị xúc pháp cũng như vậy. Này thiện nam, do lục trần thanh tịnh nên địa đại thanh tịnh, địa đại thanh tịnh thì thủy đại thanh tịnh, hỏa đại, phong đại cũng vậy. Này thiện nam, do tứ đại thanh tịnh nên mười hai xứ, mười tám giới, hai mươi lăm cõi thanh tịnh.

Giảng:

Khi tâm chúng ta thanh tịnh rồi thì căn trần thức thanh tịnh, nên tứ đại của thân này cũng trở thành thanh tịnh. Cho đến mười hai xứ, mười tám giới, hai mươi lăm cõi đều thanh tịnh. Khi chúng ta tu, tâm thanh tịnh rồi thì ở chợ cũng được, ở rừng cũng được, ở đâu chúng ta cũng thấy thanh tịnh hết. Tâm thanh tịnh là chủ yếu để các pháp được thanh tịnh, nếu người tâm không thanh tịnh thì ở đâu cũng thấy bất an. Kinh Duy-ma-cật có câu: *Tùy kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh.*

Tùy theo tâm mình thanh tịnh thì cõi Phật được thanh tịnh. Vậy chủ yếu của sự tu hành là phải lo tịnh tâm. Tôi hay thí dụ như có

một cái hồ chứa nước trong, chúng ta làm những vòi nước, khi mở ra hứng toàn nước trong. Ngược lại nếu hồ chứa nước đục, mở vòi nào cũng ra nước đục. Như vậy cốt là bên trong chứa nước đục hay trong, còn những vòi mở ra thì ở trong có cái gì nó ra cái nấy. Cho nên tâm thanh tịnh thì sáu căn theo đó thanh tịnh là vậy. Tâm còn ô uế muốn sáu căn thanh tịnh sao được.

Âm:

Bỉ thanh tịnh cố thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, Phật thập bát bất cộng pháp, tam thập thất trợ đạo phẩm thanh tịnh, như thị nãi chí bát vạn tứ thiên đà-la-ni môn nhất thiết thanh tịnh.

Dịch:

Vì các pháp (thế gian) kia thanh tịnh cho nên (các pháp xuất thế gian như) thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp của Phật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo đều thanh tịnh, như vậy cho đến tám muôn bốn ngàn đà-la-ni môn đều thanh tịnh.

Giảng:

Trước Phật đã nói thế gian, bây giờ nói pháp xuất thế gian, nếu pháp thế gian thanh tịnh thì pháp xuất thế gian cũng thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh thì pháp thế gian không thanh tịnh, pháp thế gian không thanh tịnh thì nói pháp của Phật cũng không thanh tịnh. Tôi nói để Phật tử và tăng ni rõ, giả sử như lòng tôi ô nhiễm nếu tôi hiểu Phật pháp và đem Phật pháp ra giảng dạy cho quý vị thì Phật pháp cũng trở thành ô nhiễm. Thí dụ như tôi tham tài, nói pháp một hồi tôi cũng đề cập tiền tài trong đó. Bởi vì lòng tôi có chứa tham lam thì nói một hồi nó cũng lộ ra. Nếu tâm chúng ta thanh tịnh dù nói pháp thế gian hay nói Phật pháp cũng đều thanh tịnh.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết thật tướng thanh tịnh cố nhất thân thanh tịnh, nhất thân thanh tịnh cố đa thân thanh tịnh, đa thân thanh tịnh cố như thị nãi chí thập phương chúng sanh viên giác thanh tịnh. Thiện nam tử, nhất thế giới thanh tịnh cố đa thế giới thanh tịnh, đa thế giới thanh tịnh cố như thị nãi chí tận ư hư không viên khỏa tam thế, nhất thiết bình đẳng thanh tịnh bất động. Thiện nam tử, hư không như thị bình đẳng bất động, đương tri giác tánh bình đẳng bất động, tứ đại bất động cố, đương tri giác tánh bình đẳng bất động, như thị nãi chí bát vạn tứ thiên đà-la-ni môn bình đẳng bất động, đương tri giác tánh bình đẳng bất động.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả thật tướng tánh thanh tịnh cho nên một thân thanh tịnh, do một thân thanh tịnh cho nên nhiều thân thanh tịnh, do nhiều thân thanh tịnh như thế cho đến mười phương chúng sanh viên giác thanh tịnh. Này thiện nam, vì một thế giới thanh tịnh cho nên nhiều thế giới thanh tịnh, vì nhiều thế giới thanh tịnh, như thế cho đến cùng tận hư không trùm khắp ba đời tất cả đều thanh tịnh bình đẳng bất động. Này thiện nam, hư không bình đẳng bất động như thế nên biết tánh giác bình đẳng bất động, vì bốn đại bình đẳng bất động nên biết tánh viên giác bình đẳng bất động, như thế cho đến tám muôn bốn ngàn pháp môn đà-la-ni đều bình đẳng bất động nên biết tánh viên giác bình đẳng bất động.

Giảng:

Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy, từ một người thanh tịnh lần đến nhiều người được thanh tịnh, từ nhiều người thanh tịnh cho nên mười phương thế giới chúng sanh đều thanh tịnh v.v... Thanh tịnh từ phạm vi nhỏ dần dần lan ra phạm vi lớn. Chủ yếu của đạo Phật

là tu từ tự tâm của cá nhân. Tự tâm cá nhân thanh tịnh rồi sẽ lan dần ra người ngoài. Nhiều người hiểu lầm, trước lo cho tất cả mọi người được tốt, đi giáo dục người này người kia, dạy họ phải tốt, nhưng mình chưa thật tốt mà muốn cho mọi người chung quanh tốt không thể được. Muốn cho mọi người tốt, trước hết chúng ta phải tốt, rồi gia đình chúng ta tốt, tới làng xã chúng ta tốt, đến cả nước chúng ta cũng tốt thì thế giới mới tốt. Như vậy, chủ yếu muốn xây dựng một xã hội tốt đẹp là trước hết phải xây dựng cá nhân. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ dạy người tu phải phản quan tự kỷ, phải nhìn lại mình. Nếu tâm mình chưa thanh tịnh mà cứ thấy người này sai người kia dở, lo xây dựng người thì chỉ chuốc thêm phiền não chứ không ích gì. Tâm mình chưa thanh tịnh nên nói họ không nghe. Muốn cho người tốt mà người cứ chứng nào tật nấy thì mình giận mình phiền não. Ngoại trừ, khi chúng ta có bổn phận nhắc nhở người khác thì phải luôn kiểm lại tâm mình coi còn những điều dở nào. Và khi nhắc nên nói như thế này: Tôi có bổn phận phải nhắc nhở huynh đệ tiến tu chứ tôi còn những điều dở như vậy...

Muốn xây dựng người thì trước phải nhìn lại mình, mới nghe qua như là ích kỷ nhưng đó là căn bản. Nếu cứ lo bên ngoài mà không nhìn lại mình, đó là điều tai hại rất lớn cho người tu.

Có người nói, một người thanh tịnh thì tất cả mọi người đều thanh tịnh, vậy chỉ cần một người tu mọi người khác khỏi tu. Phải vậy không? Khi tâm mình được vô phân biệt, tức thanh tịnh, thì mọi người mình thấy đều thanh tịnh. Cũng như Phật nói, Phật thấy chúng sanh đều thành Phật, mà không thành là tại chúng ta quên ông Phật của mình nên không thành. Đó là cái thấy của người đã được đạo. Nếu chúng ta không khéo nhận thì khi nghe kinh nói một người thanh tịnh khắp pháp giới chúng sanh đều thanh tịnh, chúng ta khỏi cần lo tu làm chi, chờ người khác tu thành Phật rồi mình thanh tịnh theo. Thật là lầm lẫn.

Âm:

Thiện nam tử, giác tánh biến mãn thanh tịnh bất động, viên vô tế cố, đương tri lục căn biến mãn pháp giới, căn biến mãn cố đương tri lục trần biến mãn pháp giới, trần biến mãn cố đương tri tứ đại biến mãn pháp giới, như thị nãi chí đà-la-ni môn biến mãn pháp giới.

Dịch:

Này thiện nam, tánh viên giác thanh tịnh bất động viên mãn khắp cả không ngằn mé, nên biết sáu căn cũng đầy khắp pháp giới, vì sáu căn đầy khắp pháp giới nên biết sáu trần cũng đầy khắp pháp giới, vì sáu trần đầy khắp pháp giới nên biết bốn đại cũng đầy khắp pháp giới, như vậy cho đến pháp môn đà-la-ni cũng đầy khắp pháp giới.

Giảng:

Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy rõ ràng, khi chúng ta nhận được tánh viên giác thênh thang trùm khắp pháp giới ở nơi mình, thì căn trần cũng đều trùm khắp pháp giới. Tại sao? Sở dĩ chúng ta thấy thân mình hạn cuộc bề cao một thước rưỡi hay một thước sáu, trọng lượng khoảng bốn mươi lăm hay năm mươi ký là vì tâm chúng ta còn phân biệt vướng mắc ngoại trần. Khi chúng ta nhận được tánh viên giác trùm cả pháp giới nơi mình và sống được trọn vẹn với tánh viên giác ấy thì thân tâm phải tương ứng với nhau. Vì tâm còn hạn cuộc nên thấy thân cũng hạn cuộc, tâm thênh thang thì thấy thân cũng thênh thang, gốc do tâm. Trước, đức Phật đã nói tâm thanh tịnh thì tất cả đều thanh tịnh, bây giờ Phật cũng nói tâm trùm khắp pháp giới thì thân cũng trùm khắp pháp giới.

Âm:

Thiện nam tử, do bỉ diệu giác tánh biến mãn cố, căn tánh trần tánh vô hoại vô tạp; căn trần vô hoại cố, như thị nãi chí đà-la-ni môn vô hoại vô tạp; như bá thiên đăng quang chiếu nhất thất, kỳ quang biến mãn vô hoại vô tạp.

Dịch:

Này thiện nam, do tánh diệu giác kia đầy khắp pháp giới nên thể tánh của căn trần không hoại không tạp. Vì căn trần không hoại, như thế cho đến pháp môn đà-la-ni cũng không hoại không tạp. Như trăm ngàn ngọn đèn cùng chiếu sáng trong một căn nhà, tuy ánh sáng mỗi ngọn đèn đầy khắp nhà mà không tạp lộn hay hoại diệt lẫn nhau.

Giảng:

Chỗ này là chỗ mà đa số người nghi. Một người tu thành Phật, tánh viên giác trùm khắp pháp giới, người khác tu thành Phật tánh viên giác cũng trùm khắp pháp giới, vậy chỗ đâu mà chứa?

Phật dùng thí dụ, trong một cái nhà tối, chúng ta đốt một ngọn đèn, ánh sáng của ngọn đèn ấy sáng khắp nhà này, bây giờ đốt thêm ngọn đèn nữa thì ánh sáng của ngọn đèn thứ hai cũng không bị giới hạn. Rồi đốt thêm ngọn đèn thứ ba nữa thì căn nhà càng sáng thêm, đốt nhiều ngọn đèn chừng nào thì căn nhà càng sáng chừng nấy, chứ ánh sáng của những ngọn đèn thắp sau không có lẫn lộn hay lấn diệt ngọn đèn thứ nhất. Không thể nói ánh sáng của ngọn đèn thứ nhất sáng khắp nhà rồi, ánh sáng ngọn đèn thứ hai thắp lên hết chỗ chứa, mà trái lại càng nhiều ngọn đèn thì gian nhà càng sáng chứ không có ranh giới tạp nhạp và lấn diệt lẫn nhau.

Cũng thế, một chúng sanh thanh tịnh thì cả thế giới cũng thanh tịnh, nhưng chưa được thanh tịnh lắm, nếu tất cả chúng sanh đều thanh tịnh thì cả thế giới này hoàn toàn thanh tịnh. Mỗi ngọn đèn tuy có ánh sáng riêng, nhưng khi để chung thì không có ranh giới, mà ánh sáng của ngọn đèn nào là của ngọn đèn ấy. Lấy ngọn đèn này ra chỗ khác thì ánh sáng ấy cũng tới chỗ khác và khi một trăm ngọn đèn để chung trong một cái nhà thì ánh sáng như một nên nói là đồng.

Cũng vậy, tâm chân như của tất cả chúng sanh đều đồng một thể, vì không có ranh giới nên nói chư Phật đạo đồng, chỗ chứng thì như nhau mà mỗi Phật đều riêng nên nói hằng hà sa số chư Phật.

Âm:

Thiện nam tử, giác thành tựu cố, đương tri Bồ-tát bất dữ pháp phược, bất cầu pháp thoát, bất yểm sanh tử bất ái Niết-bàn, bất kính trì giới bất tắng hủy cấm, bất trọng cữu tập bất khinh sơ học. Hà dĩ cố? Nhất thiết giác cố, thí như nhãn quang hiểu liễu tiền cảnh, kỳ quang viên mãn đắc vô tắng ái. Hà dĩ cố? Quang thể vô nhị, vô tắng ái cố.

Dịch:

Này thiện nam, vì Bồ-tát thành tựu tánh viên giác nên không bị pháp ràng buộc, chẳng cầu pháp giải thoát, chẳng chán sanh tử chẳng ưa Niết-bàn, chẳng kính người trì giới chẳng ghét người phá giới, chẳng trọng người tu lâu chẳng khinh người mới học. Vì cớ sao? Vì tất cả (đều là) tánh viên giác. Ví như mắt sáng thấy rõ cảnh ở trước, tánh sáng đó đầy khắp tất cả không yêu không ghét. Vì cớ sao? Vì thể sáng không hai nên không yêu không ghét vậy.

Giảng:

Phật dạy chỗ này để cho chúng ta thấy thêm một tầng nữa. Khi thành tựu tánh viên giác thì không còn bị pháp trói buộc, không cầu pháp giải thoát, không chán sanh tử cũng không ưa Niết-bàn v.v... Nghĩa là không còn kẹt hai bên, tâm luôn luôn bất động nên gọi là hằng thanh tịnh. Thí dụ như con mắt của chúng ta nhìn thấy cành hoa trên bàn, vì con mắt sáng cho nên thấy hình dáng của bình hoa rõ ràng, vàng ra vàng đỏ ra đỏ... Nhưng tánh thấy của con mắt không có khen chê yêu ghét. Sở dĩ có khen chê yêu ghét là do sau khi nhìn rồi dấy niệm phân biệt đẹp xấu, đó là cái gốc trói buộc của trần cảnh. Nếu chúng ta nhìn mà không có niệm phân biệt thì không yêu ghét,

là sống được với tánh viên giác thanh tịnh bình đẳng. Đó là chủ yếu của sự tu hành. Chúng ta chưa biết tu thì nhìn người nhìn vật với cái nhìn hai bên, hoặc là người đó tốt hoặc là người đó xấu, tốt thì quý trọng xấu thì khinh khi, do đó niệm phiền não dấy khởi. Ở thế gian, người nào phân biệt giỏi khen chê nhiều thì cho người đó là khôn ngoan lanh lẹ; nhưng trong đạo, đó là người sống với vọng thức nhiều, sống với vọng thức nhiều thì trầm luân sâu. Như vậy muốn biết mình còn trầm luân hay giải thoát là tự biết chứ không cần hỏi ai.

Âm:

Thiện nam tử, thử Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh tu tập thử tâm đắc thành tựu giả, ư thử vô tu diệc vô thành tựu. Viên giác phổ chiếu tịch diệt vô nhị, ư trung bá thiên vạn ức a-tăng-kỳ bất khả thuyết hằng hà sa chư Phật thế giới, do như không hoa loạn khởi loạn diệt, bất tức bất ly, vô phược vô thoát, thủy tri chúng sanh bản lai thành Phật, sanh tử Niết-bàn do như tạc mộng. Thiện nam tử, như tạc mộng cố, đương tri sanh tử cập dữ Niết-bàn vô khởi vô diệt, vô lai vô khứ; kỳ sở chứng giả vô đắc vô thất, vô thủ vô xả; kỳ năng chứng giả vô tác vô chỉ, vô nhậm vô diệt, ư thử chứng trung vô năng vô sở, tất cánh vô chứng diệc vô chứng giả, nhất thiết pháp tánh bình đẳng bất hoại.

Dịch:

Này thiện nam, Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau tu tập tâm (viên giác) này được thành tựu, thật ra cũng không tu không thành tựu. Vì tánh viên giác lặng lẽ chiếu khắp không hai, trong đó trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ thế giới chư Phật nhiều như cát sông Hằng không thể đếm, giống như hoa đốm trong hư không loạn khởi loạn diệt, chẳng tức chẳng ly, không trói buộc không giải thoát. Mới biết chúng sanh xưa

nay đã thành Phật, sanh tử Niết-bàn in như giấc mộng đêm qua. Này thiện nam, vì như giấc mộng đêm qua nên biết sanh tử và Niết-bàn không sanh không diệt, không đến không đi; chỗ chứng không được không mất, không thủ không xả; người năng chứng không tác không chỉ, không nhậm không diệt; trong cái chứng ấy không năng không sở, rốt ráo không pháp chứng cũng không có người chứng, vì tánh tất cả pháp bình đẳng không hoại.

Giảng:

Phật dạy các Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau tuy thấy có tu tập và được tánh viên giác thanh tịnh, nhưng kỳ thật thì không tu cũng không thành tựu. Vì sao? Vì còn có thành tựu là còn có tôi tu và cái tôi được, tức là còn năng còn sở, nếu năng sở còn thì chưa đến chỗ giải thoát hoàn toàn. Vì tánh viên giác lặng lẽ chiếu khắp không hai, không hai thì đâu có năng sở, đâu có tôi tu và quả để tôi chứng. Vì vậy trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ thế giới của chư Phật, chúng ta xem như hoa đốm trong hư không, loạn khởi loạn diệt không có thật. Thế giới của chư Phật còn không thật, huống nữa là thế giới của phàm phu làm sao mà có thật? Do thấy được như vậy nên không mắc kẹt ở tức và ly, không bị các pháp trói buộc, không mắc kẹt trong pháp giải thoát. Chừng đó mới biết chúng sanh từ thuở nào đến giờ đã thành Phật và sanh tử cùng Niết-bàn giống như giấc mộng đêm qua. Vì sao? Vì sanh tử và Niết-bàn là hai tướng đối đãi giả lập, biết sanh tử là hư dối thì Niết-bàn cũng hư dối luôn, nên không sợ sanh tử cũng không cầu Niết-bàn. Sở dĩ thấy hai cái này không quan trọng vì đã nhận ra tánh giác của mình, nếu chưa nhận ra thì *sanh tử sự đại*. Chúng ta phải biết rõ để đừng lầm ý kinh.

Phật lại nói tiếp: sanh tử cùng Niết-bàn không khởi không diệt, không đến không đi. Sở chứng (quả vị) cũng không được không mất, không thủ không xả. Người năng chứng cũng không tạo tác và đình chỉ, không mặc tình và cũng không tiêu diệt. Trong cái chứng này

không năng không sở, rốt ráo không có pháp chứng và người chứng, vì tánh tất cả pháp bình đẳng không hoại. Đó mới là chỗ cứu cánh của người chứng viên giác.

Âm:

Thiện nam tử, bỉ chư Bồ-tát như thị tu hành, như thị tiệm thứ, như thị tư duy, như thị trụ trì, như thị phương tiện, như thị khai ngộ, cầu như thị pháp, diệc bất mê muộn.

Dịch:

Này thiện nam, các vị Bồ-tát kia phải tu hành như thế, thứ lớp như thế, suy nghĩ như thế, trụ trì như thế, phương tiện như thế, khai ngộ như thế, cầu pháp như thế, mới không có mê muội.

Giảng:

Đây là lời kết thúc của đức Phật. Nếu Bồ-tát mới phát tâm, chúng sanh đời sau tu hành như lời Phật dạy trên thì sẽ tới chỗ cứu cánh và không còn mê muội.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Phổ Nhãn nhữ đương tri!

Nhất thiết chư chúng sanh

Thân tâm giai như huyễn,

Thân tướng thuộc tứ đại,

Tâm tánh quy lục trần.

Tứ đại thể các ly,

Thùy vi hòa hợp giả?

Như thị tiệm tu hành

Nhất thiết tất thanh tịnh.

Bất động biến pháp giới,

Vô tác chỉ nhậm diệt,

Diệc vô năng chứng giả.

Nhất thiết Phật thế giới

Do như hư không hoa,

Tam thế tất bình đẳng

Tất cánh vô lai khứ.

Sơ phát tâm Bồ-tát

Cập mạt thế chúng sanh

Dục cầu nhập Phật đạo

Ưng như thị tu tập.

Dịch:

Khi ấy đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên, nói kệ rằng:

Phổ Nhãn ông nên biết:

Tất cả các chúng sanh

Thân tâm đều như huyễn,

Thân tướng thuộc tứ đại,

Tâm tánh thuộc sáu trần.

Tứ đại mỗi thứ rời,

Cái gì là hòa hợp?

Thứ lớp tu như thế

Thảy đều được thanh tịnh.

Khắp pháp giới không động,

Không tác, chỉ, nhậm, diệt,

Cũng không người hay chứng.

Tất cả thế giới Phật

Ví như hoa trong không,

Ba đời đều bình đẳng

Cứu cánh không đến đi.

Bồ-tát mới phát tâm

Và chúng sanh đời sau

Muốn cầu vào Phật đạo

Nên tu tập như thế.

Giảng:

Đức Phật dạy chúng ta phải thấy thân này như huyễn, vì thân này do tứ đại hòa hợp, nên rời tứ đại tìm thân không có. Tâm này chẳng qua là cái duyên theo bóng dáng sáu trần không thật. Thấy được như vậy thì từ từ tất cả đều thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh mới thấy khắp cả pháp giới đều không động, lúc đó chúng ta mới khỏi các bệnh: bệnh tác là tạo tác, bệnh chỉ là kìm, bệnh nhậm là mặc kệ, bệnh diệt tức là cố lắng vọng tưởng xuống; và cũng không thấy có người năng chứng. Khi rõ thân như huyễn rồi thì thấy thế giới của chư Phật cũng như hoa đốm trong hư không, thấy ba đời quá khứ hiện tại vị lai cũng đều bình đẳng. Chủ yếu của Phật dạy trong chương này là khi thấy rõ thân tâm không thật thì tâm mới bất động. Đối với không gian là mười phương thế giới và thời gian là ba đời đều không thật thì tâm hằng thanh tịnh. Nếu tu được như vậy tức là đi đúng đường của Phật dạy.

Chương trước đức Phật dạy tổng quát, thấy thân thật, tâm thật đó là vô minh, bây giờ thấy rõ thân tâm không thật là tập sống với tánh viên giác, khi sống được hoàn toàn thì gọi là thành tựu tánh viên giác. Chương này Bồ-tát Phổ Nhãn xin đức Phật dạy nên dùng

phương tiện gì để tiến tu. Phật dạy, ngồi yên một chỗ hoặc ngồi trong thất hoặc ở trong tùng lâm, quán lại thân này. Cái nào cứng thuộc về đất, cái nào ướt thuộc về nước, cái nào động thuộc về gió, cái nào nóng thuộc về lửa, phân loại rồi quán tưởng từng nhóm, quán như vậy hỏi cái gì là thân. Đến tâm cũng vậy, do ý căn duyên theo bóng dáng sáu trần, hoặc là nghe tiếng hoặc là thấy sắc... Bóng của tiếng của sắc lưu lại, ý căn duyên theo cái bóng lưu lại đó mà suy nghĩ gọi là tâm. Vậy tâm duyên cảnh là cái hư giả không thật, thấy thân tâm đều giả dối là chúng ta phá được vô minh. Hết vô minh mới sống trọn vẹn với tánh viên giác thanh tịnh, do đó căn trần thức đều thanh tịnh, mười phương thế giới đều thanh tịnh...

Tu thứ lớp là như vậy, đừng thấy cảnh huyễn, mà trước hết phải thấy thân tâm này huyễn vì hết lầm thân tâm thì hết lầm cảnh giới. Đức Phật thí dụ rất chính xác, nếu trong bốn phương mà chúng ta lầm một phương thì ba phương kia đều lầm theo. Cũng vậy, ngay thân tâm này mà lầm thì tất cả đều lầm, cho nên muốn phá cái lầm chung đó trước phải phá cái lầm thân tâm.

Hầu hết chúng ta bây giờ không chịu quán thân tâm mà chỉ lo quán người khác. Cả ngày chỉ thấy anh này sai chị kia dở, do đó mà quên cái sai của mình, mới nhìn thấy như Bồ-tát con nhưng mất mình lúc nào không biết. Cho nên Phật tổ đều dạy, khi tu chưa xong thì phải quán mình cho thật kỹ mới khỏi lầm, khỏi lầm thì phá được vô minh, lần lần tâm được thanh tịnh.

Đó là gốc của sự tu hành.

CHƯƠNG IV

BỒ-TÁT KIM CANG TẠNG THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Kim Cang Tạng Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, thiện vị nhất thiết chư Bồ-tát chúng tuyên dương Như Lai viên giác thanh tịnh đại đà-la-ni nhân địa pháp hạnh tiệm thứ phương tiện, dữ chư chúng sanh khai phát mông muội. Tại hội pháp chúng thừa Phật từ hối, huyễn ế lãng nhiên, tuệ mục thanh tịnh. Thế Tôn, nhược chư chúng sanh bản lai thành Phật, hà cố phục hữu nhất thiết vô minh? Nhược chư vô minh chúng sanh bản hữu, hà nhân duyên cố Như Lai phục thuyết bản lai thành Phật? Thập phương dị sanh bản thành Phật đạo, hậu khởi vô minh? Nhất thiết Như Lai, hà thời phục sanh nhất thiết phiền não? Duy nguyện bất xả vô giá đại từ, vị chư Bồ-tát khai bí mật tạng, cập vị mạt thế nhất thiết chúng sanh, đắc văn như thị tu-đa-la giáo liễu nghĩa pháp môn vĩnh đoạn nghi hối.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

Dịch:

Khi ấy Bồ-tát Kim Cang Tạng ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ thẳng chắp tay bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, khéo vì tất cả Bồ-tát nói rõ tánh viên giác thanh tịnh đại đà-la-ni Như Lai, rồi dạy nhân địa và phương tiện thứ lớp tu hành, vì chúng sanh khai phát chỗ tối

tăm. Chúng trong hội này nhờ sự chỉ dạy của Phật nên những cái huyễn hóa che đậy được sáng, mắt tuệ được thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, nếu chúng sanh vốn đã thành Phật vì sao lại có tất cả vô minh? Nếu chúng sanh sẵn có vô minh, do nhân duyên gì Như Lai lại nói xưa nay đã thành Phật? Mười phương chúng sanh đã thành Phật đạo sao lại khởi vô minh? Vậy tất cả Như Lai chừng nào khởi sanh phiền não lại? Cúi mong đức Thế Tôn không bỏ lòng đại từ, vì các vị Bồ-tát mở bày cái kho bí mật này, và vì tất cả chúng sanh đời sau được nghe kinh pháp liễu nghĩa như thế mà hằng đoạn được nghi ngờ.

Thưa lời đây rồi, năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như thế ba lần rồi trở lui.

Giảng:

Kim Cang là một loại đá quý, có đặc tính cứng và sắc phá hoại các vật mà các vật không phá hoại được nó. Đoạn này Bồ-tát Kim Cang Tạng đứng ra thưa hỏi chỗ sâu kín khó khăn, là biểu trưng cho trí tuệ sáng suốt mới phá trừ nổi những mê lầm vi tế.

Bồ-tát Kim Cang Tạng nghi còn vô minh mới gọi là chúng sanh, hết vô minh thì gọi là Phật, thế mà Như Lai lại nói từ xưa đến nay chúng sanh vốn đã thành Phật. Nếu chúng sanh vốn đã thành Phật thì không còn vô minh. Nếu không còn vô minh thì không gọi là chúng sanh. Tại sao Phật còn gọi chúng sanh?

Nếu chúng sanh sẵn có vô minh, thì không thể nói xưa nay đã thành Phật. Tại sao Phật nói xưa nay đã thành Phật?

Mười phương chúng sanh đã thành Phật, sao lại khởi vô minh? Chư Phật hiện nay chừng nào khởi vô minh trở lại? Nếu cố gắng tu thành Phật rồi, lâu lâu khởi vô minh trở lại, như vậy cứ tu tới tu lui hoài, biết bao giờ mới hết tu?

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Kim Cang Tạng Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, như đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, vấn ư Như Lai thậm thâm bí mật cứu cánh phương tiện, thị chư Bồ-tát tối thượng giáo hối liễu nghĩa Đại thừa, năng sử thập phương tu học Bồ-tát cập chư mạt thế nhất thiết chúng sanh, đắc quyết định tín, vĩnh đoạn nghi hối. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Kim Cang Tạng Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

Dịch:

Khi ấy, đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Kim Cang Tạng rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì các vị Bồ-tát và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai về phương tiện rốt ráo thậm thâm bí mật, để dạy bảo các hàng Bồ-tát nghĩa lý Đại thừa liễu nghĩa tối thượng, hay khiến cho mười phương Bồ-tát tu học và tất cả chúng sanh đời sau được lòng tin chắc chắn, hằng đoạn dứt các nghi ngờ. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông nói.

Khi ấy Bồ-tát Kim Cang Tạng hoan hỷ vâng lời dạy, cùng Đại chúng lặng lẽ lắng nghe.

Giảng:

Lời hỏi trên tại sao Phật khen là thậm thâm bí mật cứu cánh phương tiện? Bởi vì không ai trong chúng ta khi bàn tới chỗ này mà khỏi nghi ngờ không biết vô minh có từ bao giờ, khi dẹp hết rồi nó có trở lại không?...

Vì vậy khi biết rõ vô minh là thế nào, bản giác là thế nào... biết rành rẽ thì sự tu hành chúng ta mới tin chắc được, gọi là được lòng tin quyết định.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết thế giới thủy chung sanh diệt, tiền hậu hữu vô, tụ tán khởi chỉ, niệm niệm tương tục, tuần hoàn vãng phục, chủng chủng thủ xả, giai thị luân hồi. Vị xuất luân hồi nhi biện viên giác, bỉ viên giác tánh tức đồng lưu chuyển; nhược miễn luân hồi vô hữu thị xứ.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả thế giới trước sau sanh diệt, trước sau có không, tụ tán khởi dừng, niệm niệm tiếp nối tuần hoàn qua lại, mọi thứ thủ xả đều là luân hồi. Chưa ra khỏi luân hồi mà muốn biện tánh viên giác, thì tánh viên giác đồng với lưu chuyển, nếu ra khỏi luân hồi thì không có lẽ đó.

Giảng:

Đức Phật chỉ cái lầm lẫn đầu tiên của chúng ta. Tất cả thế giới hiện hữu ở cõi đời này trước sau sanh diệt, trước sau có không, tụ tán dừng chỉ, niệm niệm tiếp nối... từng phút từng giây chuyển biến xoay vần qua lại, gọi là luân hồi. Luân hồi là vòng sanh diệt tiếp nối liên miên. Chúng ta chưa ra khỏi vòng sanh diệt tiếp nối ấy, mà muốn biết rõ tánh viên giác thì tánh viên giác cũng đồng với lưu chuyển và muốn khỏi luân hồi mà chưa hết mê thì không bao giờ khỏi. Muốn biết tánh viên giác đó đừng đem tâm luân hồi mà suy nghĩ về viên giác. Trong kinh Pháp Hoa, Phật nói *Giả sử có trăm ngàn muôn triệu ức người trí tuệ như Xá-lợi-phất gom lại để suy nghĩ về trí tuệ Phật, cũng không được một phần trăm một phần ngàn nữa.* Nghĩa là nếu đem trí tuệ mà suy nghĩ (suy nghĩ là cái sanh diệt luân hồi) để biện tánh viên giác của Phật là cái không động, không luân hồi sanh diệt làm sao mà được. Đó là cái lỗi lầm lớn của chúng sanh, đang ở trong vòng lưu chuyển mà muốn biết cái ngoài vòng lưu chuyển thì làm sao biết được? Cũng thế, nếu còn ở trong mê mà muốn nói chuyện giác ngộ thì không bao giờ nói được, cũng như người đang ở trong mộng mà muốn nói chuyện thức thì không nói được. Muốn nói chuyện thức là phải thức mới nói được.

Âm:

Thí như động mục năng diêu trạm thủy, hựu như định nhãn do hồi chuyển hỏa, vân sử nguyệt vận, chu hành ngạn di diệc phục như thị.

Dịch:

Ví như con mắt chớp thấy mặt nước dao động, lại như mắt nhìn sững thấy vòng lửa quay, mây bay trăng chạy, thuyền đi bờ dời cũng y như thế.

Giảng:

Phật dùng sự việc thông thường hằng ngày, như mặt nước hồ đang phẳng lặng nếu mắt chúng ta chớp chớp thì thấy mặt nước gợn sóng. Do mắt chớp mà thấy mặt nước phẳng lặng thành ra dao động. Dụ này để nói rõ còn trong luân hồi muốn bàn về viên giác thì viên giác thành luân hồi, như con mắt đang chớp muốn thấy cái tịnh thì thấy không được. Hoặc như mấy đứa bé đốt nhang chơi, cầm cây nhang quay vòng tròn, lúc nó quay nhanh, mắt chúng ta nhìn chăm chăm vào đầu cây nhang cháy, không thấy đầu cây nhang mà chỉ thấy vòng lửa tròn. Vậy có vòng lửa tròn thật không? Không. Do cây nhang quay quá nhanh, mắt nhìn theo không kịp nên chúng ta thấy như có một vòng lửa tròn. Hay buổi tối có trăng, chúng ta nhìn lên bầu trời thấy có những áng mây bay, mặt trăng chạy ngược. Hoặc chúng ta ngồi trên chiếc thuyền đang chạy trên sông, chúng ta không thấy thuyền đi mà cứ thấy hai bờ sông chạy ngược lại.

Đó là bốn thí dụ để chỉ rõ, dùng tâm cấu nhiễm mê vọng của chúng sanh mà nghĩ ngợi quan sát đến cảnh giới của Phật thì cảnh giới của Phật trở thành cấu nhiễm vọng động. Giống như người đeo kính màu, nếu kính màu đen thì thấy tất cả sự vật bên ngoài màu đen, nếu kính màu xanh thì thấy tất cả sự vật bên ngoài màu xanh v.v... Muốn hết thấy cảnh vật đen hay xanh thì phải gỡ kính ra, chừng đó mới thấy sự vật đúng như thật. Còn mang kính màu mà

muốn thấy màu sắc bên ngoài đúng như thật của nó thì không thể được, vì màu sắc thật bên ngoài đã bị kính màu làm khác đi rồi.

Âm:

Thiện nam tử, chư toàn vị tức, bỉ vật tiên trụ thượng bất khả đắc, hà huống luân chuyển sanh tử cấu tâm tằng vị thanh tịnh, quán Phật viên giác nhi bất toàn phục? Thị cố nhữ đẳng tiện sanh tam hoặc.

Dịch:

Này thiện nam, cái xoay vần chưa dứt, muốn nó dừng trụ còn không thể được, hà huống dùng tâm cấu nhiễm sanh tử luân hồi chưa từng thanh tịnh mà quan sát tánh viên giác của Phật thì sao khỏi lẩn quẩn? Thế nên các ông mới sanh ra ba điều nghi ngờ đó.

Giảng:

Đây là phần chỉ rõ cho ngài Kim Cang Tạng thấy lý do sanh nghi. Nói rằng vòng lửa chưa dừng thì cây nhang chưa dừng, vòng lửa còn mà muốn cây nhang dừng trước có được không? Còn vòng tròn là cây nhang còn quay, bao giờ hết vòng tròn cây nhang mới dừng. Cho nên nói rằng còn vòng tròn mà muốn cây nhang dừng trước còn không thể được, huống là mang cái tâm cấu nhiễm sanh tử lưu chuyển chưa từng trong sạch để xem Phật viên giác của mình, làm sao không thấy xoay vần? Niệm tâm cấu nhiễm là những niệm tâm vọng tưởng sanh diệt. Khi vòng lẩn quẩn chưa dứt các sự vật ở trong vòng lẩn quẩn, chúng ta bảo nó dừng lại còn không được, huống gì tâm ô nhiễm sanh tử luân hồi của chúng ta chưa từng thanh tịnh, mà muốn xem biết tánh viên giác thanh tịnh của Phật thì (tánh viên giác) làm sao chẳng xoay vần? Thế nên các vị Bồ-tát nghi ngờ ba điều vừa nêu trên.

Âm:

Thiện nam tử, thí như huyễn ế vọng kiến không hoa, huyễn ế nhược trừ, bất khả thuyết ngôn: "Thử ế dĩ diệt, hà

thời cánh khởi nhất thiết chư ế?" Hà dĩ cố? Ế hoa nhị pháp phi tương đãi cố.

Dịch:

Này thiện nam, thí như bệnh mắt, huyễn thấy hoa đốm trong hư không, bệnh mắt nếu hết thì không thể nói "bệnh mắt đã diệt, bao giờ sanh tất cả bệnh mắt lại?" Vì cớ sao? Vì bệnh mắt và hoa đốm hai pháp không đối đãi.

Giảng:

Đây trả lời câu hỏi khi hết vô minh rồi chừng nào khởi trở lại. Thí dụ mắt chúng ta bệnh, nhìn lên bầu trời vào buổi trưa nắng thấy có hoa đốm lăng xăng. Khi chúng ta dùng thuốc nhỏ cho mắt lành rồi, có người hỏi "bệnh nhặm mắt của anh chừng nào trở lại?" Chúng ta không trả lời được. Hết nhặm rồi thì thôi, chứ biết chừng nào trở lại? Đó là đức Phật trả lời câu hỏi *Phật thành Phật chừng nào lại khởi vô minh?*

Thành Phật là hết mê lầm và không bao giờ khởi mê lầm nữa. Bệnh mắt và hoa đốm là hai cái không thật thì làm sao nói chừng nào có chừng nào không. Cũng vậy, vô minh không thật thì đâu thể nói chừng nào sanh chừng nào diệt.

Âm:

Diệc như không hoa diệt ư không thời, bất khả thuyết ngôn hư không hà thời cánh khởi không hoa. Hà dĩ cố? Không bản vô hoa phi khởi diệt cố.

Dịch:

Cũng như hoa đốm khi diệt trong hư không, không thể nói khi nào sanh lại hoa đốm nữa. Vì cớ sao? Vì hư không vốn không có hoa đốm nên chẳng khởi diệt.

Giảng:

Hư không đâu có sanh ra hoa đốm, vì mắt bị bệnh nên thấy có hoa đốm khởi diệt. Nếu mắt hết bệnh thì hoa đốm theo đó mà hết. Cũng thế nếu vô minh hết thì hiện tượng sanh diệt cũng hết, không thể nói chừng nào hoa đốm khởi.

Âm:

Sanh tử Niết-bàn đồng ư khởi diệt, diệu giác viên chiếu ly ư hoa ế. Thiện nam tử, đương tri hư không phi thị tạm hữu diệc phi tạm vô, huống phục Như Lai viên giác tùy thuận, nhi vi hư không bình đẳng bản tánh.

Dịch:

Sanh tử Niết-bàn đồng với khởi diệt, tánh viên giác mầu nhiệm chiếu soi này lìa cả hoa đốm và mắt bệnh. Này thiện nam, nên biết hư không chẳng phải tạm có cũng chẳng phải tạm không, huống chi tánh viên giác Như Lai vốn bình đẳng tùy thuận như hư không.

Giảng:

Phật chỉ cho chúng ta biết Niết-bàn và sanh tử là hai cái đối đãi, bởi đối đãi nên đồng có sanh có diệt.

Còn diệu giác viên chiếu không phải pháp đối đãi, nó ra ngoài cái đối đãi, hiểu rõ thì thấy lý bất nhị rõ ràng. Cho nên Phật nói hư không còn không thể tạm có tạm không huống là tánh viên giác. Hư không không tạm có cũng không phải tạm không, tạm có tạm không là hoa đốm. Khi nào mắt bệnh thì thấy có hoa đốm, khi mắt không bệnh thì thấy không hoa đốm, thấy có hoa đốm thấy không hoa đốm là do mắt bệnh, chứ hư không lúc nào cũng bình đẳng bất động. Tánh viên giác Như Lai ví như hư không bình đẳng, không tạm có cũng không tạm không; khi vô minh hết thì tánh viên giác hiển bày chứ không phải sanh, khi vô minh che phủ thì tánh viên giác ẩn chứ không phải tánh viên giác diệt, khởi diệt là do vô minh chứ không phải do tánh viên giác.

Âm:

Thiện nam tử, như tiêu kim khoáng, kim phi tiêu hữu; ký dĩ thành kim bất trùng vi khoáng, kinh vô cùng thời kim tánh bất hoại. Bất ưng thuyết ngôn bản phi thành tựu, Như Lai viên giác diệc phục như thị.

Dịch:

Này thiện nam, như lọc quặng vàng, chất vàng không phải do lọc mà có. Khi đã thành vàng ròng rồi thì chẳng trở lại thành khoáng, trải qua thời gian không cùng, tánh vàng không hề biến hoại. Chẳng nên nói vốn chẳng thành tựu, tánh viên giác Như Lai cũng y như thế.

Giảng:

Đây là lần thứ hai Phật trả lời câu hỏi Phật thành Phật rồi bao giờ trở lại vô minh? Qua thí dụ này chúng ta thấy tuy vàng sẵn có trong quặng, không phải do lọc mà thành nhưng cái lọc đó không phải không thành tựu. Vàng sẵn có nhưng có trong cái lẫn lộn, do lọc mới thành vàng ròng. Khi thành vàng ròng rồi không trở lại thành khoáng được. Như vậy lọc là công phu để thành vàng ròng, cho nên thành tựu. Phật giác ngộ tánh viên giác tròn đầy, ngài thấy tất cả chúng sanh đều sẵn có tánh viên giác, nên nói tất cả chúng sanh đã thành Phật là căn cứ trên tánh viên giác mà nói, nhưng do vô minh che nên tánh viên giác bị khuất đi. Bây giờ tu là để gạn lọc vô minh, vô minh hết thì tánh viên giác hiển bày là thành Phật, chứ không thể nói bao giờ lại khởi phiền não. Vì sao? Vì thành Phật là vĩnh viễn sống với tánh viên giác thì đâu có mê lầm mà khởi phiền não. Khi đã thành vàng ròng thì trải qua thời gian vô cùng vàng ròng vẫn là vàng ròng. Tánh viên giác cũng vậy, khi hết vô minh rồi thì tánh viên giác không bao giờ trở lại vô minh.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết Như Lai diệu viên giác tâm bản vô Bồ-đề cập dữ Niết-bàn, diệc vô thành Phật cập bất thành Phật, vô vọng luân hồi cập phi luân hồi.

Dịch:

Này thiện nam, tâm diệu viên giác của tất cả Như Lai vốn không có Bồ-đề và Niết-bàn, cũng không có thành Phật và chẳng thành Phật, không có vọng luân hồi và phi luân hồi.

Giảng:

Đức Phật xác nhận lại một lần nữa. Trong tánh diệu viên giác của Như Lai không có Bồ-đề, không có Niết-bàn... Nếu trong đó dứt tất cả thì chúng ta cầu làm chi? Sở dĩ chúng ta ngày đêm cầu vì còn thấy đây là sanh tử kia là Niết-bàn, đây là phiền não kia là Bồ-đề. Cho nên bỏ phiền não cầu Bồ-đề, bỏ sanh tử cầu Niết-bàn là còn thấy hai, còn thấy hai là còn thấy trên dụng công tu tập. Trong lúc vàng còn lẫn các chất chì thiếc thì phải lọc, cũng như còn thấy phiền não thì phải tu. Tánh viên giác mầu nhiệm của chư Phật vốn không có hai bên, không giả tướng danh tự, chỉ thuần một tánh giác hiển lộ. Thí dụ vàng ròng được lọc ra chúng ta gọi nó là vàng ròng, chứ lẽ thật nó không có tên. Tại chúng ta thấy màu nó vàng nên đặt tên là vàng. Cái thể thật nó không có tên, mà do vọng tưởng chúng ta đặt tên cho nó. Tánh viên giác cũng vậy, không có tên Bồ-đề, Niết-bàn, nhưng vì đối với sanh tử thì gọi là Niết-bàn, đối với mê thì gọi là giác ngộ... Gọi như vậy là do tâm phân biệt đối đãi của chúng ta đặt tên để gọi, chứ bản chất nó không có tên, nên Lục Tổ cũng đã nói *nó không đầu không đuôi không tên không họ.*

Âm:

Thiện nam tử, đản chư Thanh văn sở viên cảnh giới, thân tâm ngữ ngôn giai tất đoạn diệt, chung bất năng chí bỉ chi thân chứng sở hiện Niết-bàn, hà huống năng dĩ hữu tư duy tâm trắc độ Như Lai viên giác cảnh giới.

Dịch:

Này thiện nam, chỉ cảnh giới Niết-bàn của Thanh văn, thân tâm ngôn ngữ đoạn diệt trọn không thể đến được chỗ thân chứng kia, huống là dùng tâm suy tư tạp nhạp mà đo lường cảnh giới viên giác Như Lai.

Giảng:

Đức Phật đưa ra một thí dụ để so sánh. Cảnh giới Niết-bàn của Thanh văn là cảnh giới tâm thanh tịnh, thân không lay động như tro nguội, nên nói thân tâm đoạn diệt. Cảnh giới Niết-bàn này hàng chúng sanh không thể dùng ngôn ngữ tâm phân biệt mà suy tư luận bàn, huống chi cảnh giới Niết-bàn của Phật làm sao dùng tâm suy nghĩ mà so lường được? Đó là Phật chỉ rõ, còn vọng tưởng thì không bao giờ thấy.

Âm:

Như thủ huỳnh hỏa thiêu Tu-di sơn, chung bất năng trước; dĩ luân hồi tâm sanh luân hồi kiến, nhập ư Như Lai đại tịch diệt hải, chung bất năng chí. Thị cố ngã thuyết nhất thiết Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, tiên đoạn vô thủy luân hồi căn bản.

Dịch:

Như lấy lửa của đom đóm mà đốt núi Tu-di, trọn không thể được. Dùng tâm luân hồi sanh kiến giải luân hồi mà muốn vào biển đại tịch diệt Như Lai, trọn không thể đến được. Thế nên ta nói tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau trước phải đoạn cội gốc luân hồi vô thủy.

Giảng:

Đức Phật nói, nếu dùng tâm luân hồi và kiến giải luân hồi mà luận bàn về tánh viên giác Như Lai thì chẳng khác nào dùng chút lửa đom đóm để đốt núi Tu-di, núi không bao giờ cháy. Cũng vậy,

chúng ta dùng tâm sanh diệt suy nghĩ mà muốn vào biển đại tịch diệt của Như Lai thì không bao giờ được. Muốn vào biển đại tịch diệt của Như Lai thì phải lặng hết tâm suy nghĩ. Có nhiều người lầm cho rằng muốn hiểu chân như Bồ-đề thì phải ngồi nghiền ngẫm suy nghĩ ngày nào đó sẽ hiểu. Không thể được! Vì dùng tâm phân biệt để mong thấy cái không phân biệt thì làm sao thấy được? Lại có nhiều người còn lầm hơn nữa, cho rằng học Phật pháp không khó, cứ ráng ngồi nghiền ngẫm mãi sẽ được Niết-bàn. Lẽ thật thì không như thế, muốn được Niết-bàn phải tu cho tâm được an định rồi tánh viên giác mới hiển bày. Chừng đó không muốn được Niết-bàn mà nó tự đầy đủ. Trọng tâm tu là ở chỗ đó, dừng tâm sanh diệt luân hồi lại, mới thấy cái không sanh diệt không luân hồi, đó là chỗ thiết yếu. Vì vậy mà Phật nói các vị Bồ-tát và chúng sanh đời sau, trước phải đoạn cội gốc luân hồi từ vô thủy là vô minh thấy thân tâm thật. Dứt sạch vô minh thì mới nhận được tánh viên giác chân thật.

Âm:

Thiện nam tử, hữu tác tư duy, tùng hữu tâm khởi, giai thị lục trần, vọng tưởng duyên khí, phi thật tâm thể dĩ như không hoa, dụng thử tư duy biện ư Phật cảnh, do như không hoa, phục kết không quả triển chuyển vọng tưởng, vô hữu thị xứ.

Dịch:

Này thiện nam, khởi suy nghĩ là từ tâm vọng mà khởi, (tất cả suy nghĩ) đều do sáu trần vọng tưởng duyên khí, giống như hoa đốm trong hư không chẳng phải là tâm thể chân thật. Dùng suy nghĩ mà biện cảnh giới Phật giống như mong hoa đốm trong hư không kết thành quả, chỉ càng thêm vọng tưởng, hoàn toàn không thể được.

Giảng:

Đức Phật lại cảnh cáo chúng ta, ngài nói người khởi suy nghĩ cho cái suy nghĩ là tâm, tâm đó chỉ là vọng tưởng do duyên theo sáu trần mà có, không có thật thể nên ví nó như hoa đốm giữa hư không. Dùng tâm không thật mà suy nghĩ về cảnh giới Phật thì không thể được, chẳng khác nào thấy hoa đốm lăng xăng trong hư không mà mong nó có quả, chắc chắn không bao giờ được. Vì hoa đốm vốn không thật làm sao có quả? Cũng vậy, tâm vọng tưởng nguyên không thật thì làm gì thấy được tánh giác là cái chân thật. Cho nên chạy theo vọng tưởng mà muốn thấy được cái chân thật trọn không có lẽ phải vậy.

Trong đạo có hai hạng người học Phật, một là học giả, hai là hành giả. Học giả là người dùng tâm suy nghĩ để nghiên cứu nghiền ngẫm giáo lý của Phật, còn hành giả là học phương pháp của Phật dạy để ứng dụng tu thể nhập được lý đạo. Hai hạng người đó khác nhau, một bên dùng trí suy tư để mong hiểu Phật, một bên dùng pháp Phật dạy để định tâm mình, mong ngộ lẽ thật. Hai hạng người đó đối với kinh Viên Giác người nào trúng? Người ứng dụng tu hành. Thế mà có nhiều người nghe nói ông đó có bằng Tiến sĩ Phật học thì cũng khen tấm tắc: Chà, ông đó cao quá! Hay quá! Nhưng mà hay thật chưa? Giá trị thật không phải ở cấp bằng mà ở chỗ có dừng được tâm điên đảo của mình hay không. Trong giới tu hành hiện nay hay vấp phải cái lỗi đó, lấy cái học làm trên. Nếu lấy cái học làm trên thì sự thực chứng không có. Không sự chứng ngộ thì làm sao thể nhập chân lý? Làm sao mồi được ngọn đuốc tuệ của Phật để soi đường cho chúng sanh đang đi trong đêm tối? Không có những bậc tu chứng thì lấy ai tiếp nối duy trì Phật pháp? Sau khi Phật Niết-bàn, cuộc kết tập kinh điển lần thứ nhất toàn là những bậc đắc quả A-la-hán dự. Lúc đó ngài A-nan chưa đắc quả bị ngài Đại Ca-diếp từ chối không cho vào, mặc dầu ngài biết nếu không có ngài A-nan thì không ai trùng tuyên lại tạng kinh được.

Lại có những vị vô chùa cạo tóc rồi ôm sách tới trường, học năm mười năm ra giảng đạo, lên Thượng tọa rồi tới già chết. Như vậy chừng nào thấy được lẽ thật? Chủ yếu của người học đạo là học cho

biết để thực hành, chứ không phải lấy kiến giải làm sở đắc, nếu lấy kiến giải làm sở đắc thì ngàn đời không thấy được chân lý! Hậu vận Phật giáo sẽ ra sao nếu trong giới tu sĩ không có những người thực chứng ngộ? Có nhiều quyển sách của các học giả viết về đạo Phật, lý luận làm cho người đọc thêm rối, đưa người đọc lạc vào rừng ngôn ngữ không biết lối ra. Muốn hiểu đạo lý, muốn giải thoát sanh tử thì học rồi phải thực hành, mới mong thấy được manh mối của sự giải thoát, đó là giải hạnh tương ưng. Hòa thượng Pháp chủ Khánh Anh có để lại hai câu bất hủ trên giảng đường chùa Xá Lợi: *Tu mà không học là tu mù, học mà không tu là đãy đựng sách.* Đó là một lẽ thật chúng ta cần xét kỹ.

Như chúng tôi ngày xưa học ở Phật Học Viện mười năm rồi đi giảng ở nhiều nơi, nói thì hay lắm, danh từ nào giải thích cũng được, nhưng khi ứng dụng tu thì lúng túng không biết làm sao tu cho đúng. Người có cấp bằng cao chưa phải là người tu cao, mà người tu cao là không có gì lạ hết. Thân không thật, tâm vọng không thật thì có cái gì? Vậy người tu theo đạo Phật là tu càng cao thì cái ngã càng thấp; cái ngã càng cao thì sự tu hành chưa tới đâu.

Âm:

Thiện nam tử, hư vọng phù tâm đa chư xảo kiến, bất năng thành tựu viên giác phương tiện, như thị phân biệt, phi vi chánh vấn.

Dịch:

Này thiện nam, tâm nổi trôi hư vọng sanh nhiều kiến chấp xảo ngụy, nên không thể thành tựu được phương tiện viên giác. Phân biệt như thế thì chẳng phải là câu hỏi chân chánh.

Giảng:

Đoạn này nếu chúng ta không hiểu, thấy như đức Phật mâu thuẫn, vì ở trước ngài khen Bồ-tát Kim Cang Tạng khéo vì các Bồ-tát, các chúng sanh đời mạt pháp mà hỏi cái bí mật thậm thâm Như

Lai, nhưng đến đây đức Phật lại quở phân biệt như vậy không phải là hỏi chân chánh! Tại sao trước Phật khen sau lại chê? Trước Phật khen là vì câu hỏi của Bồ-tát Kim Cang Tạng giải nghi cho người tu sau này. Phật quở ngài Kim Cang Tạng cũng chính là xác nhận chúng ta biết rằng không bao giờ dùng tâm suy nghĩ rối loạn mà tìm thấy được viên giác chân chính. Vì vậy mà đức Phật chỉ cho chúng ta thấy cái tâm hư vọng phù phiếm nó nhiều xảo ngụy dối trá khéo lắm. Nó sanh ra cái này, chấp cái kia đủ chuyện, mới cho cái đó là phải lát nữa lại cho là quấy. Cho nên nói rằng nó nhiều xảo kiến. Nếu cứ dùng tâm xảo ngụy đó để hỏi cái này hỏi cái kia là không hợp đạo, mà phải lặng tâm phù trầm hư dối đó thì mới thành tựu phương tiện viên giác.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Kim Cang Tạng đương tri!

Như Lai tịch diệt tánh,

Vị tằng hữu chung thủy.

Nhược dĩ luân hồi tâm,

Tư duy tức toàn phục,

Đản chí luân hồi tế,

Bất năng nhập Phật hải.

Thí như tiêu kim khoáng,

Kim phi tiêu cố hữu,

Tuy phục bản lai kim,

Chung dĩ tiêu thành tựu

Nhất thành chân kim thể,

Bất phục trùng vi khoáng.

Sanh tử dữ Niết-bàn,

Phàm phu cập chư Phật,

Đồng vi không hoa tướng.

Tư duy do huyễn hóa,

Hà huống cật hư vọng?

Nhược năng liễu thử tâm,

Nhiên hậu cầu viên giác.

Dịch:

Khi ấy, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên, nói kệ rằng:

Kim Cang Tạng nên biết:

Như Lai tánh vắng lặng,

Chưa từng có sau trước.

Nếu dùng tâm luân hồi,

Suy nghĩ càng lẩn quẩn,

Chỉ đến mé luân hồi,

Không vào được biển Phật.

Ví như lọc quặng vàng,

Vàng chẳng do lọc được,

Tuy trước vàng sẵn có,

Sau do lọc mới thành,

Khi đã thành vàng ròng,

Chẳng trở lại làm khoáng.

Sanh tử và Niết-bàn,

Phàm phu cùng chư Phật,

Như hoa đốm trong không.

Suy nghĩ đều huyễn hóa,

Huống là hỏi hư vọng?

Nếu hay rõ tâm này,

Nhiên hậu cầu viên giác.

Giảng:

Đức Phật dạy, tánh Như Lai lặng lẽ chưa từng có trước sau, vì trước sau là thời gian, mà thời gian thì không thật. Nếu dùng tâm luân hồi để suy nghĩ tánh viên giác thì tánh lặng lẽ ấy cũng trở thành xoay vần, nên không thể nhập được tánh viên giác. Ở đây Phật chỉ luân hồi là chỉ thẳng tâm sanh diệt. Đem tâm sanh diệt mà nghĩ về tánh viên giác thì không đúng. Thí dụ lọc vàng, vàng chẳng phải do lọc mà có, vì vàng đã có sẵn trong quặng từ xưa rồi, nhưng không luyện lọc không dùng được.

Cũng vậy, nói phải tu mới thành Phật thì không phải, vì Phật có sẵn trong mỗi chúng sanh, bởi vô minh che phủ nên tu để dẹp vô minh. Khi vô minh hết thì Phật hiện tiền, chứ đâu phải do tu mới được thành Phật. Tu là hành động là phương tiện, nếu tu mà được tánh viên giác thì tánh viên giác ấy cũng là hành động cũng là phương tiện sao? Tuy nhiên đức Phật nói quặng cũng phải lọc bỏ khoáng mới được vàng ròng. Cũng vậy, tuy không phải tu mới được thành Phật, nhưng từ xưa Phật cũng phải tu mới hết vô minh, Phật tánh mới hiện. Nói như vậy để chúng ta khỏi lầm phải tu mới có tánh viên giác, mà tánh viên giác sẵn có, nói tu là một lối nói. Nếu nói không do tu mà được thành Phật thì một số người không chịu tu. Cho nên Phật mới nói Phật cũng phải tu mới thành. Vàng quặng khi đã thành vàng ròng rồi thì không trở lại làm khoáng nữa, cũng vậy khi đã thành Phật rồi thì không trở lại làm chúng sanh. Quý vị nhớ lại câu ngài Hoài Nhượng đáp với Lục Tổ: *Tu chứng chẳng phải không, nhiễm ô chẳng thể được.* Tu chứng chẳng phải không bởi vì tuy biết nó là có mà không tu nó không hiện, nên tu chứng chẳng

phải không, nhưng nhiễm ô chẳng thể được. Vàng là vàng, không vì lẫn chất tạp mà biến chất. Nó không thể nhiễm ô được. Chính những câu nói đơn giản của các tổ, nhìn lại kinh không bao giờ khác. Nhận ra được tánh đó rồi bao nhiêu vị tổ bao nhiêu người tu nói không khác nhau, đó là thấy được nên nói không khác. Tánh viên giác vẫn là viên giác, không vì lăn lộn trong luân hồi mà tánh viên giác biến thành luân hồi. Đó là chỗ thiết yếu chúng ta phải nhận ra để trên đường tu chúng ta vững lòng tin. Khi ấy thì sanh tử cùng Niết-bàn, phàm phu cùng chư Phật là tướng giả dối như hoa đốm trong hư không. Tại sao vậy? Vì khi thành Phật thì mới thấy những danh từ đối đãi mê và giác, sanh tử và Niết-bàn đều không thật. Phật lại nói thêm, suy nghĩ là huyễn hóa, huống là nêu lên câu hỏi hư vọng như trên. Người nào sáng tỏ được lý này mới mong thể nhập được tánh viên giác.

CHƯƠNG V

BỒ-TÁT DI-LẶC THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Di-lặc Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, quảng vị Bồ-tát khai bí mật tạng, linh chư đại chúng thâm ngộ luân hồi, phân biệt tà chánh, năng thí mạt thế nhất thiết chúng sanh vô úy đạo nhãn, ư đại Niết-bàn sanh quyết định tín, vô phục trùng tùy luân chuyển cảnh giới khởi tuần hoàn kiến. Thế Tôn, nhược chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, dục du Như Lai đại tịch diệt hải, vân hà đương đoạn luân hồi căn bản? Ư chư luân hồi hữu kỷ chủng tánh? Tu Phật Bồ-đề kỷ đẳng sai biệt? Hồi nhập trần lao, đương thiết kỳ chủng giáo hóa phương tiện độ chư chúng sanh? Duy nguyện bất xả cứu thế đại bi, linh chư tu hành nhất thiết Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, tuệ mục túc thanh chiếu diệu tâm kính, viên ngộ Như Lai vô thượng tri kiến.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Khi ấy Bồ-tát Di-lặc ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Thế Tôn đại bi, rộng vì các Bồ-tát mở bày kho bí mật khiến cho đại chúng phân biệt tà chánh, thâm ngộ được lý luân hồi, hay bố thí cho tất cả chúng sanh đời sau được đạo nhãn vô úy, đối với Đại Niết-bàn sanh lòng tin quyết định,

không còn khởi kiến chấp, không trở lại cảnh giới luân hồi. Bạch Thế Tôn, nếu các vị Bồ-tát và chúng sanh đời sau muốn dạo chơi trong biển đại tịch diệt Như Lai, làm sao đoạn được cội gốc luân hồi? Đối với luân hồi có bao nhiêu chủng tánh? Tu đạo Bồ-đề của Phật có bao nhiêu bậc khác nhau? Khi trở vào trong trần lao lập bao nhiêu thứ phương tiện giáo hóa để độ chúng sanh? Cúi mong đức Thế Tôn chẳng bỏ lòng đại bi cứu thế, khiến cho tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau tu hành mắt tuệ trong sáng, chiếu diệu gương tâm, viên ngộ được tri kiến vô thượng Như Lai.

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như vậy ba lần rồi trở lui.

Giảng:

Bồ-tát Di-lặc (Maitreya) là ngài Từ Thị. Từ Thị là lòng đại bi. Vì ngài khởi lòng đại bi độ khắp chúng sanh nên hỏi các phương tiện tường tận để Phật dạy kỹ lưỡng cho mọi người đều có thể tu được. Chủ yếu của đoạn này là Bồ-tát Di-lặc hỏi về cội gốc luân hồi. Trong bốn câu hỏi của ngài nêu ở trên, câu hỏi thứ nhất là then chốt rất quan trọng, liên hệ đến sự tu hành của chúng ta.

1. Làm sao đoạn được cội gốc luân hồi?

2. Luân hồi có bao nhiêu chủng tánh?

3. Tu đạo Bồ-đề của Phật có mấy hạng người?

4. Những hàng Bồ-tát đi vào trong cõi trần lao lập bao nhiêu thứ phương tiện để độ chúng sanh?

Câu hỏi chót thì không liên hệ với chúng ta hiện tại, vì hỏi chuyện Bồ-tát trở lại trần lao độ sanh. Chúng ta thì chưa phải Bồ-tát, chỉ là người bị nghiệp lôi vào trần lao chứ không phải trở lại trần lao vì hạnh nguyện. Hiểu bốn câu hỏi đó, chúng ta mới hiểu câu trả lời của đức Phật.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Di-lặc Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, như đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, thỉnh vấn Như Lai thâm áo bí mật vi diệu chi nghĩa, linh chư Bồ-tát khiết thanh tuệ mục, cập linh nhất thiết mạt thế chúng sanh vĩnh đoạn luân hồi, tâm ngộ thật tướng, cụ vô sanh nhẫn, như kim đế thính đương vị như thuyết.

Thời Di-lặc Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng, mặc nhiên nhi thính.

Dịch:

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Di-lặc rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì các Bồ-tát và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai nghĩa thâm áo bí mật vi diệu, khiến cho mắt tuệ của các Bồ-tát được trong sáng, và khiến cho tất cả chúng sanh đời sau hằng đoạn được luân hồi, tâm ngộ được thật tướng, đầy đủ pháp vô sanh nhẫn. Các ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà nói.

Khi ấy Bồ-tát Di-lặc hoan hỷ vâng lời dạy, cùng chư đại chúng yên lặng lắng nghe.

Giảng:

Phật khen Bồ-tát Di-lặc khéo nêu lên những câu hỏi, để Phật chỉ dạy cho các vị Bồ-tát hiện tại mắt trí tuệ được sáng và chúng sanh đời sau được ra khỏi luân hồi. Phật dặn đại chúng nên lắng nghe.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh tùng vô thủy tế, do hữu chủng chủng ân ái, tham dục cố hữu luân hồi. Nhược chư

thế giới nhất thiết chủng tánh: noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, giai nhân dâm dục nhi chánh tánh mạng, đương tri luân hồi ái vi căn bản. Do hữu chư dục trợ phát ái tánh, thị cố năng linh sanh tử tương tục.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả chúng sanh từ vô thủy do các thứ ân ái, tham dục nên có luân hồi. Tất cả chủng tánh trong thế giới như noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh đều nhân dâm dục mà có thân mạng; nên biết sự luân hồi, ái dục là cội gốc. Do có dục giúp phát sanh tánh ái, thế nên khiến cho sanh tử nối tiếp.

Giảng:

Đoạn này Phật chỉ thẳng ái là cội gốc của sanh tử luân hồi để trả lời câu hỏi thứ nhất.

Ở trên đức Phật đã nói rõ tất cả chúng sanh từ vô thủy đến giờ do ân ái tham dục mà có sanh tử luân hồi. Chữ ái ở đây đức Phật chỉ nghĩa ái mạng - ái ngã, cái ái này nặng nhất. Ái ngã tức là yêu mình, bởi yêu mình nên bỏ thân này muốn tạo thân khác, bởi yêu mình mới có những tham dục khác. Vì nhân ái ngã rồi có dục phát sanh, vậy dục trợ phát cho tánh ái. Thế nên ái dục là gốc sanh tử luân hồi tiếp nối không dứt.

Chỗ này trong kinh Tạp A-hàm, đức Phật dùng một thí dụ thật rõ nói về tánh ái, ái còn thì sanh mạng còn, ái hết thì sanh mạng hết. Ngài thí dụ một bầy trẻ con đang chơi ngoài vườn. Đang say sưa chơi với nhau, đứa cất chòi đứa nấu nướng v.v... Nếu có người lớn tới hất bỏ, chúng sẽ khóc la. Khi người lớn đi rồi, chúng lại làm lại. Chỉ khi nào chúng tự chán, tự hất bỏ chừng đó mới yên chuyện. Cái thích của bọn trẻ con đức Phật dụ là ái, chúng sanh là bọn trẻ con. Như thế đang trong luân hồi, đức Phật lại bảo các ông đừng làm chuyện đó để luân hồi, nhất định chúng sanh cãi Phật liền vì còn đang thích.

Chỉ khi nào tự chúng ta sợ, tự chúng ta chán, chúng ta mới bỏ việc luân hồi của mình.

Khi sanh tử luân hồi thì có các loại như thai sanh, thấp sanh, noãn sanh, hóa sanh. Bốn loại này đều từ ân ái tham dục mà có. Muốn hết luân hồi sanh tử, cứ ngay gốc ái dục mà đào. Nếu không biết manh mối sanh tử luân hồi từ đâu thì không thể dứt trừ được. Trong kinh Pháp Cú đức Phật có dạy, đốn cây mà không đào gốc thì tược nhánh nảy sanh hoài, ái dục không trừ dứt thì khổ não vẫn theo ta mãi. Do dục giúp phát sanh tánh ái rồi tiếp nối sanh tử. Thân này vừa mất thì muốn có thân khác, dục giúp cho tánh ái mạnh đưa chúng ta tới chỗ thọ sanh, nó dẫn đi mãi trong vòng sanh tử.

Âm:

Dục nhân ái sanh, mạng nhân dục hữu, chúng sanh ái mạng hoàn y dục bản, ái dục vi nhân ái mạng vi quả.

Dịch:

Dục nhân ái sanh, thân mạng nhân nơi dục mà có, chúng sanh ái thân mạng lại y nơi dục làm gốc, ái dục là nhân, ái mạng là quả.

Giảng:

Đức Phật phân tích cho chúng ta thấy rõ, dục nhân ái mà có, dục từ ái mà sanh ra, ái là yêu mến, bởi yêu mến cho nên có dục. Nhân dục mà có sanh mạng, khi có sanh mạng rồi trở lại ái mạng. Do dục mà có thân, có thân rồi ái thân. Chúng ta thấy nhiều người có phước thân tốt đẹp khỏe mạnh, thì họ ái thân đã đành, còn những người vô phước họ có ái thân họ không? Họ vẫn ái thân họ như thường. Có thân là có ái. Bởi ái thân nên muốn thân ăn cho ngon, muốn thân mặc cho đẹp, muốn thân được người ta khen, cái gì cũng muốn cho thân mình được. Từ cái ái mà muốn thỏa mãn mọi nhu cầu, nhu cầu nào thiếu là bực bội. Chúng ta nói chúng ta thương người này mến người kia, kỳ thật tất cả cái mến thương gốc từ thương mình mà ra.

Người nào thương mình nhiều là thương người nhiều. Tại sao vậy? Bởi thương mình nhiều cho nên người nào giúp mình, mình thương họ ghê lắm! Mong họ tiếp tục giúp mình nữa để được lợi cho mình. Còn người nào không thương mình thì ai giúp, mình cũng lơ là. Bệnh đó là bệnh nặng của chúng sanh. Mới nhìn qua thì thấy người nào biết lo cho người này người kia là tốt, nhưng mà lo cho người này người kia là vì mình mà lo, chứ ít có vì người mà lo lắm. Hiểu chỗ đó rồi thì mới thấy từ dục mà có thân, có thân rồi ái thân, muốn đời khác cũng có thân nữa... Cứ tiếp tục đời này sang đời khác không bao giờ cùng tận. Vì vậy nói ái là gốc của luân hồi. Bây giờ muốn không có thân đời sau thì phải dứt ngay gốc ái.

Qua lý này chúng ta mới hiểu tại sao trước tiên Phật cấm người xuất gia dâm dục. Mục đích của người xuất gia là dứt sanh tử, nên Phật nhắm thẳng vào đích, bắt phải đào gốc ái dục trước rồi lần lần phá ngã chấp, ngã chấp phá rồi thì luân hồi sanh tử theo đó mà hết.

Như thế chúng ta mới thấy rõ được thâm ý của đức Phật dạy, từ giới luật cho tới kinh điển trước sau chỉ có một chủ đích. Vậy sanh tử luân hồi do ái dục và ái mạng làm nhân làm duyên nối tiếp nhau không cùng. Bây giờ nhìn ngay nơi tâm niệm của chúng ta xem ái ngã còn nhiều hay ít? Nếu ái ngã nhiều thì dòng sanh tử khó mà dứt được.

Âm:

Do ư dục cảnh khởi chư vi thuận, cảnh bối ái tâm nhi sanh tắng tật, tạo chủng chủng nghiệp, thị cố phục sanh địa ngục ngạ quỷ. Tri dục khả yểm, ái yếm nghiệp đạo, xả ác nhạo thiện, phục hiện thiên nhân. Hựu tri chư ái khả yểm ác cố, khả ái nhạo xả hoàn tư ái bản, tiện hiện hữu vi tăng thượng thiện quả, giai luân hồi cố bất thành thánh đạo. Thị cố chúng sanh dục thoát sanh tử miễn chư luân hồi, tiên đoạn tham dục cập trừ ái khát.

Dịch:

Do cảnh dục mà khởi thuận nghịch, cảnh trái với tâm ái thì sanh ra ganh ghét, tạo các thứ nghiệp nên sanh nơi địa ngục, ngạ quỷ. Biết dục đáng chán, thích cái chán nghiệp đạo, bỏ ác ưa lành thì được sanh ở cõi người cõi trời. Biết ái nhiễm là ác đáng chê chán, song bỏ ái mà thích "cái bỏ", trở lại nuôi dưỡng thêm gốc ái, nên sanh ở cõi thiện hữu vi cao hơn, đều là luân hồi nên không thành thánh đạo. Thế nên chúng sanh muốn thoát sanh tử khỏi luân hồi, thì trước phải đoạn tham dục và trừ tâm khát ái.

Giảng:

Do ái dục mà có thân người, sanh trong cõi người. Dục tức là lòng tham muốn, do tham muốn nên khởi ra hai thứ thuận nghịch. Gặp thuận thì ái, gặp nghịch thì tắng. Chỉ tại chúng ta ưa thích mà gặp cảnh trái với sự ưa thích của mình nên bực bội làm những điều ác điều dữ. Thí dụ như tham muốn mà không được thì sanh trộm cắp, khi trộm cắp bị ngăn chặn thì sanh ra sát hại, đó là cái nhân của địa ngục, ngạ quỷ. Đó là chiều đi xuống, đi trong ba đường ác.

Phật nói người chạy theo ngũ dục thì chẳng khác nào như kẻ khát mà uống nước muối, càng uống càng khát. Nếu được như ý, nó cứ tăng thêm không chỗ cùng. Tất cả thế gian về tay mình hết, không biết mình vừa chưa. Còn muốn mười điều nhưng chỉ được có một, càng muốn thì càng khổ... Có người thấy sự yêu thương thế gian là tạm bợ, được thì vui mất thì buồn nên đâm ra chán ghét ái dục ở thế gian. Bỏ ái dục nhưng chỉ thích làm lành để đời sau được phước an vui tốt đẹp hơn, như thế cũng còn tư dưỡng gốc tham ái nên sanh về cõi hữu vi cao hơn là cõi Sắc và Vô sắc. Mặc dù chúng ta chán bỏ ái dục nhưng còn thích xả, nên Phật nói *còn yêu thích thì còn tạo nghiệp* nhưng nghiệp thiện, chứ chưa phải là viên mãn; vì nghiệp lành hay nghiệp dữ cũng là nghiệp.

Thế nên đức Phật dạy chúng sanh muốn thoát khỏi luân hồi thì phải dứt hết tham dục và trừ tâm khát ái, chứ bỏ cái này lại thích cái kia cũng chưa thoát khỏi vòng luân hồi.

Âm:

Thiện nam tử, Bồ-tát biến hóa thị hiện thế gian phi ái vi bản, đản dĩ từ bi linh bỉ xả ái, giả chư tham dục nhi nhập sanh tử.

Dịch:

Này thiện nam, Bồ-tát hóa hiện thân ở thế gian chẳng phải do ái làm gốc mà là do lòng từ bi, mượn tham dục mà vào trong sanh tử khiến chúng sanh bỏ ái dục.

Giảng:

Nghe đức Phật nói có thân ở thế gian này là do ái làm gốc, như vậy chúng ta sẽ hiểu lầm và thắc mắc "những vị Bồ-tát có thân để độ chúng sanh ở cõi này cũng do ái dục nữa sao?" Ở đây Phật giải thích, những vị Bồ-tát thị hiện giáo hóa chúng sanh ở thế gian không phải gốc từ nơi ái dục mà do lòng từ bi, các ngài muốn độ chúng sanh bỏ khát ái, mới tạm mượn ái dục mà vào trong sanh tử.

Âm:

Nhược chư mạt thế nhất thiết chúng sanh năng xả chư dục, cập trừ tắng ái vĩnh đoạn luân hồi, cần cầu Như Lai viên giác cảnh giới, ư thanh tịnh tâm tiện đắc khai ngộ.

Dịch:

Nếu tất cả chúng sanh đời sau bỏ được các dục và trừ tâm yêu ghét thì hằng đoạn được luân hồi, siêng cầu cảnh giới viên giác Như Lai, tâm thanh tịnh liền được khai ngộ.

Giảng:

Phật dạy muốn tu để giải thoát sanh tử thì phải xa lìa ngũ dục thế gian, trừ tâm yêu ghét nơi mình nơi người, và phải cầu cảnh giới viên giác Như Lai. Gốc luân hồi phải đoạn và trở về sống với tánh giác thì tâm thanh tịnh được khai ngộ.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh do bản tham dục, phát huy vô minh hiển xuất ngũ tánh, sai biệt bất đẳng; y nhị chủng chướng, nhi hiện thâm thiển.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả chúng sanh do gốc tham dục mà phát huy thêm vô minh, hiển bày ra năm tánh sai biệt chẳng đồng, y theo hai thứ chướng mà hiện có cạn sâu.

Giảng:

Đây đức Phật trả lời câu hỏi chúng sanh có bao nhiêu chủng tánh. Ngài trả lời có năm chủng tánh. Sở dĩ có năm chủng tánh là do gốc tham dục là vô minh làm sung mãn thêm, nên năm chủng tánh có sai khác.

Âm:

Vân hà nhị chướng? Nhất giả lý chướng ngại chánh tri kiến, nhị giả sự chướng tục chư sanh tử.

Dịch:

Thế nào là hai chướng? Một là lý chướng làm ngại chánh tri kiến, hai là sự chướng khiến tiếp nối sanh tử.

Giảng:

Sự chướng là phiền não, chỉ cho cái chướng do ngũ dục ở thế gian, vì có nó nên trở ngại sự thoát ly sanh tử. Người còn bị kẹt trong năm dục là còn tiếp nối sanh tử. Lý chướng là chỉ cho vô minh, vô minh là gốc làm chúng ta không thấy đúng như thật. Do nhận hiểu lý đạo lệch lạc sai lầm cho nên chướng ngại chánh tri kiến. Thí dụ như có

người cho rằng tu thiền là phải xuất hồn đi trong hư không để tìm Phật, hoặc được Phật phóng hào quang điểm đạo v.v... đó là hiểu không đúng với lời Phật dạy trong kinh, nên chướng ngại chánh tri kiến. Do hai cái chướng đó khiến cho chúng sanh có sai biệt. Chướng của ngũ dục thì khiến chúng sanh sanh trong các loài, còn cái chướng của sự hiểu lệch lạc về lý đạo thì sanh làm quỷ thần hoặc các vị tu chứng ở trong vòng hữu lậu.

Âm:

Vân hà ngũ tánh? Thiện nam tử, nhược thử nhị chướng vị đắc đoạn diệt danh vị thành Phật. Nhược chư chúng sanh vĩnh xả tham dục, tiên trừ sự chướng vị đoạn lý chướng, đản năng ngộ nhập Thanh văn Duyên giác, vị năng hiển trụ Bồ-tát cảnh giới.

Dịch:

Thế nào là năm tánh? Này thiện nam, nếu hai chướng này chưa được đoạn diệt thì nói chưa thành Phật. Nếu các chúng sanh hằng xả tham dục, trước trừ sự chướng chưa đoạn lý chướng, chỉ hay ngộ nhập cảnh giới Thanh văn Duyên giác, chưa trụ được cảnh giới Bồ-tát.

Giảng:

Người bỏ được tham dục thế gian là hết ái dục, mà hết ái dục thì dòng sanh tử luân hồi cũng dứt luôn. Song dứt được tham dục thì chỉ trừ được sự chướng chứ lý chướng vẫn còn, nên chỉ vào được hàng Thanh văn Duyên giác, không vào được hàng Bồ-tát. Tại sao hàng Thanh văn Duyên giác chỉ mới trừ được sự chướng? Vì các ngài do tu tứ đế, thấy khổ đế và tập đế cần phải đoạn trừ, nên các ngài ứng dụng đạo đế đoạn trừ, khi đoạn trừ xong thì gọi là diệt đế. Như vậy là mới đoạn trừ xong mầm sanh tử chứ chưa thấy được pháp thân. Dứt sanh tử thì nhập Niết-bàn cho nên mới trừ được sự chướng, chứ chưa trừ được lý chướng. Bậc Duyên giác cũng vậy, các ngài do thấy

cảnh lá rụng, cây cối héo xàu mà nghĩ đến thân người cũng vô thường như thế, nên các ngài tỉnh giác; hoặc các ngài thấu rõ lý nhân duyên, thân này do đất nước gió lửa hợp lại mà có, khi duyên hết thì thân tan rã, các ngài chán thân, không còn ái dục, cho nên các ngài chỉ chứng được quả Duyên giác chứ chưa thấy được pháp thân. Nên nói còn bị lý chướng làm ngại, đó là hai chủng tánh.

Âm:

Thiện nam tử, nhược chư mạt thế nhất thiết chúng sanh, dục phiếm Như Lai đại viên giác hải, tiên đương phát nguyện cần đoạn nhị chướng, nhị chướng dĩ phục tức năng ngộ nhập Bồ-tát cảnh giới. Nhược sự lý chướng dĩ vĩnh đoạn diệt, tức nhập Như Lai vi diệu viên giác, mãn túc Bồ-đề cập Đại Niết-bàn.

Dịch:

Này thiện nam, nếu các chúng sanh đời sau muốn dạo biển đại viên giác Như Lai, trước phải phát nguyện siêng đoạn hai chướng, hai chướng đã nép phục thì ngộ nhập được cảnh giới Bồ-tát. Nếu sự chướng lý chướng đã đoạn diệt hẳn thì ngộ nhập tánh viên giác vi diệu Như Lai, viên mãn quả Bồ-đề và Đại Niết-bàn.

Giảng:

Chủng tánh thứ ba là chủng tánh Bồ-tát. Chúng sanh phàm phu thì bị hai thứ, phiền não chướng và sở tri chướng làm chướng đạo Bồ-đề nên đi trong luân hồi sanh tử. Trải qua thời gian tu hành, hai chướng ấy nép phục thì chúng sanh bước lên địa vị Bồ-tát. Khi lên địa vị Bồ-tát, tiếp tục tu đoạn lìa phiền não chướng và sở tri chướng mới chứng được pháp thân. Vì vậy nên nói Bồ-tát tùy phần giác, nghĩa là Bồ-tát thấy được một phần pháp thân thì phá được một phần lý chướng. Lý chướng ngăn che không thấy được pháp thân, khi hoàn toàn hết lý chướng thì viên mãn gọi là thành Phật. Nên ở

đây nói muốn vào biển đại viên giác Như Lai thì phải đoạn sự và lý chướng.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh giai chứng viên giác, phùng thiện tri thức y bỉ sở tác nhân địa pháp hạnh, nhĩ thời tu tập tiện hữu đốn tiệm. Nhược ngộ Như Lai vô thượng Bồ-đề chánh tu hành lộ, căn vô đại tiểu giai thành Phật quả.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả chúng sanh đều chứng viên giác, gặp thiện tri thức y nơi pháp hạnh nhân địa mà vị ấy đã tu, bấy giờ tu tập theo, liền có đốn và tiệm. Nếu gặp được pháp tu hành chân chánh vô thượng Bồ-đề của Như Lai thì đều thành Phật quả, căn cơ không chia lớn nhỏ.

Giảng:

Đây Phật nói tầm quan trọng của thiện tri thức đối với người tu. Tất cả chúng sanh đều có tánh giác, chứ không dành riêng cho một người nào được chứng. Nhưng tu đốn hay tiệm là do gặp thiện tri thức, rồi y nơi pháp hạnh của thiện tri thức đó mà tu. Khi tu tập liền có chia đốn tiệm. Như cũng thuyết pháp dạy tu, nhưng mỗi vị thầy hướng dẫn tu không giống nhau. Nếu khi phát tâm tu mà chúng ta gặp vị thầy tu tiệm giáo thì người dạy chúng ta tu theo tiệm giáo. Nếu gặp vị thầy tu đốn giáo thì dạy chúng ta tu theo đốn giáo. Tu trở thành đốn hay tiệm là do thiện tri thức hướng dẫn, phải hiểu rõ như vậy. Nếu không rõ thì quý vị nghĩ thầy nào cũng dạy mình tu, chọn lựa làm chi! Nghĩ như vậy sẽ không được lợi ích lớn. Người biết chọn thầy và pháp môn tu cho thích hợp với căn cơ của mình, mới được lợi ích. Còn nếu gặp Phật, y theo đạo vô thượng Bồ-đề của đức Phật để tu thì được vào thẳng tánh viên giác, chứ không có đốn tiệm lớn nhỏ.

Lúc đức Phật còn tại thế không chia đốn tiệm, đức Phật nói pháp, người nghe tu đúng pháp đều đắc quả A-la-hán. Sau này đệ tử Phật, tùy theo mỗi vị có công hạnh tu riêng mà chia ra nhiều tông phái khác nhau. Như vậy thiện tri thức đối với người tu rất quan trọng chứ không phải thường, tu tiến nhanh hay chậm do ảnh hưởng thiện tri thức rất nhiều. Đó là chủng tánh thứ tư, chủng tánh bất định.

Âm:

Nhược chư chúng sanh tuy cầu thiện hữu ngộ tà kiến giả, vị đắc chánh ngộ thị tắc danh vi ngoại đạo chủng tánh, tà sư quá mậu, phi chúng sanh cữu. Thị danh chúng sanh ngũ tánh sai biệt.

Dịch:

Nếu các chúng sanh tuy cầu bạn lành, lại gặp người tà kiến chưa được chánh ngộ, ấy gọi là chủng tánh ngoại đạo. Đây là do lỗi lầm của tà sư, chứ không phải lỗi nơi chúng sanh ấy. Đó là năm chủng tánh sai biệt của chúng sanh.

Giảng:

Đoạn này trả lời câu hỏi thứ ba, có những người tu cũng tìm thiện hữu tri thức, nhưng lại gặp thầy tà, thầy tà sẽ dẫn họ đi đường tà, ấy là chủng tánh ngoại đạo.

Lỗi đó tại ai? Lỗi tại người thầy chứ không phải tại người học đạo, người học đạo đâu có biết gì, tại ông thầy hướng dẫn, lúc sơ phát tâm họ như tờ giấy trắng in hình gì thì ra hình đó.

Như vậy, chúng ta thấy chúng sanh nào cũng có tánh viên giác, nhưng tại chúng ta gặp thầy hướng dẫn tu khác nhau, nên kết quả cũng khác nhau. Thí dụ như có người phát tâm xuất gia, nhưng kém phước lại gặp ông thầy dạy: "Đem tiền đây ta cúng cho, năm nay con bị mắc tam tai rồi đó!" Cứ như vậy, năm này qua năm khác, tháng này qua tháng khác, cúng hoài rồi quen với quỷ thần, chứ không dạy đạo lý gì hết, như thế là lạc vào đường tà. Lại có người phát tâm tu

nhưng có duyên gặp được thầy thông đạo lý, đem giáo lý Phật giảng giải cho hiểu để biết đường lối tu hành chân chánh. Như vậy đồng thời phát tâm tu như nhau, nhưng khi gặp thầy khác nhau thì tu ít năm kết quả cũng khác nhau. Khác là tại thiện hữu tri thức, chứ không phải tại họ có chủng tánh khác. Tuy nhiên nói vậy không phải phủ nhận cái duyên của họ, có duyên với tà nên dễ gặp tà. Gặp người tà nói mơ mơ màng màng linh ứng thế này linh ứng thế nọ thì họ thích và theo. Người có duyên với chánh pháp thì đến với đạo bằng trí tuệ chứ không phải bằng niềm tin.

Âm:

Thiện nam tử, Bồ-tát duy dĩ đại bi phương tiện nhập chư thế gian khai phát vị ngộ, nãi chí thị hiện chủng chủng hình tướng nghịch thuận cảnh giới, dữ kỳ đồng sự hóa linh thành Phật, giai y vô thủy thanh tịnh nguyện lực.

Dịch:

Này thiện nam, Bồ-tát chỉ dùng lòng đại bi, mà phương tiện vào các thế gian khai phát những người chưa ngộ, cho đến thị hiện nhiều hình tướng hoặc cảnh giới nghịch hay thuận, họ đồng sự để giáo hóa khiến cho thành Phật, đều y nơi nguyện lực thanh tịnh từ vô thủy.

Giảng:

Câu hỏi thứ tư là Bồ-tát vào thế gian này có bao nhiêu thứ phương tiện. Phật trả lời, Bồ-tát do lòng đại bi và hạnh nguyện độ sanh nên phương tiện vào trong thế gian hiện các thứ hình tướng, như cảnh giới thuận nghịch để hóa độ chúng sanh, chứ không phải bị nghiệp ái dục lôi vào. Bồ-tát dùng phương tiện hiện hình tướng để độ sanh như hiện tướng Bồ-tát, tướng Tỳ-kheo, tướng cư sĩ, vua quan v.v...

Thị hiện cảnh giới thuận là Bồ-tát xuất gia tu hành ngộ đạo, giáo hóa đúng với đạo lý của Phật dạy. Cảnh giới nghịch là Bồ-tát hiện

ra cảnh dầu sôi lửa bỏng, ngưu đầu mã diện v.v... để người ác sợ, thức tỉnh hồi tâm tu hành. Hoặc các ngài vào trong cảnh khổ làm những nghề xấu xa để dẫn dắt chúng sanh, khi vào trong đó phải đồng sự với họ, sống chung với họ. Mọi người thấy không tin là Bồ-tát, nhưng các ngài âm thầm làm hạnh Bồ-tát. Trong cảnh đó thì khó làm, ở trong cảnh giới thuận thì dễ, vì giữ giới hạnh đàng hoàng và nói đạo lý dạy tu nên dễ tin hơn. Còn ở trong chỗ mọi người xem thường chê bai mà nói pháp mới thật là khó.

Tất cả hạnh thuận nghịch đều chỉ vì lòng từ bi và nguyện lực thanh tịnh, chứ không có động lực nào khác. Như vậy thì chung quanh chúng ta rất nhiều Bồ-tát. Vì chúng ta tìm Bồ-tát có hào quang nên dễ bị ma gạt. Quý vị phải lặng tâm mà xét thì thấy chung quanh mình rất nhiều Bồ-tát, chứ không phải ít đâu. Kinh Phật nói, Phật ra đời có những vị Bồ-tát trợ hóa. Khi Phật không ra đời cũng có rất nhiều Bồ-tát lẫn lộn trong nhân gian để đánh thức chúng sanh. Bồ-tát là người gỡ cho chúng ta bớt nhiễm, gỡ cho chúng ta bớt đắm trước. Giả sử họ tỏ ra rất tầm thường không có gì cao quý đáng phục, nhưng họ biết chặn những nhiễm ái, những tội lỗi cho chúng ta thì đó cũng là hiện thân của Bồ-tát.

Âm:

Nhược chư mạt thế nhất thiết chúng sanh, ư đại viên giác khởi tăng thượng tâm, đương phát Bồ-tát thanh tịnh đại nguyện, ưng tác thị ngôn: "Nguyện ngã kim giả trụ Phật viên giác, cầu thiện tri thức mạc trị ngoại đạo cập dư nhị thừa." Y nguyện tu hành tiệm đoạn chư chướng, chướng tận nguyện mãn tiện đăng giải thoát thanh tịnh pháp điện, chứng Đại Viên Giác diệu trang nghiêm vực.

Dịch:

Nếu các chúng sanh đời sau đối với đại viên giác khởi tâm tăng thượng, nên phát lời đại nguyện thanh tịnh của Bồ-tát như thế này: "Con nguyện ngày nay được trụ trong viên giác

Phật, xin gặp thiện tri thức, chẳng gặp ngoại đạo cùng với Nhị thừa." Y theo nguyện mà tu hành lần lần đoạn trừ các chướng; chướng dứt, nguyện được viên mãn, liền lên pháp điện thanh tịnh giải thoát, chứng được cảnh giới trang nghiêm vi diệu Đại Viên Giác.

Giảng:

Đoạn này đức Phật dạy chúng ta phát nguyện, người tu muốn khỏi rơi vào đường tà và khỏi lạc vào Nhị thừa, phải hằng phát nguyện: Đời này con ở mãi trong Viên giác Phật, nguyện chẳng gặp ngoại đạo và Nhị thừa. Y theo đạo lý Đại thừa mà tu hành, lần lần đoạn các chướng ngại, vào cảnh giới Viên Giác diệu trang nghiêm. Đó là đức Phật đã chỉ rõ đường lối tu để cho chúng ta được kết quả như ý nguyện. Hạt giống Bồ-đề của chúng ta nếu gặp đất tốt sẽ tăng trưởng rất nhanh, nếu không thì đường tu sẽ bị chướng ngại và lần lần chán nản rồi bỏ tu luôn. Chúng ta phải khéo tu làm sao để mình đi hoài trên con đường chân chính không bị sai lệch.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:

Di-lặc nhữ đương tri!

Nhất thiết chư chúng sanh

Bất đắc đại giải thoát

Giai do tham dục cố

Đọa lạc ư sanh tử.

Nhược năng đoạn tắng ái

Cập dữ tham sân si,

Bất nhân sai biệt tánh

Giai đắc thành Phật đạo.

Nhị chướng vĩnh tiêu diệt,

Cầu sư đắc chánh ngộ,

Tùy thuận Bồ-tát nguyện,

Y chỉ Đại Niết-bàn.

Thập phương chư Bồ-tát

Giai dĩ đại bi nguyện

Thị hiện nhập sanh tử.

Hiện tại tu hành giả

Cập mạt thế chúng sanh

Cần đoạn chư ái kiến

Tiện quy Đại Viên Giác.

Dịch:

Bấy giờ đức Phật muốn lặp lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Di-lặc ông nên biết:

Tất cả các chúng sanh

Không được đại giải thoát

Đều do ở tham dục

Đọa lạc vào sanh tử.

Nếu hay đoạn yêu ghét

Cùng với tham sân si,

Chẳng do tánh sai biệt

Đều được thành Phật đạo.

Hai chướng tiêu diệt hẳn,

Cầu thầy được chánh ngộ,

Thuận theo nguyện Bồ-tát,

Y nơi đại Niết-bàn.

Mười phương các Bồ-tát

Đều do nguyện đại bi

Thị hiện vào sanh tử.

Hiện tại người tu hành

Và chúng sanh đời sau

Siêng đoạn các ái kiến

Trở về Đại Viên Giác.

Giảng:

Bài trùng tụng này đức Phật dạy chúng ta tu hành thì phải đoạn yêu ghét và tham sân si mới được giải thoát. Vì vậy phải cầu minh sư khai ngộ, rồi y theo hạnh nguyện của Bồ-tát mà đoạn dứt hai chướng và cầu được an trụ nơi đại Niết-bàn của Phật.

Các vị Bồ-tát ở mười phương đều do lòng đại bi, phát nguyện thị hiện trong sanh tử trần lao, không sợ ô nhiễm không ngại gian lao, để độ chúng sanh dứt hết ái hoặc, trở về với tánh viên giác.

Tóm lại, chúng ta chỉ cần nhớ những câu hỏi trong chương này là hiểu trọn được ý nghĩa.

1. Cái gì là cội gốc của luân hồi sanh tử?

- Ái dục là cội gốc của luân hồi sanh tử.

2. Trong luân hồi sanh tử có bao nhiêu loài?

- Có hai mươi lăm loài, nghĩa là mười nghiệp ác cộng mười nghiệp thiện, cộng năm ấm mà sanh ra hai mươi lăm loài.

3. Có bao nhiêu chủng tánh?

- Có năm chủng tánh sai biệt.

4. Bồ-tát vào thế gian có bao nhiêu thứ phương tiện?

- Do lòng đại bi phát nguyện vào trong thế gian để độ chúng sanh.

Chúng ta hiểu rõ bốn câu hỏi và lời đáp của đức Phật thì thâm nhập được phần này.

CHƯƠNG VI

BỒ-TÁT THANH TỊNH TUỆ THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, vị ngã đẳng bối quảng thuyết như thị bất tư nghì sự, bản sở bất kiến bản sở bất văn, ngã đẳng kim giả mông Phật thiện dụ, thân tâm thái nhiên đắc đại nhiêu ích.

Dịch:

Lúc bấy giờ Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, vì bọn chúng con rộng nói việc bất tư nghì như thế, từ trước chưa từng thấy từ trước chưa từng nghe, ngày nay chúng con nhờ Phật khéo dẫn dụ, thân tâm thơ thới được lợi ích lớn.

Giảng:

Chương này là chương Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ, ngài hỏi vì muốn cho tất cả chúng ta có trí tuệ thanh tịnh biết rành rẽ, không còn bị mờ ám, không còn bị nghi ngờ. Sau khi Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ tán thán đức Phật, ngài mới đặt câu hỏi:

Âm:

Nguyện vị nhất thiết chư lai pháp chúng trùng tuyên Pháp vương viên mãn giác tánh, nhất thiết chúng sanh cập chư Bồ-tát, Như Lai Thế Tôn sở chứng sở đắc vân hà sai biệt?

Linh mạt thế chúng sanh văn thử thánh giáo, tùy thuận khai ngộ tiệm thứ năng nhập.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Xin Thế Tôn vì các chúng đến nghe pháp, nói lại tánh giác viên mãn của đấng Pháp vương và sở chứng sở đắc của chúng sanh, Bồ-tát và chư Phật sai biệt như thế nào? Khiến cho tất cả chúng sanh đời sau nghe được thánh giáo này, tùy thuận khai ngộ, dần dần vào được tánh giác.

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo sát đất, thưa hỏi như vậy lặp lại ba lần.

Giảng:

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ chỉ hỏi một câu duy nhất thôi. Bồ-tát này trí tuệ thanh tịnh nên ngài yêu cầu đức Phật lặp lại về tánh giác viên mãn của Như Lai và chỗ tu chứng của chúng sanh, Bồ-tát và chư Phật khác nhau như thế nào? Nghĩa là căn cứ trên tánh viên giác thì chúng sanh, Bồ-tát và Phật tu có sai biệt không? Tại sao căn cứ vào tánh giác đó mà gọi là Phật, căn cứ vào tánh giác đó mà gọi là Bồ-tát cũng căn cứ vào tánh giác đó mà gọi là chúng sanh? Mong Phật chỉ cho những người tu sau này biết để tu hành khỏi lầm lẫn. Nếu chúng ta quyết chí tu cầu giải thoát thì câu hỏi này thật hệ trọng, bởi vì trong khi tu mà không biết mình tới đâu, được ít cho là đủ hay được chút ít tự cho đã viên mãn Phật quả, đó là cái bệnh.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị mạt thế chúng sanh, thỉnh vấn Như Lai tiệm thứ sai biệt. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng, mặc nhiên nhi thính.

Dịch:

Khi ấy đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì chúng sanh đời sau thưa hỏi Như Lai về thứ lớp tu chứng sai biệt. Bây giờ các ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông nói.

Khi ấy Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ vâng lời dạy, vui vẻ cùng đại chúng im lặng lắng nghe.

Giảng:

Đức Phật khen Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ vì chúng sanh đời sau đã khéo hỏi Như Lai về thứ lớp tu chứng sai biệt, và dạy ngài cùng đại chúng hãy im lặng lắng nghe đức Phật giảng dạy.

Âm:

Thiện nam tử, viên giác tự tánh, phi tánh tánh hữu, tuần chư tánh khởi, vô thủ vô chứng, ư thật tướng trung thật vô Bồ-tát cập chư chúng sanh. Hà dĩ cố? Bồ-tát chúng sanh giai thị huyễn hóa, huyễn hóa diệt cố vô thủ chứng giả. Thí như nhãn căn bất tự kiến nhãn, tánh tự bình đẳng, vô bình đẳng giả.

Dịch:

Này thiện nam, tánh viên giác "phi tánh tánh hữu" tùy theo các tánh mà khởi, không thủ không chứng, trong tướng chân thật không có Bồ-tát và chúng sanh. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát và chúng sanh đều là tướng huyễn hóa, khi tướng huyễn hóa diệt rồi thì không có người chứng và quả được chứng. Thí như con mắt không tự thấy con mắt, tánh tự bình đẳng không cần người làm bình đẳng.

Giảng:

Phi tánh tánh hữu ý tương tự với bài kệ đức Phật truyền pháp cho tôn giả Ma-ha Ca-diếp *Pháp bản pháp vô pháp* trong Sử 33 Vị Tổ Ấn Hoa.

Tự tánh viên giác phi tánh tánh hữu. Phi tánh nghĩa là tánh viên giác không có đặc tánh riêng nên nói là "phi tánh", nhưng nó không phải là không ngơ nên nói là "tánh hữu." Vì tánh viên giác không cố định nên nói tùy theo tánh mà khởi. Trong mỗi người chúng ta ai cũng có tánh viên giác, cho nên nói viên giác tự tánh song không cố định. Nếu tánh viên giác cố định trước sau như một thì ai cũng là Phật hết. Nhưng vì tánh viên giác không ở nguyên vị thể của nó, nên mới tùy duyên lành thì hiện ra trời người, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, theo duyên ác thì sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Bởi tùy duyên sanh ra các chủng tánh nên chủng tánh không cố định, tạm có không thật. Vì là tướng giả không thật nên khi buông xả hết các giả tướng ấy hằng sống với thể viên giác bình đẳng thì có gì gọi là chứng là giữ? Nên nói *tùy theo các tánh mà khởi, không thủ không chứng.*

Bồ-tát và chúng sanh đều là tướng huyễn hóa. Bởi tánh viên giác vốn không có cái gìn giữ cố định, nên nó theo duyên nghiệp mà thành ra các tánh sai biệt, như chủng tánh phàm phu là trời, người, a-tu-la, súc sanh... hay chủng tánh thánh như Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát v.v... Những chủng tánh sai biệt đó do tùy duyên tùy nghiệp giả có không thật, chỉ là tướng duyên hợp như huyễn như hóa nên nói không có Bồ-tát và chúng sanh. Nếu buông hết các tướng không thật trở lại thể tánh viên giác bình đẳng, thì cái thể đó không thủ không chứng. Vì cái thể bình đẳng sẵn có nơi mình, chỉ cần trở về là tự đầy đủ, đâu cần phải thêm bớt mà có chứng có giữ. Cho nên nói những cái huyễn hóa diệt rồi thì không thủ không chứng.

Trên viên giác thì đâu có cái nào mê cái nào ngộ. Người thức tỉnh mình có tánh viên giác sống trở lại thì gọi đó là ngộ, là Bồ-tát. Còn quên mất là mê, là chúng sanh. Tự tánh viên giác không có mê ngộ,

không có quên nhớ. Không có mê ngộ thì làm sao có Bồ-tát, có chúng sanh. Nên Bồ-tát và chúng sanh đều là tướng huyễn hóa. Tôi nêu một thí dụ nhỏ cho quý vị rõ. Thí dụ chúng ta có cái nhà hay cái chùa, trong đó có hai người. Người từ chùa đó đi ra, đi mãi đi mãi không trở về, lang thang từ năm này đến năm nọ. Họ quên mất đường về, đó là người mê. Còn người đi ra một lúc chợt nhớ: À, mình có chùa sao lại phải lang thang thế này! Rồi họ trở về. Khi nhớ trở về thì người đó tỉnh. Nhưng đối với cái chùa có hai cái nhớ và quên không? Chỉ tại người đi luôn là quên, người trở lại gọi là nhớ. Quên hay nhớ đối với cái chùa không có nghĩa gì hết.

Phật đưa ra thí dụ, như mắt chúng ta thấy tất cả mọi vật, và chỉ thấy được ảnh của mắt là nhờ cái gương ở ngoài mắt, chứ mắt chúng ta không tự thấy mắt chúng ta. *Tánh tự bình đẳng không cần người làm cho bình đẳng*. Tại sao vậy? Thí dụ như mặt biển khi chưa dấy sóng thì gọi là mặt biển lặng bằng phẳng, khi dấy sóng rồi mặt biển động không còn bằng nữa. Một lát lặng sóng mặt biển trở lại bằng. Như vậy cái bằng phẳng là sau khi dấy động rồi nó lặng xuống, nó bằng phẳng. Danh từ bằng phẳng là đối với khi nó lồi lõm dấy động. Còn nếu nguyên nó thủy chung như vậy thì bằng phẳng cái gì? Tánh viên giác trước sau như một không có gì đổi thay thì có gì nói bình đẳng. Tánh viên giác vốn tự bình đẳng không đợi người làm cho bình đẳng, nó tùy duyên hiện ra các pháp mà không thủ không chứng. Vì khi chúng ta không đuổi theo các tướng huyễn hóa, thể nhập tánh viên giác bình đẳng thì tánh viên giác chính là mình, nó không ở ngoài mình thì còn gì chứng còn gì thủ?

Tóm lại, trước khi chỉ sự tu hành theo tánh viên giác, đức Phật chỉ cho chúng ta biết rõ nguyên tánh viên giác không cố định là tánh gì, nhưng không phải không ngơ, do tùy duyên huân tập mà thành tánh phàm phu hay tánh thanh. Khi chúng ta buông hết những chủng tánh hư vọng sai biệt ấy, trở về với thật tướng viên giác thì không thủ không xả, thấy tướng chúng sanh và Bồ-tát đều như huyễn như hóa.

Âm:

Chúng sanh mê đảo, vị năng trừ diệt nhất thiết huyễn hóa, ư diệt vị diệt, vọng công dụng trung tiện hiển sai biệt. Nhược đắc Như Lai tịch diệt tùy thuận, thật vô tịch diệt cập tịch diệt giả.

Dịch:

Chúng sanh vì mê muội điên đảo, chưa diệt trừ tất cả pháp huyễn hóa, đối với pháp đáng diệt mà chưa diệt, nên trong vọng dụng công phu, liền hiển bày sai biệt. Nếu tùy thuận tịch diệt Như Lai thì thật không có cảnh tịch diệt và người tịch diệt.

Giảng:

Phật nói rằng bởi chúng sanh mê cho nên điên đảo. Từ điên đảo đó nên chưa thể trừ diệt được tất cả huyễn hóa. Điên đảo của phàm phu là ngay nơi thân huyễn hóa vô thường này mà cứ nghĩ đó là thường. Mạng sống chỉ có trong hơi thở, nhưng có ai dám nói mạng sống mình trong hơi thở. Nếu đang ba mươi thì nghĩ ngắn lắm cũng sáu mươi tuổi mới chết. Người năm mươi thì nghĩ ngắn lắm bảy mươi tuổi mới chết. Ít nhất cũng có hai mươi năm để cho mình có cái gì hứa hẹn. Chứ nếu gần quá thì buồn. Đó là điên đảo số một.

Rồi tới cái điên đảo thứ hai là thân bất tịnh mà tưởng là tịnh. Lúc nào chúng ta cũng nghĩ mình là đẹp, mình là sạch. Thân ô uế bất tịnh mà tưởng là tịnh nên khi người ta nói khác đi, chê chúng ta dơ hôi thì chúng ta tức lên vì trái với cái tưởng của mình. Như vậy không điên đảo là gì?

Đến cái thứ ba là thọ khổ mà tưởng là lạc. Lãnh thọ là cảm giác khi mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng v.v... tất cả lãnh thọ đó đều là khổ mà mình lại tưởng là vui. Như ăn món ngon cho là vui, nghe tiếng nhạc cho là vui, thấy cảnh đẹp cho là vui v.v... Tất cả những cái đó chúng ta cho là vui nên cứ mãi đuổi theo.

Giả sử có một cái vui nào đó cứ còn mãi với chúng ta, liệu chúng ta có vui không? Thí dụ như có người ghiền sầu riêng, họ cho được ăn sầu riêng là ngon, là vui. Bây giờ có người tặng cho họ hai ba chục trái sầu riêng ăn hoài, sáng ăn trưa ăn chiều ăn thì còn vui không? Nghe nhạc cũng vậy, nhạc hay mà giờ nào cũng nghe bên tai hoài còn vui không? Tất cả những cái vui đó là vui trong vô thường tạm bợ, đâu có thật là vui. Vậy mà người thế gian tưởng đó là vui, cứ đuổi theo. Nhưng được rồi là nó mất, mất rồi tìm nữa, cứ như vậy cả cuộc đời trong vô thường mà không hay. Đó là thọ khổ mà cứ tưởng là lạc.

Rồi thân vô ngã mà tưởng là ngã - ngã tức là chủ tể, là thường còn, là thuần nhất. Về vật chất thì thân này thay đổi từng tế bào, về tinh thần thì tâm này niệm niệm sanh diệt. Hai cái đó là dòng sanh diệt đổi thay mà chúng ta tưởng là thường, tưởng là chủ tể nên cho là ngã. Cái vô thường biến đổi mà cho là thường là thật, đó là điên đảo thứ tư.

Bốn cái điên đảo đó gọi là điên đảo phàm phu. Chúng ta chấp những điên đảo đó không dám bỏ nên không thể trừ được tất cả huyễn hóa. Vì không trừ được huyễn hóa nên không thể chứng được quả Bồ-đề. Vì vậy Phật bảo chúng ta phải thấy rõ cái huyễn hóa đó, chúng ta không mê không lầm nó nữa thì mới có thể trừ diệt được điên đảo.

Hiện tại chúng ta còn vô minh chấp ngã, chấp pháp, lúc khởi niệm này lúc khởi niệm kia lăng xăng lộn xộn, nên tôi khuyên quý vị tu biết vọng, vọng tưởng khởi biết nó là không thật thì buông, đó là dụng vọng công phu. Người nào bỏ lâu ngày thì vọng tưởng còn ít, gọi người đó tu khá, người nào mới tu vọng tưởng nhiều thì nói tu còn dở. Có khá có dở là căn cứ trên cái vọng dụng công phu sai biệt mà nói, chứ nó không thật. Vì chúng ta ở trong vòng tương đối chưa buông được pháp huyễn hóa, nên ở trên cái vọng dụng công phu mà dẹp nó, liền thấy có sai biệt.

Nếu thể nhập được tánh viên giác tịch diệt Như Lai rồi thì không còn thấy một pháp nào cả, huống là có cảnh tịch diệt và người tịch

diệt. Tức là tu đến chỗ này không còn thấy hai pháp đối đãi nữa. Giống như bức tranh thứ tám trong Thập Mục Ngưu Đồ là một vòng tròn không có người chăn và trâu để chăn. Nếu còn thấy cảnh tịch diệt và người tịch diệt là còn thấy hai. Tu tới đây quý vị mới thấy hiện tại chúng ta tu đều nằm trong vòng đối đãi. Khi tu thì nói: "Tôi ráng tu làm sao cho được nhập Niết-bàn." Hỏi ai nhập? Tôi nhập. Thế là có người nhập Niết-bàn và có cảnh giới Niết-bàn để nhập. Như vậy Niết-bàn là cảnh mình là người, giống hệt như tôi tu để về Cực lạc, có cảnh Cực lạc và người về Cực lạc, còn năng còn sở, còn hai cái đối đãi. Nếu nói tu mà không còn có cảnh có người thì chán lắm buồn lắm, cho nên khi nghe nói tới chỗ cứu cánh không còn năng không còn sở, không còn người không còn cảnh thì cảm thấy khó hiểu. Chứ nếu nói cảnh giới Niết-bàn đẹp đẽ rực rỡ, vào đó thật là sung sướng, nghe như vậy chúng ta mới ham mới tu. Cũng như nói về Cực lạc, ở đó toàn là vàng ròng, được ăn bát báu, được đi chơi, không làm mà tự nhiên có ăn, đủ thứ sung sướng, ham quá cho nên thích tu. Còn ở đây nói không có cảnh tịch diệt và người tịch diệt, thật là buồn. Vì sao? Vì chúng ta tu là mong đạt một cái gì đó, đa số là tu vì bản ngã. Chúng ta tu hành đời này cực khổ là mong đời sau được sung sướng hơn. Nếu tu mà không nói đời sau ra sao thì buồn lắm không thể tu được. Như vậy chúng ta tu là tu vì bản ngã, mà bản ngã là kiến chấp lầm lẫn nên chúng ta mới đi trong sanh tử luân hồi. Bây giờ nếu chúng ta cũng tu theo bản ngã thì không bao giờ hết luân hồi, nhưng luân hồi xấu hay luân hồi tốt, cũng như giấc mộng lành giấc mộng dữ vậy thôi.

Giờ đây, chúng ta phải tỉnh hẳn, hết mộng mới thật là vui. Còn mộng dù lành hay dữ cũng là mộng. Kiếp người ba mươi năm hay năm mươi năm, thoáng qua nhớ lại không phải mộng là gì? Nếu thật thì nó không mất, mà nó mất thì làm sao nói thật? Như vậy để chúng ta thấy rõ chủ yếu giải thoát sanh tử luân hồi là sống được với tánh viên giác của mình. Khi sống được với tánh viên giác rồi thì không còn năng sở nữa, vì tánh viên giác là mình thì không có ai năng và cái gì là sở. Nếu còn có cảnh Niết-bàn để chứng thì Niết-bàn là sở,

người tu là năng, ấy là còn đối đãi nên khi nhập được tánh viên giác thì không còn thấy có mình và có tánh viên giác là hai. Vì vậy nên nói không thủ không chứng để chúng ta tu không mong thủ chứng. Lý Viên giác thật là thâm sâu, người học mà không tập sống thì đọc tới đoạn này thấy rối rắm khó hiểu.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh tùng vô thủy lai do vọng tưởng ngã cập ái ngã giả, tằng bất tự tri niệm niệm sanh diệt, cố khởi tắng ái, đam trước ngũ dục.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả chúng sanh từ vô thủy đến giờ do vọng tưởng ngã và ái ngã, chẳng từng tự biết niệm niệm sanh diệt cho nên khởi yêu ghét và đam mê ngũ dục.

Giảng:

Đức Phật nhắc lại cho tất cả chúng ta thấy, từ vô thủy đến nay do vọng tưởng chấp ngã là thật rồi ái ngã, cho nên chưa từng biết thân tâm của mình đổi thay từng phút từng giây. Thân tâm mình đổi thay từng phút từng giây, vậy mà không dám nói nó đổi thay, vì sợ đổi thay rồi sẽ mau mất. Ở thế gian, chúng ta gạt nhau mà cũng hài lòng trong cái gạt gẫm đó. Chúng ta luôn luôn tránh né sự thật. Thí dụ khi thấy anh B mập phì ra mà không dám quở, bèn nói tránh: "Chà! Lúc này coi bộ anh phát tướng quá!" Nghĩa là lúc nào cũng sợ không dám nói lẽ thật, nói thật sợ lỡ họ đau rồi chết, đủ thứ sợ! Còn thấy người kia ốm quá cũng không dám quở nữa, sợ họ mất thần. Nói tóm lại lúc nào chúng ta cũng nơm nớp sợ cái ngã này bị bại hoại đổi thay. Tại sao vậy? Vì yêu nó quá, cho nên nói đến sự bại hoại đổi thay của nó là hồi hộp lo sợ. Vì vậy, ở đây Phật mới nói do vọng tưởng về ngã rồi ái ngã, chưa từng biết mỗi niệm sanh diệt đổi thay. Nếu chúng ta nhận rõ sự đổi thay sanh diệt này thì coi nó không ra gì hết. Vì chúng ta yêu nó quá cho nên không dám thừa nhận sự bại hoại

đổi thay của nó. Khi thấy đầu bạc răng rụng là chúng ta buồn, vì yêu ngã quá nên ngã bại hoại đổi thay là khổ đau.

Nghiệm cho kỹ mới thấy cái chấp ngã của chúng ta thật là lạ lùng: cái hằng đổi thay mà lúc nào cũng sợ đổi thay. Nếu chúng ta biết đổi thay như thật là đã có tỉnh rồi. Chúng ta không dám nhìn cái đổi thay đó là tại vì chúng ta mê. Vì vậy, người đời không bao giờ dám nói lên sự thật. Nói sự thật người đời cho là chán đời yếm thế, cho nên lúc nào cũng nói gạt nhau "cuộc đời là hạnh phúc, là an vui." Dùng những danh từ cho đẹp, cho kêu để đánh lừa nhau. Nhưng đối diện với sự thật thì nó chẳng hay chẳng đẹp gì cả. Nói đời là hạnh phúc mà tới nhà nào cũng thấy trán ông nhăn hai ba nếp, mặt bà đăm chiêu buồn bực, ít thấy người nào gương mặt thản nhiên tươi tỉnh, vậy mà lúc nào người đời cũng nói là hạnh phúc, an vui. Thử hỏi trong hiện tại có ai được hạnh phúc trọn ngày không? Hết bận tâm việc này tới bận tâm việc nọ, hết bực bội việc này đến bực bội việc kia. Như những chú bé lúc còn nhỏ nghĩ rằng ngày mai lớn lên có gia đình sẽ hạnh phúc. Nhưng khi có gia đình rồi phải vật lộn với cuộc sống để lo cho vợ con, cho gia đình, trăm thứ lo dồn dập, rồi đâm ra bực bội cau có. Như vậy hạnh phúc chỉ là cái ước mơ mà người ta tưởng là thật. Do vậy mà cuộc đời chúng ta chìm trong mê tối, không dám thấy lẽ thật. Nếu có một người nào gan dạ nói thật thì chúng ta phiền trách người đó.

Đức Phật biết rõ bệnh của chúng ta là "ái ngã", do ái ngã cho nên khởi yêu ghét và chìm đắm trong ngũ dục. Hễ có được món ăn ngon là thỏa mãn vị dục, có cái áo đẹp là thỏa mãn xúc dục, có radio nghe nhạc hay là thỏa mãn thanh dục v.v... Lòng tham muốn không dứt, được cái này muốn cái kia, muốn mãi cho tới già chết mà không hay. Mọi người chúng ta ai cũng như ai đều gom góp những vật chất quý báu, để cung phụng cho cái thân này, lo cho nó từng ly từng tí, rốt cuộc rồi nó cũng rã mất. Quý vị nghĩ coi chúng ta có giống như dã tràng không? Cứ bươi cát vun lên rồi sóng ùa đến lôi đi mất, lại vun lên nữa rồi sóng lôi đi nữa. Chúng ta cung phụng bảo vệ thân này,

cuối cùng có bảo vệ được đâu. Vậy mà cứ làm hoài hết đời này tới đời kia, hết đời kia tới đời nọ... không phải dã tràng xe cát là gì? Nhưng ít ai thấy cái vô lý đó, cứ như thế mà hài lòng rồi bảo nhau: "Con người sanh ra là phải như vậy!" Nếu chúng ta không tỉnh thì cứ loanh quanh mãi trong nẻo luân hồi!

Âm:

Nhược ngộ thiện hữu giáo linh khai ngộ tịnh viên giác tánh phát minh khởi diệt, tức tri thử sanh tánh tự lao lự.

Dịch:

Nếu gặp thiện hữu tri thức dạy cho khai ngộ tánh viên giác thanh tịnh, thấy rõ sự sanh diệt, liền biết đời này tánh tự lao lự.

Giảng:

Lao là nhọc, lự là lo tính, biết được cái sanh diệt trong mình tức vọng tưởng sanh diệt. Cái vọng tưởng đó gọi là cái khởi diệt. Cái khởi diệt đó mình biết nó, biết nó là cái tánh tự lăng xăng suy nghĩ, không bao giờ an ổn... Chúng ta học đạo, nếu gặp được thiện hữu tri thức dạy cho khai ngộ tánh viên giác thanh tịnh, chúng ta mới thấy rõ niệm niệm khởi diệt từng phút từng giây ở nơi mỗi chúng ta. Lúc đó mới biết kiếp sống con người vốn là lăng xăng lộn xộn không an, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh... có đó rồi mất đó, nó giả dối, chẳng có gì thật để chúng ta bám vào đó rồi hài lòng với nó suốt cả cuộc đời.

Âm:

Nhược phục hữu nhân lao lự vĩnh đoạn đắc pháp giới tịnh, tức bỉ tịnh giải vi tự chướng ngại, cố ư viên giác nhi bất tự tại. Thử danh phàm phu tùy thuận giác tánh.

Dịch:

Lại nếu có người hằng đoạn các lao lự thì ngộ được pháp giới thanh tịnh, nhưng đối với tánh viên giác chưa được tự

tại, vì còn bị "cái biết tịnh" làm chướng ngại, những người ấy gọi là phàm phu tùy thuận tánh viên giác.

Giảng:

Nếu có người ngay cái lăng xăng lộn xộn đó mà đoạn diệt thì lúc đó được cảnh giới thanh tịnh. Có đoạn có được nên cái thanh tịnh giải của người đó tự chướng ngại, bởi vì bên đây là đoạn bên kia là chứng, đoạn lao lự và chứng pháp giới định thì người đó đối với tánh viên giác chưa được tự tại. Khi chúng ta tu gặp thầy bạn chỉ dạy ngộ được tánh viên giác, chúng ta mới biết thân tâm này, cuộc sống này là cái sanh diệt lao xao, không bền vững, nên liền dụng tâm tu đoạn được cái lao xao ấy. Khi cái sanh diệt lao xao hết, chúng ta thấy được pháp giới thanh tịnh, nhưng lại chấp vào cảnh thanh tịnh đó, ấy là tự làm chướng ngại tánh viên giác. Tôi thường nhắc quý vị vọng tưởng là cái lao xao chợt hiện chợt mất làm nhiễu loạn tâm người, bây giờ chúng ta buông vọng tưởng, vọng tưởng vừa lặng, ở chỗ lặng lẽ chúng ta hài lòng ngang đó là chướng ngại. Nên gọi là phàm phu tùy thuận tánh viên giác, vừa thấy được vọng tưởng lặng bèn hài lòng nên bị kẹt vào chỗ lặng lẽ thanh tịnh đó.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết Bồ-tát, kiến giải vi ngại, tuy đoạn giải ngại, do trụ kiến giác giác ngại vi ngại nhi bất tự tại. Thử danh Bồ-tát vị nhập địa giả tùy thuận giác tánh.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả Bồ-tát bị kiến giải làm ngại, tuy đã đoạn được cái ngại của kiến giải nhưng vẫn còn trụ ở kiến giác, do kiến giác làm ngại nên không tự tại. Những vị này gọi là Bồ-tát chưa nhập địa tùy thuận tánh viên giác.

Giảng:

Đây là Bồ-tát hàng tam hiền tức là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng. Những vị Bồ-tát ấy bị kiến giải làm ngại, tức là còn thấy

có cảnh để mình tu, có quả để mình chứng, nên tuy đoạn được cái ngại của kiến giải mà vẫn còn thấy có cái kiến giác tức là thấy cái giác của mình, cho nên bị nó làm chướng ngại không tự tại. Bồ-tát chưa nhập địa tức là chưa bước vào Sơ địa, gọi là tam hiền. Đó gọi là Bồ-tát chưa nhập địa tùy thuận tánh viên giác, nhưng những vị này hơi xa với chúng ta.

Âm:

Thiện nam tử, hữu chiếu hữu giác câu danh chướng ngại, thị cố Bồ-tát thường giác bất trụ, chiếu dữ chiếu giả đồng thời tịch diệt, thí như hữu nhân tự đoạn kỳ thủ, thủ dĩ đoạn cố vô năng đoạn giả. Tắc dĩ ngại tâm tự diệt chư ngại, ngại dĩ đoạn diệt vô diệt ngại giả. Tu-đa-la giáo như tiêu nguyệt chỉ, nhược phục kiến nguyệt, liễu tri sở tiêu tất cánh phi nguyệt. Nhất thiết Như Lai chủng chủng ngôn thuyết khai thị Bồ-tát diệc phục như thị. Thử danh Bồ-tát dĩ nhập địa giả tùy thuận giác tánh.

Dịch:

Này thiện nam, còn chiếu còn giác đều còn chướng ngại, thế nên Bồ-tát thường giác mà chẳng trụ, năng chiếu và sở chiếu đồng thời vắng lặng. Ví như có người tự chặt đầu mình, khi cái đầu đã chặt rồi thì không có ngươi chặt đầu (năng đoạn). Thế thì dùng tâm chướng ngại diệt các chướng ngại, khi chướng ngại đoạn diệt hết thì không còn người diệt chướng ngại. Kinh giáo như ngón tay chỉ mặt trăng, nếu thấy được mặt trăng thì biết rõ ngón tay rốt ráo không phải là mặt trăng. Tất cả ngôn giáo của Như Lai khai thị cho Bồ-tát cũng như thế. Đây gọi là Bồ-tát đã nhập địa tùy thuận tánh viên giác.

Giảng:

Bồ-tát đã nhập địa là những vị Bồ-tát từ Sơ địa trở lên tới Thập địa, các ngài thấy còn chiếu còn giác là còn chướng ngại. Vì còn có vọng niệm để chúng ta giác, còn có vọng niệm để chúng ta chiếu thì vọng niệm là sở, giác chiếu là năng, chưa thuần thanh tịnh. Chiếu tức là dùng trí của mình để chiếu soi, dùng trí của mình để tỉnh giác. Còn dùng trí để chiếu vật, chiếu tâm thì còn dụng công. Còn dụng công là còn ngại. Ở đây những vị Bồ-tát này *thường giác mà không trụ*, nghĩa là thường giác mà không trụ tâm, không cố kềm trong tánh giác nữa cho nên giác một cách tự tại. Năng chiếu và sở chiếu đồng thời diệt hết, lúc đó được tịch tịnh không còn thấy đối đãi nữa. Tới chỗ đó cũng giống như người tự chặt đầu mình, khi cái đầu đã chặt rồi thì đâu có năng có sở, đâu có người hay chặt và kẻ bị chặt. Khi phá được cái năng sở rồi thì tâm chướng ngại nó tự diệt. Khi các chướng ngại diệt hết thì cũng không còn người diệt chướng ngại nữa.

Như vậy do dùng tâm ngại mà tự diệt các ngại, tức là do chúng ta dùng cái tâm thấy được các pháp ngại đó, rồi xả bỏ hết không còn ngại nữa, nên phá hết không còn các ngại. Các ngại đã đoạn hết rồi thì không còn cái năng diệt các ngại. Khi tự mình lấy cái tâm diệt ngại đó, diệt rồi xả luôn tâm diệt ngại nên diệt rồi không còn năng và sở. Tới chỗ này mới thấy kinh điển Phật dạy như ngón tay chỉ mặt trăng. Thường chúng ta tu thì mình là người hay tu và pháp của Phật là pháp để mình tu, tới đây Bồ-tát phải thấy rõ pháp mình tu là phương tiện như ngón tay chỉ mặt trăng, nhân ngón tay mà thấy mặt trăng chứ đừng chấp ngón tay là mặt trăng. Như vậy để thấy kinh điển là phương tiện, ngộ mới là cứu cánh, nếu thấy mặt trăng rồi thì ngón tay vô nghĩa. Cũng vậy, kinh điển giúp cho chúng ta ngộ được tánh viên giác. Khi ngộ rồi, kinh điển chỉ là phương tiện bên ngoài thôi, không còn quan trọng nữa. Đây gọi là Bồ-tát nhập địa tùy thuận tánh viên giác.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết chướng ngại tức cứu cánh giác, đắc niệm thất niệm vô phi giải thoát, thành pháp phá pháp

giai danh Niết-bàn, trí tuệ ngu si thông vi Bát-nhã, Bồ-tát ngoại đạo sở thành tựu pháp đồng thị Bồ-đề, vô minh chân như vô dị cảnh giới, chư giới định tuệ cập dâm nộ si câu thị Phạm hạnh, chúng sanh quốc độ đồng nhất pháp tánh, địa ngục thiên cung giai vi tịnh độ, hữu tánh vô tánh tề thành Phật đạo. Nhất thiết phiền não tất cánh giải thoát, pháp giới hải tuệ chiếu liễu chư tướng do như hư không. Thử danh Như Lai tùy thuận giác tánh.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả chướng ngại tức là cứu cánh giác, chánh niệm thất niệm đều là giải thoát, giữ giới phá giới đều là Niết-bàn, trí tuệ ngu si đều là Bát-nhã, pháp của Bồ-tát và ngoại đạo thành tựu đồng là Bồ-đề, vô minh chân như đồng một cảnh giới, giới định tuệ và dâm nộ si đều là phạm hạnh, chúng sanh quốc độ đồng một pháp tánh, địa ngục thiên cung đều là tịnh độ, hữu tình vô tình đều thành Phật đạo. Tất cả phiền não là giải thoát rốt ráo, vì biển tuệ pháp giới soi rõ các tướng như hư không. Đây gọi là Như Lai tùy thuận tánh viên giác.

Giảng:

Chư Phật khi thể nhập tròn đầy trong tánh giác rồi thì lúc đó không một pháp nào ở ngoài tánh giác, tất cả chỉ là một tâm nhất như bình đẳng. Còn chúng ta bây giờ có phân biệt nên tâm có sai biệt, có hơn có thua, có cao có thấp; nếu trở về được tánh viên giác tròn đầy thì tất cả sai biệt đó đều bình đẳng hết. Phật nói chúng sanh lâu nay đã thành Phật, còn chúng ta thấy Phật khác chúng sanh khác, phàm khác thánh khác, ngu khác trí khác. Chúng ta luôn luôn thấy có sai biệt vì do tâm vọng tưởng sai biệt nhìn trên giả tướng, còn chư Phật nhập được pháp thân tròn đầy nên nhìn trên pháp tánh. Mắc kẹt trên tướng nhiều chừng nào thì phân biệt nhiều chừng nấy,

bớt chạy theo tướng thì phân biệt theo đó mà bớt. Bớt phân biệt thì gọi là hàng Hiền, bớt nhiều gọi là hàng Thánh, không còn theo phân biệt thì gọi là Phật bình đẳng nhất như. Như vậy sự tu là dứt tâm thấy hai, cho nên nói rằng đến chỗ cứu cánh là bình đẳng không hai.

Như Lai tùy thuận tánh viên giác tức là tới chỗ không còn thấy có bên này hay bên kia dở, không còn thấy cái này là giác cái kia là mê, cái này là ngu cái kia là trí. Nghĩa là khi thấy được tánh chân thật không hai không khác, trên cái không hai không khác đó mà được thành tựu viên mãn rồi thì gọi là tùy thuận tánh viên giác Như Lai, đến chỗ này là vượt lên trên tất cả những cái đối đãi giữ giới phá giới, trí ngu, thiên đàng địa ngục, phiền não Niết-bàn v.v... Thấy biết như vậy gọi là cái thấy biết của chư Phật, cho nên gọi là chư Phật tùy thuận tánh giác.

Âm:

Thiện nam tử, đản chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, cư nhất thiết thời bất khởi vọng niệm, ư chư vọng tâm diệc bất tức diệt, trụ vọng tưởng cảnh bất gia liễu tri, ư vô liễu tri bất biện chân thật. Bỉ chư chúng sanh văn thị pháp môn, tín giải thọ trì bất sanh kinh úy. Thị tắc danh vi tùy thuận giác tánh.

Dịch:

Này thiện nam, các vị Bồ-tát và những chúng sanh đời sau ở trong tất cả thời chẳng khởi vọng niệm, đối với vọng tâm cũng không cần dứt trừ, ở cảnh vọng tưởng mà không thêm phân biệt, đối với cái không hiểu biết chẳng biện chân thật, các chúng sanh kia nghe được pháp môn này tin hiểu thọ trì không sanh kinh sợ. Ấy gọi là tùy thuận tánh giác.

Giảng:

Người mà tin lời dạy này thì ở trong tất cả thời không khởi vọng tưởng phân biệt, đối với vọng tâm cũng không cần dứt trừ, ở trong cảnh vọng tưởng cũng không thêm phân biệt. Ví như thấy cảnh này

là cảnh giả, nghe âm thanh là giả nhưng không khởi thêm niệm phân biệt; thấy là thấy, nghe là nghe. Đối với cái không hiểu biết cũng không nói chân hay vọng. Cụ thể hơn, như thấy cành hoa là biết cành hoa, không thêm cái hiểu biết thật giả gì về cành hoa. Những chúng sanh đó nghe pháp môn này thì tin hiểu thọ trì không kinh sợ, còn người nào không tin như vậy thì kinh sợ, vì nghe nói không năng không sở là sợ lắm. Ấy gọi là tùy thuận tánh viên giác.

Phật ban đầu chia ra phàm phu tùy thuận tánh viên giác, Bồ-tát chưa nhập địa tùy thuận tánh viên giác, Bồ-tát nhập địa tùy thuận tánh viên giác và chư Phật tùy thuận tánh viên giác, rồi đến người cuối cùng này cho chúng ta thấy rằng tinh thần kinh Viên Giác chỉ thẳng phương pháp đốn ngộ. Phương pháp đốn ngộ này chư tổ hằng truyền bá, bảo chúng ta hằng giờ, hằng phút, hằng giây sống đúng với tinh thần thiền là không chạy theo phân biệt ngoại cảnh. Đối cảnh mắt thấy tai nghe nhưng không duyên lự theo cảnh là trở về tánh giác không khó khăn gì. Như vậy, hiện giờ chúng ta tập tu có tùy thuận tánh viên giác không? Các vị thiền sư hai mươi bốn giờ trong một ngày đêm không khởi niệm, các ngài có tùy thuận tánh viên giác không? Như ngài Triệu Châu sử dụng được hai mươi bốn giờ trong ngày, như thế là trong tất cả thời không có vọng tưởng, đối với các vị ấy có cần nói tu hành không? Nếu nói các ngài tu hành là họa. Vì vậy ở đây Phật nói, đối với vọng tâm cũng không cần đoạn diệt. Đối với những người đã thật sống với lý thiền thì khi nghe pháp môn Viên giác này không thấy khó.

Âm:

Thiện nam tử, nhữ đẳng đương tri! Như thị chúng sanh dĩ tằng cúng dường bá thiên vạn ức hằng hà sa chư Phật cập đại Bồ-tát, thực chúng đức bản, Phật thuyết thị nhân danh vi thành tựu nhất thiết chủng trí.

Dịch:

Này thiện nam, các ông nên biết, những chúng sanh như thế đã từng gieo trồng cội gốc công đức, cúng dường trăm ngàn muôn ức chư Phật và Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng. Phật nói người này sẽ thành tựu nhất thiết chủng trí.

Giảng:

Câu *kiến tánh thành Phật* của Thiền với đoạn kinh này không có khác. Người nào thực hiện đúng với tinh thần của nhà thiền dạy, trong buông tất cả vọng tưởng, ngoài thấy tất cả cảnh đều hư dối, không thêm một niệm, cũng không phân biệt đây là giả kia là chân, hằng sống được như vậy thì người ấy tin hiểu pháp môn này không khó, vì người ấy đã gieo trồng vô lượng hằng hà sa công đức rồi. Ở đây Phật nói đã gieo trồng căn lành nơi trăm ngàn muôn ức đức Phật và Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng, chứ không phải ngẫu nhiên mà được như vậy. Bây giờ chúng ta mới tập chút chút theo cách sống đó thì chúng ta đã cúng dường được bao nhiêu đức Phật và Bồ-tát? Chúng ta mới tập làm, chắc cũng được cúng dường Phật bằng một hạt cát sông Hằng. Như vậy để thấy rằng người có duyên với Đại thừa đốn giáo này không phải ngẫu nhiên, mà đã có duyên hoặc nhiều hoặc ít, hoặc gần hoặc xa với Đại thừa rồi. Nếu ai đã hữu duyên gặp được pháp môn đốn giáo của Đại thừa thì cứ vững niềm tin tiến tu, sớm muộn gì cũng sẽ thành Phật.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Thanh Tịnh Tuệ đương tri!

Viên mãn Bồ-đề tánh,

Vô thủ diệc vô chứng,

Vô Bồ-tát chúng sanh.

Giác dữ vị giác thời,

Tiệm thứ hữu sai biệt,

Chúng sanh vi giải ngại,

Bồ-tát vị ly giác.

Nhập địa vĩnh tịch diệt

Bất trụ nhất thiết tướng,

Đại giác tất viên mãn

Danh vi biến tùy thuận.

Mạt thế chư chúng sanh

Tâm bất sanh hư vọng,

Phật thuyết như thị nhân

Hiện thế tức Bồ-tát.

Cúng dường hằng sa Phật,

Công đức dĩ viên mãn,

Tuy hữu đa phương tiện,

Giai danh tùy thuận trí.

Dịch:

Lúc bấy giờ Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Thanh Tịnh Tuệ nên biết:

Tánh Bồ-đề viên mãn,

Không thủ cũng không chứng,

Không Bồ-tát chúng sanh.

Giác cùng với chưa giác,

Thứ lớp có sai biệt,

Chúng sanh vì giải ngại,

Bồ-tát chưa lìa giác.

Nhập địa hằng vắng lặng

Không trụ tất cả tướng,

Viên mãn quả đại giác

Gọi là tùy thuận khắp.

Những chúng sanh đời sau

Tâm không sanh hư vọng,

Phật gọi người như thế

Hiện đời là Bồ-tát.

Cúng dường hằng sa Phật,

Công đức đã viên mãn,

Tuy có nhiều phương tiện,

Đều gọi trí tùy thuận.

Giảng:

Bài trùng tụng này đức Phật dạy: Nếu những vị nào còn có kiến giải làm ngại và cái giác làm ngại thì gọi là Bồ-tát chưa nhập địa tùy thuận tánh giác. Những vị không còn bị kiến giải làm chướng ngại thì tâm được lặng lẽ vì không còn mắc kẹt trên tướng, đây là Bồ-tát nhập địa. Còn đến quả vị Phật thì các ngài tùy thuận khắp tất cả. Nếu chúng sanh đời sau tâm không khởi vọng tưởng hư dối, Phật nói người như thế hiện đời là Bồ-tát. Người mà tâm không khởi vọng tưởng hư dối, không cần gọi Bồ-tát vị đó cũng là Bồ-tát rồi, vì vị đó đã trồng công đức hằng sa chư Phật. Tuy có nhiều pháp môn phương tiện nhưng tất cả đều tùy thuận tánh viên giác.

CHƯƠNG VII

BỒ-TÁT OAI ĐỨC TỰ TẠI THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Oai Đức Tự Tại Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, quảng vị ngã đẳng phân biệt như thị tùy thuận giác tánh, linh chư Bồ-tát giác tâm quang minh thừa Phật viên âm, bất nhân tu tập nhi đắc thiện lợi. Thế Tôn, thí như đại thành ngoại hữu tứ môn, tùy phương lai giả phi chỉ nhất lộ, nhất thiết Bồ-tát trang nghiêm Phật quốc cập thành Bồ-đề phi nhất phương tiện. Duy nguyện Thế Tôn, quảng vị ngã đẳng tuyên thuyết nhất thiết phương tiện tiệm thứ, tinh tu hành nhân tổng hữu kỷ chủng? Linh thử hội Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh cầu Đại thừa giả, tốc đắc khai ngộ, du hý Như Lai đại tịch diệt hải.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Lúc đó Bồ-tát Oai Đức Tự Tại ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, đã vì chúng con phân biệt rộng tùy thuận tánh giác như thế, khiến cho các Bồ-tát nương nơi viên âm của Phật mà tâm được sáng suốt, không nhân tu hành mà được lợi ích lớn. Bạch Thế Tôn, ví như thành lớn ngoài có bốn cửa, người tùy theo mỗi phương mà vào chẳng phải chỉ một đường, tất cả Bồ-tát trang nghiêm cõi Phật và thành Bồ-đề

chẳng phải chỉ có một phương tiện. Cúi xin đức Thế Tôn rộng vì chúng con, tuyên nói tất cả phương tiện thứ lớp và người tu hành có bao nhiêu hạng, để cho Bồ-tát trong hội này và chúng sanh đời sau, người cầu Đại thừa mau được khai ngộ, dạo chơi trong biển đại tịch diệt Như Lai.

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa hỏi như vậy lặp lại ba lần.

Giảng:

Oai Đức Tự Tại là biểu trưng nơi mình. Đức là chỉ cho bên trong sung túc, Oai là hiện tướng bên ngoài khiến người nể phục, trong có đầy đủ diệu đức nên hiện ra ngoài có những oai phong khiến người khác phải nể phục. Ở chương này Bồ-tát Oai Đức Tự Tại tự mình đã biết pháp tu viên mãn rồi, nhưng vì thương chúng sanh đời sau căn cơ thấp kém, không thể nghe pháp đốn giáo liền nhập dễ dàng mà cần phải có phương tiện thứ lớp mới tiến tu được, nên ngài thị hiện đứng ra thưa hỏi để đức Phật chỉ rõ cho chúng sanh đời sau dễ tiến tu.

Ý của Bồ-tát Oai Đức Tự Tại hỏi rằng: Muốn thể nhập tánh viên giác có bao nhiêu thứ phương tiện và thứ lớp như thế nào? Sau đó ngài đưa ra một thí dụ là có một cái thành lớn ở ngoài có bốn cửa, người tùy theo mỗi phương mà vào, chẳng phải chỉ có một cửa một đường. Chẳng hạn như thành phố Sài Gòn, người ở miền Đông thì phải đi con đường từ miền Đông vào, người ở miền Tây thì phải đi con đường từ miền Tây vào, người ở miền Trung thì phải đi con đường từ miền Trung vào; mỗi người tùy theo chỗ của mình ở mà có những con đường vào khác nhau, chứ không phải cố định có một con đường vào Thành phố. Cũng như thế, muốn vào biển viên giác cũng có nhiều phương tiện để vào, bởi vì tất cả sự tu hành đều là phương tiện. Phương tiện nào đưa đến giác ngộ, phương tiện nào đưa đến giải thoát, đó là chủ yếu mà ngài Bồ-tát Oai Đức Tự Tại đứng ra thưa hỏi.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Oai Đức Tự Tại Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, như đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, vấn ư Như Lai như thị phương tiện. Như kim đế thính, đương vị như thuyết.

Thời Oai Đức Tự Tại Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

- Thiện nam tử, vô thượng diệu giác biến chư thập phương xuất sanh Như Lai, dữ nhất thiết pháp đồng thể bình đẳng, ư chư tu hành thật vô hữu nhị. Phương tiện tùy thuận kỳ số vô lượng, viên nhiếp sở quy, tuần tánh sai biệt đương hữu tam chủng.

Dịch:

Khi ấy đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Oai Đức Tự Tại rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì các Bồ-tát và những chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai về những phương tiện như thế. Ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông nói.

Khi ấy Bồ-tát Oai Đức Tự Tại vâng lời dạy, vui vẻ cùng đại chúng im lặng lắng nghe.

- Này thiện nam, tánh viên giác vô thượng nhiệm mầu trùm khắp mười phương sanh ra Như Lai và tất cả pháp đồng thể bình đẳng, đối với sự tu hành thật không có hai. Song phương tiện tùy thuận thì vô lượng, gom hết trở về theo tánh sai biệt có ba thứ.

Giảng:

Đây Phật chỉ rõ đường tu hành để nhập tánh viên giác vô thượng nhiệm mầu thì không có hai, nhưng căn cứ vào phương tiện tùy

thuận thì có vô lượng không thể kể hết, đứng trên chỗ sai biệt tạm nói có ba là Chỉ, Quán và Thiền.

Âm:

Thiện nam tử! Nhược chư Bồ-tát ngộ tịnh viên giác, dĩ tịnh giác tâm, thủ tĩnh vi hạnh. Do trừng chư niệm, giác thức phiền động, tĩnh tuệ phát sanh, thân tâm khách trần tùng thử vĩnh diệt, tiện năng nội phát tịch tĩnh khinh an. Do tịch tĩnh cố, thập phương thế giới chư Như Lai tâm ư trung hiển hiện, như kính trung tượng. Thử phương tiện giả danh Xa-ma-tha.

Dịch:

Này thiện nam, nếu Bồ-tát ngộ được tánh viên giác thanh tịnh, dùng tâm giác thanh tịnh giữ cái lặng lẽ làm hạnh. Rồi y đó lắng các vọng niệm và biết thức phiền động, thì trí tuệ lặng lẽ phát sanh, thân tâm khách trần từ đây diệt hết, nội (tâm) liền phát ra lặng lẽ khinh an. Do vì lặng lẽ nên tâm của các đức Như Lai ở mười phương thế giới hiển hiện rõ trong đó, như bóng hiện trong gương. Phương tiện này gọi là Xa-ma-tha.

Giảng:

Xa-ma-tha (Samatha) chữ Phạn, Trung Hoa dịch là Chỉ. Phương tiện đầu là tu chỉ, phương tiện tu chỉ trong kinh Viên Giác khác hơn phương tiện tu chỉ quán của tông Thiên Thai.

Phật dạy có ba giai đoạn:

1. Giác ngộ mình có tánh tịnh viên giác, tức là tánh giác sẵn tròn đầy bên trong.

2. Phải biết thức tâm hay thức tình này là phiền động.

3. Được cái tịch tĩnh khinh an nên tâm các đức Như Lai đều ở trong đó hiện bày.

Đầu tiên Phật nói rằng các vị Bồ-tát ngộ được tánh viên giác thanh tịnh, nghĩa là ngộ được pháp thân rồi thì dùng tâm giác thanh tịnh giữ cái lặng lẽ làm hạnh, tức là lóng lặng hết các vọng niệm và biết thức dao động. Do tâm lặng lẽ nên trí tuệ sáng suốt thanh tịnh phát sanh. Khi trí tuệ thanh tịnh sáng suốt phát sanh thì những cái xao xuyến phiền động của thân tâm ngang đây bặt dứt. Bấy giờ nội tâm được tịch tĩnh khinh an. Do thân tâm tịch tĩnh khinh an nên tâm của tất cả chư Phật hiện rõ trong đó, giống như bóng hiện trong gương vậy. Tức là tâm của người tu thật lặng lẽ cho nên thấy hình ảnh mười phương chư Phật đều hiện. Phương pháp tu này gọi là Chỉ.

Chúng ta thấy điều kiện tiên quyết đức Phật nêu ra là trước phải ngộ được tánh tịnh viên giác, điều kiện này không khác điều kiện các vị thiền sư nêu ra. Đó là tu thiền trước phải kiến tánh, thường gọi là kiến tánh khởi tu. Cho nên phải nhận ra tánh bất sanh bất diệt, tánh bất sanh bất diệt đó gọi là tánh viên giác. Nhận ra được rồi mới dùng các phương tiện dẹp các vọng trần, vọng tưởng. Nhưng lóng các niệm này, chúng ta đừng hiểu lầm! Nhiều người nghe nói lóng hết các tâm niệm vọng tưởng xuống nên ngồi đè cố kìm nó lại, đó là bệnh của thiền, vì không biết cứ tưởng đè xuống đừng cho dấy lên, nhưng càng đè càng tai hại. Ở đây phải khéo hiểu như các thiền sư dạy, tức biết vọng không theo. Cho nên trừng tâm là dừng nó lại.

Chúng ta tu thì có khi dùng chỉ, có khi dùng quán. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói chỉ và quán đồng thời, chỉ là định và quán là tuệ, hai cái không rời nhau. Ngay khi vọng tưởng khởi chúng ta biết và buông, đó là có chỉ và quán; biết vọng tưởng là quán, buông không theo và vọng tưởng lặng xuống là chỉ, ấy là định tuệ đồng tu chứ không chia ra hai thứ. Chia ra hai thứ là khi nào luôn luôn dùng một cách. Như khi ngồi thiền, dùng phương tiện buộc tâm, vọng tưởng không dấy lên, tâm lặng lẽ, đó gọi là chỉ. Còn nếu dùng trí xét tới xét lui thấy thân này do tứ đại hòa hợp, rồi sẽ rã tan, gọi là quán. Đây chúng ta nói có tính cách chia chẻ, chứ thật ra trong chỉ đã có quán, trong quán đã có chỉ, pháp tu này Lục Tổ gọi là định tuệ bình

đẳng. Còn chỉ quán của tông Thiên Thai dạy tu về sổ tức (đếm hơi thở), rồi qua tùy tức (theo hơi thở), rồi chỉ (dừng tâm ở mũi) để thấy hơi thở ra vô, hoặc dùng đề mục để trụ tâm một chỗ ấy là chỉ. Quán là ứng dụng pháp quán chiếu.

Đoạn kinh này nói cảnh giới của hàng Bồ-tát vượt quá pháp chỉ quán thường của chúng ta, cho nên nghe hơi khó hiểu.

Âm:

Thiện nam tử, nhược chư Bồ-tát ngộ tịnh viên giác, dĩ tịnh giác tâm, tri giác tâm tánh cập dữ căn trần giai nhân huyễn hóa, tức khởi chư huyễn dĩ trừ huyễn giả, biến hóa chư huyễn nhi khai huyễn chúng. Do khởi huyễn cố, tiện năng nội phát đại bi khinh an, nhất thiết Bồ-tát tùng thử khởi hạnh, tiệm thứ tăng tiến. Bỉ quán huyễn giả phi đồng huyễn cố phi đồng huyễn quán, giai thị huyễn cố, huyễn tướng vĩnh ly. Thị chư Bồ-tát sở viên diệu hạnh, như thổ trưởng miêu. Thử phương tiện giả danh Tam-ma-bát-đề.

Dịch:

Này thiện nam tử, nếu các vị Bồ-tát ngộ được tánh viên giác thanh tịnh rồi, dùng giác tâm thanh tịnh nhận biết tâm tánh cùng với căn trần đều là huyễn hóa, liền khởi trí huyễn để trừ pháp huyễn, biến hiện các hạnh huyễn mà khai hóa chúng sanh như huyễn. Do khởi pháp quán huyễn nên nội tâm phát đại bi khinh an, tất cả Bồ-tát từ đây khởi hạnh tu quán, dần dần tăng tiến. Người quán huyễn không đồng với cảnh huyễn, không đồng với pháp quán huyễn, vì đều là huyễn nên tướng huyễn hằng lìa. Các vị Bồ-tát này ở nơi hạnh viên diệu như đất làm cho mầm được tăng trưởng. Phương tiện ấy gọi là Tam-ma-bát-đề.

Giảng:

Tam-ma-bát-đề (Samapatti) là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Quán. Đoạn này nói các vị Bồ-tát ngộ được tánh viên giác thanh tịnh rồi, nhận biết được giác tâm căn trần đều là huyễn hóa. Nghĩa là biết rõ nơi thân này và bao nhiêu ý thức vọng tưởng đều huyễn hóa, cho tới ngoại cảnh chúng sanh cũng đều là tướng huyễn hóa.

Khi ấy mới khởi trí huyễn để trừ huyễn, tức là niệm nào khởi lên cũng biết nó là huyễn liền buông. Bồ-tát có hai cách, một là khởi quán để trừ bệnh của chính mình, hai là khi thuần thục rồi lại dùng phương tiện huyễn hóa để giáo hóa chúng sanh. Phương tiện mình giáo hóa là huyễn thì chúng sanh được giáo hóa cũng là huyễn. Đó là cái quán của Bồ-tát.

Do khởi trí huyễn cho nên phát lòng đại bi khinh an. Tại sao khởi trí huyễn mà lại có tâm đại bi? Khi thấy rõ ràng thân này là huyễn, cảnh là huyễn, tâm giác tri khởi quán cũng là huyễn và khi chúng ta nhìn thấy người khác cho thân cảnh là thật, thì tự nhiên thấy thương, lòng thương nhẹ nhàng trong sạch khác với lòng luyến ái tham dục cho nên gọi là *đại bi khinh an*.

Khi Bồ-tát ngộ được tánh viên giác thanh tịnh rồi, các ngài mới y nơi tánh viên giác quán các pháp căn, trần, thức là huyễn hóa không thật. Bấy giờ Bồ-tát khởi trí như huyễn để diệt vô minh phiền não như huyễn, tu các hạnh như huyễn, giáo hóa chúng sanh như huyễn. Khi các cảnh huyễn đã không, trí quán huyễn cũng hết, tức là tâm cảnh hay năng sở không còn, hằng xa lìa các tướng huyễn hóa thì tánh viên giác chân thật (phi huyễn) của Bồ-tát hiện ra, chẳng khác nào đất nuôi lớn mầm cây vậy. Như hạt giống ươm dưới đất, nhờ đất mà nảy mầm, nhờ đất mà mầm tăng trưởng chứ không lui sụt. Phương tiện này gọi là Quán.

Âm:

Thiện nam tử, nhược chư Bồ-tát ngộ tịnh viên giác, dĩ tịnh giác tâm bất thủ huyễn hóa cập chư tĩnh tướng, liễu tri thân tâm giai vi quái ngại. Vô tri giác minh bất y chư ngại, vĩnh

đắc siêu quá ngại vô ngại cảnh, thọ dụng thế giới cập dữ thân tâm, tướng tại trần vực. Như khí trung hoàng thanh xuất vu ngoại, phiền não Niết-bàn bất tương lưu ngại, tiện năng nội phát tịch diệt khinh an, diệu giác tùy thuận, tịch diệt cảnh giới, tự tha thân tâm sở bất năng cập, chúng sanh thọ mạng giai vi phù tưởng. Thử phương tiện giả danh vi Thiền-na.

Dịch:

Này thiện nam, nếu các vị Bồ-tát ngộ được tánh viên giác thanh tịnh, dùng giác tâm thanh tịnh không thủ pháp quán huyễn và tướng lặng lẽ, rõ biết thân tâm đều là vật ngăn ngại. Còn cái vô tri giác minh thì không bị các pháp làm chướng ngại, hằng siêu vượt các pháp chướng ngại và không chướng ngại, thọ dụng các tướng thế giới và thân tâm ở cõi trần này. Cũng như âm thanh từ đồ vật thoát ra ngoài, phiền não Niết-bàn chẳng lưu ngại nhau, nội tâm liền được lặng lẽ khinh an, diệu giác tùy thuận cảnh giới tịch diệt, thân tâm tự tha không còn có thể kịp nữa, chúng sanh, thọ mạng đều là cái tưởng phù hư. Phương tiện tu này gọi là Thiền-na.

Giảng:

Thiền-na (Dhyana) là tiếng Phạn, thường nói là *Thiền*, cũng dịch là *tĩnh lự*. Đoạn này Phật dạy, Bồ-tát ngộ được tánh viên giác thanh tịnh rồi, y nơi tánh viên giác thanh tịnh mà tu, không chấp giữ pháp chỉ và pháp quán, thấy rõ thân tâm này là vật ngăn ngại, chỉ có *vô tri giác minh* không bị các pháp làm chướng ngại, vì vô tri giác minh hằng vượt trên các pháp tương đối chướng ngại và không chướng ngại... Vô tri giác minh trong kinh Thủ-lăng-nghiêm gọi là Vô phân biệt trí tức là cái trí biết không phân biệt. Ở đây vô tri là không phân biệt, giác minh là hằng giác hằng sáng. Thông thường chúng ta nhìn cành hoa liền phân biệt cành hoa đẹp xấu, biết như vậy là thức chứ không phải trí. Còn nếu nói theo tinh thần vô tri giác minh của kinh này, hay vô phân biệt trí của kinh Lăng-nghiêm, thì thấy cành hoa

biết cành hoa chứ không phân biệt cành hoa đẹp hoặc xấu rồi khen chê... không phân biệt gọi là vô tri, biết rõ cành hoa màu gì, loại hoa gì, đó là giác minh. Cái vô tri giác minh là cái biết sáng suốt không phân biệt, không bị các pháp thế gian làm chướng ngại, vì nó vượt trên tất cả pháp tương đối của thế gian. Trong kinh, Phật dùng thí dụ *khí trung hoàng*, ngày trước các Hòa thượng giảng đoạn này hay dùng thí dụ ở quê có cây đàn kìm, trong có để miếng thiếc hay miếng đồng khua loong boong. Miếng đó ở trong lòng cái bọng, tiếng khua của nó vang ra ngoài. Ở đây cũng vậy, chúng ta biết thân là ngại, tâm là ngại khi đang ở trong cảnh trần chúng ta vẫn vượt ra ngoài không có chướng ngại. Thế nên Phật nói thân tâm của hành giả vẫn ở tại cõi trần mà không bị phiền não trần lao làm ngăn ngại, cũng không bị kẹt trong cảnh giới Niết-bàn tịch tịnh. Vô tri giác minh đối với thân tâm của hành giả ở trong cõi trần này giống như âm thanh của vật thoát ra khỏi vật vậy. Thân tâm không còn có thể kịp nữa vì thân tâm là phù hư, không có thật, còn trí vô phân biệt thì trùm khắp. Đây là cảnh giới của những vị Bồ-tát đã ngộ tánh viên giác tu đến chỗ tịch diệt khinh an, có cái công dụng thân tâm ở cõi này mà không bị kẹt bị vướng.

Tóm lại phải nhận ngay nơi mình có tánh giác, tánh giác đó đối với thân này, ý niệm vọng tưởng này, cảnh giới hiện giờ này đều không chướng ngại được nó. Lúc đó thân tâm này cũng như bọt nổi không có gì quan trọng. Nhận được như vậy và sống mãi chỗ đó, được lặng lẽ khinh an thì đó là cảnh giới Thiền-na.

Âm:

Thiện nam tử, thử tam pháp môn giai thị viên giác thân cận tùy thuận. Thập phương Như Lai nhân thử thành Phật, thập phương Bồ-tát chủng chủng phương tiện, nhất thiết đồng dị giai y như thị tam chủng sự nghiệp, nhược đắc viên chứng tức thành viên giác.

Dịch:

Này thiện nam, ba pháp môn này đều là thân cận tùy thuận tánh viên giác. Mười phương Như Lai nhân đây mà thành Phật, mười phương Bồ-tát tu mọi phương tiện đồng hay khác, đều y ba sự nghiệp này, nếu được viên chứng tức thành viên giác.

Giảng:

Phật kết thúc, ba pháp môn chỉ, quán và thiền là phương tiện chung cho tất cả người tu hành. Phật và Bồ-tát cũng y nơi đây mà tu. Căn cứ trên sự chứng ngộ thì Phật khác, Bồ-tát khác, nhưng phương tiện tiến tu thì đồng. Các ngài đều y theo ba pháp tu này mà được thành tựu đạo quả.

Âm:

Thiện nam tử, giả sử hữu nhân tu ư thánh đạo, giáo hóa thành tựu bá thiên vạn ức A-la-hán, Bích-chi Phật quả, bất như hữu nhân văn thử Viên giác vô ngại pháp môn, nhất sát-na khoảnh tùy thuận tu tập.

Dịch:

Này thiện nam, giả sử có người tu theo thánh đạo, giáo hóa trăm ngàn muôn ức người thành tựu quả A-la-hán, Bích-chi Phật, không bằng người chỉ nghe pháp môn viên giác vô ngại này trong khoảng sát-na mà tùy thuận tu tập.

Giảng:

Phật ca ngợi pháp môn viên giác, giả sử có người giáo hóa một trăm, một ngàn, hay trăm ngàn vị chứng A-la-hán và Bích-chi Phật, công đức không bằng người nghe pháp môn Viên giác này chỉ trong khoảng chốc lát mà tùy thuận tu tập. Tại sao vậy? Vì nếu dạy người tu chứng quả A-la-hán hay là chứng quả Duyên giác Bích-chi, chỉ phá được sự chướng mà chưa phá được lý chướng. Còn người nghe pháp môn này thâm nhập tu được thì vượt cả sự và lý chướng cho nên quý hơn.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Oai Đức nhữ đương tri!

Vô thượng đại giác tâm

Bản tế vô nhị tướng,

Tùy thuận chư phương tiện

Kỳ số tức vô lượng.

Như Lai tổng khai thị

Tiện hữu tam chủng loại:

Tịch tĩnh Xa-ma-tha

Như kính chiếu chư tượng,

Như huyễn Tam-ma-đề

Như miêu tiệm tăng trưởng,

Thiền-na duy tịch diệt

Như bỉ khí trung hoàng.

Tam chủng diệu pháp môn

Giai thị giác tùy thuận,

Thập phương chư Như Lai

Cập chư đại Bồ-tát

Nhân thử đắc thành đạo.

Tam sự viên chứng cố

Danh cứu cánh Niết-bàn.

Dịch:

Khi ấy Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa trên, nói kệ rằng:

Oai Đức ông nên biết:

Tâm đại giác vô thượng

Bản tế không hai tướng,

Tùy thuận các phương tiện

Số có đến vô lượng.

Như Lai tổng khai thị

Gồm có ba chủng loại:

Xa-ma-tha vắng lặng

Như gương chiếu các bóng;

Tam-ma-đề như huyễn

Như mầm dần tăng trưởng;

Thiền-na chỉ lặng dứt

Như tiếng trong đồ vật.

Ba thứ diệu pháp môn

Đều là tùy thuận giác,

Mười phương chư Như Lai

Và các vị Bồ-tát

Nhân đây được thành đạo.

Ba việc đều viên chứng

Gọi cứu cánh Niết-bàn.

Giảng:

Tóm lại, ba pháp môn chỉ, quán và thiền là pháp tu căn bản của chư Phật. Phương tiện đưa đến quả vị Phật và Bồ-tát mà các ngài ứng dụng tu, không ngoài ba pháp môn chỉ, quán và thiền. Chúng ta bây giờ lại phân chia nhiều thứ. Niệm Phật, đúng ra là tu chỉ vì dùng một niệm để dừng nhiều niệm. Nhưng vì không hiểu nên nói niệm

Phật là tu Tịnh độ khác hơn tu Thiền. Thật ra các pháp môn Phật dạy tu đều nhằm dừng vọng tưởng là chỉ, còn thấy thân như huyễn cảnh như huyễn là quán; người tu biết rõ ý niệm là vọng tưởng không theo, biết rõ cảnh như huyễn không dính, tâm thanh tịnh đó là thiền. Như vậy thiền trùm cả chỉ và quán. Tuy ba mà một, tu theo Phật chỉ có con đường này chứ không có con đường nào khác hơn. Đó là lối đi chung của chư Phật và Bồ-tát. Nếu chúng ta cố chấp, khen pháp môn này đúng, chê pháp môn kia sai, khen chê hay dở là lầm chấp. Phật chỉ cho chúng ta tu rất đơn giản, dừng hết vọng tưởng là chỉ, thấy rõ thân tâm cảnh giới như huyễn hóa là quán, trong buông vọng tưởng ngoài không dính cảnh là thiền, tức là trở về tánh giác.

Đường lối tu ở đây cũng vậy, tôi khuyên quý vị buông vọng tưởng là Chỉ, thấy thân như huyễn, cảnh như huyễn là Quán, như vậy luôn luôn ứng dụng chỉ quán và chỉ quán viên mãn là Thiền. Đó là phương tiện căn bản mà chư Phật chư Bồ-tát đã tu. Chúng sanh đời sau ai muốn tu thì cũng ứng dụng theo phương tiện này mới mong khỏi lầm lạc.

CHƯƠNG VIII

BỒ-TÁT BIỆN ÂM THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Biện Âm Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, như thị pháp môn thậm vi hy hữu! Thế Tôn, thử chư phương tiện nhất thiết Bồ-tát ư viên giác môn hữu kỷ tu tập? Nguyện vị đại chúng cập mạt thế chúng sanh, phương tiện khai thị linh ngộ thật tướng.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Khi ấy Bồ-tát Biện Âm ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, pháp môn như vậy thật là ít có! Bạch Thế Tôn, các phương tiện này, tất cả Bồ-tát đối với môn viên giác có bao nhiêu pháp tu tập? Xin vì đại chúng và chúng sanh đời sau, phương tiện chỉ bày khiến cho ngộ được thật tướng.

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như vậy lặp lại ba lần.

Giảng:

Chương này Bồ-tát Biện Âm đứng ra thưa hỏi. Biện là biện biệt rành rẽ, âm là tiếng, tức là phân biệt rành rẽ âm thanh. Theo nghĩa

ở đây là ý nghĩa chia chẻ tỉ mỉ để người sau tùy căn cơ trình độ ai hợp pháp nào dùng pháp đó mà tu.

Ở trước, ngài Oai Đức Tự Tại thưa hỏi Phật về phương tiện tu hành, Phật chỉ ba pháp môn là phương tiện. Ở đây Bồ-tát Biện Âm nêu lên câu hỏi như Phật dạy ở trước, pháp môn đó rất là ít có tức là pháp môn Chỉ, Quán, Thiền, với ba phương tiện đó muốn bước vào cửa viên giác thì có bao nhiêu pháp tu tập, xin Phật chỉ dạy chi tiết rõ ràng.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Biện Âm Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị chư đại chúng cập mạt thế chúng sanh, vấn ư Như Lai như thị tu tập. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Biện Âm Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

- Thiện nam tử, nhất thiết Như Lai viên giác thanh tịnh bản vô tu tập cập tu tập giả, nhất thiết Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh y ư vị giác huyễn lực tu tập, nhĩ thời tiện hữu nhị thập ngũ chủng thanh tịnh định luân.

Dịch:

Lúc đó đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Biện Âm rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông vì đại chúng và chúng sanh đời sau thưa hỏi Như Lai về sự tu tập. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông nói.

Khi ấy Bồ-tát Biện Âm vâng lời dạy, vui vẻ cùng đại chúng yên lặng lắng nghe.

- Này thiện nam, tất cả viên giác thanh tịnh Như Lai vốn không tu tập và người tu tập, tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời

sau y nơi chưa giác dùng sức huyễn mà tu tập, khi ấy mới có hai mươi lăm thứ thanh tịnh định luân.

Giảng:

Trước khi dạy các phương tiện khác, đức Phật lặp lại chủ yếu là tánh viên giác không có pháp để tu tập và người tu tập, vì nguyên nó là cái thể không sanh diệt nên không do tu tập mà được, tánh viên giác chính là mình cho nên nói không có người tu tập. Tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau y nơi chưa giác dùng sức huyễn mà tu tập. Khi ấy mới có hai mươi lăm thứ thanh tịnh định luân.

Hai mươi lăm thứ thanh tịnh định luân là những pháp tu chỉ, quán và thiền hoặc là đơn hoặc là ghép: tu chỉ hay tu quán riêng từng môn gọi là đơn, tu một lượt hai hoặc ba môn gọi là ghép, đổi tới đổi lui thành ra hai mươi lăm luân. Nhưng thật ra chỉ có ba môn căn bản là chỉ, quán và thiền.

Âm:

Nhược chư Bồ-tát duy thủ cực tĩnh, do tĩnh lực cố vĩnh đoạn phiền não cứu cánh thành tựu, bất khởi ư tòa tiện nhập Niết-bàn. Thử Bồ-tát giả, danh đơn tu Xa-ma-tha.

Dịch:

Nếu chư Bồ-tát chỉ giữ tâm vắng lặng, do sức vắng lặng mà đoạn các phiền não, thành tựu rốt ráo, không rời khỏi chỗ ngồi liền vào Niết-bàn. Vị Bồ-tát này gọi là riêng tu pháp Chỉ.

Giảng:

Bồ-tát hằng giữ tâm ở trạng thái thật tịch tĩnh nên phiền não không sanh khởi, nhờ thế mà được thành tựu đạo quả rốt ráo, lúc đó ở ngay chỗ ngồi mà vào Niết-bàn. Vị Bồ-tát này riêng tu pháp Chỉ.

Âm:

Nhược chư Bồ-tát duy quán như huyễn, dĩ Phật lực cố biến hóa thế giới chủng chủng tác dụng, bị hành Bồ-tát thanh

tịnh diệu hạnh, ư đà-la-ni bất thất tịch niệm cập chư tĩnh tuệ. Thử Bồ-tát giả, danh đơn tu Tam-ma-bát-đề.

Dịch:

Nếu Bồ-tát chỉ tu pháp quán như huyễn, dùng Phật lực biến hóa ra thế giới, khởi các diệu dụng, thực hành đầy đủ công hạnh thanh tịnh của Bồ-tát, đối với Đà-la-ni không mất niệm tịch tĩnh và tuệ lặng lẽ. Vị Bồ-tát này gọi là riêng tu pháp Quán.

Giảng:

Bồ-tát khi dụng quán là y theo lời Phật dạy trong kinh để vận dụng tâm quán, tùy bệnh mà chiếu phá nên nói rằng có các thứ biến hóa, các thứ tác dụng. Nghĩa là do sức Phật chỉ dạy rồi nương theo đó quán chiếu. Thí dụ áp dụng quán bằng trí Bát-nhã thì tùy quán riêng từng uẩn hoặc quán chung năm uẩn, quán một trần hoặc quán sáu trần..., có khi chung lại có khi chia ra biến hóa vô cùng. Bởi do khéo chuyển biến tu hành, lần lần diệu hạnh thanh tịnh của Bồ-tát được đầy đủ. Đầy đủ rồi tổng nhiếp tất cả. Như vậy Bồ-tát này chuyên quán huyễn, nương nhờ sức biến hóa của chư Phật ứng dụng trong sự tu hành, thấy rõ các pháp như huyễn cho nên không mất niệm tịch tĩnh. Đà-la-ni là tổng trì, nghĩa là đối với các pháp đều thấy nó như huyễn, do đó có tuệ, được lặng lẽ, nên nói Bồ-tát này riêng tu pháp Quán.

Âm:

Nhược chư Bồ-tát duy diệt chư huyễn, bất thủ tác dụng độc đoạn phiền não, phiền não đoạn tận tiện chứng thật tướng. Thử Bồ-tát giả, danh đơn tu Thiền-na.

Dịch:

Nếu Bồ-tát chỉ diệt các pháp huyễn mà không chấp thủ tác dụng, riêng đoạn phiền não, phiền não đoạn hết liền

chứng được thật tướng. Vị Bồ-tát này gọi là riêng tu pháp Thiền-na.

Giảng:

Bồ-tát chuyên tu đoạn diệt các tướng huyễn hóa, và không chấp thủ pháp tu, chỉ một bề lo đoạn trừ phiền não. Bởi vì các tướng thân tâm và ngoại cảnh đều là huyễn hóa cho nên không mắc kẹt. Đây là dùng trí thấy rõ nó là hư dối nên không kẹt, không cần quán hay chỉ. Khi phiền não sạch rồi thì chứng được tướng chân thật nên gọi Bồ-tát này riêng tu pháp Thiền-na.

Âm:

Nhược chư Bồ-tát tiên thủ chí tĩnh, dĩ tĩnh tuệ tâm chiếu chư huyễn giả, tiện ư thị trung khởi Bồ-tát hạnh. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Xa-ma-tha, hậu tu Tam-ma-bát-đề.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tĩnh tuệ cố, chứng chí tĩnh tánh, tiện đoạn phiền não vĩnh xuất sanh tử. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Xa-ma-tha, hậu tu Thiền-na.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch tĩnh tuệ, phục hiện huyễn lực chủng chủng biến hóa độ chư chúng sanh, hậu đoạn phiền não nhi nhập tịch diệt. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Xa-ma-tha, trung tu Tam-ma-bát-đề, hậu tu Thiền-na.

Nhược chư Bồ-tát dĩ chí tĩnh lực đoạn phiền não dĩ, hậu khởi Bồ-tát thanh tịnh diệu hạnh độ chư chúng sanh. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Xa-ma-tha, trung tu Thiền-na, hậu tu Tam-ma-bát-đề.

Nhược chư Bồ-tát dĩ chí tĩnh lực tâm đoạn phiền não, hậu độ chúng sanh kiến lập thế giới. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Xa-ma-tha, tề tu Tam-ma-bát-đề cập tu Thiền-na.

Nhược chư Bồ-tát dĩ chí tĩnh lực tư phát biến hóa, hậu đoạn phiền não. Thử Bồ-tát giả, danh tề tu Xa-ma-tha Tam-ma-bát-đề, hậu tu Thiền-na.

Nhược chư Bồ-tát dĩ chí tĩnh lực dụng tư tịch diệt, hậu khởi tác dụng biến hóa cảnh giới. Thử Bồ-tát giả, danh tề tu Xa-ma-tha Thiền-na, hậu tu Tam-ma-bát-đề.

Nhược chư Bồ-tát dĩ biến hóa lực chủng chủng tùy thuận, nhi thủ chí tĩnh. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Tam-ma-bát-đề, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chư Bồ-tát dĩ biến hóa lực chủng chủng cảnh giới, nhi thủ tịch diệt. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Tam-ma-bát-đề, hậu tu Thiền-na.

Nhược chư Bồ-tát dĩ biến hóa lực nhi tác Phật sự, an trụ tịch tĩnh, nhi đoạn phiền não. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Tam-ma-bát-đề, trung tu Xa-ma-tha, hậu tu Thiền-na.

Nhược chư Bồ-tát dĩ biến hóa lực vô ngại tác dụng, đoạn phiền não cố, an trụ chí tĩnh. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Tam-ma-bát-đề, trung tu Thiền-na, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chư Bồ-tát dĩ biến hóa lực phương tiện tác dụng, chí tĩnh tịch diệt nhị câu tùy thuận. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Tam-ma-bát-đề, tề tu Xa-ma-tha Thiền-na.

Nhược chư Bồ-tát dĩ biến hóa lực chủng chủng khởi dụng, tư ư chí tĩnh, hậu đoạn phiền não. Thử Bồ-tát giả, danh tề tu Tam-ma-bát-đề Xa-ma-tha, hậu tu Thiền-na.

Nhược chư Bồ-tát dĩ biến hóa lực tư ư tịch diệt, hậu trụ thanh tịnh, vô tác tĩnh lự. Thử Bồ-tát giả, danh tề tu Tam-ma-bát-đề Thiền-na, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch diệt lực nhi khởi chí tĩnh, trụ ư thanh tịnh. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Thiền-na, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch diệt lực nhi khởi tác dụng, ư nhất thiết cảnh tịch dụng tùy thuận. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Thiền-na, hậu tu Tam-ma-bát-đề.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch diệt lực chủng chủng tự tánh, an ư tĩnh lự, nhi khởi biến hóa. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Thiền-na, trung tu Xa-ma-tha, hậu tu Tam-ma-bát-đề.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch diệt lực vô tác tự tánh khởi ư tác dụng, thanh tịnh cảnh giới quy ư tĩnh lự. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Thiền-na, trung tu Tam-ma-bát-đề, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch diệt lực chủng chủng thanh tịnh, nhi trụ tĩnh lự khởi ư biến hóa. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Thiền-na, tề tu Xa-ma-tha Tam-ma-bát-đề.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch diệt lực tư ư chí tĩnh, nhi khởi biến hóa. Thử Bồ-tát giả, danh tề tu Thiền-na Xa-ma-tha, hậu tu Tam-ma-bát-đề.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch diệt lực tư ư biến hóa, nhi khởi chí tĩnh thanh minh cảnh tuệ. Thử Bồ-tát giả, danh tề tu Thiền-na Tam-ma-bát-đề, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chư Bồ-tát dĩ viên giác tuệ viên hợp nhất thiết, ư chư tánh tướng vô ly giác tánh. Thử Bồ-tát giả, danh vi viên tu tam chủng tự tánh thanh tịnh tùy thuận.

Thiện nam tử, thị danh Bồ-tát nhị thập ngũ luân, nhất thiết Bồ-tát tu hạnh như thị. Nhược chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh y thử luân giả, đương trì Phạm hạnh, tịch tĩnh tư duy, cầu ai sám hối, kinh tam thất nhật. Ư nhị thập ngũ luân

các an tiêu ký, chí tâm cầu ai, tùy thủ kết thủ, y kết khai thị tiện tri đốn tiệm. Nhất niệm nghi hối tức bất thành tựu.

Dịch:

Nếu chư Bồ-tát trước giữ tâm thật lặng lẽ, do tâm lặng lẽ nên trí tuệ chiếu soi các pháp như huyễn, liền khởi hạnh Bồ-tát. Gọi vị Bồ-tát này trước tu chỉ sau tu quán.

Nếu Bồ-tát dùng trí tuệ yên tĩnh chứng được thể tánh thật lặng lẽ, liền đoạn các phiền não, thoát khỏi sanh tử. Gọi vị Bồ-tát này trước tu chỉ sau tu thiền.

Nếu Bồ-tát dùng trí tuệ lặng lẽ lại hiện ra mọi sức biến hóa độ chúng sanh, sau mới đoạn phiền não, rồi vào chỗ tịch diệt. Gọi Bồ-tát này trước tu chỉ, giữa tu quán sau tu thiền.

Nếu các vị Bồ-tát dùng sức thật lặng lẽ đoạn các phiền não, sau khởi các diệu hạnh thanh tịnh để độ chúng sanh. Gọi Bồ-tát này trước tu chỉ, giữa tu thiền sau tu quán.

Nếu những vị Bồ-tát dùng sức thật lặng lẽ tâm đoạn phiền não, sau lại dựng lập thế giới độ chúng sanh. Gọi Bồ-tát này trước tu chỉ đồng thời tu quán và thiền.

Nếu những vị Bồ-tát dùng sức thật lặng lẽ giúp phát khởi biến hóa, sau đoạn phiền não. Gọi vị Bồ-tát này đồng tu chỉ và quán, sau mới tu thiền.

Nếu những vị Bồ-tát dùng lực dụng thật lặng lẽ để giúp cho sự tịch diệt, sau khởi ra tác dụng biến hóa thế giới. Gọi Bồ-tát này đồng thời tu chỉ và thiền, sau mới tu quán.

Nếu các vị Bồ-tát dùng sức biến hóa ra các thứ tùy thuận chúng sanh mà vẫn giữ (tâm) thật lặng lẽ. Gọi Bồ-tát này trước tu quán sau tu chỉ.

Nếu những vị Bồ-tát dùng sức biến hóa các thứ cảnh giới mà vẫn giữ tịch diệt. Gọi Bồ-tát này trước tu quán sau tu thiền.

Nếu các vị Bồ-tát dùng sức biến hóa làm các Phật sự, an trụ trong lặng lẽ mà đoạn phiền não. Gọi Bồ-tát này trước tu quán, giữa tu chỉ và sau tu thiền.

Nếu các vị Bồ-tát dùng sức biến hóa làm các việc vô ngại, đoạn các phiền não rồi an trụ chỗ thật lặng lẽ. Gọi Bồ-tát này trước tu quán, giữa tu thiền và sau tu chỉ.

Nếu các vị Bồ-tát dùng sức biến hóa làm các phương tiện tác dụng rất lặng lẽ tịch diệt, cả hai đều tùy thuận. Gọi Bồ-tát này trước tu quán, đồng thời tu chỉ và thiền.

Nếu những Bồ-tát dùng sức biến hóa khởi các công dụng giúp cho tâm thật lặng lẽ, sau mới đoạn phiền não. Gọi Bồ-tát này đồng tu quán và chỉ, sau mới tu thiền.

Nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa giúp cho tịch diệt, rồi sau trụ chỗ thanh tịnh mà không khởi tĩnh lự. Gọi Bồ-tát này đồng tu quán và thiền, sau mới tu chỉ.

Nếu các vị Bồ-tát dùng sức tịch diệt mà khởi hạnh thật lặng lẽ, rồi an trụ nơi thanh tịnh. Gọi Bồ-tát này trước tu thiền sau mới tu chỉ.

Nếu những vị Bồ-tát dùng sức tịch diệt mà khởi tác dụng, ở trong tất cả cảnh lặng lẽ khởi dụng tùy thuận. Gọi Bồ-tát này trước tu thiền sau mới tu quán.

Nếu các Bồ-tát dùng sức thật lặng lẽ các thứ tự tánh, an trụ nơi tĩnh lự mà khởi pháp biến hóa. Gọi Bồ-tát này trước tu thiền, giữa tu chỉ rồi sau mới tu quán.

Nếu những vị Bồ-tát dùng sức tịch diệt của tự tánh vô tác, ở cảnh giới thanh tịnh khởi tác dụng, rồi trở về chỗ tĩnh lự. Gọi Bồ-tát này trước tu thiền, giữa tu quán sau mới tu chỉ.

Nếu những vị Bồ-tát dùng các thứ thanh tịnh của sức tịch diệt mà trụ ở chỗ tĩnh lự, rồi khởi biến hóa. Gọi Bồ-tát này trước tu thiền đồng thời tu chỉ và quán.

Nếu những vị Bồ-tát dùng sức tịch diệt giúp cho thật lặng lẽ rồi khởi biến hóa. Gọi Bồ-tát này đồng thời tu thiền và chỉ, sau đó mới tu quán.

Nếu những vị Bồ-tát dùng sức tịch diệt giúp cho biến hóa mà khởi trí tuệ lặng lẽ trong sáng. Gọi Bồ-tát này đồng thời tu thiền và quán, sau đó tu chỉ.

Nếu các vị Bồ-tát dùng tuệ viên giác, viên hợp tất cả, nơi các tánh tướng không lìa tánh giác. Gọi Bồ-tát này viên tu ba thứ tự tánh thanh tịnh tùy thuận.

Này thiện nam, như thế gọi là hai mươi lăm luân của Bồ-tát, tất cả Bồ-tát nên như thế mà tu hành. Nếu các Bồ-tát và chúng sanh đời sau y theo những luân ấy, gìn giữ Phạm hạnh, lặng lẽ tư duy, thành tâm sám hối, trải qua hai mươi mốt ngày, nơi hai mươi lăm luân này, mỗi cái ghi ra để trên bàn chí tâm nguyện cầu, rồi tay bốc lên một cái, tùy theo cái đó mở ra, liền biết (căn cơ) mình thuộc đốn hay tiệm. Nếu còn một niệm nghi hối thì chẳng thành tựu.

Giảng:

Tất cả chúng ta muốn được giác ngộ giải thoát, không tu pháp nào khác hơn là ba môn Chỉ, Quán và Thiền. Đó là ba pháp tu then chốt. Tùy theo căn cơ sai biệt của mỗi người mà ứng dụng, người thì ứng dụng quán trước, người thì ứng dụng chỉ trước, người thì ứng

dụng thiền trước. Tùy theo khả năng và để thích nghi với hoàn cảnh của mình mà linh động ứng dụng ba pháp tu ấy trước hay sau.

Như có người tu chỉ muốn được lặng lẽ thôi, nên không quán, lại có người thấy lặng lẽ buồn, quán các pháp như huyễn vui hơn... Do đó nên đức Phật mới chia ra hai mươi lăm luân này. Chúng ta tu ứng dụng chỉ hay quán đều tốt, miễn tâm chúng ta an định là được rồi. Chứ không nói buông hết niệm là đúng hay quán mới đúng. Thí dụ tâm chúng ta vừa dấy niệm nhớ người nhớ cảnh, chúng ta liền buông không theo thì vọng niệm tự lặng mất tạm gọi là chỉ. Nhưng lại có người không chịu tu như vậy, họ nói kinh Bát-nhã Phật dạy quán chiếu ngũ uẩn không thật, sáu trần huyễn hóa, nên đi đâu lúc nào cũng quán như vậy. Do quán như thế nên không dính mắc với cảnh, tâm tự an định. Người buông vọng niệm thì tâm cũng an định, người quán các pháp như huyễn tâm cũng an định. Dù chỉ, quán hay thiền mà tâm yên lặng thanh tịnh là được. Vì tu phải dứt hết vọng niệm thì thể chân thật mới hiện tiền. Tuy tu ba môn nhưng trở về có một chỗ là lặng vọng tưởng và tánh giác hiện tiền. Nhưng vì căn cơ của mỗi người khác nhau, nên Phật mới phân chia ra cho dễ thích ứng.

Có người tu chỉ cứ đăm đăm nhìn xuống để buông vọng tưởng nên mặt buồn xo, bèn đổi sang quán nhìn mây nhìn trời thấy tất cả đều là huyễn hóa cười chơi cho vui. Như vậy là trước tu chỉ sau tu quán, quán một thời gian vọng tưởng hết, đến chỗ tịch diệt đó là thiền.

Tùy căn cơ ứng dụng hoặc chuyên tu một pháp tới nơi tới chốn, hoặc gồm cả hai pháp hoặc kiêm luôn ba pháp; hoặc tu pháp này trước pháp kia sau, hay pháp kia trước pháp này sau, đổi tới đổi lui thế nào miễn ổn định sự tu hành là tốt. Cốt yếu là sự tu hành được ổn định và tinh tiến đúng pháp. Phật dạy tùy theo căn cơ của chúng sanh mà ứng dụng tu chứ không cố định. Thí dụ như người ít phiền não tu theo pháp tri vọng, hễ dấy niệm liền buông, thực hành một thời gian thì thanh tịnh. Còn người phiền não nhiều, loạn tưởng lăng xăng không bao giờ an ổn nên phải dùng quán mà công kích, quán

thân này duyên hợp tạm có, quán cảnh là huyễn hóa, thấy mọi sự việc xảy ra với mình không thật. Quán một thời gian phiền não mỏng dần thì tâm mới thanh tịnh. Người tu phải biết linh động chứ không nên cố chấp một là một hai là hai, nếu không biết linh động tu không tiến.

Phật nói hai mươi lăm luân này, sợ chúng sanh mờ mịt không biết làm sao tu, không biết căn cơ hợp với pháp nào, nên tiếp theo Phật dạy cho phương tiện để chọn pháp tu. Kinh dạy lấy giấy ghi hết hai mươi lăm luân, mỗi luân vào một miếng giấy vo tròn, đặt vào trong đĩa đem để trên bàn Phật rồi trì giới thanh tịnh, thành tâm sám hối xong bốc lấy một thăm. Trúng pháp nào thì chết sống với pháp đó mà tu, chứ không nghi ngờ gì nữa hết, coi như Phật dạy mình tu theo luân đó. Như vậy là tu tiến, nếu dấy niệm nghi thì tu không tiến. Có phải Phật tới chứng minh cho chúng ta bốc thăm không? Thật ra hai mươi lăm luân mà nắm lấy một luân chết sống để tu, không nghi ngờ không thối chuyển thì có kết quả. Phật muốn cho chúng ta đầy đủ đức tin nên dạy phương tiện như thế.

Cũng như ở đây nhiều người đồng thời tới học đạo, tôi dạy có nhiều cách khác nhau, có người tôi dạy biết vọng tưởng rồi buông, có người tôi dạy đếm hơi thở, có người tôi dạy quán ngũ uẩn giai không. Tại sao vậy? Vì tùy theo căn cơ và hoàn cảnh, chẳng hạn người đang ở trong hoàn cảnh bận bịu, bảo họ buông vọng tưởng, họ buông không được thì làm sao tu? Nên phải dạy họ quán để phá vỡ các phiền não đang bao vây họ. Còn người căn cơ quá thấp, đem giáo lý thượng thừa nói với họ, họ không lãnh hội được, nên phải dạy họ dùng phương tiện đếm hơi thở để dừng tạp niệm. Phương tiện rất nhiều mà cứu cánh chỉ có một, chúng ta hiểu rồi thì hết nghi ngờ.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Biện Âm nhữ đương tri!

Nhất thiết chư Bồ-tát

Vô ngại thanh tịnh tuệ,

Giai y thiền định sanh.

Sở vị Xa-ma-tha,

Tam-ma-đề, Thiền-na,

Tam pháp đốn tiệm tu,

Hữu nhị thập ngũ chủng.

Thập phương chư Như Lai,

Tam thế tu hành giả,

Vô bất nhân thử pháp

Nhi đắc thành Bồ-đề;

Duy trừ đốn giác nhân

Tinh pháp bất tùy thuận.

Nhất thiết chư Bồ-tát

Cập mạt thế chúng sanh

Thường đương trì thử luân

Tùy thuận cần tu tập,

Y Phật đại bi lực,

Bất cửu chứng Niết-bàn.

Dịch:

Khi ấy Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Biện Âm ông nên biết:

Tất cả các Bồ-tát

Tuệ thanh tịnh vô ngại,

Đều y thiền định sanh

Gọi là Xa-ma-tha,

Tam-ma-đề, Thiền-na,

Ba pháp đốn tiệm tu,

Chia hai mươi lăm loại.

Mười phương các Như Lai,

Ba đời người tu hành,

Ai chẳng nhân pháp này

Mà được thành Bồ-đề;

Chỉ trừ người đốn giác

Cùng pháp chẳng tùy thuận.

Tất cả các Bồ-tát

Và chúng sanh đời sau

Thường gìn giữ luân này

Tùy thuận siêng tu hành,

Nương đại bi của Phật,

Không lâu chứng Niết-bàn.

Giảng:

Chỉ, quán và thiền là ba pháp cội nguồn của chư Phật thành Phật. Chúng ta hiện nay muốn y theo Phật mà tu, muốn được giác ngộ như Phật cũng theo ba pháp đó mà tu. Chỉ có khác là căn cơ có đốn có tiệm. Người đốn dùng một pháp có thể đi tới nơi, người tiệm thì dùng hai, ba pháp. Người đốn là căn cơ lanh lợi, nghe một pháp liền ứng dụng cùng tột được. Còn tiệm là căn cơ không lanh lợi, ý chí yếu đuối dùng một pháp chỉ không thành công phải nhờ pháp quán phụ.

Bài trùng tụng này tôi chỉ thêm vài điểm quan trọng cho quý vị hiểu. Nói trí tuệ thanh tịnh vô ngại của Bồ-tát đều y nơi thiền định

mà sanh. Vậy thiền định gồm chung cả chỉ, quán và thiền. Không người nào tu được trí tuệ mà không từ thiền định sanh, vì nếu vọng tưởng không lặng thì không bao giờ có trí tuệ. Không khi nào không gian sáng khi mây còn đen dày dù mặt trăng vẫn có trên hư không, bầu trời chỉ sáng khi nào mây tan hết. Cũng vậy trí tuệ thanh tịnh vô ngại phát sáng khi vọng tưởng lặng hết. Vọng tưởng còn lăng xăng mà muốn giác ngộ, đó là cái muốn rỗng. Thế nên Phật dạy chúng ta muốn được trí tuệ thanh tịnh thì phải y theo ba pháp chỉ, quán và thiền mà ứng dụng tu. Sở dĩ ngài nói mười phương chư Phật ba đời và những người tu hành không ai chẳng nhân pháp này mà thành đạo Bồ-đề, là để biết rằng ngoài ba pháp này không có pháp nào khác tu cho viên mãn giác ngộ.

CHƯƠNG IX

BỒ-TÁT TỊNH CHƯ NGHIỆP CHƯỚNG THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, vị ngã đẳng bối quảng thuyết như thị bất tư nghì sự nhất thiết Như Lai nhân địa hành tướng, linh chư đại chúng đắc vị tằng hữu, đổ kiến Điều Ngự lịch hằng sa kiếp cần khổ cảnh giới, nhất thiết công dụng do như nhất niệm, ngã đẳng Bồ-tát thâm tự khánh ủy. Thế Tôn, nhược thử giác tâm bản tánh thanh tịnh, nhân hà nhiễm ô, sử chư chúng sanh mê muộn bất nhập? Duy nguyện Như Lai quảng vị ngã đẳng khai ngộ pháp tánh, linh thử đại chúng cập mạt thế chúng sanh tác tương lai nhãn.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Lúc bấy giờ Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Đấng Thế Tôn đại bi, vì bọn chúng con rộng nói việc bất tư nghì như thế, tất cả hành tướng nhân địa của Như Lai, khiến cho đại chúng được điều chưa từng có, xem thấy đấng Điều Ngự trải qua cảnh giới siêng năng cần khổ trong hằng sa kiếp, tất cả công dụng giống như trong một niệm, Bồ-tát chúng con thâm tâm tự thích thú. Thưa Thế Tôn, nếu tâm viên giác này tánh vốn thanh tịnh, tại sao bị nhiễm ô, khiến

cho chúng sanh mê muộn không vào được? Cúi mong đức Thế Tôn rộng vì bọn chúng con khai ngộ pháp tánh, khiến cho đại chúng này và chúng sanh đời sau (lấy đó) làm mắt trí tuệ.

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như vậy lặp lại ba lần.

Giảng:

Tịnh chư nghiệp chướng là làm sạch hết các nghiệp chướng, cho nên câu hỏi của Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng là: *Tánh giác vốn tự thanh tịnh, vậy do nguyên nhân nào bị nhiễm ô? Và vì sao làm cho chúng sanh mê muội không thể nhập được tánh giác?*

Phẩm đầu Bồ-tát Văn-thù thưa hỏi về nhân địa tu hành của Phật và chư Bồ-tát, đã được Phật giải đáp một cách rõ ràng. Từ phẩm thứ hai tới phẩm thứ tám, chư Bồ-tát hỏi về phương tiện tu hành cũng đã được Phật chỉ dạy một cách tường tận. Đến phẩm này là giải quyết những điều nghi ngờ: Tại sao có tánh giác mà không nhập được. Chúng ta tu mà không biết được bệnh chướng của mình thì không thể điều phục để tiến. Vì vậy mà Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng nêu lên vấn đề này xin Phật giải đáp cho chúng ta biết để điều phục. Đây là câu hỏi rất thiết yếu.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị chư đại chúng cập mạt thế chúng sanh, tư vấn Như Lai như thị phương tiện. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

- Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh tùng vô thủy lai, vọng tưởng chấp hữu ngã nhân chúng sanh cập dữ thọ mạng,

nhận tứ điên đảo vi thật ngã thể, do thử tiện sanh tắng ái nhị cảnh. Ư hư vọng thể trùng chấp hư vọng, nhị vọng tương y sanh vọng nghiệp đạo, hữu vọng nghiệp cố vọng kiến lưu chuyển, yểm lưu chuyển giả, vọng kiến Niết-bàn.

Dịch:

Khi ấy đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì đại chúng và chúng sanh đời sau thưa hỏi Như Lai phương tiện như thế. Vậy các ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông nói.

Khi ấy Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng vâng lời dạy, hoan hỷ cùng đại chúng lặng lẽ lắng nghe.

- Này thiện nam, tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay do vọng tưởng chấp có ngã, nhân, chúng sanh và thọ mạng, nhận bốn thứ điên đảo làm ngã thể thật, do đây liền sanh hai cảnh yêu ghét. Đối với thể hư vọng lại thêm một lớp chấp hư vọng, hai cái vọng này nương nhau sanh ra nghiệp đạo hư vọng, vì có nghiệp đạo hư vọng nên vọng thấy lưu chuyển, do nhàm chán lưu chuyển nên vọng thấy Niết-bàn.

Giảng:

Đây Phật chỉ cái nhân mê lầm sâu xa của chúng sanh là chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng. Mọi người ai cũng có tánh giác thanh tịnh tròn sáng mà không sống được với tánh giác của mình, cứ khởi vọng niệm chấp ta, chấp người, chấp cảnh v.v... nên trôi lăn trong luân hồi sanh tử chịu khổ đau không có ngày an ổn. Chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng ở kinh này khác với ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng ở kinh Kim Cương. Kinh Kim Cương nói chấp ngã là chấp tướng do tứ đại ngũ uẩn hợp lại cho là ta thật, đó là chấp ngã. Chấp nhân là chấp tướng do tứ đại ngũ uẩn hợp lại thành chúng sanh ngoài mình gọi là chấp nhân. Thấy chúng sanh chẳng phải một

người mà vô số người gọi là chấp chúng sanh. Thấy tất cả chúng sanh có mạng sống kéo dài năm, sáu mươi năm hay bảy, tám mươi năm v.v... đó là chấp thọ mạng. Kinh Kim Cương chỉ bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng nơi con người, bốn tướng này là vọng chấp cạn cợt của phàm phu; còn bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng của kinh Viên Giác là bốn tướng mà hàng tu hành chấp. Người tu hành đã bước lên hàng thánh giả cũng vẫn còn chấp tướng đó cho nên mắc kẹt không hoàn toàn nhập tánh viên giác. Bốn tướng này do tu tiến mà chấp chứ không phải bốn tướng thông thường của phàm phu chấp. Quý vị nên lưu ý để hiểu chỗ này mới không thấy lạ ở đoạn sau.

Song dù bốn tướng của phàm phu chấp hay bốn tướng của người tu bước lên hàng thánh chấp cũng đều gốc ở chấp ngã mà ra. Thế nên Phật nói do điên đảo lầm chấp bốn món đất nước gió lửa cho là ta. Bốn món này không thuận hợp nhau, nước thì không ưa lửa, lửa nhiều nước khô cạn, lửa thì không chịu nước, nước nhiều lửa tắt, đất với gió cũng vậy. Bốn món này luôn luôn trái nghịch, ở chung một chỗ thì chống đối nhau khiến cho chúng ta đau khổ. Giống như bốn tên giặc ở chung một nhà, mỗi tên có một hướng khác, lúc nào cũng sẵn sàng chống cự nhau, nếu trong bốn đứa mà có một đứa thua thì chúng ta khổ. Do nhận lầm nó là ta cho nên chúng ta khổ dài dài không lúc nào an ổn, mãi sống trong hồi hộp lo âu. Trời chuyển mưa cũng sợ, vì mưa thêm nước lạnh, lửa trong thân không đủ ấm thì phát run. Nắng gắt quá cũng sợ, vì thêm lửa nóng quá nên đau đầu... Chúng ta đang mang một cái tổng hợp mâu thuẫn tột độ nơi cơ thể mà lại nhận là ta, lúc nào cũng bảo vệ chiều chuộng nó đủ cách, rồi cũng vì nó tạo không biết bao nhiêu nghiệp tội. Vì vậy mà đức Phật nói chúng ta nhận giặc làm con nên gia sản bị nó phá sạch. Kiểm lại xem có người nào không lầm nhận như vậy không?

Trước hết Phật chỉ cho thấy những cái lầm. Cái lầm thứ nhất là bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng không thật mà cho là thật. Cái lầm thứ hai là thuận theo ngã thì ta yêu, nghịch với ngã là

ta ghét. Cái lầm thứ ba là do yêu ghét nên tạo nghiệp: yêu thì tạo nghiệp ái, ghét thì tạo nghiệp tắng. Thứ tư là tạo nghiệp rồi theo nghiệp đi trong luân hồi chịu khổ đau.

Đức Phật chỉ cho chúng ta biết gốc của mê lầm là chấp ngã. Đối với bốn tướng hư vọng không thật lại chấp là thật là cái hư vọng thứ nhất. Khi chấp bốn tướng, ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng rồi sanh yêu ghét là cái hư vọng thứ hai. Hai cái vọng này làm nhân duyên cho nhau mà sanh ra vọng nghiệp đạo. Bởi có vọng nghiệp nên mới vọng thấy sanh tử lưu chuyển. Tất cả những lớp đó đều là những lớp vọng; thân mạng vọng, nghiệp vọng, luân hồi cũng vọng. Đó là chiều thuận của phàm phu. Bây giờ có người chán những cái vọng đó, nhất là chán luân hồi nên vọng thấy có Niết-bàn thì Niết-bàn cũng vọng.

Hàng Nhị thừa tu hành thấy mình chứng được Niết-bàn thì Niết-bàn là cái bị chứng, mình là cái hay chứng. Như vậy ngã chấp vẫn còn, nó còn tiềm ẩn chưa hết. Thế nên nói vọng thấy Niết-bàn chứ chưa phải là Niết-bàn thật. Tánh viên giác không có bốn tướng, nếu còn thấy bốn tướng thì chưa nhập được tánh viên giác. Đức Phật chỉ thật là thấu đáo, chúng ta không còn ngờ vực nữa. Nếu xét thấy bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng là hư vọng, thì trước khi mình ra đời là cái gì? Biết mình là cái gì không? Mờ mờ mịt mịt không biết mình là cái gì! Bây giờ do các duyên hợp lại thành thân này, rồi mai kia ta ngừng thở sẽ đi đâu? Cũng mờ mờ mịt mịt không biết đi đâu. Trước khi sanh không biết mình là gì, sau khi chết không biết mình ra sao. Không biết mình ở giai đoạn trước, không biết mình ở giai đoạn sau, giai đoạn giữa chợt có thân liền chấp là mình, thật vô lý làm sao! Nếu mình thật thì trước phải có sau phải còn. Nhưng trước không biết ra sao hết, chợt có một lúc rồi mất. Như vậy đâu phải thật. Giả sử chúng ta nhìn mặt hồ thấy mặt hồ đang phẳng lặng, chợt có một con cá trồi lên đớp bọt nổi trên mặt hồ. Mặt hồ vốn phẳng lặng, bỗng có hòn bọt nổi lên một lát mất. Vậy hòn bọt đó sánh với mặt hồ có nghĩa lý gì không? Trước chỉ là mặt hồ phẳng lặng, không bọt không sóng, chợt có hòn bọt nhỏ nổi lên lăn tăn một lát rồi

mất. Thân này cũng vậy, trước khi chưa sanh chúng ta không biết là gì, rồi sau khi mất cũng không biết ra sao. Chỉ biết trong giai đoạn mấy chục năm khi cha mẹ sanh ra, lớn lên, ăn nói, vui buồn, lăng xăng một lúc rồi mất, vậy mà chấp khoảng thời gian lăng xăng lộn xộn đó là ta thật. Thật sao được mà thật, nếu thật phải có mãi về trước và mãi về sau mới được!

Tuổi thọ cũng vậy, nhiều người sống tới sáu bảy chục tuổi, hãnh diện cho rằng mình có tuổi thọ dài lâu. Nhưng đến sáu bảy mươi tuổi là lúc thân già bệnh hoạn sắp chết, thân rã tan thì có gì mà hãnh diện? Nếu nhìn lui ôn lại quãng đời đã qua thì trống rỗng, nếu có còn thì còn những cái vụn vặt li ti chẳng có nghĩa gì hết. Rồi tới ngày mai thân này sẽ ra sao? Điều này không thể biết. Vậy thọ mạng có dài lâu thật không? Nếu dài lâu thật thì phải sống hoài không chết, vì chết nên thọ mạng không thật.

Đức Phật nói chúng sanh điên đảo nhận bốn tướng đó là thật, rồi tùy theo thương ghét mà tạo nghiệp thiện hay ác, đã tạo nghiệp rồi thì nghiệp nó không tha, cứ lôi đi chẳng khác nào người tự tử, tự cột dây trên cây để sẵn vòng, rồi thò đầu vô, buông thõng tay chân, vòng dây siết cổ, giãy giụa rồi tắt thở. Đó là tự mình tạo rồi tự mình chịu lấy, không ai tạo cho mình mà cũng không ai chịu thế cho mình. Chính vì cái bệnh trầm kha ấy thúc đẩy, khiến chúng ta tạo nghiệp lưu chuyển trong vòng luân hồi không bao giờ dừng, nên Phật gọi là vọng kiến lưu chuyển. Vọng kiến là cái thấy sai lầm chấp thân này thật. Vì chấp thân là mình thật nên nó vừa mất là vội tìm thân khác, hoặc vì chấp ta chấp người nên có thương có oán rồi tìm nhau gặp nhau... Nếu trên đường lưu chuyển mà tu, tuy có chán sự lưu chuyển, nhưng còn quý cái thân nên vọng thấy có Niết-bàn để cho ta an trú. Đa số người thấy cõi Ta-bà khổ, chán quá muốn tìm cõi khác sướng hơn, đó cũng là vọng kiến. Vì đã mang cái bệnh chấp ngã nên lúc nào cũng nghĩ đến cái ngã, tu cũng vì cái ngã mà tu. Chúng ta muốn tu hành cho đạt đạo thì phải phá vỡ bản ngã. Nếu bệnh chấp ngã không giảm thì tu ngàn đời cũng không giải thoát, nếu gắng tu có phước thì

đời sau cái ngã tốt hơn đời này một chút, đó là chuyện thực của sự tu hành. Cho nên ở đây Phật nói, từ cái vọng kiến lưu chuyển rồi chán cái lưu chuyển thì được cái vọng kiến Niết-bàn. Nói cảnh Niết-bàn thì họ nghĩ tu để được Niết-bàn và có chỗ để mình ở. Từ bệnh đó mà hiểu lệch lạc ý nghĩa lời Phật dạy.

Âm:

Do thử bất năng nhập thanh tịnh giác, phi giác vi cự chư năng nhập giả, hữu chư năng nhập, phi giác nhập cố. Thị cố động niệm cập dữ tức niệm giai quy mê muộn.

Dịch:

Do bệnh này nên không nhập tánh viên giác thanh tịnh, chẳng phải tánh viên giác chống cự không cho người thể nhập, và người thể nhập được, không phải tánh viên giác cho nhập. Thế nên khởi niệm và dừng niệm đều là mê muội.

Giảng:

Do chấp ngã nên không thể nhập tánh viên giác thanh tịnh được, chứ không phải tánh viên giác ngăn cản chống cự không cho vào. Thí dụ trưa nắng chúng ta đang ở trong nhà, nhưng có người ở ngoài đường khiêu khích, chúng ta tức quá chạy ra cự với họ. Vì cái tức nên chạy ra nắng. Đó là về mặt tắng. Còn ái cũng vậy. Có người mình ưa đứng ngoài nắng, muốn nói chuyện với họ mình cũng phải ra nắng đứng. Cái nhà đâu cấm chúng ta vô, nó mở sẵn cửa nhưng vì ưa và ghét mà chúng ta không chịu vô.

Và người nhập được tánh viên giác cũng không phải do tánh viên giác chấp thuận cho vào, mà do không chấp ngã nhân v.v... mới thể nhập được. Thế nên nói khởi vọng niệm và dứt vọng niệm đều là mê muội. Động niệm là niệm chạy theo cảnh, dứt niệm là đè cho hết niệm để được Niết-bàn, đó là mê rồi. Tánh giác không có động không có dừng.

Nếu còn thấy có cái hay nhập thì không phải là nhập tánh viên giác, vì tánh viên giác chính là mình thì ai hay nhập nữa? Nếu có cái hay nhập thì tánh viên giác là cái bị nhập sao ? Mà bị nhập là có người có cảnh. Hễ con người tức là còn ngã, còn ngã thì làm sao nhập được tánh viên giác? Động niệm là mê, vì ngã mà dứt niệm thì cũng còn mê chứ chưa phải thật là giác.

Âm:

Hà dĩ cố? Do hữu vô thủy bản khởi vô minh vị kỷ chủ tể, nhất thiết chúng sanh sanh vô tuệ mục, thân tâm đẳng tánh giai thị vô minh, thí như hữu nhân bất tự đoạn mạng. Thị cố đương tri, hữu ái ngã giả ngã dữ tùy thuận, phi tùy thuận giả tiện sanh tắng oán, vị tắng ái tâm dưỡng vô minh cố, tương tục cầu đạo giai bất thành tựu.

Dịch:

Vì cớ sao? Vì gốc vô minh khởi từ vô thủy làm chủ tể mình, tất cả chúng sanh sanh ra không có mắt tuệ, thân tâm bản tánh nó đều là vô minh v.v... Thí như có người không thể tự giết mình. Thế nên phải biết có cái ái ngã, ngã cùng tùy thuận; nếu chẳng tùy thuận liền sanh oán ghét. Vì tâm yêu ghét nuôi lớn vô minh, nên tiếp tục cầu đạo đều không thành tựu.

Giảng:

Ở đây Phật dùng thí dụ như mình không thể tự chặt đầu mình được, vì vô minh sẵn từ vô thủy, nó làm chủ mình nên thân tâm này mang nặng chất vô minh. Đã coi vô minh là mình thì mình đâu dám giết mình. Không dám dứt vô minh chỉ vì vô minh làm chủ mình. Đức Phật lặp lại để cho thấy rõ thêm, vì không trí tuệ và vô minh chấp ngã yêu ngã nên cái gì hợp với ngã thì yêu, cái gì không thích hợp với ngã thì oán ghét, đó là bệnh chung của chúng sanh. Nếu còn mang bệnh đó mà cầu đạo thì không bao giờ thành tựu, nghĩa là cầu đạo bằng bản ngã thì không bao giờ thành đạo.

Một số người có thiện chí tu, họ có thể nhịn đói, ăn rau ăn quả, sống hết sức kham khổ. Khi họ lóe thấy được một cái gì là họ tự xưng ta chứng đạo, ta có thần thông... thấy có sở chứng như vậy là bệnh rồi! Cũng chịu khổ nhọc để tu hành, nhưng tu vì cái ngã nên càng tu càng xa đạo. Xa đạo là vì bản ngã thấy ta đây có sở chứng sở đắc, ta là Bồ-tát là Phật... Tu như vậy là rơi vào đường tà, thế nên người tu hành chân chánh là phải phá cho được cái ngã. Ai tu mà cái ngã cao thì dầu cho người đó một ngày ngồi thiền mười hai tiếng đồng hồ cũng chưa phải là cao. Còn người trọn ngày đi làm việc mà ai khen cũng được, chê cũng cười, ăn ngon cũng được, ăn dở cũng chẳng chê, người đó mới là người gần với đạo vì cái ngã của họ thấp. Người cố gắng tu cho thật nhiều, tu cho hơn người, hễ có niệm hơn người là đã xa đạo rồi.

Âm:

Thiện nam tử, vân hà ngã tướng? Vị chư chúng sanh tâm sở chứng giả. Thiện nam tử, thí như hữu nhân bá hài điều thích hốt vong ngã thân, tứ chi huyền hoãn, nhiếp dưỡng quai phương, vi gia châm ngải, tắc tri hữu ngã. Thị cố chứng thủ phương hiện ngã thể.

Dịch:

Này thiện nam tử, thế nào gọi là ngã tướng? Nghĩa là các chúng sanh tâm còn có sở chứng. Này thiện nam, như có người toàn thân điều hòa an ổn chợt như quên mình, tay chân thư thả, nhưng khi điều dưỡng trái nghịch, có sự châm đốt nhỏ liền thấy có ngã. Vì thế mà chứng biết có cái Ta.

Giảng:

Thí dụ khi làm mệt chúng ta nằm dài ra nhắm mắt lại, thân thể điều hòa, lúc đó coi như quên bản ngã, nhưng bất thần có sự châm chích rất nhỏ nhiệm thì bản ngã trồi dậy liền. Nghĩa là khi an ổn thì dường như quên bản ngã, nhưng động tới thì bản ngã trồi dậy ngay.

Như bây giờ quý vị ngồi nghe tôi giảng thân thể điều hòa, lúc ấy bản ngã dường như không có, nhưng nếu ra đường gặp sự không vừa ý, hoặc vô cớ bị người ta mắng chửi mạ nhục thì bản ngã trỗi dậy y nguyên. Đó là cái ngã thô. Còn cái ngã tế là người dụng công tu, khi tâm hơi yên, thấy có những tướng lành hiện ra, bèn cho là mình đã chứng đắc, thế là bệnh. Tu khó ở chỗ đó. Người không hiểu tưởng tu ăn chay là khó, tưởng tụng kinh ngồi thiền là khó. Thật sự những cái đó không khó mà phá ngã mới là khó. Vì đó là cái chấp muôn đời của chúng sanh chứ không phải một đời, phá được bản ngã thật là cay đắng. Nếu không phá được bản ngã thì dầu có tu cũng lẩn quẩn trong vòng luân hồi, lên cao một chút hưởng hết phước rồi cũng tuột xuống. Lên xuống lẩn quẩn chứ không bao giờ giải thoát sanh tử. Vì vậy nên nói còn cái tâm sở chứng là còn ngã tướng.

Âm:

Thiện nam tử, kỳ tâm nãi chí chứng ư Như Lai, tất cảnh liễu tri thanh tịnh Niết-bàn giai thị ngã tướng.

Dịch:

Này thiện nam, cho đến tâm kia chứng quả Như Lai hoặc biết rõ Niết-bàn thanh tịnh rốt ráo đều là tướng ngã.

Giảng:

Tâm kia là tâm còn thấy có ngã, hoặc nói tôi đắc quả Phật, hoặc nói tôi thấy có tướng Niết-bàn thanh tịnh... cũng là tâm thấy có ngã. Do đây chúng ta mới thấy rõ ý nghĩa thâm sâu của lời Phật nói: *Không thấy có pháp A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề để đắc nên Phật Nhiên Đăng mới thọ ký ta thành Phật.* Vậy ai tu hành mà cứ khoe tôi chứng cái này đắc cái kia...! Sự chứng đắc đó là hiện thân của bản ngã, mà hiện thân của bản ngã là vô minh chứ không phải chứng đắc. Người thế gian thì hay nghe hễ ai khoe chứng khoe đắc thì lễ bái, cho rằng vị đó là Bồ-tát là Phật. Người biết đạo nghe nói chứng đắc là bỏ đi liền, vì đó là cái tướng của ma quái chứ không phải của người tu chân chánh. Nhưng rất tiếc một số Phật tử thuần

thành cũng bị lầm, hễ nghe ai nói chứng đắc hay nói chuyện quá khứ vị lai là bái phục, và cũng thích tìm thầy để hỏi chuyện quá khứ vị lai nữa. Như vậy mới biết không phải người thế gian lầm mà người trong đạo cũng lầm. Nếu người học đạo, nghiên cứu kinh Phật kỹ và có tập tu chút chút, nghe người nào nói quá khứ vị lai, nói chứng đắc là bái lui, không ở đó mà nghe cho hết chuyện. Khi nghe một vị thầy dạy tu, chúng ta phải dùng trí tuệ nhận xét xem vị đó dạy có đúng với tinh thần của Phật dạy trong kinh hay không, đem áp dụng vào đời sống có được lợi ích hay không, chứ chúng ta nghe đâu tin đó là càng học càng mê. Phật dạy, tu mà còn thấy chứng là còn chấp ngã, dù cho chứng được quả Như Lai hay thấy được Niết-bàn thanh tịnh, đó là hiện tướng của bản ngã chứ không phải tu cao. Như vậy để thấy bệnh chấp ngã là một căn bệnh nặng khó trị nhất. Thế nên người ngồi tu mà cứ mong chứng cái này đắc cái kia là bệnh; tu chỉ mong hết vô minh vọng tưởng, đừng mong cái gì khác hơn. Như lau gương không phải mong gương phát sáng mà chỉ mong hết bụi, vì biết gương tự nó đã sáng, lau hết bụi thì gương sáng. Cũng vậy mỗi người đều có tánh giác, hễ tu hết vô minh vọng tưởng thì tánh giác hiện bày, chứ còn cầu chứng đắc là còn tướng ngã.

Âm:

Thiện nam tử, vân hà nhân tướng? Vị chư chúng sanh tâm ngộ chứng giả. Thiện nam tử, ngộ hữu ngã giả, bất phục nhận ngã, sở ngộ phi ngã, ngộ diệc như thị. Ngộ dĩ siêu quá nhất thiết chứng giả, tất vi nhân tướng. Thiện nam tử, kỳ tâm nãi chí viên ngộ Niết-bàn câu thị ngã giả, tâm tồn thiểu ngộ bị đàn chứng lý, giai danh nhân tướng.

Dịch:

Này thiện nam, thế nào là tướng nhân? Nghĩa là trong tâm chúng sanh ngộ cái chứng đó. Này thiện nam, ngộ có ngã lại chẳng nhận là ngã, chỗ ngộ chẳng phải ngã, ngộ cũng như thế. Ngộ này vượt hơn tất cả cái chứng, đều là nhân tướng.

Này thiện nam, cho đến tâm kia viên ngộ Niết-bàn cũng đều là ngã, tâm còn một chút ngộ cho rằng chứng lý đầy đủ đều gọi là nhân tướng.

Giảng:

Ở đây tế nhị hơn trước một chút, trước thấy mình có sở chứng là ngã tướng, giờ đến nhân tướng thì thấy mình có ngộ. Tại sao vậy? Bởi vì nếu thấy có ngộ thì cũng còn có ngã. Thông thường nói ngộ rồi mới chứng, tại sao ở đây nói ngộ vượt hơn chứng? Vì chứng ở đây không phải thật chứng mà khởi niệm cho rằng mình chứng quả này quả kia. Tu mà mong được kết quả, vì bản ngã mà mong, đó là ngã tướng. Ngộ là mong thấy lý, siêu hơn chứng một chút, vì lý cho nên vượt hơn cái chứng ở trên. Khi thấy lý thì tâm còn nghĩ viên ngộ Niết-bàn. Nghĩ như vậy là vẫn còn có ngã vì phải ngộ được Niết-bàn tròn đầy, cho nên nói trong tâm còn một chút biết mình ngộ gọi là đầy đủ cái chứng lý thì người đó còn nhân tướng. Tại sao vậy? Bởi vì ngộ là khai ngộ, khai ngộ là đạt lý, chứng là kết quả, mà có kết quả là được cái này được cái kia cho nên thuộc về ngã, ngộ thuộc về lý thuộc về tâm, nên nói còn một tí xíu biết mình ngộ thì cũng là đầy đủ cái chứng lý, đó là người còn nhân tướng. Tại sao vậy? Hỏi ai ngộ? *Ta* ngộ. Ngộ khác hơn chứng một chút, chứng thì thực tế ở nơi người, còn ngộ thì nó hơi thiên về lý nên thuộc về trí. Bởi thuộc về trí cho nên nói là nhân, cũng như mình thì thiết thực nơi bản thân, còn người thì nó rời ra ngoài, cái ngã thì nó thuộc về bản chất thực tế, còn lý tức là trí thì nó có cái vẻ trừu tượng nên vượt hơn cái chứng ở trước. Tu hành mà còn thấy có một chút ngộ cũng là bệnh. Đối với người tu theo Phật hay người tu theo thiền thì thường nói *ngộ rồi cũng đồng chưa ngộ*, không thêm không bớt gì. Bởi vì ngộ là thấy được cái thật có sẵn nơi mình mà trước kia chưa thấy. Ngộ chỉ là danh từ tạm thôi, nếu chấp ngộ là thật đó là nhân tướng.

Âm:

Thiện nam tử, vân hà chúng sanh tướng? Vị chư chúng sanh tâm tự chứng ngộ sở bất cập giả. Thiện nam tử, thí như hữu nhân tác như thị ngôn "ngã thị chúng sanh", tắc tri bỉ nhân thuyết chúng sanh giả phi ngã phi bỉ. Vân hà phi ngã? Ngã thị chúng sanh, tắc phi thị ngã. Vân hà phi bỉ? Ngã thị chúng sanh, phi bỉ ngã cố. Thiện nam tử, đản chư chúng sanh liễu chứng liễu ngộ giai vi ngã nhân, nhi ngã nhân tướng sở bất cập giả, tồn hữu sở liễu, danh chúng sanh tướng.

Dịch:

Này thiện nam, thế nào là tướng chúng sanh? Nghĩa là các chúng sanh chỗ tâm tự chứng ngộ không đến kịp. Này thiện nam, ví như có người nói như thế này: "Ta là chúng sanh", ắt biết người nói chúng sanh đó chẳng phải ngã chẳng phải bỉ (nhân). Thế nào chẳng phải ngã? Vì ta là chúng sanh ắt không phải ngã. Thế nào chẳng phải bỉ? Vì ta là chúng sanh nên chẳng phải ngã của người khác (bỉ). Này thiện nam, nhưng các chúng sanh liễu chứng liễu ngộ đều là ngã nhân, mà tướng ngã nhân người khác không đến kịp, còn có sở liễu gọi là chúng sanh tướng.

Giảng:

Chứng là tướng ngã, ngộ là tướng nhân và liễu là tướng chúng sanh, đối với tướng chúng sanh vi tế hơn tướng ngã tướng nhân. Liễu là dùng trí liễu tri không chứng không ngộ. Nếu còn liễu tri chứng và ngộ không thật là còn ngã. Vì mình còn dụng công tu mới liễu tri chứng và ngộ không thật, vậy thì liễu tri cũng là dụng của ngã. Song liễu tri vi tế hơn chứng và ngộ, nên nói chứng và ngộ không đến kịp. Đây gọi liễu tri là tướng chúng sanh. Để cho dễ hiểu Phật mới thí dụ: Tôi không phải là ngã, vì tôi là chúng sanh nên không phải ngã. Tôi không phải là nhân, vì tôi là chúng sanh nên không phải nhân. Ngã là chỉ cho mình, nhân là chỉ cho người khác, chúng sanh thì trùm

hết. Gọi chúng sanh thì thoát ra khỏi tên *ngã* tên *nhân*, nhưng chúng sanh cũng là trá hình của ngã, ngã vi tế hơn. Vì quá vi tế nên người tu thiền dễ bị lầm lẫn. Chẳng hạn như người tu thể nhập tánh viên giác thì tâm hoàn toàn lặng lẽ sáng suốt, không một niệm dấy khởi dù là niệm vi tế rằng mình đang lặng lẽ, mình chẳng phải chứng, mình chẳng phải ngộ. Còn khởi niệm là bệnh.

Âm:

Thiện nam tử, vân hà thọ mạng tướng? Vị chư chúng sanh tâm chiếu thanh tịnh giác sở liễu giả, nhất thiết nghiệp trí sở bất tự kiến do như mạng căn.

Dịch:

Này thiện nam, thế nào là tướng thọ mạng? Nghĩa là các chúng sanh tâm chiếu thanh tịnh đã giác được cái sở liễu, tất cả nghiệp trí không thể tự thấy ví như là mạng căn.

Giảng:

Thọ mạng là giác chiếu, giác chiếu là còn có một cái sáng soi. Tức là dùng trí tuệ giác chiếu cái liễu tri là không thật, vì ngã chấp vẫn còn. Song còn giác chiếu cũng thuộc về tướng thọ mạng. Tướng thọ mạng vi tế hơn tướng chúng sanh, tướng này khó biết, như thọ mạng trong con người chúng ta, chúng ta thấy được không? Tướng ngã, tướng nhân ai cũng thấy, tướng chúng sanh cũng thấy được, nhưng thọ mạng là khi người đó còn đi, còn đứng, còn nói thì biết người đó sống, còn mạng sống ngầm ngầm trong đó chúng ta đâu thấy. Vì vậy mạng sống là cái tế nhị không có tướng trạng.

Ở đây nói chỉ là một cái chiếu soi, cái tâm chiếu này là cái mà tất cả trí nghiệp không thể thấy được. Những trí nghiệp thường không thể thấy được bệnh đó nên gọi là mạng căn. Còn có cái chiếu tánh giác thanh tịnh thì mạng căn chưa dứt, nên nói rằng có tướng thọ mạng. Tôi thí dụ như ngồi thiền, lúc đầu vọng tưởng dấy khởi nhiều và mạnh, lúc đó chúng ta phá vọng tưởng bằng cách nhìn và

thầm nhắc *vọng tưởng không thật*, nhìn và nhắc một hai lần như vậy vọng tưởng mới lặng. Sau đó vọng tưởng dấy lên chúng ta không nhìn và nhắc vọng tưởng không thật nữa, mà chỉ dùng trí quán vọng tưởng không thật thì vọng tưởng lặng. Sau đó nữa, vọng tưởng dấy khởi, chúng ta không còn quán vọng tưởng không thật, chỉ nhìn nó một cách nhẹ nhàng thì vọng tưởng lặng. Như vậy đối trị vọng tưởng từ thô đến tế qua những giai đoạn khác nhau. Lúc đầu phải nhìn và nói vọng tưởng không thật để phá vọng tưởng, giai đoạn này có năng có sở rõ ràng. Sau đó dùng trí quán vọng tưởng không thật, giai đoạn này cũng còn năng còn sở. Lần lần không còn nhìn, không còn nói, không còn quán, chỉ giác biết là nó tan. Chúng ta thấy dường như không còn năng sở nữa, nhưng kỳ thật vẫn còn, chỉ khi nào không còn quán, không còn chiếu, chỉ một tâm lặng lẽ sáng suốt như như mới thuần là bản giác thanh tịnh không sanh không diệt, đây là chỗ cứu cánh thành Phật.

Những bệnh chấp ngã nhân chúng sanh thọ mạng ở đây không phải là bệnh của phàm phu mà là bệnh của người tu chứng. Vì Phật muốn cho chúng ta thể nhập được tánh viên giác nên mới chỉ tế nhị như thế. Chúng ta tu là phải biết thấu đáo để khi tu, giả sử chúng ta thấy có tướng lạ gì, không lấy đó làm sở chứng sở đắc khoe khoang thành bệnh.

Âm:

Thiện nam tử, nhược tâm chiếu kiến nhất thiết giác giả giai vi trần cấu, giác sở giác giả bất ly trần cố, như thang tiêu băng, vô biệt hữu băng tri băng tiêu giả, tồn ngã giác ngã diệc phục như thị.

Dịch:

Này thiện nam, nếu tâm soi thấy tất cả cái giác đều là trần cấu thì cái giác sở giác chẳng lìa trần, như nước nóng làm tan băng, không riêng có băng biết băng tan, còn ngã để giác cái ngã cũng lại như thế.

Giảng:

Chính mình tu để mình giác cũng chưa phải, vì còn có cái sở giác để mình năng giác, năng sở là đối đãi, mà còn đối đãi là còn hai bên cho nên không nhập tánh viên giác được. Tới chỗ cuối cùng thì năng sở đều bặt, năng sở không còn mới đi tới chỗ cứu cánh. Mục thứ tám của mười bức tranh chăn trâu chỉ là một vòng tròn không còn người chăn không còn trâu, người chăn và trâu phải tiêu vong mới đi tới chỗ chim bay về tổ, nước chảy về nguồn. Sau cùng mới buông thõng tay vào chợ, chứ còn người chăn còn trâu là chưa xong. Vừa thấy mình có cái để chứng để ngộ để liễu để giác là có lỗi. Phật mới ví như nước nóng mà chế trên băng. Nếu chúng ta cứ chế nước nóng trên khối nước đá thì nước đá sẽ tan. Khi tan ra nó có biết nó đang tan ra không? Không. Khi tan ra thì nước nóng và nước đá có thành hai thứ hay không? Không. Như vậy là năng sở không có, chính khi năng sở bặt dứt ấy mới nhập được tánh viên giác. Quý vị thấy thiền sư không bao giờ chấp nhận hai bên, vì còn hai bên là còn năng sở, mà còn năng sở thì không bao giờ vào được biển viên giác thanh tịnh.

Như vậy là các thiền sư đi vào chỗ không năng chứng sở chứng, năng ngộ sở ngộ, năng liễu sở liễu, năng giác sở giác, nên mới nhập vào được thể viên giác thanh tịnh. Các thiền sư nói *thấy được chỗ này rồi như người câm nằm mộng.* Nằm mộng thấy đủ thứ, sáng ra muốn kể cho người khác nghe, không biết làm sao mà kể. Chỗ này cũng vậy, nói ra là nằm trong năng sở.

Nên Tô Đông Pha nói rằng: *Ban đêm thấy được tám muôn bốn ngàn bài kệ, sáng ra không biết trình cái gì với người đây.* Thiền sư Việt Nam thì nói: *Bất tương hà ngữ dĩ truyền tâm (Không biết đem lời gì để truyền tâm cho được*) .

Âm:

Thiện nam tử, mạt thế chúng sanh bất liễu tứ tướng, tuy kinh đa kiếp cần khổ tu đạo, đản danh hữu vi, chung bất

năng thành nhất thiết thánh quả, thị cố danh vi chánh pháp mạt thế.

Dịch:

Này thiện nam, chúng sanh đời sau không rõ bốn tướng, tuy trải qua nhiều kiếp cần khổ tu hành chỉ gọi là hữu vi, trọn không thể thành tựu được tất cả thánh quả, cho nên gọi là chánh pháp mạt thế.

Giảng:

Đức Phật nói, những chúng sanh sau này tu hành không rõ bốn tướng, dù siêng năng tu hành mà rốt cuộc chỉ thuộc về pháp hữu vi chứ không được thành thánh quả. Tu như vậy là mạt pháp ở trong thời chánh pháp. Nếu chúng ta ở trong thời mạt pháp mà tu hành phá được bốn tướng thì nói ngược lại là chánh pháp ở trong thời mạt pháp. Như vậy chánh pháp hay mạt pháp là do chúng ta tu theo pháp hữu vi hay vô vi. Nếu tu theo pháp hữu vi để thụ hưởng, đó là chánh pháp trở thành mạt pháp. Nay nếu tu theo pháp vô vi để giải thoát sanh tử thì mạt pháp trở thành chánh pháp. Như vậy chỗ chí yếu là phải đạt đạo chứ không phải đời này hay đời kia.

Âm:

Hà dĩ cố? Nhận nhất thiết ngã vi Niết-bàn cố, hữu chứng hữu ngộ danh thành tựu cố. Thí như hữu nhân dĩ tặc vi tử, kỳ gia tài bảo chung bất thành tựu.

Dịch:

Vì cớ sao? Vì nhận tất cả ngã làm Niết-bàn, có chứng có ngộ gọi là thành tựu. Giống như người nhận giặc làm con thì gia bảo của họ trọn chẳng thành tựu.

Giảng:

Vừa nhận ngã tướng là nhận giặc làm con rồi vì ngã tướng là vô minh, mà nhận ngã tướng để tu thì cũng như ôm vô minh mà tu làm

sao thành thánh quả? Khác nào chứa giặc trong nhà, làm sao bảo trì được của báu? Cho nên muốn tu thành thánh quả phải phá tan bản ngã, phải sống với chánh pháp. Nên trong nhà thiền thường nói *Phải tới chỗ đoạn mạng căn đó thì mới thể nhập được.* Chứ còn thấy mình cần có cái để sống để chứng để đắc thì chưa qua nổi, nhà thiền gọi là lao quan, cái cửa chắc nhất, cứng nhất. Thoát qua cửa đó rồi mới nhập được tánh viên giác.

Đức Phật đã hết lời chỉ dạy chỗ cốt yếu, vậy chúng ta ráng nhận cho ra và nắm lấy yếu chỉ đó mà tu hành, để khỏi phụ lòng ngài và phụ chí xuất gia của mình.

Âm:

Hà dĩ cố? Hữu ngã ái giả diệc ái Niết-bàn, phục ngã ái căn vi Niết-bàn tướng.

Dịch:

Vì cớ sao? Vì ái ngã thì cũng ái Niết-bàn, dẹp được gốc ái ngã là tướng Niết-bàn.

Giảng:

Vì còn ái ngã nên khi tu chúng ta mong có được cảnh an vui như Niết-bàn. Vì thế Niết-bàn do lòng yêu thích của mình muốn được, rốt cuộc rồi cũng là gốc sanh tử, chưa phải Niết-bàn cứu cánh. Thường người Việt Nam khi đề cập đến cái sướng thì hay nói sướng như tiên, cảnh nào đẹp đẽ thì nói đẹp như cảnh tiên. Có nhiều người tu được hỏi: Muốn thành cái gì? Họ trả lời: Thành tiên. Tu mà muốn sướng như tiên, đó cũng là vì bản ngã mà tu. Còn chấp ngã là còn vô minh chứ chưa thật tỉnh, chưa thật giải thoát sanh tử. Chính vì vậy tôi thường nói, nếu ai tu theo đạo Phật mà quan niệm mình tu thiền nhưng Phật không dạy cách tu để cho thân khỏe mạnh sống lâu như đạo Tiên, thôi bây giờ mình lợi dụng pháp tu tiên để sống lâu khỏe mạnh để có nhiều thời gian tu cho đạt đạo!... Nghĩ như thế có lỗi không? Có niệm muốn kéo dài mạng sống là còn ái ngã, còn ái ngã

là còn vô minh, ôm vô minh để tu thì không bao giờ đạt được thánh quả. Đó là bệnh chứ không phải là Đạo cũng không phải là Thiền. Chủ yếu của đạo Phật tu là phá ngã, vừa khởi niệm lập ngã là bệnh rồi. Sở dĩ chúng ta thích Niết-bàn vì biết Niết-bàn là cảnh an vui, và muốn chứng nhập để hưởng thụ, đó là lối tu hữu lậu chứ không phải vô lậu giải thoát.

Âm:

Hữu tắng ngã giả diệc tắng sanh tử, bất tri ái giả chân sanh tử cố, biệt tắng sanh tử, danh bất giải thoát.

Dịch:

Có ghét ngã cũng ghét sanh tử, vì không biết ái chính là sanh tử, riêng ghét sanh tử gọi là không giải thoát.

Giảng:

Có người nói, chúng ta khổ vì sanh tử, nên chán ghét sanh tử, phải làm sao tu để ra khỏi sanh tử. Tôi xin hỏi: Ai ra khỏi sanh tử? Có phải ngã không? Thế nên ghét sanh tử không phải là giải thoát, vì còn ngã tướng. Người tu chân chánh thì không yêu không ghét không cầu không mong, cứ nhậm vận mà tiêu mòn nghiệp cũ, và không tạo nghiệp đi trong sanh tử nữa mới là giải thoát. Ở thế gian có nhiều người thoạt nhìn thấy như họ hay lắm, nhưng đi sâu mới biết họ bệnh. Chẳng hạn như người nam thấy nữ sắc thích lắm, đó là người bệnh đành rồi; nhưng có người nam đối với nữ sắc, họ chê bai mạt sát, tránh né không dám nhìn, người ấy có bệnh không? Cũng bệnh luôn. Người tham đắm danh lợi không rời, đó là bệnh; còn người luôn luôn chửi bới danh lợi, người ấy cũng bệnh luôn. Ngày xưa mấy ông đồ Nho thi rớt làm thơ, chúng ta đọc bài nào cũng thấy họ chửi bới danh lợi. Tại sao? Vì đi thi muốn đậu mà không đậu, nên tức mới chửi bới công danh. Những người chửi nhiều là ham danh lợi nhiều, bệnh cũng nhiều. Chính những người không yêu không ghét mới là người không bệnh. Khi hiểu kỹ rồi chúng ta thấy cõi đời này không có gì đáng yêu hay đáng chán, thế gian là như vậy, biết đúng

lẽ thật của nó thì có gì ưa chán nữa đâu. Phật Bồ-tát đâu có chán ghét thế gian, các ngài còn tìm phương tiện đi vào thế gian này độ chúng sanh cho hết khổ kia mà!

Âm:

Vân hà đương tri pháp bất giải thoát? Thiện nam tử, bỉ mạt thế chúng sanh tập Bồ-đề giả, dĩ dĩ vi chứng vi tự thanh tịnh, do vị năng tận ngã tướng căn bản. Nhược phục hữu nhân tán thán bỉ pháp, tức sanh hoan hỷ tiện dục tế độ. Nhược phục phỉ báng bỉ sở đắc giả tiện sanh sân hận. Tắc tri ngã tướng kiên cố chấp trì, tiềm phục tạng thức, du hý chư căn tằng bất gián đoạn. Thiện nam tử, bỉ tu đạo giả bất trừ ngã tướng, thị cố bất năng nhập thanh tịnh giác.

Dịch:

Làm sao biết được pháp không giải thoát? Này thiện nam, những chúng sanh đời sau tu đạo Bồ-đề, do đã chứng chút ít mà tự cho thanh tịnh nhưng vẫn chưa đoạn tận gốc ngã tướng. Nếu lại có người khen ngợi pháp của họ, họ liền sanh hoan hỷ muốn độ người đó. Nếu lại chê bai chỗ sở đắc của họ, họ liền sanh sân hận, tức biết ngã tướng kiên cố chấp trì vẫn còn ẩn nấp nơi tạng thức và luôn lai vãng ở các căn không gián đoạn. Này thiện nam, người tu kia không đoạn trừ được ngã tướng nên không nhập được tánh viên giác thanh tịnh.

Giảng:

Đức Phật chỉ tướng ngã còn thầm thầm tế nhị vô cùng, chúng ta tu tập hạnh Bồ-đề giải thoát và được niềm vui vi diệu nho nhỏ cho là tâm được thanh tịnh, nhưng sự thật chưa dứt được cội gốc bản ngã. Vì nếu có người tới khen pháp mình tu thì vui vẻ hài lòng, tới chê pháp mình tu tà vạy thì nổi giận hầm hầm. Vậy rõ ràng bản ngã còn kiên cố, còn chấp trì bền vững chưa mất, còn đang ẩn trong tàng thức, đang dạo chơi nơi các căn nên vừa gặp cảnh liền phát ra. Biết vậy rồi

chúng ta nên nỗ lực tu, nỗ lực dè dặt đề phòng mình. Được yên ổn chút ít đừng cho là rồi, chờ gặp cảnh mới biết.

Ở đây đức Phật chỉ thêm cho chúng ta thấy một bệnh nữa là bệnh ái pháp. Thí dụ như ở đây tôi dạy quý vị tu thiền, quý vị tu một thời gian tâm được yên yên, có người tới khen pháp tu thiền là đốn giáo thích hợp với người lý trí mạnh, quý vị sanh tâm vui mừng, muốn làm thầy tế độ người đó. Ngược lại có người tu Tịnh độ đến chê tu thiền là bậy, tu riết rồi điên, quý vị liền nổi giận cự với họ. Vì chúng ta còn chấp ngã nên khen pháp của ta thì ta vui mừng, chê pháp của ta thì ta liền nổi giận. Pháp Phật dạy là để chúng ta tu cho tâm được an ổn, được lợi ích, nhưng chúng ta vì pháp mà tranh hơn thua thì mất lợi ích rồi. Đối với người, ai cần tu thì chúng ta sẵn sàng chỉ cho, ai không cần thì thôi. Người cho pháp tu của chúng ta sai là cái thấy của họ, họ có quyền phê phán, chúng ta cự lại làm gì cho mất mình? Họ nói pháp tu thiền điên mà chúng ta tu không điên thì có hại gì đâu? Chúng ta nổi sân cự lại họ thì hóa ra tu thiền điên thật rồi! Mình tu mình biết, ai khen ai chê cũng được. Học pháp để tu chứ không phải học pháp để tranh hơn thua. Còn tranh hơn thua thì không phải là người chân chánh tu hành, vì sự tranh hơn thua gốc từ bản ngã. Người còn chấp ngã, dù là vi tế, vẫn còn vô minh thì làm sao nhập được tánh viên giác thanh tịnh?

Âm:

Thiện nam tử, nhược tri ngã không, vô hủy ngã giả, hữu ngã thuyết pháp, ngã vị đoạn cố, chúng sanh thọ mạng diệc phục như thị.

Dịch:

Này thiện nam, nếu biết ngã không, không phá hoại ngã. Còn thấy có ta nói pháp, là chưa đoạn sạch ngã tướng, chúng sanh, thọ mạng cũng như thế.

Giảng:

Đức Phật nói: Tuy biết ngã tướng là không, nhưng cũng không nên tìm mọi cách để miệt thị hủy hoại ngã tướng. Nếu còn thấy ta là người thuyết pháp thì ngã tướng cũng chưa đoạn hết. Quý vị còn nhớ kinh Kim Cang định nghĩa: *Thuyết pháp là không có người hay thuyết, ấy gọi là thuyết pháp.*

Âm:

Thiện nam tử, mạt thế chúng sanh thuyết bệnh vi pháp, thị cố danh vi khả lân mẫn giả. Tuy cần tinh tiến tăng ích chư bệnh, thị cố bất năng nhập thanh tịnh giác.

Dịch:

Này thiện nam, những chúng sanh đời sau nói bệnh làm pháp, thế nên gọi là người đáng thương xót. Tuy cần mẫn siêng năng, nhưng tăng thêm các bệnh, thế nên không nhập được tánh viên giác thanh tịnh.

Giảng:

Chúng ta bây giờ nói pháp là *nói bệnh làm pháp.* Quý vị ráng nhớ cho kỹ chỗ này: Người nói pháp, nói một hồi thì đề cập đến nhóm của ta, đoàn thể của ta... ta và của ta là hơn hết, rồi đả kích người này nhóm kia... Người học đạo chân chánh phải hiểu cho thấu đáo, đừng nghe những vị hướng dẫn sai lầm rồi mắc kẹt trong đó. Chúng ta không khéo tu thì cái ngã này chưa phá vỡ lại chồng thêm cái ngã khác, tu mãi ngàn đời cũng không giải thoát. Nói pháp của Phật mà nói không đúng nên thành bệnh. Lẽ ra đức Phật quở, nhưng ngài đầy lòng từ bi nên chỉ nói những người này đáng thương xót vậy, và nói chúng sanh đời sau nói bệnh làm pháp. Tuy có siêng năng tinh tấn nhưng chỉ làm thêm lớn bệnh của họ thôi, chứ không thể vào được tánh viên giác thanh tịnh.

Âm:

Thiện nam tử, mạt thế chúng sanh bất liễu tứ tướng, dĩ Như Lai giải cập sở hành xứ vi tự tu hành chung bất thành tựu.

Dịch:

Này thiện nam, những chúng sanh đời sau chẳng rõ bốn tướng, lấy chỗ hiểu và hành của Như Lai làm chỗ tu hành của mình, trọn không thể thành tựu.

Giảng:

Khuyết điểm lớn của chúng ta là chưa phá được bốn tướng ngã nhân chúng sanh thọ giả mà lấy chỗ hiểu và hành của Như Lai làm chỗ tu hành của mình nên không thể thành thánh đạo. Vì chưa phá chấp bốn tướng nên tu theo bản ngã, bởi chấp lời dạy và sở hành của Phật, không hiểu nghĩa lý Phật dạy, tu hành theo cái chấp riêng tư của mình nên không có kết quả.

Âm:

Hoặc hữu chúng sanh vị đắc vị đắc, vị chứng vị chứng, kiến thắng tiến giả tâm sanh tật đố. Do bỉ chúng sanh vị đoạn ngã ái, thị cố bất năng nhập thanh tịnh giác.

Dịch:

Hoặc có chúng sanh chưa được nói được, chưa chứng nói chứng, thấy người hơn mình tâm sanh tật đố. Bởi chúng sanh ấy chưa đoạn được ngã ái, cho nên chẳng nhập được tánh viên giác thanh tịnh.

Giảng:

Người chưa được nói được, chưa chứng nói chứng, Phật gọi là Tăng thượng mạn trong kinh Pháp Hoa. Thấy ai tu hơn mình, ai thuyết pháp hướng dẫn bổn đạo tu hành chân chánh, Phật tử theo đông, sanh lòng đố kỵ, nên biết người này chưa đoạn dứt ngã ái, bởi chưa dứt được ngã ái, nên họ không vào được tánh viên giác.

Âm:

Thiện nam tử, mạt thế chúng sanh hy vọng thành đạo vô linh cầu ngộ, duy ích đa văn tăng trưởng ngã kiến. Đản đương tinh cần hàng phục phiền não khởi đại dõng mãnh, vị đắc linh đắc, vị đoạn linh đoạn, tham, sân, ái, mạn, siểm khúc, tật đố đối cảnh bất sanh, bỉ ngã ân ái nhất thiết tịch diệt, Phật thuyết thị nhân tiệm thứ thành tựu. Cầu thiện tri thức bất đọa tà kiến, nhược ư sở cầu biệt sanh tắng ái, tắc bất năng nhập thanh tịnh giác hải.

Dịch:

Này thiện nam, chúng sanh đời sau mong được thành đạo, chẳng cầu giác ngộ chỉ cốt học nhiều, khiến cho tăng trưởng ngã kiến. Phải tinh tấn hàng phục phiền não, khởi đại dõng mãnh, những pháp chưa được khiến cho được, những cái chưa đoạn khiến phải đoạn, tham, sân, ái, mạn, siểm khúc, tật đố đối cảnh không sanh, ta người ân ái, tất cả đều vắng lặng. Phật nói người này thứ lớp thành tựu, cầu thiện tri thức chẳng rơi vào tà kiến. Còn nếu đối với sở cầu, riêng sanh yêu ghét, chắc chắn không thể vào biển viên giác thanh tịnh được.

Giảng:

Tới đây đức Phật chỉ cho chúng ta thêm một bệnh nữa là người tu chân chánh tuy thành tâm cầu đạo, tham học nhiều mà không tu, chỉ tăng trưởng thêm đa văn, tức là thêm ngã kiến.

Muốn tiến đạo phải cố gắng hàng phục phiền não, khởi tâm đại dõng mãnh, những pháp lành chưa được phải thực hiện cho được, pháp ác chưa đoạn phải đoạn dứt, đưa tất cả những phiền não tham, sân, tắng, ái v.v... vào chỗ tịch diệt. Khi gặp cảnh đáng sân không sân, gặp cảnh đáng tham không tham... Làm sao khi gặp cảnh những thứ đó không khởi, được vậy thì Phật ấn chứng người đó thứ lớp được thành tựu đạo quả.

Phật còn dạy người tu phải cầu thầy sáng bạn tốt chỉ giáo để khỏi rơi vào tà kiến. Thêm nữa Phật bảo phải dè dặt, đối với thiện tri thức chớ sanh lòng yêu hay ghét riêng, nếu sanh lòng yêu ghét không thể vào biển viên giác được. Nghĩa là dù với bậc thầy dạy mình mà có niệm yêu ghét cũng khó vào biển viên giác.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Tịnh Nghiệp nhữ đương tri!

Nhất thiết chư chúng sanh

Giai do chấp ngã ái

Vô thủy vọng lưu chuyển,

Vị trừ tứ chủng tướng

Bất đắc thành Bồ-đề.

Ái tắng sanh ư tâm,

Siểm khúc tồn chư niệm,

Thị cố đa mê muộn

Bất năng nhập giác thành.

Nhược năng quy ngộ sát,

Tiên khử tham sân si,

Pháp ái bất tồn tâm,

Tiệm thứ khả thành tựu.

Ngã thân bản bất hữu,

Tắng ái hà do sanh?

Thử nhân cầu thiện hữu,

Chung bất đọa tà kiến.

Sở cầu biệt sanh tâm,

Cứu cánh phi thành tựu.

Dịch:

Bấy giờ Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Tịnh Nghiệp ông nên biết:

Tất cả các chúng sanh

Đều do chấp ngã ái

Luân hồi từ vô thủy,

Chưa trừ được bốn tướng

Chẳng được thành Bồ-đề.

Yêu ghét sanh nơi tâm,

Siểm khúc còn các niệm,

Cho nên nhiều mê muội

Không vào được thành giác.

Nếu hay về cõi ngộ,

Trước dẹp tham sân si,

Ái chẳng còn nơi tâm,

Dần dần sẽ thành tựu.

Thân ta vốn chẳng có,

Yêu ghét từ đâu sanh?

Người này cầu thiện hữu

Trọn chẳng rơi tà kiến.

Chỗ cầu riêng sanh tâm,

Cứu cánh chẳng thành tựu.

Giảng:

Quý vị thấy, đức Phật trị hết tất cả bệnh cho chúng ta, thật là một bậc đại Y vương. Nào là bệnh chấp ngã, ái ngã, ái pháp, ái sư v.v... chúng ta phải dẹp hết những bệnh đó thì mới mong vào được biển viên giác thanh tịnh, nếu không thì chúng ta trôi lăn mãi trong vòng luân hồi. Ngài chỉ rất rõ người tu mà còn kẹt trong bốn tướng, dù vi tế cũng không thành tựu đạo Bồ-đề, tâm còn niệm yêu ghét là còn mê muội không vào được tánh viên giác. Muốn vào cảnh giới giác ngộ thì phải bỏ những bệnh tham, sân, si, ái ngã, ái pháp v.v... mới thành tựu đạo Bồ-đề. Phật lại dạy: Sở dĩ chúng ta có yêu ghét là do chấp thân này thật, nếu chúng ta thấy rõ thân này không thật có thì yêu ghét không từ đâu mà sanh. Người hiểu được lý vô ngã và áp dụng tu hành thì tiến vào biển viên giác không khó. Thêm nữa, chúng ta tìm thầy học đạo đừng để rơi vào tà kiến và khi gặp thầy học đạo cũng đừng sanh tâm yêu ghét, nếu có yêu ghét thì chướng ngại trên đường tu. Bỏ yêu ghét ở thế gian mà sanh yêu ghét ở trong đạo cũng là bệnh. Hiểu cho thật kỹ tu hành mới tiến được, hiểu không thật kỹ thì vừa mới hết bệnh này lại sanh bệnh khác. Người tu dùng pháp của Phật dạy cũng như người bệnh dùng thuốc vậy, biết bệnh biết thuốc thì hết bệnh, nếu không thì lầm lẫn có hại.

CHƯƠNG X

BỒ-TÁT PHỔ GIÁC THƯA HỎI

Âm:

- Ư thị Phổ Giác Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, khoái thuyết thiền bệnh, linh chư đại chúng đắc vị tằng hữu, tâm ý đãng nhiên hoạch đại an ổn! Thế Tôn, mạt thế chúng sanh khứ Phật tiệm viễn, hiền thánh ẩn phục tà pháp tăng xí, sử chư chúng sanh cầu hà đẳng nhân? Y hà đẳng pháp? Hành hà đẳng hạnh? Trừ khử hà bệnh? Vân hà phát tâm linh bỉ quần manh bất đọa tà kiến?

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Khi ấy Bồ-tát Phổ Giác ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, khéo nói thiền bệnh khiến cho đại chúng được điều chưa từng có, tâm ý rỗng rang được an ổn lớn! Bạch Thế Tôn, những chúng sanh đời mạt pháp cách Phật dần xa, thánh hiền ẩn khuất tà pháp tăng mạnh, vậy chúng sanh cầu những người nào, y những pháp gì, hành những hạnh gì, trừ những bệnh gì, làm thế nào phát tâm, khiến những kẻ mù tối chẳng rơi vào tà kiến?

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như thế lặp lại ba lần.

Giảng:

Phổ giác là biết cùng khắp. Bồ-tát Phổ Giác muốn cho tất cả mọi người đều thấy rõ, biết rõ mọi phương tiện, mọi đường lối tu hành để không còn bị chướng ngại. Đa số người lúc dụng công tu thường hay gặp chướng ngại, sở dĩ bị chướng ngại là do bệnh chấp ngã, chấp pháp. Cho nên Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng thưa hỏi cầu Phật chỉ cho cách điều phục. Tuy điều phục được nghiệp chướng song vô minh vi tế vẫn còn che tánh viên giác, vì vậy tánh viên giác không chiếu soi cùng khắp, nên Bồ-tát Phổ Giác đứng ra thưa hỏi Phật năm điều:

1. Chúng sanh phải cầu ai làm minh sư để chỉ dạy tu hành?

2. Y theo pháp nào để tu?

3. Phải tu hạnh gì?

4. Phải trừ những bệnh gì?

5. Làm sao phát tâm để tu hành khiến cho tánh viên giác chiếu soi cùng khắp?

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Phổ Giác Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng tư vấn Như Lai như thị tu hành, năng thí mạt thế nhất thiết chúng sanh vô úy đạo nhãn, linh bỉ chúng sanh đắc thành thánh đạo. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Phổ Giác Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

- Thiện nam tử, mạt thế chúng sanh tương phát đại tâm cầu thiện tri thức dục tu hành giả, đương cầu nhất thiết chánh tri kiến nhân. Tâm bất trụ tướng, bất trước Thanh văn Duyên giác cảnh giới, tuy hiện trần lao tâm hằng thanh tịnh, thị hữu chư quá tán thán Phạm hạnh, bất linh chúng sanh

nhập bất luật nghi. Cầu như thị nhân tức đắc thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Dịch:

Khi ấy Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Giác rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông mới hay thưa hỏi Như Lai đường lối tu hành như thế, hay bố thí cho tất cả chúng sanh đời sau vô úy đạo nhãn khiến cho chúng sanh kia được thành thánh đạo. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông nói.

Bấy giờ Bồ-tát Phổ Giác vâng lời dạy, hoan hỷ cùng đại chúng yên lặng lắng nghe.

- Này thiện nam, những chúng sanh đời sau sắp phát đại tâm cầu thiện tri thức để tu hành, phải cầu tất cả người có chánh tri kiến. Tâm không trụ tướng, chẳng chấp cảnh giới Thanh văn Duyên giác, tuy hiện trong trần lao mà tâm hằng thanh tịnh, dù có thị hiện những lỗi lầm mà vẫn tán thán hạnh thanh tịnh, không khiến chúng sanh vào chỗ trái với luật nghi. Cầu được người như thế tức được thành tựu pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Đức Phật dạy, chúng sanh tu trước là phải phát tâm Đại thừa sau là cầu thiện tri thức. Thiện tri thức là người có chánh tri kiến, không rơi vào các tà ngụy như mê tín cúng vái quỷ thần, không trụ phước báo phàm phu cõi người và cõi trời. Hai là không kẹt vào các quả vị Thanh văn Duyên giác. Ba là vị thiện hữu tri thức này tuy hiện thân ở trong cảnh trần lao ô nhiễm mà tâm hằng thanh tịnh, người đó mới xứng đáng là thiện tri thức. Bốn là họ hay bày ra có lỗi mà lúc đó vẫn tán dương hạnh thanh bạch. Trong giới tu hành, có những vị cũng còn một hai lỗi lầm, nhưng lúc nào họ cũng khuyên người chung quanh giữ hạnh thanh tịnh, không cho làm các nghiệp

chẳng lành. Chúng ta gần người như vậy thì được lợi ích và sẽ thành tựu đạo Vô thượng Bồ-đề.

Người không mắc kẹt trong tà kiến, không ở trong cảnh giới Thanh văn Duyên giác, tuy ở trong trần lao mà tâm hằng thanh tịnh, đó là Bồ-tát rồi. Giả sử chúng ta tìm không được người như vậy, mà có những vị ở trong trần lao còn một hai lỗi lầm, chúng ta có nên gần gũi hay không? Nên gần, nhưng chúng ta phải nhận xét cho kỹ về vị đó. Thí dụ thỉnh thoảng vị thiện tri thức đó gặp việc trái ý, bực bội rồi cũng la cũng sân. Khi lỡ sân rồi họ nói: "Người tu không được quyền sân, sân là tánh xấu, đây là tôi dở mà tôi bỏ chưa được, quý vị đừng bắt chước cái dở của tôi, không tốt cho sự tu hành", thì khả dĩ được. Còn nếu vị đó nói: "Sân để làm lợi ích cho người ta, đâu có tội gì!" Người nói như thế chúng ta không nên gần. Tách bạch như vậy để quý vị nhận xét kỹ kẻo lầm. Những người biết tỉnh giác, tuy có lỗi là vì thói quen lâu đời bỏ chưa được, nhưng họ vẫn thú nhận đó là điều dở của họ và bảo người khác đừng bắt chước theo, vì những điểm dở ấy họ muốn bỏ nhưng sức tu còn yếu làm chưa được. Người như vậy tuy chưa thật hoàn toàn tốt, nhưng đó là mẫu người tốt. Còn nếu người làm dở mà cứ bao che cái dở của họ, cứ bào chữa tôi làm như vậy không có lỗi, làm như vậy là hạnh Bồ-tát, đó là hạng người chúng ta nên tránh xa.

Trong kinh có kể một đoạn về tiền thân của Phật khi còn là Bồ-tát. Có một tên cướp giả làm người chèo thuyền đưa một số người qua sông, trên thuyền lúc đó cũng có mặt ngài. Tên cướp muốn hành hung số người trên thuyền. Bồ-tát liền khởi nghĩ: "Nếu không giết chú chèo đò thì chú sẽ giết hết những người trên thuyền này!" Ngài bèn ra tay giết chú chèo đò để cứu những chúng sanh kia. Khi hành sự, Bồ-tát nghĩ rằng: "Việc làm này tuy có trái với luật nhưng vì muốn cứu người nên một mình cam chịu tội, dù có bị đọa địa ngục ta vẫn vui." Như vậy mới đúng là người tu chân chánh, còn nói: "Tôi làm đây là để cứu chúng sanh, không tội lỗi gì hết", là phá luật nghi. Quý vị phải nhận xét cho kỹ, đời này có nhiều người hay vỗ ngực nói

càn lắm. Sát sanh là giới đầu tiên của người tu Phật, mà nói giết người không tội là vô lý. Sở dĩ dám giết người là vì lòng từ muốn cứu nhiều người mà phải chịu tội lấy một mình. Hiểu như vậy quý vị mới biết người hành đạo chỗ nào đúng chỗ nào sai. Chứ đừng nghe trong kinh nói như vậy rồi nghĩ: "À, khi các ngài hiện những việc trái luật nghi như vậy mình cũng đừng cố chấp." Như vậy người tu muốn uống rượu ăn thịt cũng được sao? Nếu uống rượu ăn thịt mà vị đó tự nói lên: "Đây là việc làm trái luật nghi, đó là thói hư tôi chưa bỏ được, xin quý vị đừng bắt chước!" Người như vậy còn khả dĩ gần được, chứ đã phạm luật nghi mà còn nói càn: "Ôi chỗ nào cũng là đạo tràng, quán rượu thanh lâu cũng là đạo tràng." Người đó không nên gần. Hiểu rõ rồi, quý vị mới đoán định được ai là thiện tri thức, ai không phải thiện tri thức, để khỏi rơi vào trường hợp khi phát tâm chân chánh mà lại gặp những người tà ngụy, không tiến tu được.

Cầu thầy phải cầu người có chánh tri kiến. Bởi vì sanh trong thời mạt pháp, *Pháp nhược ma cường* tức là chánh pháp thì yếu mà tà pháp lại mạnh, tà pháp mạnh cho nên đi đâu cũng nghe nói pháp tà mãi thành nhiễm. Muốn cầu thầy học đạo phải khéo lựa chọn vị thầy hướng dẫn tốt để đường tu chúng ta khỏi bị lạc, tu đúng chánh pháp để đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Âm:

Mạt thế chúng sanh kiến như thị nhân ưng đương cúng dường bất tích thân mạng. Bỉ thiện tri thức tứ oai nghi trung thường hiện thanh tịnh, nãi chí thị hiện chủng chủng quá hoạn, tâm vô kiêu mạn, huống phục đoàn tài thê tử quyến thuộc. Nhược thiện nam tử ư bỉ thiện hữu bất khởi ác niệm, tức năng cứu cánh thành tựu chánh giác, tâm hoa phát minh chiếu thập phương sát.

Dịch:

Những chúng sanh đời sau gặp người như thế phải nên cúng dường chẳng tiếc thân mạng. Thiện tri thức ấy trong

bốn oai nghi thường hiện thanh tịnh, cho đến thị hiện các thứ tội lỗi, tâm không kiêu mạn, huống nữa tài sản vợ con quyến thuộc. Nếu thiện nam tử đối với vị thiện hữu kia không khởi niệm ác, tức hay cứu cánh thành tựu chánh giác, tâm hoa phát sáng chiếu soi cả mười phương cõi nước.

Giảng:

Chỗ này Phật nói để cho chúng ta hiểu thêm một chút nữa. Người học đạo nếu không sáng dễ lầm. Hai trường hợp lầm, một là người chánh mà chúng ta tưởng là tà, hai là người tà mà tưởng là chánh.

Trường hợp thứ nhất, có những thiện tri thức hiện nghịch hạnh làm những chuyện thế gian, để đồng sự với chúng sanh mà giáo hóa họ hoặc để thử thách đồ đệ, nếu chúng ta không hiểu thì mất niềm tin. Như trường hợp ngài Thiện Chiêu, ngài là một vị thiền sư nổi tiếng trong tông Lâm Tế, người xưa nể phục gọi ngài là Sư tử Phần Dương. Trong pháp hội của ngài có cả thảy năm trăm người. Một hôm đến ngày kỵ mẫu thân, ngài bảo vị Tri sự:

- Bữa nay ông mua cá thịt với một chai rượu về tôi cúng bà thân tôi.

Vị Tri sự không dám cãi, đi mua rượu thịt về. Ngài cúng xong xuôi, dọn ra bàn và mời chúng:

- Quý vị cùng tôi ăn một bữa lấy thảo.

Chúng đều giật mình, không ai dám dự. Ngài ngồi ăn tự nhiên và nói:

- Thôi, chúng không dự thì tôi dự.

Chúng nghe danh ngài tìm tới học, bây giờ thấy ngài ăn thịt uống rượu một cách tự nhiên, ai nấy đều mất hết niềm tin. Qua hôm sau họ xin xuất chúng đi hết, chỉ còn lại có mấy người, trong số đó có ngài Từ Minh. Sau khi họ đi, ngài cười và nói:

- Ta chỉ tốn mâm cơm và chai rượu mà tống hết bốn trăm mấy chục người để khỏi tốn hao của thập phương bá tánh.

Vì những người đó họ chỉ chấp danh tướng mà không thấy tánh thật nên ngài thử xem họ có đủ lòng tin đối với ngài không. Họ chỉ nghe danh chứ chưa thật hiểu và tin ngài, nên thấy những tướng bên ngoài như vậy liền bỏ đi. Ngài Từ Minh và mấy vị ở lại hiểu ngài nên không bỏ đi. Sau này ngài Từ Minh trở thành một vị cự phách trong tông Lâm Tế, dưới ngài, Dương Kỳ và Hoàng Long là khai tổ của hai phái thiền ở đời Tống rất hưng thịnh.

Như vậy đối với thiện tri thức chúng ta nhìn một cách cạn cợt nông nổi thì dễ bị lầm. Tại chúng tăng không xét kỹ, chứ người thấy đạo như ngài Phần Dương chẳng lẽ lại làm chuyện như vậy? Chẳng qua ngài thử chúng, xem chúng có vững niềm tin ngài là người thấy đạo và đã đủ sức hướng dẫn họ tu hành đến nơi đến chốn chưa. Thế mà họ không hiểu, cho ngài phá giới nên bỏ đi. Đó là lỗi không hiểu ông thầy nên mất lợi ích cho mình.

Trường hợp thứ hai, có những vị cứ dẫn câu "dù cho có quyến thuộc, thê tử..." để tự do có quyến thuộc, thê tử. Như vậy chúng ta cũng phải tin những vị đó sao? Chỗ này thật tế nhị vô cùng.

Đối với vị thiện tri thức chúng ta nên nhận cho đúng, luôn luôn quý kính và ở bên cạnh học hỏi tiến tu thì lần lần sẽ hết bệnh và thành tựu quả Phật. Lúc ấy *tâm hoa phát sáng chiếu soi cả mười phương cõi nước.*

Âm:

Thiện nam tử, bỉ thiện tri thức sở chứng diệu pháp ưng ly tứ bệnh. Vân hà tứ bệnh?

Nhất giả tác bệnh. Nhược phục hữu nhân tác như thị ngôn: "Ngã ư bản tâm tác chủng chủng hạnh dục cầu viên giác." Bỉ viên giác tánh phi tác đắc cố, thuyết danh vi bệnh.

Dịch:

Này thiện nam, vị thiện tri thức kia đã chứng diệu pháp nên lìa bốn bệnh. Thế nào là bốn bệnh?

Một là bệnh Tác. Nếu có người nói như thế này: "Bản tâm của tôi làm các thứ hạnh để cầu viên giác." Song tánh viên giác kia chẳng phải do làm mà được, ấy gọi là bệnh.

Giảng:

Có nhiều người tu quan niệm rằng muốn được giác ngộ phải luyện cái này tập cái kia, như luyện chuyển luân xa, họ ngồi tưởng có một luồng điện chạy vòng vòng trong thân, thực tập mãi như thế thì sẽ thành đạo! Đó là một điều lầm lẫn lớn trong sự tu hành nên gọi là bệnh. Thành đạo là hằng sống với tánh viên giác; tánh viên giác thì tròn sáng sẵn có không do tạo tác, nếu còn tạo tác là còn sanh diệt không sống được với tánh viên giác. Có những người tu theo đạo Phật cho rằng, phải luôn luôn quán chiếu mới được viên giác, hoặc phải cất chùa mới có công đức, cất được một trăm ngôi chùa là thành Phật! Đó cũng là lầm. Nếu quán mà được viên giác sao ngài Pháp Dung ở Ngưu Đầu còn phải cầu Tứ tổ Đạo Tín dạy cho chỗ tâm yếu? Nếu cất nhiều chùa được thành Phật thì các ông vua ngày xưa thành Phật hết rồi. Như vua Lương Võ Đế ngày xưa cất chùa độ tăng biết bao nhiêu, sao không hội được chỗ cứu cánh nơi tổ Bồ-đề-đạt-ma? Tạo tác là tướng sanh diệt chứ không phải cứu cánh của sự giác ngộ. Nếu chấp nhận do dụng công bằng hình thức mà được viên giác thì đó là hiểu lầm, nên gọi là bệnh.

Âm:

Nhị giả nhậm bệnh. Nhược phục hữu nhân tác như thị ngôn: "Ngã đẳng kim giả bất đoạn sanh tử bất cầu Niết-bàn, Niết-bàn sanh tử vô khởi diệt niệm, nhậm bỉ nhất thiết tùy chư pháp tánh dục cầu viên giác." Bỉ viên giác tánh phi nhậm hữu cố, thuyết danh vi bệnh.

Dịch:

Hai là bệnh Nhậm. Nếu có người nói thế này:

"Nay chúng ta không đoạn sanh tử chẳng cầu Niết-bàn, Niết-bàn sanh tử không niệm khởi diệt, mặc cho tất cả kia tùy các pháp tánh để cầu viên giác." Song tánh viên giác kia chẳng phải mặc tình mà có, nên nói là bệnh.

Giảng:

Ở trên nói bệnh Tác tức là làm để được viên giác, bây giờ tới bệnh Nhậm là mặc kệ không làm gì hết, cứ tự nhiên mặc tình đói ăn mệt ngủ cũng được tánh viên giác. Gần đây có một số tu sĩ mắc phải bệnh này. Họ nói càn:

- Ối! Đói ăn mệt ngủ, cố gắng tu hành làm chi cho nhọc xác, kìm chế làm chi mặc ra sao thì ra!

Đó là nói theo bệnh lười biếng. Đành rằng chúng ta có sẵn tánh viên giác, nhưng đang bị vô minh che phủ thì phải nỗ lực tu hành để xé toạc màn vô minh, mới sống được với tánh viên giác. Chúng ta còn mê mà để mặc tình thì ngàn đời vẫn đi trong mê muội, không thể nào tỉnh sáng!

Thí dụ như có một tấm gương sáng để bụi phủ quá lâu. Bây giờ có người cầm tấm gương ra họ thấy tối mò, họ không biết là gương. Có người trí nói với họ: "Đây là tấm gương sáng." Nghe nói tấm gương sáng, tự nó sáng không phải làm mà được, rồi họ để mặc không lau chùi. Nếu không lau chùi thì nó tối suốt đời. Tuy tấm gương không ai làm cho nó sáng được, nhưng phải lau hết bụi thì ánh sáng mới tỏ rõ. Như vậy mình lau bụi chứ không phải làm cho gương sáng. Cho nên nói làm cho gương sáng là bệnh, mà để mặc tình nó cũng là bệnh nữa. Chúng ta phải hiểu rõ chỗ này thì sự tu hành mới khỏi lầm lẫn.

Hai bệnh tác và nhậm đối nhau. Bệnh tác thì thúc liễm quá, dùng hình thức để tu nên lầm vì tướng mà không thấy được tánh. Còn bệnh nhậm thì chấp tánh, nghe nói bản tánh không phải làm mà ra, không phải tu mà được, nên mặc tình phóng túng. Hai cái này đều không phù hợp với viên giác.

Âm:

Tam giả chỉ bệnh. Nhược phục hữu nhân tác như thị ngôn: "Ngã kim tự tâm vĩnh tức chư niệm đắc nhất thiết tánh, tịch nhiên bình đẳng dục cầu viên giác." Bỉ viên giác tánh phi chỉ hợp cố, thuyết danh vi bệnh.

Dịch:

Ba là bệnh Chỉ. Nếu có người nói thế này: "Nay ta tự tâm hằng dứt các niệm được tất cả tánh, lặng lẽ bình đẳng để cầu viên giác." Song tánh viên giác kia chẳng phải do dừng chỉ mà có, nên nói là bệnh.

Giảng:

Chỗ này mới thật là khó, chúng ta tu được dạy phải dừng lặng vọng tưởng, sao kinh này nói lặng là bệnh? Dừng hết vọng tưởng chỉ còn có lặng lẽ bình đẳng thì hợp đạo quá, tại sao ở đây nói là bệnh? Vì viên giác là tánh giác hằng sáng chứ không phải do đè, dừng lại tức là đè nó xuống thì rơi vào bệnh vô ký. Ở đây đức Phật dạy chúng ta, khi lặng hết những tạp niệm lăng xăng, vẫn biết mình có tánh giác tròn sáng. Ngồi thiền lúc vọng tưởng lặng hết, tai chúng ta vẫn nghe tiếng đồng hồ tích tắc, tiếng xe chạy ngoài đường, tiếng gà gáy... Chúng ta vẫn nghe biết chứ không phải không ngơ không biết gì. Bệnh này rất tế nhị, chúng ta phải dè dặt.

Âm:

Tứ giả diệt bệnh. Nhược phục hữu nhân tác như thị ngôn: "Ngã kim vĩnh đoạn nhất thiết phiền não, thân tâm tất cánh không vô sở hữu, hà huống căn trần hư vọng cảnh giới, nhất thiết vĩnh tịch dục cầu viên giác." Bỉ viên giác tánh phi tịch tướng cố, thuyết danh vi bệnh.

Dịch:

Bốn là bệnh Diệt. Nếu có người nói như thế này: "Nay ta nên đoạn hẳn tất cả phiền não, thân tâm hoàn toàn không,

không sở hữu, huống là cảnh giới hư vọng của căn trần, tất cả đều vắng lặng để cầu viên giác." Song tánh viên giác kia chẳng phải tướng tịch diệt, nên nói là bệnh.

Giảng:

Chỗ này càng khó hơn. Bởi vì đến giai đoạn này thì người tu đã đoạn sạch phiền não, họ cho là tất cả phiền não đoạn hết, nên thân tâm rốt ráo là không, huống nữa là căn trần, những cái đó đều là không có. Thấy tất cả đều lặng lẽ là đúng một phần, vì tánh viên giác không phải cái hoàn toàn lặng lẽ ấy. Giác thì phải biết, mà biết thì đâu phải chỉ lặng hoàn toàn mà không biết. Như chuyện *Bà già đốt am*, khi ông thầy đã tu đến cho gặp duyên xúc cảnh đọc câu thơ: *Khô mộc ỷ hàn nham, Tam xuân vô noãn khí* (cây khô tựa trên núi lạnh, ba mùa xuân qua rồi mà không có chút hơi ấm), nghĩa là ông bây giờ như cây khô lạnh trên núi, không có dấy khởi một niệm nào nữa. Như vậy theo chúng ta là quá hay rồi, khi tất cả động tác của người xúc chạm đến mình mà mình vẫn lặng lẽ không dấy niệm là hay tột bậc, nhưng đó là bệnh thứ tư ở đây nói. Nên bà già đó đã đốt am đuổi Thầy đi và nói: Uổng công nuôi Thầy. Như vậy để thấy khô lặng chưa phải là rồi, mà còn phải thấy được tánh viên giác tròn đầy của chính mình nữa. Chúng ta thấy trình độ của bà già đó không phải là ít. Chỗ này thật khó, chúng ta tu phải khéo nếu không thì rơi vào đoạn diệt. Người tu mà lệch một tí là sai.

Hai bệnh Chỉ và Diệt lỗi tại chưa nhận ra tánh viên giác cho nên thành bệnh.

Âm:

Ly tứ bệnh giả tắc tri thanh tịnh, tác thị quán giả danh vi chánh quán, nhược tha quán giả danh vi tà quán.

Dịch:

Lìa bốn bệnh đó thì biết đã thanh tịnh, khởi quán như thế là chánh quán, nếu quán khác đi gọi là tà quán.

Giảng:

Đoạn này Phật kết luận, người lìa bốn bệnh Tác Nhậm Chỉ Diệt mới hợp với tánh viên giác; vì tánh viên giác là thể thanh tịnh tròn sáng, không sanh không diệt, không nhơ không sạch, vô vi vô lậu... Nếu chấp tướng Tác Nhậm Chỉ Diệt để cầu thì không hợp với tánh viên giác.

Tôi xin nhắc lại tất cả bốn bệnh cho quý vị thấy rõ hơn từng bệnh.

Bệnh Tác là dùng công năng huân tập hay tạo tác để mong được đạo. Như thế không phải, vì công năng huân tập tạo tác là sanh diệt, cho nên dùng nó để mong được tánh viên giác là không được. Bệnh này dễ hiểu.

Hai là Nhậm, để mặc tình ra sao cũng được. Chúng ta đang bị vô minh che mà tha hồ để nó ra sao cũng được thì suốt kiếp cứ mê hoài. Bệnh này cũng dễ hiểu.

Ba là Chỉ, tức là đè cho nó yên xuống, nghĩa là dừng vọng tưởng. Tánh giác thì hằng tri hằng giác, mà đè nó lặng đâu phải là giác, vì giác thì luôn luôn linh động sáng suốt nên gọi là *liễu liễu thường tri*.

Bốn là Diệt, tất cả phiền não đều dứt, thân tâm thấy rỗng không, cảnh giới cũng thấy rỗng không, rồi cho cái rỗng không là đạo, đó cũng là lệch. Vì đạo là giác mà cho thân tâm rỗng không, không có gì đâu phải là giác. Trong nhà thiền thường nói *vô tâm*, vô tâm là không tâm sanh diệt phiền não, chứ không phải là không có cái tâm chân thật thanh tịnh sáng suốt. Khi chúng ta hết phiền não, hết những niệm chạy theo cảnh theo duyên, thì tánh hằng giác hằng linh động hiển hiện, chứ cho rằng hết những cái đó là rỗng không không có gì thì không đúng.

Chúng ta tu mà lệch một tí là xa đạo. Thật ra bốn cái này không phải là bệnh, mà do chấp nên thành bệnh, ban đầu tu phải nhờ nó, nhưng đến giai đoạn nào đó thì phải buông. Khi chúng ta tu mượn Chỉ, Tác hay Diệt để trừ các phiền não, phiền não hết thì nhận ra

tánh giác. Nếu hết phiền não mà nhận chỗ không phiền não lặng lẽ là cứu cánh thì là lầm.

Âm:

Thiện nam tử, mạt thế chúng sanh dục tu hành giả, ưng đương tận mạng cúng dường thiện hữu, sự thiện tri thức, bỉ thiện tri thức dục lai thân cận ưng đoạn kiêu mạn, nhược phục viễn ly ưng đoạn sân hận.

Dịch:

Này thiện nam, chúng sanh đời sau muốn tu hành phải trọn đời cúng dường thờ phụng thiện hữu tri thức, thiện tri thức kia muốn đến thân cận phải đoạn tâm kiêu mạn, nếu lại xa lìa phải đoạn sân hận.

Giảng:

Đây là những bệnh của học trò, tuy thành tâm thờ thầy đúng pháp, song gần thầy được thầy dạy dỗ thì sanh tâm ngã mạn, cho rằng: Thầy thương tôi, thầy luôn luôn lo lắng cho tôi. Trái lại thầy có những Phật sự phải đi chỗ khác, thì họ buồn trách: Thầy bỏ không lo cho tôi nữa, từ đây tôi biết nương tựa ai? Rồi phiền não. Đó là bệnh. Quý vị xét xem có những bệnh như vậy không? Nếu có thì phải bỏ mới đúng tinh thần của người học đạo.

Âm:

Hiện nghịch thuận cảnh do như hư không, liễu tri thân tâm tất cánh bình đẳng, dữ chư chúng sanh đồng thể vô dị. Như thị tu hành phương nhập viên giác.

Dịch:

(Nếu thiện tri thức) có hiện ra cảnh nghịch thuận vẫn như hư không, rõ biết thân tâm rốt ráo đều bình đẳng, cùng với chúng sanh đồng thể không khác. Tu hành như thế mới vào được tánh viên giác.

Giảng:

Cảnh thuận nghịch là như thế này. Cảnh thuận: Có Phật tử muốn thỉnh Thầy về nhà cúng dường bữa trưa, Thầy ưng thuận tới thọ trai, thì đừng vì cảnh thuận đó mà quá mến Thầy. Cảnh nghịch: Giả sử chúng ta có duyên sự cần thỉnh Thầy tới để trợ giúp, Thầy từ chối, không vì lý do Thầy từ chối mà giận Thầy. Đó mới là Phật tử chân chánh. Tuy nói vậy nhưng cũng hơi khó làm. Hoặc là khi vị thiện tri thức khởi thuận hạnh khuyên lơn vỗ về bảo ráng tu thì chúng ta bằng lòng, cho rằng thầy tôi hiền lành từ bi. Nhưng bất thần hôm nào vị thiện tri thức la rầy thì chúng ta cho là ông thầy sân quá, không gần nữa. Đâu biết rằng vị thầy muốn hiện nghịch hạnh coi chúng ta có chịu nổi hay không. Như trường hợp ngài Từ Minh đến học đạo với ngài Phần Dương Thiện Chiêu, ngài Từ Minh trước là một nho sĩ, đến nhập chúng đã hai năm mà chưa được dạy bảo. Mỗi khi Sư vào thưa hỏi, chỉ bị Phần Dương mắng chửi thậm tệ, hoặc nghe chê bai những vị khác, nếu có dạy bảo toàn dùng những lời thế tục thô bỉ. Một hôm Sư trách:

- Từ ngày đến pháp tịch này đã qua mất hai năm mà chẳng được dạy bảo, chỉ làm tăng trưởng niệm thế tục trần lao, năm tháng qua nhanh việc mình chẳng sáng, mất cái lợi của kẻ xuất gia.

Sư nói chưa dứt, Phần Dương nhìn thẳng vào Sư mắng:

- Đây là ác tri thức dám chê trách ta.

Phần Dương nổi nóng cầm gậy đuổi đánh. Sư toan la cầu cứu, Phần Dương liền bụm miệng Sư. Sư chợt đại ngộ, nói:

- Mới biết đạo của Lâm Tế vượt ngoài thường tình.

Thật là lạ lùng! Chúng ta phải hiểu có những trường hợp thầy hiện nghịch hạnh như vậy. Bởi vì người học trò khi khuyên lơn an ủi thì vui vẻ lo tu, họ chỉ tu trong cảnh êm ái nhẹ nhàng mới tiến, nhưng khi gặp những nghịch cảnh họ không chịu nổi. Thầy muốn cho đồ đệ tiến hơn nên phải hiện ra nghịch hạnh. Ở trong nghịch cảnh mà trò tiến được mới là thứ thiệt. Vì vậy ở đây đức Phật dạy rõ, giả sử người

tu có gặp nghịch hạnh thuận hạnh gì cũng xem như không, không dính gì với mình, khen cũng vậy mà mắng chửi cũng vậy, đều biết rõ thân tâm mình rốt ráo bình đẳng, cùng với các chúng sanh đồng thể không khác. Người được như vậy mới vào tánh viên giác. Phật sợ chúng sanh sau này gặp cảnh thuận thì tu được còn gặp cảnh nghịch thì không tu, cho nên ngài dạy trước để gặp trường hợp nào cũng phải biết rõ ràng khỏi thối thất Bồ-đề tâm.

Âm:

Thiện nam tử, mạt thế chúng sanh bất đắc thành đạo, do hữu vô thủy tự tha tắng ái nhất thiết chủng tử cố vị giải thoát.

Dịch:

Này thiện nam, chúng sanh đời sau không được thành đạo, do có tất cả chủng tử yêu ghét mình người từ vô thủy nên chưa giải thoát.

Giảng:

Đức Phật nói cái gốc không thành đạo là chủng tử đối đãi yêu ghét, ta người từ vô thủy đến giờ. Quý vị kiểm lại xem còn có chủng tử đó hay không, nếu còn là chưa thành đạo, khi nào chủng tử đó hết, không muốn thành đạo cũng thành. Chúng ta quen thói cực đoan, nếu không yêu thì ghét, không ghét thì yêu, chúng ta ít khi xử sự bình đẳng với mọi người. Đó là do tất cả chủng tử yêu ghét quá nhiều trong tàng thức cột trói chúng ta, cho nên không được giải thoát.

Âm:

Nhược phục hữu nhân, quán bỉ oan gia như kỷ phụ mẫu tâm vô hữu nhị, tức trừ chư bệnh. Ư chư pháp trung tự tha tắng ái diệc phục như thị.

Dịch:

Nếu lại có người xem kẻ oan gia kia như cha mẹ mình, tâm không có hai, tức trừ các bệnh. Đối với các pháp tự tha tắng ái cũng lại như thế.

Giảng:

Ai xem người chửi mình hại mình như cha mẹ mình thì người đó trừ được các bệnh. Bây giờ quý vị ráng tập cho được như vậy. Chúng ta cung kính cha mẹ bao nhiêu thì cung kính người chửi mắng mình cũng bấy nhiêu, chắc chắn là hết bệnh. Vì có yêu mới có ghét, mà người mình ghét thấy như cha mẹ tức là hết ghét, hết ghét đâu còn yêu nữa. Như vậy mới trừ hết các bệnh. Trừ bệnh này là phương pháp tối quan trọng, nếu chúng ta không dùng trí quán mạnh thì không bao giờ tập được tâm này. Điều đó dễ làm hay khó làm? Nếu khó thì khó giải thoát, khó làm mà làm được thì chắc chắn giải thoát. Như vậy những công thức để giải thoát Phật đưa ra quá rõ ràng, cứ thực hành đúng công thức thì sẽ ra đúng đáp số. Sự tu hành cũng vậy, muốn giải thoát thì phải thực hành theo lời Phật dạy, chứ muốn cầu giải thoát mà từ chối không thực hành điều Phật dạy thì không bao giờ giải thoát nổi. Bây giờ chưa được thì ráng mai mốt phải thực hành cho được chứ không thể từ chối, nói rằng: "Tôi căn cơ thấp lắm, Phật dạy cao quá tôi làm không nổi!" Nếu từ chối như vậy là từ chối sự giải thoát. Quý vị xét kỹ xem có người nào đáng thương đáng ghét không? Nếu còn thấy có người đáng thương đáng ghét thì biết rõ chúng ta là kẻ phàm phu. Nếu chúng ta xem mọi người bình đẳng thì chắc chắn giải thoát.

Như trong kinh Pháp Hoa phẩm Đề-bà-đạt-đa, Phật nói: "Đề-bà-đạt-đa là thiện hữu tri thức bậc nhất của ta, nhờ Đề-bà-đạt-đa mà ta mau thành Phật." Trong khi Đề-bà-đạt-đa bao nhiêu đời đã hành hạ ngài. Như vậy ngài không thấy đó là chướng ngại là đày đọa khổ sở, mà lại thấy đó là phương tiện để ngài tiến đạo. Nếu chúng ta thấy người hành hạ đày đọa mình là người bạn lành bậc nhất làm cho mình tiến đạo thì người cúng dường ủng hộ mình cũng là thiện tri thức bậc nhất giúp mình đủ phương tiện tiến đạo. Thấy cả hai là

thiện hữu tri thức thì tâm bình đẳng. Tu Đại thừa Phật giáo là cốt phát tâm đại bi, tâm đại bi là thương tất cả chúng sanh. Phát tâm bình đẳng là khi nào thấy kẻ oán người thân đều bình đẳng. Phải ráng tập hai cái đều bình đẳng thì tu hành hết bị chướng, gặp gì cũng là duyên tốt để tiến. Chưa được vậy thì như chiếc thuyền không có người chèo, gặp gió thuận thì trôi lên, gặp gió nghịch thì đùa xuống. Chúng ta phải làm sao thuận nghịch đều tiến thì mới là người tu không bệnh.

Âm:

Thiện nam tử, mạt thế chúng sanh dục cầu viên giác, ưng đương phát tâm tác như thị ngôn: "Tận ư hư không nhất thiết chúng sanh, ngã giai linh nhập cứu cánh viên giác, ư viên giác trung vô thủ giác giả, trừ bỉ ngã nhân nhất thiết chư tướng." Như thị phát tâm bất đọa tà kiến.

Dịch:

Này thiện nam, các chúng sanh đời sau muốn cầu viên giác nên phải phát tâm nói như thế này: "Tất cả chúng sanh tận hư không, con đều khiến vào hết trong viên giác rốt ráo, ở trong viên giác không chấp thủ cái giác, trừ tất cả tướng ngã nhân." Phát tâm như vậy không rơi vào tà kiến.

Giảng:

Phật dạy khi phát tâm thì nguyện: tất cả chúng sanh tột cả hư không, nay con đều đem họ vào tánh viên giác rốt ráo, ở trong tánh viên giác không chấp thủ cái giác, trừ sạch tất cả những tướng nhân ngã... Phát tâm như thế là không rơi vào tà kiến. Ở đây có ai phát tâm được như vậy chưa? Hay phát tâm tu hành để độ cha mẹ dòng họ? Chúng ta tu là nguyện cho tất cả chúng sanh đều thể nhập viên giác chứ không phải chỉ nguyện riêng cho mình hay cho gia quyến mình. Nếu chỉ nguyện riêng cho chúng ta hay gia quyến là nhân ngã còn, mà nhân ngã còn thì không bao giờ vào được tánh viên giác.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Phổ Giác nhữ đương tri!

Mạt thế chư chúng sanh

Dục cầu thiện tri thức

Ưng đương cầu chánh kiến

Tâm viễn Nhị thừa giả.

Pháp trung trừ tứ bệnh

Vị Tác Chỉ Nhậm Diệt,

Thân cận vô kiêu mạn,

Viễn ly vô sân hận.

Kiến chủng chủng cảnh giới

Tâm đương sanh hy hữu

Hoàn như Phật xuất thế.

Bất phạm phi luật nghi,

Giới căn vĩnh thanh tịnh,

Độ nhất thiết chúng sanh

Cứu cánh nhập viên giác.

Vô bỉ ngã nhân tướng

Đương y chánh trí tuệ

Tiện đắc siêu tà kiến

Chứng giác Bát-niết-bàn.

Dịch:

Bấy giờ đức Phật muốn lặp lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Phổ Giác ông nên biết:

Những chúng sanh đời sau

Muốn cầu thiện tri thức

Nên cầu người chánh kiến

Tâm xa lìa Nhị thừa.

Trong pháp trừ bốn bệnh

Là Tác Chỉ Nhậm Diệt,

Thân cận không kiêu mạn,

Xa lìa không sân hận.

Thấy các thứ cảnh giới

Tâm phải sanh hy hữu

Xem như Phật ra đời.

Không phạm điều trái luật,

Giới căn hằng thanh tịnh,

Độ tất cả chúng sanh

Rốt ráo vào viên giác.

Không có tướng ngã nhân

Nên y chánh trí tuệ

Liền được khỏi tà kiến

Chứng giác Bát-niết-bàn.

Giảng:

Trong bài trùng tụng này, đức Phật lặp lại để giải rõ sự tu hành của chúng ta như ngài Phổ Giác hỏi ở trước.

Làm sao cầu thiện tri thức? Chọn thầy chọn bạn, phải lựa người không tà kiến.

Phải trừ những pháp gì? Đừng gần gũi pháp Nhị thừa và trong khi tu phải trừ bốn bệnh Tác Chỉ Nhậm Diệt.

Khi gần gũi thiện tri thức phải làm sao? Khi thân cận thiện tri thức thì chớ khinh lờn kiêu mạn, khi thiện tri thức đi xa thì chớ sân hận. Thiện tri thức có hiện bất cứ thuận hạnh hay nghịch hạnh thì nên khởi tâm hy hữu xem như Phật ra đời, không nên xem thường.

Phát tâm tu thế nào? Phải luôn luôn giữ đúng luật nghi. Dứt tâm nhân ngã, độ tất cả chúng sanh vào viên giác, luôn luôn y theo trí tuệ chân chánh. Người được như vậy mới vượt ra khỏi tà kiến.

Chúng ta là những kẻ học đạo, muốn hết bệnh và sự tu hành không lầm lẫn, không rơi vào tà kiến thì những điều đức Phật dạy chúng ta phải nhớ. Trong bốn bệnh đó phải là người chuyên môn mới thấy rõ. Những lối cư xử với thiện tri thức như: gần mà không kiêu mạn, xa mà không sân hận, đó là chuyện dễ biết dễ thấy còn khó làm thay! Huống là coi kẻ thù như cha mẹ, thật không phải đơn giản dễ dàng! Song nếu ai làm được mới thật là người giải thoát. Vì đạo giải thoát là không còn thấy hai bên yêu ghét, nếu còn kẻ thù là còn ghét, còn ghét tức là còn yêu. Chúng ta bặt hết yêu ghét thì vào đạo không khó vậy.

CHƯƠNG XI

BỒ-TÁT VIÊN GIÁC THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Viên Giác Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, vị ngã đẳng bối quảng thuyết tịnh giác chủng chủng phương tiện, linh mạt thế chúng sanh hữu đại tăng ích. Thế Tôn, ngã đẳng kim giả dĩ đắc khai ngộ, nhược Phật diệt hậu mạt thế chúng sanh vị đắc ngộ giả, vân hà an cư tu thử viên giác thanh tịnh cảnh giới? Thử viên giác trung tam chủng tịnh quán dĩ hà vi thủ? Duy nguyện đại bi vị chư đại chúng cập mạt thế chúng sanh thí đại nhiêu ích.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Lúc đó Bồ-tát Viên Giác ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, vì bọn chúng con rộng nói các thứ phương tiện tịnh giác, khiến cho chúng sanh đời sau được lợi ích lớn. Bạch Thế Tôn, chúng con ngày nay đã được khai ngộ, nếu sau khi Phật diệt độ, chúng sanh đời sau chưa được ngộ làm thế nào mà an cư để tu cảnh giới thanh tịnh viên giác này? Trong viên giác này ba thứ quán thanh tịnh tu pháp nào trước? Cúi mong Thế Tôn đại bi vì các đại chúng và chúng sanh đời sau bố thí lợi ích lớn.

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như thế lặp lại ba lần.

Giảng:

Viên giác là giác viên mãn hoàn toàn. Vì viên giác là tròn khắp nên không những bậc thượng căn được giác, trung căn được giác mà hạ căn cũng được giác. Ở trước Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng thưa hỏi để dạy cho người tu dẹp sạch các nghiệp chướng. Tuy sạch các nghiệp chướng nhưng tánh viên giác chưa được phổ biến, nên Bồ-tát Phổ Giác cầu Phật chỉ dạy phương pháp tu hành để cho tánh giác được phổ biến. Tuy tánh giác được phổ biến mà vẫn chưa viên mãn, vì vậy ở đây Bồ-tát Viên Giác đứng lên hỏi Phật hai câu:

1. Chúng sanh đời sau chưa ngộ làm sao an cư được trong cảnh giới viên giác thanh tịnh?

2. Ba thứ phương tiện (Chỉ, Quán, Thiền) nên tu pháp nào trước?

Đoạn này chú trọng về phần sự tướng tu hành.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Viên Giác Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi vấn ư Như Lai như thị phương tiện, dĩ đại nhiêu ích thí chư chúng sanh. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Viên Giác Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

- Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh nhược Phật trụ thế, nhược Phật diệt hậu nhược pháp mạt thời, hữu chư chúng sanh cụ Đại thừa tánh, tín Phật bí mật đại viên giác tâm, dục tu hành giả, nhược tại già-lam an xử đồ chúng, hữu duyên sự cố tùy phần tư sát, như ngã dĩ thuyết.

Dịch:

Khi ấy đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Viên Giác rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông mới hay hỏi Như Lai phương tiện như thế, đem lợi ích lớn bố thí cho các chúng sanh. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông nói.

Lúc ấy Bồ-tát Viên Giác vâng lời dạy, hoan hỷ cùng đại chúng lặng lẽ lắng nghe.

- Này thiện nam, tất cả chúng sanh trong thời Phật tại thế, hoặc sau khi Phật diệt độ hoặc thời mạt pháp, nếu có chúng sanh đầy đủ căn tánh Đại thừa, tin được tâm đại viên giác bí mật của Phật, muốn tu hành, nếu tại già-lam thì nên sắp xếp trong đồ chúng, hoặc có duyên sự thì nên tùy phần mà quán sát như ta đã nói.

Giảng:

Đầu tiên đức Phật dạy lập hình tướng đạo tràng. Khi Phật còn ở đời hoặc sau khi Phật diệt độ hay trong thời mạt pháp, nếu người có căn tánh Đại thừa muốn tu, điều căn bản là phải ở trong già-lam và ở trong đại chúng mà tu, còn nếu có duyên sự bận rộn thì tùy phần quán sát như Phật đã dạy.

Âm:

Nhược phục vô hữu tha sự nhân duyên, tức kiến đạo tràng đương lập kỳ hạn, nhược lập trường kỳ bá nhị thập nhật, trung kỳ bá nhật, hạ kỳ bát thập nhật, an trí tịnh cư. Nhược Phật hiện tại, đương chánh tư duy; nhược Phật diệt hậu, thi thiết hình tượng, tâm tồn mục tưởng sanh chánh ức niệm, hoàn đồng Như Lai thường trụ chi nhật. Huyền chư phan hoa kinh tam thất nhật, khể thủ thập phương chư Phật danh tự, cầu ai sám hối; ngộ thiện cảnh giới đắc tâm khinh an. Quá tam thất nhật, nhất hướng nhiếp niệm.

Dịch:

Nếu người không có các duyên sự khác thì dựng lập đạo tràng nên lập kỳ hạn, hoặc lập trường kỳ một trăm hai mươi ngày, hoặc trung kỳ thì một trăm ngày, còn hạ kỳ thì tám mươi ngày để an cư cho thanh tịnh. Nếu Phật còn tại thế thì nên chánh tư duy. Nếu sau khi Phật diệt độ, nên thiết lập hình tượng, mắt nhìn tâm tưởng sanh nghĩ nhớ chân chánh, như lúc Phật còn ở đời vậy. Treo các tràng phan hương hoa trải qua hai mươi mốt ngày, đầu thành đảnh lễ danh hiệu chư Phật mười phương chí thành sám hối, thấy những cảnh giới lành thì tâm được nhẹ nhàng. Qua hai mươi mốt ngày một bề nhiếp niệm.

Giảng:

Phật dạy: Nếu Phật còn tại thế thì chúng ta chỉ chánh tâm nhớ nghĩ đến đức Phật từ hình dáng ngôn ngữ và những điều thấy nghe nơi Phật không cần có hình tượng. Nếu sau khi Phật diệt độ thì nên lập ra hình tượng để mắt nhìn tâm tưởng khởi niệm chân chánh, xem như đức Phật còn ở đời vậy. Cách an cư này Phật dạy cũng giống như cách nhập thất, trong mỗi kỳ hạn hoặc dài hoặc ngắn, thì trong hai mươi mốt ngày đầu thành đảnh lễ các đức Phật trong mười phương, chí thành sám hối chừng nào thấy điềm lành thì tâm mới nhẹ nhàng, từ đó bắt đầu dụng tâm nhiếp niệm.

Âm:

Nhược kinh hạ thủ, tam nguyệt an cư, đương vi thanh tịnh Bồ-tát chỉ trụ, tâm ly Thanh văn bất giả đồ chúng. Chí an cư nhật tức ư Phật tiền tác như thị ngôn: "Ngã Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mỗ giáp, cứ Bồ-tát thưa tu tịch diệt hạnh, đồng nhập thanh tịnh thật tướng trụ trì, dĩ đại viên giác vi ngã già-lam, thân tâm an cư, bình đẳng tánh trí, Niết-bàn tự tánh, vô hệ thuộc cố. Kim ngã kính thỉnh bất y Thanh văn, đương y thập phương Như Lai cập đại Bồ-tát tam nguyệt

an cư, vị tu Bồ-tát Vô thượng diệu giác đại nhân duyên cố bất hệ đồ chúng." Thiện nam tử, thử danh Bồ-tát thị hiện an cư, quá tam kỳ nhật tùy vãng vô ngại.

Dịch:

Nếu nhằm đầu mùa Hạ, an cư ba tháng phải an trụ theo hạnh thanh tịnh của Bồ-tát, tâm lìa Thanh văn, chẳng nương đồ chúng. Đến ngày an cư phải đối trước Phật, bạch như thế này: "Con là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni hoặc Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tên là... y cứ theo Bồ-tát thừa tu hạnh tịch diệt, đồng vào trụ trì thật tướng thanh tịnh, lấy đại viên giác làm ngôi già-lam của con, thân tâm an cư trong tánh trí bình đẳng, vì tự tánh Niết-bàn không có hệ thuộc. Nay con kính xin không y nơi Thanh văn, chỉ y mười phương Như Lai và đại Bồ-tát an cư ba tháng. Con vì nhân duyên lớn tu hạnh Bồ-tát Vô thượng diệu giác nên không hệ thuộc đồ chúng." Này thiện nam, đây gọi là Bồ-tát thị hiện an cư, qua ba hạn kỳ thì qua lại không ngại.

Giảng:

Phật dạy cách an cư này khác hơn cách an cư của chúng ta. Chúng ta an cư thì ở trong đồ chúng Thanh văn, Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo-ni, rồi lấy giới luật Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni làm căn bản. Ở đây Phật dạy các vị nên y cứ theo Bồ-tát thừa tu về hạnh tịch diệt và trụ nơi thật tướng thanh tịnh, lấy đại viên giác làm già-lam, thân tâm an cư trong tánh trí bình đẳng, chứ không phải an cư trong một khu vực như chúng ta. Các vị này chẳng nương nơi Thanh văn mà y nơi mười phương chư Phật và Bồ-tát an cư ba tháng. Các vị này vì nhân duyên lớn tu hạnh Bồ-tát cầu quả Vô thượng diệu giác nên không lệ thuộc vào đồ chúng. Tu như vậy là tu theo hạnh Bồ-tát nên chỉ nương Bồ-tát và chư Phật, đó là Phật dạy an cư theo tánh viên giác.

Âm:

Thiện nam tử, nhược bỉ mạt thế tu hành chúng sanh cầu Bồ-tát đạo nhập tam kỳ giả, phi bỉ sở văn nhất thiết cảnh giới chung bất khả thủ.

Dịch:

Này thiện nam, nếu những chúng sanh đời sau kia tu hành cầu Bồ-tát đạo vào ba kỳ đó, chẳng phải tất cả cảnh giới đã nghe kia thì trọn không được giữ.

Giảng:

Phật dạy tu trong ba kỳ hạn, nếu có cảnh giới gì hiện mà không đúng những lời Phật dạy như đã nghe thì không chấp nhận. Ngoài những cái đã được nghe được học mà có những tướng gì khác hiện thì chúng ta không chấp nhận, nếu chấp nhận thì thành bệnh. Nên ở đây Phật dặn kỹ.

Âm:

Thiện nam tử, nhược chư chúng sanh tu Xa-ma-tha, tiên thủ chí tĩnh bất khởi tư niệm, tĩnh cực tiện giác. Như thị sơ tĩnh, tùng ư nhất thân chí nhất thế giới, giác diệc như thị. Thiện nam tử, nhược giác biến mãn nhất thế giới giả, nhất thế giới trung hữu nhất chúng sanh khởi nhất niệm giả giai tất năng tri, bá thiên thế giới diệc phục như thị; phi bỉ sở văn nhất thiết cảnh giới chung bất khả thủ.

Dịch:

Này thiện nam, nếu các chúng sanh tu Chỉ, trước giữ cho thật lặng lẽ chẳng khởi suy nghĩ, lặng lẽ tột cùng liền giác. Cái lặng lẽ ban đầu như thế, từ nơi một thân đến một thế giới, tánh giác cũng lại như vậy. Này thiện nam, nếu tánh giác đầy khắp một thế giới, trong thế giới ấy có một chúng sanh khởi một niệm thảy đều hay biết, trăm ngàn thế giới cũng lại như

thế, chẳng phải tất cả cảnh giới đã nghe kia trọn chẳng nên thủ.

Giảng:

Người tu hạnh Chỉ trước hết là phải giữ tâm cho thật lặng lẽ. Lặng lẽ tới chỗ cùng tột thì tánh viên giác hiện tiền. Bởi từ một thân thanh tịnh cho đến một thế giới thanh tịnh, nên trí giác phát ra cũng từ một thân cho đến khắp cả thế giới. Vì cả thế giới đều là tri giác của người ấy, nên trong thế giới có một chúng sanh dấy niệm người ấy liền biết. Thấy biết được như vậy là phải, còn khác đi là không phải. Chính trong chỗ lặng lẽ đó mà hằng giác, như ngài Vĩnh Gia nói: *Lặng lặng tỉnh tỉnh phải.* Từ cái lặng lẽ nơi tâm mình lần lần khắp cả pháp giới, đây là tâm trùm cả pháp giới, chừng ấy mỗi động niệm của chúng sanh mình đều biết. Thí dụ như món đồ vuông hoặc tròn, nhìn trong món đồ ấy có một khoảng hư không tròn hoặc vuông. Đập nát món đồ, hư không trong món đồ hòa đồng với hư không mười phương thế giới. Không còn ranh vực thì làm sao nói một thế giới, hai thế giới. Cũng thế, khi tâm đang còn hạn cuộc trong thân ngũ uẩn này thì còn có hạn lượng, khi tâm lặng lẽ thanh tịnh không còn vọng tưởng thì trùm khắp mười phương.

Âm:

Thiện nam tử, nhược chư chúng sanh tu Tam-ma-bát-đề, tiên đương ức tưởng thập phương Như Lai, thập phương thế giới nhất thiết Bồ-tát, y chủng chủng môn tiệm thứ tu hành cần khổ tam-muội, quảng phát đại nguyện tự huân thành chủng. Phi bỉ sở văn nhất thiết cảnh giới chung bất khả thủ.

Dịch:

Này thiện nam, nếu các chúng sanh tu Quán, trước phải nhớ tưởng mười phương Như Lai và tất cả Bồ-tát trong mười phương thế giới, y theo các pháp môn thứ lớp tu hành cần khổ được chánh định, rộng phát đại nguyện, tự huân thành

chủng tử. Chẳng phải tất cả cảnh giới đã nghe kia, trọn không được giữ.

Giảng:

Nếu tu Quán thì trước phải nhớ tưởng mười phương chư Phật và Bồ-tát, rồi y theo các pháp môn của Phật dạy, siêng năng khổ hạnh tuần tự tu hành để được tam-muội và phải phát đại nguyện, huân tập những cái đó thành chủng tử. Trong khi tu nếu có hiện những cảnh giới không đúng như chỗ đã nghe dạy trong kinh, thì không nên chấp nhận vì đó là ma hiện.

Âm:

Thiện nam tử, nhược chư chúng sanh tu ư Thiền-na, tiên thủ sổ môn, tâm trung liễu tri sanh trụ diệt niệm, phần tề đầu số, như thị chu biến tứ oai nghi trung, phân biệt niệm số vô bất liễu tri, tiệm thứ tăng tiến nãi chí đắc tri bá thiên thế giới nhất trích chi vũ, do như mục đổ sở thọ dụng vật; phi bỉ sở văn nhất thiết cảnh giới chung bất khả thủ.

Dịch:

Này thiện nam, nếu các chúng sanh tu Thiền, trước phải tu sổ tức, tâm rõ biết các niệm sanh trụ diệt, chừng ngần số lượng, như thế khắp trong bốn oai nghi đều phân biệt biết rõ ràng số niệm, dần dần tăng tiến cho đến biết được một hạt mưa trong trăm ngàn thế giới, như mắt xem thấy những vật mình thọ dụng vậy. Nếu không phải tất cả cảnh giới đã nghe kia, trọn không được giữ.

Giảng:

Nếu tu Thiền thì trước phải tu sổ tức, sổ tức là đếm hơi thở. Do hơi thở điều hòa nên tâm được thanh tịnh, do tâm thanh tịnh nên thấy biết rõ ràng mỗi vọng niệm dấy khởi, dừng trụ, lặng dứt. Dụng tâm như thế lâu ngày thuần thục thì trong tất cả thời hoặc đi đứng

nằm ngồi v.v... thấy rõ từng vọng niệm sanh khởi, dừng trụ và diệt mất. Và khi công hạnh thành tựu thì thấy rõ ràng từng giọt mưa trong trăm ngàn thế giới như xem thấy vật đang dùng vậy. Nếu thấy những cảnh giới đúng như vậy là tốt, còn thấy khác đi là không được. Bây giờ có ai tu sổ tức được như thế không? Chúng ta đừng xem thường pháp môn sổ tức, sổ tức mà đến chỗ cứu cánh không phải dễ.

Âm:

Thị danh tam quán sơ thủ phương tiện. Nhược chư chúng sanh biến tu tam chủng, cần hành tinh tiến, tức danh Như Lai xuất hiện ư thế.

Dịch:

Đó là phương tiện tu ban đầu của ba pháp quán. Nếu chúng sanh siêng năng tu đúng cả ba pháp này tức gọi là Như Lai xuất hiện ở đời.

Giảng:

Ba pháp quán ấy nếu tu hành cho đúng thì gọi là Như Lai xuất hiện ở đời, còn nếu tu hành lơ mơ thì Như Lai diệt độ. Vậy Như Lai ở đời hay diệt độ là do người tu tinh tấn hay không, chứ đừng tủi thân mình sanh nhằm đời mạt pháp.

Âm:

Nhược hậu mạt thế độn căn chúng sanh tâm dục cầu đạo, bất đắc thành tựu do tích nghiệp chướng, đương cần sám hối thường khởi hy vọng, tiên đoạn tắng ái tật đố siểm khúc, cầu thắng thượng tâm, tam chủng tịnh quán tùy học nhất sự, thử quán bất đắc phục tập bỉ quán, tâm bất phóng xả tiệm thứ cầu chứng.

Dịch:

Nếu những chúng sanh độn căn đời sau tâm muốn cầu đạo mà chẳng được thành tựu, do những nghiệp chướng xưa cần

phải siêng năng sám hối, thường khởi hy vọng trước đoạn yêu ghét, tật đố, siểm khúc, cầu tâm thắng thượng, trong ba thứ tịnh quán tùy học một môn, pháp này không được thì tập pháp quán khác, tâm không buông bỏ dần dần cầu chứng.

Giảng:

Người độn căn là do nghiệp chướng đời trước sâu dày, nên Phật dạy phải siêng năng sám hối và khởi tâm mong cầu Phật đạo, thường mong đoạn yêu ghét, tật đố, siểm khúc, để tâm được thiện thù thắng. Trong ba môn chỉ quán thiền, theo một môn mà tu tập. Tập môn này không được thì đổi qua môn khác, tùy theo căn cơ phù hợp với môn nào mà đổi thay, tu cho tiến bộ. Như vậy kinh này Phật dạy người lợi căn độn căn gì tu cũng được. Người độn căn, Phật cũng dạy tu chỉ quán và thiền chứ không dạy pháp nào khác, có khác là thêm sám hối mà trọng tâm là phải dứt tâm yêu ghét, tật đố, siểm khúc.

Nếu chúng ta biết mình là độn căn thì phải tập như vậy.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Viên Giác nhữ đương tri!

Nhất thiết chư chúng sanh

Dục cầu vô thượng đạo,

Tiên đương kết tam kỳ

Sám hối vô thủy nghiệp.

Kinh ư tam thất nhật

Nhiên hậu chánh tư duy,

Phi bỉ sở văn cảnh

Tất cánh bất khả thủ.

Xa-ma-tha chí tĩnh,

Tam-ma chánh ức trì,

Thiền-na minh sổ môn,

Thị danh tam tịnh quán.

Nhược năng cần tu tập

Thị danh Phật xuất thế.

Độn căn vị thành giả,

Thường đương cần tâm sám

Vô thủy nhất thiết tội,

Chư chướng nhược tiêu diệt

Phật cảnh tiện hiện tiền.

Dịch:

Bấy giờ Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Viên Giác ông nên biết:

Tất cả các chúng sanh

Muốn cầu Vô thượng đạo,

Trước nên kết ba kỳ

Sám hối nghiệp vô thủy.

Qua hai mươi mốt ngày

Sau đó chánh tư duy,

Nếu không phải chỗ nghe

Rốt ráo chẳng nên chấp.

Xa-ma-tha rất tịnh,

Tam-ma chánh nhớ nghĩ,

Thiền-na rõ sổ tức,

Ấy gọi ba tịnh quán.

Nếu siêng năng tu tập

Ấy gọi Phật xuất thế.

Độn căn chưa thành tựu,

Tâm thường siêng sám hối

Tất cả tội vô thủy,

Các chướng nếu tiêu diệt

Cảnh Phật liền hiện tiền.

Giảng:

Phật dạy chúng sanh muốn cầu đạo Vô thượng Bồ-đề thì phải lập ba thời kỳ tu tập. Hai mươi mốt ngày đầu phải thành tâm sám hối nghiệp chướng từ vô thủy, sau đó chánh tâm tư duy. Trong thời gian tu nếu có hiện ra cảnh giới không đúng như chỗ đã nghe dạy thì chớ có chấp thủ. Nếu siêng năng tu ba pháp chỉ quán thiền được thành tựu thì gọi là Phật hiện thế. Nếu người độn căn, nghiệp chướng sâu dày tu ba pháp này không kết quả thì phải siêng năng sám hối tội lỗi từ vô thủy, khi nghiệp chướng tiêu rồi thì cảnh Phật hiện tiền.

CHƯƠNG XII

BỒ-TÁT HIỀN THIỆN THỦ THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Hiền Thiện Thủ Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, quảng vị ngã đẳng cập mạt thế chúng sanh, khai ngộ như thị bất tư nghì sự. Thế Tôn, thử Đại thừa giáo danh tự hà đẳng? Vân hà phụng trì? Chúng sanh tu tập đắc hà công đức? Vân hà sử ngã hộ trì kinh nhân? Lưu bố thử giáo chí ư hà địa?

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Lúc đó Bồ-tát Hiền Thiện Thủ ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, vì chúng con và chúng sanh đời sau, khai ngộ rộng rãi những việc không thể nghĩ bàn như thế. Bạch Thế Tôn, kinh Đại thừa này tên là gì? Làm sao phụng trì? Chúng sanh tu tập được những công đức gì? Chúng con làm sao bảo hộ người trì kinh? Nên lưu bố kinh giáo này đến nơi nào?

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa hỏi như thế lặp lại ba lần.

Giảng:

Đây là chương rốt sau, trong chương này ngài Hiền Thiện Thủ đứng ra thưa hỏi. Thủ là trước, là người đứng đầu trong hàng hiền thiện. Tại sao ngài lại hỏi ở đoạn chót này? Thường phần chót các kinh là phần lưu thông, lưu thông có nghĩa là truyền bá. Người đem chánh pháp truyền bá sau này gọi là người lành bậc nhất, người hiền bậc nhất, nên gọi là Hiền Thiện Thủ. Ngài đặt năm câu hỏi:

- Kinh này tên gì?

- Làm sao phụng trì?

- Người tu tập kinh này có công đức gì?

- Chúng con làm sao bảo hộ người trì kinh?

- Kinh này nên lưu bố đến chỗ nào?

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Hiền Thiện Thủ Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, như đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, vấn ư Như Lai như thị kinh giáo công đức danh tự. Như kim đế thính, đương vị như thuyết.

Thời Hiền Thiện Thủ Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

Dịch:

Khi ấy Thế Tôn bảo Bồ-tát Hiền Thiện Thủ rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông mới hay vì Bồ-tát và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai những danh tự công đức của kinh như thế. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông nói.

Khi ấy Bồ-tát Hiền Thiện Thủ vâng lời dạy, vui vẻ cùng đại chúng yên lặng lắng nghe.

Giảng:

Phật tán thán Bồ-tát Hiền Thiện Thủ và bảo phải chăm chú nghe lời Phật dạy.

Âm:

- Thiện nam tử, thị kinh bá thiên vạn ức hằng hà sa chư Phật sở thuyết, tam thế Như Lai chi sở thủ hộ, thập phương Bồ-tát chi sở quy y, thập nhị bộ kinh thanh tịnh nhãn mục. Thị kinh danh Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-la-ni, diệc danh Tu-đa-la Liễu Nghĩa, diệc danh Bí Mật Vương Tam-muội, diệc danh Như Lai Quyết Định Cảnh Giới, diệc danh Như Lai Tạng Tự Tánh Sai Biệt, nhữ đương phụng trì.

Dịch:

Này thiện nam, kinh này do trăm ngàn muôn ức hằng hà sa chư Phật nói ra, là chỗ bảo hộ của ba đời chư Phật, là chỗ quy y của mười phương Bồ-tát, là con mắt thanh tịnh của mười hai bộ kinh. Kinh này tên là Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-la-ni, cũng tên Tu-đa-la Liễu Nghĩa, cũng tên Bí Mật Vương Tam-muội, cũng tên Như Lai Quyết Định Cảnh Giới, cũng tên Như Lai Tàng Tự Tánh Sai Biệt, ông nên phụng trì.

Giảng:

Kinh Viên Giác không phải một mình Phật Thích-ca nói mà các đức Phật trong mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng đều nói kinh này. Vì kinh này có tầm quan trọng như thế nên các đức Như Lai trong ba đời thường gìn giữ bảo hộ, và chư Bồ-tát trong mười phương cũng đều quy y. Kinh này là con mắt thanh tịnh của mười hai bộ kinh.

Kinh này có nhiều tên:

- *Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-la-ni:* Đại phương quảng là chỉ cho tâm rộng lớn vượt qua thời gian và không gian của tánh viên giác. Đà-la-ni là tổng trì hay là bao trùm, tức là tánh viên giác bao trùm cả thời gian và không gian.

- *Tu-đa-la Liễu Nghĩa:* Tu-đa-la (Sutra) là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là kinh. Kinh này thuộc về kinh liễu nghĩa. Kinh Phật có chia ra kinh liễu nghĩa và kinh bất liễu nghĩa. Kinh liễu nghĩa là kinh nói cùng tột rốt ráo; kinh bất liễu nghĩa là kinh nói tùy theo căn cơ của người, vì Phật dùng phương tiện thích hợp để cho họ hiểu mà tu tập từ từ, nên Phật không nói đến lý tột cùng.

- *Bí Mật Vương Tam-muội:* Bí mật là sâu kín, khó thấu tột, vương là vua, tam-muội là chánh định. Bí Mật Vương Tam-muội là vua trong các chánh định, đây là cái chánh định hằng có nơi mọi chúng sanh mà chúng sanh không thấy không biết nên nói là bí mật.

- *Như Lai Quyết Định Cảnh Giới:* là cảnh giới quyết định của Như Lai, cảnh giới viên giác chỉ có đức Như Lai mới quyết định chứng nhập được. Từ Bồ-tát Đẳng giác trở xuống còn ở trong vòng cầu chứng nhập nên chưa quyết định được.

- *Như Lai Tàng Tự Tánh Sai Biệt:* Như Lai tàng là Như Lai còn tiềm ẩn trong tâm của chúng sanh, tức là tánh viên giác còn bị triền phược vậy. Tự tánh sai biệt là tự tánh viên giác tùy duyên ứng hiện các pháp sai khác.

Ở đây đề tên *Kinh Viên Giác* là rút gọn, nếu nói đủ là nói nhiều tên như trên.

Âm:

Thiện nam tử, thị kinh duy hiển Như Lai cảnh giới, duy Phật Như Lai năng tận tuyên thuyết.

Nhược chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh y thử tu hành, tiệm thứ tăng tiến chí ư Phật địa. Thiện nam tử, thị kinh danh vi đốn giáo Đại thừa, đốn cơ chúng sanh tùng thử khai ngộ, diệc nhiếp tiệm tu nhất thiết quần phẩm. Thí như đại hải bất nhượng tiểu lưu, nãi chí văn manh cập a-tu-la ẩm kỳ thủy giả, giai đắc sung mãn.

Dịch:

Này thiện nam, kinh này chỉ hiển bày cảnh giới Như Lai nên chỉ có Như Lai mới hay tuyên nói. Nếu các Bồ-tát và chúng sanh đời sau y đây tu hành thì dần dần tăng tiến đến địa vị Phật. Này thiện nam! Kinh này tên là Đại thừa đốn giáo, chúng sanh căn cơ đốn từ đây được khai ngộ, kinh này cũng nhiếp tất cả chúng sanh tiệm tu. Thí như biển lớn không bỏ sót các dòng nước nhỏ, cho đến ruồi muỗi và a-tu-la uống nước biển đều được no đủ.

Giảng:

Kinh này nói về cảnh giới viên giác nên chỉ có Phật mới thấu triệt, còn từ Bồ-tát trở xuống chỉ y theo đây tu mà thôi.

Trong kinh nói thần a-tu-la đưa tay che được mặt trời ắt hẳn thân phải to lắm. Thế mà a-tu-la uống nước biển đến no mà biển vẫn không cạn, còn loài có thân nhỏ xíu như ruồi nhặng uống nước biển cũng no. Điều này nói lên biển cả thênh thang không phân biệt lớn nhỏ, loài nào uống nước biển cũng được lợi ích no đủ.

Cũng vậy, người căn cơ bậc thượng đối với kinh này mà thâm nhập được thì thể nhập tánh viên giác, người tiểu trí độn căn mà hiểu được tu được cũng thể nhập tánh viên giác. Như vậy kinh không dành cho riêng ai.

Âm:

Thiện nam tử, giả sử hữu nhân thuần dĩ thất bảo tích mãn tam thiên đại thiên thế giới dĩ dụng bố thí, bất như hữu nhân văn thử kinh danh cập nhất cú nghĩa. Thiện nam tử, giả sử hữu nhân giáo bá thiên hằng hà sa chúng sanh đắc A-la-hán quả, bất như hữu nhân tuyên thuyết thử kinh phân biệt bán kệ.

Dịch:

Này thiện nam, giả sử có người thuần dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới đem bố thí, không bằng người nghe tên kinh này và hiểu nghĩa lý một câu. Này thiện nam, giả sử có người giáo hóa trăm ngàn hằng hà sa số chúng sanh đắc quả A-la-hán, không bằng người tuyên nói rành rẽ nửa bài kệ của kinh này.

Giảng:

Phật nói người dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới đem bố thí, phước đức không bằng người nghe tên kinh này và hiểu nghĩa lý một câu. Tại sao thế? Vì bố thí bảy báu tuy có phước nhiều, nhưng là phước hữu lậu, hưởng một thời gian giới hạn rồi sẽ hết.

Còn nghe tên kinh này và hiểu nghĩa lý một câu, tuy ít nhưng đã gieo được hạt giống vô lậu, sớm muộn gì cũng tu và cũng đạt được quả vô lậu, vì vậy mà quý hơn phước hữu lậu.

Người giáo hóa vô số chúng sanh tu đắc quả A-la-hán, công đức không bằng người tuyên nói rành rẽ nửa bài kệ của kinh này. Tại sao vậy? Vì khi một người nghe nửa bài kệ của kinh này, đủ lòng tin tu tới chỗ cứu cánh là thể nhập tánh viên giác tức là thành Phật, có vô số diệu dụng làm lợi ích cho chúng sanh không thể tính kể. Còn trăm ngàn người tu chứng quả Thanh văn, các ngài dứt thọ tưởng ngang đó nhập Diệt tận định, không ra giáo hóa làm lợi ích cho chúng sanh. Nên nói người giáo hóa vô số chúng sanh đắc quả A-la-hán không bằng người tuyên nói rành rẽ nửa bài kệ của kinh này. Ngày nay chúng ta không hiểu nghĩa lý, chấp trên văn tự, đem kinh ra giảng giải rồi tự cho là mình có phước đức nhiều, đó là một lầm lẫn lớn. Học là phải hiểu cho tới nơi tới chốn thì khi thực hành mới được lợi ích.

Âm:

Thiện nam tử, nhược phục hữu nhân văn thử kinh danh tín tâm bất hoặc, đương tri thị nhân phi ư nhất Phật nhị Phật

chủng chư phước tuệ, như thị nãi chí tận hằng hà sa nhất thiết Phật sở chủng chư thiện căn văn thử kinh giáo. Nhữ thiện nam tử, đương hộ mạt thế thị tu hành giả, vô linh ác ma cập chư ngoại đạo não kỳ thân tâm linh sanh thối khuất.

Dịch:

Này thiện nam, nếu có người nghe tên kinh này lòng tin không nghi, nên biết người ấy chẳng phải ở nơi một đức Phật hai đức Phật gieo trồng phước tuệ, như thế cho đến ở nơi hằng hà sa tất cả đức Phật trồng các căn lành nghe kinh giáo này. Này thiện nam, nên hộ trì những người ở đời sau tu hành, chớ để những loài ác ma và ngoại đạo làm não hại thân tâm họ khiến cho họ sanh tâm lui sụt.

Giảng:

Phật nói người nghe kinh này tâm không sanh nghi hoặc, người đó không phải mới gieo trồng căn lành ở một đời đức Phật, hai đời đức Phật, mà gieo trồng căn lành ở vô số đức Phật rồi. Những người đó đã từng nghe kinh này nên bây giờ nghe không nghi. Và Phật bảo các vị Bồ-tát hộ trì cho người đời sau thọ trì tu hành theo kinh này để họ tiến tu, không cho tà ma làm não loạn người ấy khiến họ thối lui.

Âm:

Nhĩ thời hội trung hữu Hỏa Thủ Kim Cương, Tồi Toái Kim Cương, Ni-lam-bà Kim Cương đẳng bát vạn Kim Cương tịnh kỳ quyến thuộc tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp nhi bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn, nhược hậu mạt thế nhất thiết chúng sanh hữu năng trì thử quyết định Đại thừa, ngã đương thủ hộ như hộ nhãn mục; nãi chí đạo tràng sở tu hành xứ, ngã đẳng Kim Cương tự lĩnh đồ chúng thần tịch thủ hộ, linh bất thối chuyển.

Kỳ gia nãi chí vĩnh vô tai chướng, dịch bệnh tiêu diệt, tài bảo phong túc thường bất pháp thiểu.

Dịch:

Khi ấy trong hội có Hỏa Thủ Kim Cương, Tồi Toái Kim Cương, Ni-lam-bà Kim Cương... Tám vạn Kim Cương cùng với quyến thuộc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, nếu tất cả chúng sanh đời sau có thể thọ trì Đại thừa quyết định này, chúng con sẽ bảo hộ người đó như giữ tròng con mắt của mình vậy; cho đến nơi đạo tràng của người này tu hành, hàng Kim Cương chúng con tự lãnh đồ chúng ngày đêm bảo vệ, khiến cho chẳng thối chuyển. Cho đến nhà của họ hằng không có tai chướng, bệnh dịch đều tiêu trừ, những tài bảo đều đầy đủ thường không thiếu thốn.

Giảng:

Nếu chúng ta tu đúng theo tinh thần kinh Viên Giác thì các thần Kim Cương bảo hộ cho chúng ta không bệnh tật, không tai ách, không để cho chúng ta thiếu thốn. Nhưng vì Phật dạy một đàng chúng ta làm một nẻo, hoặc dạy mười chỉ làm có một hay không tới một.

Người tu hay có cái bệnh là tu thì không chịu tu mà cứ cầu thần ủng hộ. Các ngài nguyện là nguyện ủng hộ người tu chứ không ủng hộ người chỉ cầu suông. Không chịu tu mà cứ cầu hoài làm sao các ngài ủng hộ được. Hiểu như vậy mới thấy mình tu không cần cầu các ngài cũng ủng hộ, còn không chịu tu mà cứ cầu, các ngài có ủng hộ không? Nếu chúng ta tu đến chỗ không còn thấy người nào đáng ghét và người nào đáng thương, thương ghét bình đẳng thì chắc chắn các ngài luôn luôn ủng hộ như ủng hộ tròng con mắt. Chúng ta thương thì đưa cao trên núi, ghét thì hạ thấp dưới vực thẳm, làm sao các ngài ủng hộ được? Ủng hộ để chúng ta làm chuyện bất công sao?

Lòng chúng ta còn thương còn ghét thì ủng hộ cho chúng ta khỏe có tiền của để chúng ta làm theo chuyện thương ghét của mình hay sao? Vì không đúng lời Phật dạy nên không được ủng hộ, chúng ta mới bị cảnh này cảnh kia nhiễu loạn; nếu chúng ta tu đúng như lời Phật dạy thì không đến nỗi nào.

Chỉ một việc Phật bảo xem kẻ thù như cha mẹ mà chúng ta làm cũng không xong, có khi quên rồi cũng nổi giận đùng đùng. Chúng ta không biết lỗi mình, cứ trách sao các ngài nguyện hộ vệ người tu mà không hộ vệ để cho phải bị những chướng nạn. Cũng như chúng ta muốn giúp người học để thành tài, nhưng họ lười biếng quá cứ bỏ học đi chơi, chúng ta không ủng hộ họ nữa. Người ấy trách tại sao chúng ta hứa ủng hộ cho họ học đến nơi đến chốn bây giờ bỏ nửa chừng. Trường hợp ấy nên trách ai? Tại sao không tự trách mà lại trách người?

Âm:

Nhĩ thời Đại Phạm thiên vương nhị thập bát thiên vương tịnh Tu-di sơn vương, Hộ Quốc thiên vương đẳng tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp nhi bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn, ngã diệc thủ hộ thị trì kinh giả, thường linh an ẩn tâm bất thối chuyển.

Dịch:

Khi ấy Đại Phạm vương và hai mươi tám vị thiên vương, cùng với Tu-di sơn vương, Hộ Quốc thiên vương... liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, con cũng hộ trì người trì kinh khiến họ được an ổn, tâm không thối chuyển.

Giảng:

Chẳng những các thần Kim Cương phát tâm bảo hộ người trì kinh mà chư thiên cũng nguyện ủng hộ nữa.

Âm:

Nhĩ thời hữu đại lực quỷ vương danh Kiết-bàn-trà dữ thập vạn quỷ vương tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp nhi bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn, ngã diệc thủ hộ thị trì kinh nhân, triêu tịch thị vệ linh bất thối khuất, kỳ nhân sở cư nhất do-tuần nội, nhược hữu quỷ thần xâm kỳ cảnh giới, ngã đương sử kỳ toái như vi trần.

Dịch:

Khi ấy có đại lực quỷ vương tên là Kiết-bàn-trà cùng với mười muôn quỷ vương từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, chúng con cũng nguyện sớm chiều bảo hộ hầu hạ người trì kinh này, khiến cho chẳng thối chuyển. Người trì kinh ở chỗ nào trong khoảng một do-tuần, nếu có quỷ thần xâm phạm vào cảnh giới ấy con sẽ đập nát bọn đó như hạt bụi.

Giảng:

Nếu có quỷ thần nào bén mảng đến chỗ người trì kinh thì đại lực quỷ vương sẽ đập nát như hạt bụi. Như vậy là quá bảo đảm, người tu mà có thần Kim Cương, chư thiên cho tới các quỷ vương cũng bảo hộ thì không ai phá phách được, nhưng với điều kiện vị đó tu đúng, nếu tu sai hoặc lười biếng thì gặp nạn phải chịu lấy chứ đừng trách các ngài không bảo hộ.

Âm:

Phật thuyết thử kinh dĩ, nhất thiết Bồ-tát, thiên long quỷ thần bát bộ quyến thuộc cập chư thiên vương, Phạm vương

đẳng nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

Dịch:

Phật nói kinh này xong, tất cả Bồ-tát, thiên long quỷ thần, bát bộ quyến thuộc và các thiên vương, Phạm vương v.v... tất cả đại chúng nghe Phật dạy rồi đều rất vui vẻ, tin nhận vâng làm.

Giảng:

Nghe rồi phải tin nhận vâng làm, đó mới là thiết yếu.

Chúng ta đã học xong bộ kinh Viên Giác, học thì xong mà người tu thì từng phần giác cũng chưa được. Chúng ta thiếu phước duyên nên ra đời không gặp Phật trực tiếp để ngài chỉ dạy tu hành tiến cho mau. Nhưng xét lại, chúng ta cũng còn chút phước duyên, tuy cách Phật đã hơn hai ngàn năm mà còn được pháp Phật để học, và nhận ra những điều Phật nói đúng với lẽ thật để ứng dụng tu. Phước duyên đó không phải mới có đây mà đã có từ lâu xa rồi. Ngày nay, nhất là những người được đầu tròn áo vuông ngồi ở trong đạo tràng nghe kinh học đạo, sống trong luật lệ nhà chùa là do chủng duyên chủng phước từ nhiều đời nhiều kiếp. Nhiều đời nhiều kiếp đã có chủng duyên chủng phước, chẳng lẽ ngang đây lơ là để cho chủng duyên chủng phước thối mục sao? Chúng ta phải ráng săn sóc phơi phong cho kỹ, đừng để hư hao bởi lý do này hoặc lý do khác. Như vậy mới xứng đáng. Vì trong kinh Phật có nói: Những người ngày nay nghe kinh Viên Giác mà hiểu được không nghi, là do chẳng những một kiếp mà đã vô lượng kiếp gặp Phật gieo trồng căn lành phước huệ rồi, chứ đâu phải chuyện ngẫu nhiên. Chúng ta tự nhận rằng mình đã có căn lành, mà căn là cái gốc, gốc cây chắc chắn thì cây sẽ lên tược đơm hoa kết quả. Chỉ có những người có gốc sẵn mà không chịu săn sóc, để cho sâu bọ hoặc để cho người khác chặt phá đó là cái lỗi không biết gìn giữ. Đã có gốc lành thì cố gắng phát triển. Căn cứ theo lời Phật dạy mỗi người phải nỗ lực tiến tu.

TOÁT YẾU TOÀN BỘ KINH

Ở đây tôi tóm lại cho dễ nhớ. Toàn bộ kinh Viên Giác gồm có mười hai chương. Mỗi chương có một vị Bồ-tát đại diện đứng ra thưa hỏi.

Chương đầu, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đứng ra hỏi Phật về công hạnh tu hành ban đầu của Phật, tu thế nào được viên mãn thành Phật? Đó là chủ yếu của toàn bộ kinh. Đức Phật trả lời: Tu là sống lại với tánh giác tròn đầy chứ không có gì khác. Nhưng muốn trở lại với tánh giác tròn đầy thì trước phải biết rõ vô minh. Vì vô minh nên chấp tứ đại là thân mình thật, chấp vọng tưởng là tâm mình thật. Kế đó Phật dạy chúng ta quán từng phần thân để thấy rõ thân không thật. Nhìn kỹ tâm thức, thấy tâm thức chỉ là bóng dáng sáu trần chợt hiện chợt mất, nó không thật. Buông được hai cái lầm chấp về thân tâm thì sẽ sống được với tánh giác.

Sau đó các Bồ-tát tuần tự hỏi về phương pháp tu. Phật dạy tu Chỉ, Quán, Thiền, hoặc tu đơn hoặc tu ghép... Chúng ta thấy toàn bộ kinh Phật dạy không ngoài ba pháp tu, ba pháp tu đó là căn bản giúp cho chúng ta sống với tánh giác.

1. Chỉ: Dừng tâm lóng lặng.

2. Quán: Có hai cách, quán hạnh của chư Phật Bồ-tát hoặc quán các pháp như huyễn hóa, thấy rõ các pháp như vậy.

3. Thiền: Chúng ta thấy rõ muốn làm Phật thì không gì khác hơn là tu Chỉ, Quán và Thiền. Tuy nói ba chứ thật là thiền trùm hết, thiền gồm cả định và tuệ. Định là chỉ, tuệ là quán. Vậy tu thiền là cội gốc mà đức Phật chỉ cho chúng ta trở về với tánh giác, muốn sống trọn vẹn với tánh giác, không có cách nào khác hơn.

Đến chương Phổ Giác, Phật chỉ rõ trong khi tu có những bệnh:

- Bệnh tác: Cho rằng dụng công nhiều, làm các công hạnh nhiều là được thành Phật. Đó là bệnh.

- Bệnh nhậm: Nghe Phật nói chúng ta đều có Phật tánh nên họ mặc tình không tu hành gì hết. Đó là bệnh.

- Bệnh chỉ: Là đè cho vọng tưởng lặng xuống cho đó là đạo.

- Bệnh diệt: Là diệt hết phiền não cho tâm rỗng không, cho cái rỗng không khô lạnh đó là cứu cánh của đạo.

Những bệnh đó làm chúng ta mắc kẹt, tu không đến viên giác được. Nếu bỏ bốn bệnh đó mới tu đến cứu cánh viên mãn.

Cuối cùng Bồ-tát Hiền Thiện Thủ đứng ra thưa hỏi. Đó là khi chúng ta tu viên mãn công đức không thể nghĩ lường. Cho nên đây hỏi công đức của kinh, công đức của người trì kinh, các vị ủng hộ kinh v.v...

Người học đạo muốn được giác ngộ phải y đó mà tu thì sớm muộn gì cũng tới, ngoại trừ chúng ta không chịu tu hoặc chúng ta tu cách khác. Người học đạo phải hiểu rõ, thành đạo không phải ở chỗ học suông, kiến giải rộng, mà ở chỗ học hiểu để tu. Học mà không hành thì không tới đâu hết.